

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

ĐẠO HỌC CHỈ NAM

TAM TÔNG MIẾU
Phổ Biến Nội Bộ

In Lại Theo Ấn Bản 2007

MINH LÝ ĐẠO

Đánh máy lại: **Hồng Lan**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2008 — Minh Lý Đạo

ĐẠO HỌC CHỈ NAM
Trọn Bộ
Tài Liệu Học Tập
Không Phổ Biến Ngoài Nội Bộ

MINH LÝ ĐẠO
TAM TÔNG MIẾU
Bình Đăng - Cộng Tác - Hòa Ái

LỜI KHUYÊN
KHI ĐỌC
ĐẠO HỌC CHỈ NAM

Từ xưa nay, thiên kinh vạn điển cũng đều giải thích tốt cùng sự học hiểu của tác nhân, trong khoảng đời tu niệm, kết luận cũng không ngoài "vạn thù qui nhứt lý". Nếu ngày nay ĐẠO HỌC CHỈ NAM cũng chỉ là lược luận các kinh sách từ nghìn xưa, mà không có một lối giải quyết thẳng cho mọi người am hiểu rõ ráo lý đạo, thì ĐẠO HỌC CHỈ NAM không ra đời làm gì.

Chư đạo hữu đang quanh quẩn trong vòng đạo học, phải tìm ra cái thánh ý của tác giả, bằng không thì ĐẠO HỌC CHỈ NAM cũng là các quyển Đơn thư, Đạo Đức Kinh, tất cả từ xưa nay mà chư đạo hữu đang cất kỹ càng trong tủ sách.

Chư đạo hữu thích đọc thơ, hoặc văn vần liên tục ngâm nga, thì trích lục các phần văn vần thành một thiên, suốt từ đầu đến cuối, cũng như thập thủ liên hườn bát cú thi.

*Con đường trở lại chốn Tiên bang,
Thiện trí, thiện căn đến dễ dàng,
Chỉ ngại cho người không thiện chí,
Vui đâu chúc đó trở xa đường.*

Vạn Hạnh Thiền Sư (1971)

THÁNH TỰA

*THÁNH tri tiến thoái trí Trung Hòa,
TỰA ở tâm thành, chẳng vọng tha;
ĐẠO pháp lưu hành hưng vạn thế,
HỌC tu cải tạo dựng muôn nhà.
CHỈ phương giải thoát, chơn thanh phước,
NAM hướng huyền đồng, lạc thánh ca;
BỬU phiệt đưa người sang giác ngộ,
KINH truyền tỉnh thế độ Kỳ Ba.*

Từ ngàn xưa, vấn đề học đạo, kinh điển Đông, Tây, Kim, Cổ bàn giải rất nhiều, tưởng cũng đủ cho người tham khảo lãnh hội chỗ chí đạo, chí chơn, tìm phương giải thoát cho con người đạt đến cõi bất sinh bất diệt. Nhưng các kinh điển ấy:

- Hoặc vì dụng ý của cổ nhân,
- Hoặc vì thời gian, hoàn cảnh và trình độ con người,
- Hoặc vì văn tự mỗi thời đại diễn tả khác nhau, chưa đủ làm thỏa mãn cho sự lãnh hội giữa buổi gặp mặt năm châu bốn biển ngày nay, để tài thành một phương châm tổng hợp giữa Đạo học và Khoa học, giữa Tâm học và Vật học, tạo nên một thể cộng đồng sinh hoạt cho con người. Vì vậy, ĐẠO HỌC CHỈ NAM ra đời, cốt yếu vạch ra một lối tiến đồng nhất về Đạo học, hòng góp phần thực thi sứ mạng ấy.

BÀI

Sứ mạng ấy thực thi tích cực,
 Đạo nguyên lai thuần nhất hồn nhiên;
 Diệu trong trong diệu, trong huyền,
 Huyền trong huyền diệu, Thiêng Liêng nhiệm mầu.
 Bản căn khởi nguyên đầu một khí,
 Động tịnh nguồn khai thị Kiền Khôn;
 Tự nhiên là luật sanh tồn,
 Đất Trời, người vật, ti tôn chương bày.
 Vũ trụ do bàn tay Tạo Hóa,
 Nấn đúc nên tất cả thành toàn;
 Kho Trời vô tận kỳ quan,
 Thiên hình vạn trạng, cơ man đủ loài.
 Không sắc hiện, ân oai tỏ rõ,
 Âm Dương phân, muôn ngõ ra vào;
 Dọc ngang, rộng hẹp, thấp cao,
 Nắng mưa, nóng lạnh, trăng sao vận hành.
 Một nguyên lý sanh thành biến hóa,
 Một luật chung tất cả thuận tùng,
 Bao la lẽ sống cộng đồng,
 Tự do Thượng Đế đặt trong muôn loài.
 Người tối linh Tam tài đồng thể,
 Chúng chủng sinh, Thượng Đế phân thân;
 Quyền năng diệu ứng như thân,
 Tham Thiên, tán Địa góp phần công lao.
 Tâm thanh tịnh khác nào Trời Đất,
 Tánh háo sánh, muôn vật nương nhờ;
 Dữ lành, ý gốc động cơ,
 Hồi quang phản chiếu phá mờ tình đời
 ĐẠO HỌC cốt dạy người nhiều đó,

Tu tập thường sáng tỏ tâm nguyên;
 Hi Hiền, hi Thánh, hi Thiên,
 Tài thành, phụ tướng thay quyền Hóa Công.
 Cổ mở lòng không không man mác,
 Tình lằng lằng bàng bạc khắp nơi;
 Khi Ta đồng nhất cùng Trời,
 Trời trên, trong giữa loài người thênh thang.
 Học cái thể rộng rang của Đạo,
 Học vô vi thiện giáo không lời;
 Đức hay cảm chúng, hóa thời,
 Không tranh với thế, thì đời kính tôn.
 Rèn luyện cho tâm hồn minh lãng,
 Vun trồng cho nhơn bản vững sâu;
 Tinh chuyên "phân tinh nội cầu",
 Lo gì không có pháp màu nơi tay.
 Tâm là cái điện đài vô tuyến,
 Cách thông giao phương tiện lệ làng,
 Vượt ngoài thân thức, ngũ quan,
 Vị lai, quá khứ, hàm tàng trong thân.
 CHỈ NAM trở thiên chân chủ thể,
 Tuyệt đối quyền Thượng Đế tại tâm;
 Chơn thuần, qui phục Thần khâm.
 Đồi phạm ra Thánh, phương châm đã bày
 Vạn năng còn ngủ say chưa tỉnh,
 Nên bước đời vô định phiêu lưu;
 Vương vòng khổ não, bi ưu,
 Đắm trong ái dục, vô mưu bất thành.
 CHỈ NAM dạy: "tri hành hiệp nhất",
 CHỈ NAM bày: "đánh thức vạn năng",
 Dung hòa, tổng hợp, qui căn,
 Vệt mây sẽ thấy vầng trăng đêm rằm.

*Khỏi dò dẫm nhiều năm phân tích,
Nhắm thẳng vào mục đích "Chơn tâm",
Địa bàn kim hướng nam châm
"Huyền quang nhứt khiếu" chỗ Âm Dương hòa.*

oOo

*Hòa cùng Trời Đất, giữa ta người,
San sẻ tình thương trải khắp nơi,
Nhơn đạo chưa tu, Tiên đạo khó,
Có nên Hiền Thánh, mới nên người.*

Thái Thượng Đạo Tổ
27.3.1971 (01.3. Tân Hợi)

CHƯƠNG I

VỮ TRỤ
NHỨT NGUYÊN

I. TIẾT THỨ NHỨT:
BẢN NGUYÊN SƠ THỈ
HAY LÀ
NGUYÊN LÝ VŨ TRỤ

A. KINH VĂN

*ĐẠO nghĩa chi môn tối diệu huyền,
HỌC nhi thời tập đạt thâm uyên;
CHỈ minh chánh thị qui nguyên lý,
NAM Thiệm Bộ Châu Đạo quang truyên.*

MỤC 1:

Nghĩa Chữ ĐẠO HỌC CHỈ NAM

ĐẠO HỌC CHỈ NAM với nghĩa gần của nó là: Chỉ dẫn cho loài người nói chung, Minh Lý nói riêng, để thấy bản thể của Trời Đất, bản tánh của con người, bản năng của vạn vật. Ba thứ đó đều do một nguyên lý một phát xuất mà thôi.

Nguyên lý đó là: ĐẠO.

Muốn tìm về với **Đạo**, thì phải nhờ ở **học**. Học là noi theo, là bắt chước lấy. Có noi theo đó, bắt chước lấy đó, thì mới đồng nhứt với Đạo được.

Trung Dung gọi là: "*Suất tánh chi vi Đạo*". (Chương III, Tiết 3 sẽ giải).

Chỉ nam là cái la bàn mà người hàng hải dùng để lấy hướng đi biển. Ở đây, **chỉ nam** có nghĩa là: Cuốn

kinh chỉ hướng nhắm thẳng vào chỗ bản thể tuyệt đối.

Bản thể ấy là trung tâm của vũ trụ, mà cũng là Chơn tánh của con người, hàm chứa từ vật nhỏ như mây bụi, lớn như Trời Đất, không một vật nào thiếu nó, nó hiện diện trong từng động tác, mỗi hành vi mà ta thấy được hay không thấy được. Nó là mầm sống vô biên bất tuyệt. Nó cũng không phải tâm, cũng không phải vật, mà tâm vật cũng đều là nó.

Thật vậy! Hiện tình nhơn loại, bất cứ ở Đông hay Tây, đám bình dân hay người thượng trí, cũng thiết tha mong muốn cốt có một con đường để thoát ngoài ảo hóa biến thiên. Nó làm cho tâm hồn đảo điên, mê loạn. Tình trạng xã hội ngày nay khác nào một y viện đầy những bệnh nhân nằm la liệt kêu rên. Thầy thuốc thì nhiều, thầy nào cũng có một chuyên môn bí truyền, nhưng bệnh mỗi người, mỗi lúc mỗi khác, lúc nọ đâu giống lúc kia.

Vì vậy, dầu cho thuốc hay mà không lành bệnh. Bệnh có tạm yên, nhưng rồi một lúc sẽ trở lại hơn xưa, là vì chưa tìm căn do của gốc bệnh. Bệnh có hàn nhiệt, có thực có hư. Tuy cũng một chứng nhưc đầu, đau bụng, mà bởi hàn nhiệt khác nhau, nên hoàn thuốc hôm qua chữa lành, mà hôm nay không thành công hiệu.

Vì vậy, nên cần thăm dò căn bệnh, tìm hiểu thời hậu mỗi nơi. Không phải bệnh nào cũng như bệnh này, bữa nọ giống bữa kia, mà phải nhận rằng: Tất cả vũ trụ vạn hữu là một trường dịch hóa miên miên bất tuyệt, linh động vô cùng. Phải với trái, có với không, tất thủy từ phút từ giây đều biến chuyển hình thái

đến tâm linh. Nhỏ như đơn tử, lớn như Đất Trời, không một vật nào chẳng động, chẳng thay chiều đổi hướng. Vì vậy, người tìm Đạo, học Đạo cần biết chỗ động, chỗ tĩnh.

- Mà động tịnh là đâu?

- Ấy là phải bước vào sâu hơn nữa, để cùng Trời mà đồng hóa, để cùng Đạo mà ứng thông.

MỤC 2:

MINH LÝ Là Công Cụ Của ĐẠO Để Hiệp TRỜI NGƯỜI

Vậy tập ĐẠO HỌC CHỈ NAM lấy hai chữ Minh Lý làm công cụ khai thác nguồn lạch tự nhiên, để nối chặt tự nhiên cùng lẽ đương nhiên, cho Trời Người làm một.

Mỗi người, mỗi vật... Trời đã ban cho một gia bửu để làm hương hỏa muôn đời. Sự nghiệp ấy, được đem ra sử dụng phát huy, hầu trở nên thịnh đức đại nghiệp, tức là Đạo mà theo đoàn thể Minh Lý đây, nó là chữ Minh, chữ Lý, được giải vào chương sau.

Chư đạo tâm nên hiểu sơ nghĩa của chữ "ĐẠO".

- "ĐẠO" là gì? Như thế nào? Hình dung có được trông thấy không?

"ĐẠO" là không hình danh sắc tướng, dầu dễ lấy lý trí khôn ngoan mà dò xét được, lấy lời nói mà diễn tả được.

Nó không tầm dạng nên không thể nghe bằng tai, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, mó bằng tay hay dùng khí cụ tối tân để khám phá nó nổi. Nó không danh, mà Thánh như gương đặt (tên) để làm mô

dạng mà men dò. Các Thánh đều đặt một tên riêng:

- Phật thì gọi là PHÁP

- Lão gọi ĐẠO

- Nho xưng THIÊN

Nhưng tên thì nhiều, Đông hay Tây, xưa và nay, các Thánh nhân, Hiền triết đều xây quanh chỗ trung tâm màu nhiệm đó mà dò xét tầm hơi, mà phát huy đường hướng để đưa người trực nhập với Bản thể nguyên lý cùng tốt cao siêu. Song đang đứng về Đông phương, các Thánh hiền đều nhận chung một lối giống nhau. Gần đây khoa học "*tâm vật lý*" cũng đã nhìn bằng trực quan, mà có thể Đông Tây gặp gỡ một ngày không xa.

MỤC 3:

ĐẠO VÔ HÌNH, Nên Phải Có TƯỢNG TRUNG Để Giải Thích.

Muốn nhập Thánh siêu phàm, muốn sống thanh bình, thoát ngoài mê vọng đảo điên, hưởng lại cảnh trời Nghiêu đất Thuấn, mà không tìm cho ra cội rễ vui khổ bởi vì đâu, thì khó lòng mà được như ý muốn.

Xưa nay, Đông Tây Hiền triết Thánh nhưn đều bàn luận về vấn đề nguyên lý của Trời Đất. Người ta giả định hai đồ biểu:

"**Vô cực**" là một vòng tròn O như số không; và hình "**Thái cực**" thì trong có nửa đen nửa trắng, hay là một vòng tròn trắng có một chấm đen.

Hôm nay quyển ĐẠO HỌC CHỈ NAM, về chương Đạo pháp, họ không đem ra mà xác định hư

thực như thế nào sao.

Bản thể của ĐẠO đã là huyền vi bí mật nên khó hình dung, mới tạm mượn phù hiệu đó làm tượng trưng.

Lúc ban sơ, ngôi Vô cực này còn trong thể tiềm tàng nên trống không, im lìm lặng lẽ, không gọn mảy hào. Khởi kỳ thì, Vô cực gom tụ chơn nguyên làm một điểm tại trung tâm, nên Dịch gọi là Thái cực.

Hình đồ Thái cực thì bên trong cho ta thấy ôm kín một Âm một Dương.

Tuy có hai tên Vô cực và Thái cực, nhưng không phải là hai ngôi riêng biệt, mà đó chỉ là hai trạng thái của một tự thể hai mặt của một vật (nhứt thể lưỡng diện).

Đây là phần luận giải. Chương này không bàn xa hơn là căn cứ vào Dịch thơ, để mở một lối vào của Đạo.

B. TRÙNG TỤNG

*Vệt chín tầng mây lộ ánh hồng,
Núi sông hiểm trở được khai thông,
Con đường lui tới không ngăn ngại,
Bốn biển chung trong cảnh đại đồng.*

oOo

*Đạo mầu nhiệm, muốn vào chẳng dễ,
Quá mênh mộng, như bể như rừng,
Thoạt trước mặt, thoạt sau lưng,
Như chùng là có, như chùng là không.
Vô hình danh, vô tông, vô tích,
Biết lấy đâu làm đích mà phăng,*

*Nhận cho suốt lẽ tri, năng,
Mối manh, gút mắt, tần mẩn gỡ ra.
Đạo là chi, mà ta tha thiết,
Giữ hay buông, có thiệt gì không?
Đạo là muôn mối cộng thông,
Đất Trời, nhơn vật gồm trong Đạo này.
Lắm cần thiết từng giây, từng phút,
Không thể lia một chút sát na (ngần ngủi);
Nơi thân, cơ cấu điều hòa,
Hành vi động tịnh, đều là chủ trương.
Ngoài xã hội, kỹ cương, trật tự,
Giữa Kiên Khôn chóng giữ quân phân;
Ngày đêm, thời tiết xây vắn,
Bớt quyền kẻ bạo, thêm phần người thua.
Quyền thống ngự trên vua tất cả,
Ngôi trung tâm Tạo Hóa đất trời;
Tuy là chẳng lộ tâm hơi,
Mà đâu đâu cũng bày phơi hiển trình.
Trong chữ Minh ẩn hình Nhứt Nguyệt
Ẩn chưa trình, Lý thiệt viên minh;
Tiên thiên Thái Nhứt vô hình,
Thể Trung chưa động, ý tình tịch liêu.
Động mà thể không điều, không động,
Hóa trở nên hệ thống cơ quan;
Chấp kỳ cơ ngẫu lưỡng đoan
Phân nghi, lập tượng, mở mang Đất Trời.*

oOo

*Quang vinh ai kẻ được huyền đồng,
Siêu vượt không thời, mọi mối thông,
Chẳng sắc, chẳng không, ngoài đối đãi
Cùng Trời đồng Nhứt để thi công.*

II. TIẾT THỨ HAI:

TỰ DO CON NGƯỜI ĐỐI VỚI DỊCH HÓA TRỜI HỮU THỂ VÀ VÔ THỂ

THI

*Vet bụi xua mây, mở lối vào,
Thử nhìn vạn pháp, rõ âm hao;
Con đường ngăn cách, vì đâu thể?
Mà cảnh trần hoàn lẫm thấp cao*

MỤC 1:

CON NGƯỜI Có Thể Đặng TỰ DO Không?

Các bậc Thánh nhân Hiền triết lần lượt xuất hiện xưa nay, từ Đông sang Tây, mà chúng ta và mọi người đều biết. Các ngài vì tâm thương đời cứu độ chúng sanh, nên sớm giác ngộ, tự thấy được cõi thế gian này ví như một lao tù mà loài người đều chịu giam hãm trong hỏa ngục tối tăm, không cách nào thoát khỏi nhiều bức thành kiên cố, mà đành an phận với hành phạt khổ đau.

Ồi! Trò biến hóa đã diễn những tấn kịch vô cùng ảo diệu, làm cho tâm hồn con người đảo điên mê mẩn chẳng còn thấy gì, biết gì cao quý, hạnh phúc tự do, về cả tinh thần lẫn xác thịt. Các ngài đã sớm vượt khỏi sự

ràng buộc của hoàn cảnh, trần ngự được dục vọng ở lòng, im lặng một mình nơi thâm sơn mật thất, chú định duy nhứt ở chơn tâm mà trầm tư mặc tưởng. Các Ngài nhờ lấy trực quan, trực giác mà khám phá cơ mầu nhiệm của Đất Trời, để thăm dò nguồn sống linh động phổ biến trôi chảy trong vạn vật, nhuần thấm cho vũ trụ bao la, để được đồng nhứt cùng Trời.

Các Thánh triết ở Ấn Độ và Trung Hoa, cũng như Do Thái, La Mã, Hy Lạp đều nhận bản thể của vũ trụ là tự tánh hằng hữu, tồn tại bất biến. Tự tánh đó là nguồn sống vô biên, tràn ngập, trở nên thiên sai vạn biệt, muôn hình ngàn trạng. Bản nguyên tự thể đó là tự do, ngoài không gian và thời gian, im lặng, không bị một vật nào câu thúc. Chỉ có đồng nhứt với tự thể đó mới có tự do, mới không còn bị vũ trụ ảo hóa, phỉnh phờ, ám ảnh được.

Các Ngài đã trực quan, nhận thấy tự thể ở trong "hư vô" đó là một vật hồn nhứt nằm ở trong hư vô, đương vươn lên hiện thể mà sáng tạo, hóa sanh ra vũ trụ và người vật. Thế là vũ trụ và người vật từ nơi tự do mà ra, đứng trong sự tự do và trở về với tự do. Ấy là Đạo.

MỤC 2:

Tại Sao Mất TỰ DO? VÔ MINH?

Đã nói xuất sanh nơi tự do, người vật đều được tự do mà đến, tự do mà thành, thế mà nhìn lại thấy có gì tự do đâu? Chi chi cũng đều bị dưới quyền sai sử của trò ảo hóa biến thiên di dịch, sống khổ sống đau

trong vòng xiềng xích luân hồi, không đầu không cuối.

Nhưng đã sanh làm người, bị ảo hóa sinh lý của giác quan, trong vòng ảo hóa của lý trí, tâm tư ý tưởng phối hợp với ngoại giới gây xáo trộn đảo điên. Đó phải chăng vì lửa dục vọng tràn lên, che khuất tự tánh, bị vô minh ám ảnh không còn trông thấy được bản thể, thì làm gì có được tự do?

Một vật hồn nhứt nằm trong "hư vô", đương vươn lên hiện thể. Đó là "Thái Cực" mà các Tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực, là nguồn sống tự do, chơn thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại trung chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu và lúc nào cũng hiện diện.

Thái cực phân Âm Dương làm cơ cấu sáng tạo.

Nguồn gốc vũ trụ, người vật, Đông Tây, xưa và nay, ai cũng công nhận trong Kiền Khôn thế giới có một bản nguyên chủ thể làm trung tâm điều lý. Người vật bởi đó mà ra, vạn đức bởi đó mà vào. Thái cực chủ thể tự thân gồm cả các pháp vô lậu, nghĩa là: Tự thể của Đạo chơn thiệt hằng hữu, thanh tịnh tuyệt đối.

Về phần dụng (thì cái bản nguyên đó) hiện ra vũ trụ, người vật. Sự mâu nhiệm cực kỳ thâm vi, cực kỳ xảo diệu, không thể lấy ngôn ngữ để diễn tả, lấy tư tưởng mà hình dung. Nếu cố cưỡng mà nói, cố cưỡng mà vẽ vời, thì càng làm cho mờ xa với lẽ thật. Nên Thiền tông chỉ lấy tâm mà truyền tâm, không lập văn tự, vì bản sơ nguyên thì là tuyệt đối, vượt ra ngoài không gian, thời gian, nhân và quả.

Dầu loài người có thánh trí thông minh cũng

nằm trong hạn hữu của căn trần mà thôi; đâu có thể đem cái hữu hạn mà đo được cái vô cùng, nên càng nói nhiều lại càng lầm lỗi lớn. Muốn nhận thấu lẽ Một suốt tận kia, phải nhìn bằng trực giác, nghĩa là: Bằng cái Chơn tâm thực thể của mình, mới mong hội thông cùng Chơn lý.

Đây xin giả lập một vài cụ thể, theo sự nhận thức bằng giác quan của người, để tiện đi sâu vào chân tướng của Đạo. Ví như đám trẻ chưa hề thấy được con rồng, nên phải chỉ cho nó bằng một con rắn. Song con rồng có chừn, có gạc, chẳng những bò như rắn, mà còn bay được, lặn được, muốn nhỏ thì thâm hình, muốn to thì phóng khí, để làm mây làm mưa.

Vì sự nhận biết hằng ngày ở trí người phương Đông về phần hình nhi thượng, chỉ có đạo Dịch là hình dung được phần lớn cả hai phương diện của một thực thể là Đạo. Vì vậy chữ Dịch giống như chữ Minh hay gần như chữ Đơn vì ba chữ này đều ghép lại có chữ Nhật và chữ Nguyệt.

Đây là chữ Dịch làm Đạo hiện thể, sáng tạo theo như Hà đồ, lấy chữ Minh làm chỗ "*vạn thù qui nhứt*" theo như Lạc thư.

Đó là "*nguyên thì phân chung*". Hệ tử nói: "*Bảo hợp thái hòa*" ở Lạc thư là Hoàng Cực. Đó chưa phải rốt ráo của công phu, mà còn một tầng sâu hơn nữa, không còn thấy một dấu vết nào của hai thể Nhứt Nguyệt. Đó là hình chữ Đơn, hình này là kết chung của vũ trụ.

Về phần Hoàng Cực qui tông, sẽ nói chương sau, như luyện đạo tu đơn, cũng sẽ bàn tới.

Đây mượn chữ Dịch để dẫn nhập vào cửa Đạo,

hầu mọi người thông thấu cơ màu nhiệm của Đất Trời.

MỤC 3:

**Ở Trong THỜI GIAN KHÔNG GIAN,
Phải Chịu Phần DỊCH HÓA,
Tức Là LUÂN HỒI SANH TỬ.**

Dịch là biến đổi, song sự biến đổi có cái sở dĩ nhiên nằm sau hai mối động tịnh, là Âm với Dương, nên thể của Dịch là Thái Cực, dụng của Dịch là Âm Dương. Hệ từ nói: "*Dịch hữu Thái cực*", thể là Dịch có một thể **bất dịch** làm Thái cực, còn Âm Dương về phần dụng, luôn luôn di dịch, biến hóa (**biến dịch**) sâu kín không lường.

Đây về chương V của hệ từ có câu: "*Nhứt Âm nhứt Dương chi vị đạo*". Thế là Đạo có một Âm một Dương. Dương là động, Âm là tịnh. Về không gian thì Âm Dương đối nhau, về thời gian thì Âm Dương đáp đối nhau.

Vũ trụ, người vật không có một pháp trần nào mà chẳng có Âm Dương. Dầu to lớn hay nhỏ bé đến đâu cũng bởi Âm Dương mà thành hình cả.

Xưa nay, các nhà Hiền triết cũng như các Đấng Thánh hiền đều bàn cãi về vấn đề Âm Dương không ngớt. Đứng về không gian, thấy nó như đối lập, luôn luôn có sự mâu thuẫn, xô xát nhau mãnh liệt, về thời gian thì nó lại tương quan nối tiếp (quan liên) trao đổi nhau.

Song đã là Dịch thì luôn luôn dịch hóa; có dịch hóa mới sanh thành, có tương đồng mới tồn tại.

Nhưng đã hiện ra Âm hay Dương, thì lẽ cố nhiên ai cũng nhận là hai phương diện động tịnh, sắc không, tâm vật, phải trái, hơn thua, thiện ác...

Song ta nên xét kỹ câu: "*nhứt Âm nhứt Dương*". Chữ "*nhứt*" nó rất màu nhiệm! Nếu Âm Dương không có chữ Nhứt thì làm chi gọi được là Đạo. Thái cực là Nhứt, thì Nhứt này hiện ở Dương gọi là Nhứt dương, hiện ở Âm gọi là Nhứt âm. Nhứt nọ, Nhứt kia cũng là Nhứt, nghĩa là: Dầu ở phương diện nào cũng có cái Nhứt trong phương diện đó.

- Nhứt là gì?

- Nhứt hay Một là tất cả, cũng như nói: "*sắc tức thị không*", tất cả đều do Một đó mà ra. Một đó có thể là vật nọ vật kia, thiên hình vạn trạng, thay đổi, biến hóa, không sao nhận được. Vì vậy mà xưa nay Đông Tây cãi vã nhau, tranh luận nhau, cũng do chữ Nhứt mà người thấy thế nọ, kẻ thấy thế kia. Đã là Dịch thì nó có khi nào đứng yên một chỗ, mà luôn luôn thay đổi.

Lấy một con vật để chứng minh sự nhận định của từng người. Vật kỳ quái ấy là con kỳ nhông. Người nhận thấy nó xanh, người nhận thấy nó đỏ, người lại nhận thấy nó vàng. Mỗi người thấy mỗi cách mà cãi vã nhau. Song có người được sống gần nó, biết nó luôn luôn thay đổi hình thái: Khi thì xanh, khi lại đỏ. Lúc hiện ra vàng; nhưng còn có hồi lại không thấy màu sắc chi cả, như chừng không còn thấy ở đâu, vì nó sáp nhập cùng da cây. Nếu mắt không tinh, làm sao nhận được nó còn hay đã đi đâu mất.

Cũng con kỳ nhông, mà kẻ gọi là kỳ đà, các kẻ, chẳng biết nó ở địa vị nào: là ông, là cha, là mẹ? Con

nào ông, con nào cháu, con nào mẹ, mà con nào là con? Khó tìm hiểu tông tích được như câu: *"Kỳ không là ông kỳ đà, kỳ đà là cha cắc kè, cắc kè là mẹ kỳ không"*.

MỤC 4:

Trời VÔ THỂ VÀ HỮU THỂ (HỒN NHỨT TRONG HƯ VÔ).

Trong bài trước, (đã nói) các Đấng Giáo chủ nhận thấy Bản thể của vũ trụ:

Nho giáo gọi là Thiên hay Đế

Lão giáo gọi là Đạo hay Đức

Thích giáo gọi bằng Pháp hay Phật

Dịch thì nói Vô cực hay Thái cực

Theo nhận xét chung, ĐẠO HỌC CHỈ NAM được trình bày đơn giản: Thiên hay Thiên lý, cũng như Đạo hay Pháp đều theo Dịch là Vô cực.

Vô cực chưa phải là bản nguyên tự thể của vũ trụ. Vô cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là thiên tắc, thiên điều. Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo nó.

Đó là cái khuôn đúc nên con hình Kiền Khôn vạn hữu. Luật ấy rất linh động, ấn ký vào tâm tư của người vật Đất Trời. Cũng như một quốc gia, một thế giới, đều có một bản Hiến chương, một bản Công pháp, để nhân dân, nhơn loại theo luật ấy mà thi hành. Luật, tắc hay Hiến chương, cũng phải có người nắm giữ mà điều hành. Về đạo pháp, gọi là Thái cực hay Đế, hoặc Chúa...

Đạo Đức Kinh có nói:

Nhơn pháp Địa

Địa pháp Thiên

Thiên pháp Đạo

Đạo pháp tự nhiên.

Tự nhiên hay Thiên lý, Vô cực, Pháp là một nghĩa như nhau. Song không phải nhận hiểu như thế nhơn: Hiến chương, luật, tắc là bản giấy mà có người cầm quyền lấy đó để giữ nước yên dân; mà phải nhận rằng: Vô cực là Thái cực, Thiên và Đế là một. Nên đã nói trên: một vật *"hồn nhứt nằm trong hư vô"*.

Nếu con người không tu niệm để đồng nhất với Trời, vào cõi hư vô, thì phải chịu phần dịch hóa, cũng như Phật, Lão gọi là *"luân hồi sanh tử"*, khó thoát ra ngoài vòng xiềng xích đó được.

BÀI

*Đời nhiều Đạo, nhiều phe, nhiều phái.
Luận thuyết thôi phải trái ngổn ngang,
Tuy là trái phải đôi đàng,
Cũng cùng một thể hoàn toàn siêu nhiên.
Người quân tử không thiên, không chấp,
Kẻ tài mưu, hay vấp hay lâm;
Kỳ trung chỉ một chữ "tâm"
Quay vào liền thấy, lựa tâm đâu xa.
Thử đơn cử vài ba cụ thể
Vạch lối vào ắt dễ dàng hơn;
Chữ Minh, chữ Dịch, chữ Đơn,
Để rồi ý thức, men chơn vào nhà.
Minh qui Nhứt, ấy là "Hoàng Cực",
Hiện thể là "Thái cực" Dịch sanh;
Chữ Đơn "Vô cực" đại thành,*

Không còn dấu vết, tuyết lạnh tâm ta.
 Tâm vũ trụ, tâm ta vẫn một,
 Lạ lòng chi, đường đột cực đoan;
 Nhìn trời bằng sáu giác quan,
 Dễ đâu được thấy trong hang nhiệm màu.
 Tuy là Đạo không đâu chẳng có,
 Ẩn núp sau cái vỏ vạn thù;
 Nhìn bằng nội tỉnh công phu,
 Phải đâu hình sắc lù lù ngổn ngang.
 Đẹp cái ta, mới toan giải thoát,
 Chủ được lòng thì đạt cơ vi,
 Chánh tâm, diệt dục tu trì,
 Ngàn xưa cũng một đường đi lối vào.
 Không tu niệm, làm sao đến đích?
 Đành nằm trong lẽ Dịch biến dời,
 Lờ mờ như đám ma trôi,
 Ngàn năm muôn kiếp lơ bơi nổi chìm.
 Người đời hay ty hiêm, ưa ghét,
 Không nghĩ suy tìm xét ngọn nguồn;
 Ngày ngày chụp bắt, bỏ buông,
 Vui theo ảo ảnh, trò tuồng trớ trêu.
 Khổ sanh tử cứ gieo, cứ gặt,
 Xích luân hồi trói chặt lối đi;
 Chuỗi đời khổ não, ưu bi,
 Cũng do chấp ngã, cũng vì vọng tâm.
 Lấy chữ Dịch mà làm hiện thể,
 Như "Hà đồ" xuất thế, ly tâm;
 Chữ "Minh" dùng để câu tâm,
 Vạn thù qui nhất, phân tâm "Lạc thơ".
 Quay bước lại thăm dò tiêu tức,
 Hội qui cùng Hoàng Cực Đại trung;

Bao la nguồn sống vô cùng,
 Tự do tuyệt đối, thung dung không bờ.
 Vào được đó, nương nhờ với đó,
 Mắt nhìn trông tỏ rõ xa gần,
 Vạn năng thông ứng như thần,
 Không còn đối đãi, chia phân ta người.
 Chẳng được thấy quyền Trời, pháp Đạo,
 Tất cả đều một Tạo Hóa sanh;
 Chấp ta, nầy sự dữ lành,
 Xôn xao hình tướng, đen, xanh, đỏ, vàng.

THI

Đạo là nguồn sống, gốc sanh thành,
 Chớ khú tách rời khỏi cội sanh;
 Muôn thuở vững bền, lòng thỏa thích;
 Lìa trong giây khắc, mất an lành.

III. TIẾT THỨ BA:

SỰ SANH HÓA CỦA TRỜI ĐẤT LÀ MỘT CUỘC TUẦN HOÀN TO TÁC, ĐẦY CẢ SỰ RẮC RỐI, BÍ MẬT.

A. KINH VĂN

MỤC 1: CÓ ĐỘNG TỨC CÓ PHẢN.

Đây xin hé mở cửa Dịch đạo chúng ta nhận thấy sự "nhứt bốn tán vạn thù" là: Thái cực sanh hai nghi, sanh bốn tượng, sanh tám quẻ.

Nhưng kỳ trung "vạn thù cũng qui nhứt bốn" là tám quẻ, bốn tượng cũng bởi hai nghi mà ra, rồi về gốc Đạo là: một Âm, một Dương.

Nói rộng nữa, Âm Dương trao đổi nhau mà thành bốn tượng, tám quẻ. Tám quẻ lẫn chuyển, cùng chồng lẫn lên nhau, mà thành 64 quẻ, ra 384 hào. Đó là nói thể trao đổi nhau, chỉ có một hào mà thành ra bấy nhiêu hào, chỉ có một quẻ mà thành ra bấy nhiêu quẻ.

Quẻ quẻ tương giao, hào hào tương động, thì lại biến hóa vô cùng, không biết bao nhiêu là quẻ, là hào. Mỗi một quẻ là một trạng thái, mỗi một hào là một động cơ. Thế cho nên càng biến càng hóa, càng phồn thịnh, càng đổi thay.

Đạo Đức Kinh nói: "phản giả đạo chi động" nghĩa

là: Đạo động thì có phản, phản là trở về (xin đừng hiểu phản là trái ngược).

Ông Lưu Tu Khê nói: "phản giả động chi cực tất qui dã, thị kỳ phản dã, chánh dĩ kỳ động dã, phi động vô phản", nghĩa là: Phản (trở về) là động hết sức động rồi trở lộn về. Cho nên cái phản đó chính bởi động mà ra, chứ không có động nào mà không có phản bao giờ.

Hệ từ có câu: "sinh sinh chi vị Dịch". Dịch là biến động, đổi thay, sanh thành vạn vật. Song không phải sanh một lần mà thôi, sanh sản mãi từng giờ phút, không cùng tận, nên mới nói: "sanh sanh" (hai tiếng đi đôi). Nhưng sanh sanh hóa hóa của Đạo Trời trong muôn vật, trong không gian, trên mặt đất, mỗi vật khác nhau mà vật nào vật nấy sống trong sự điều hòa trật tự, thuận theo máy động tịnh của Trời Đất, mà trên dưới được yên ngôi, chưa từng loạn trái.

Cũng cuốn Đạo Đức Kinh nói tiếp: "Nhược giả đạo chi dụng", nghĩa là: Công dụng của Đạo là nhu ở nhược, điều hòa. Phải chữ "nhược" đó có nghĩa như chữ tịnh, là điều hòa trật tự nói đây chăng? Cho nên Kinh Dịch nói: Thái cực tức là Đạo, sanh lưỡng nghi, lưỡng nghi là Âm tịnh, Dương động.

Thái cực động sanh Dương, tịnh sanh Âm. Âm Dương là hai mặt của Thái cực. Dương thì phát, âm thì thu; Dương thì tán, Âm thì tụ. Tán thì thành khí, tụ lại thành hình. Mà hình tán ra thì thành khí, khí tụ lại thì thành hình. Tuy nói Âm, nói Dương, nhưng Âm Dương cũng là một mối.

Lúc thì Dương, để phát xuất chuyển động, mà có sanh hóa, có luân lưu. Lúc lại Âm, thu nạp mà thành hình, trở nên muôn vàn trạng thái. Nên khoa học đã

chứng nhận: Vật chất là khí năng tụ lại mà thành hình; vật chất khi phân tán ra thì thành khí. Thế thì khí hay hình, tâm hay vật, cũng cùng một lẽ Thái cực biến hóa ra đó mà thôi.

MỤC 2:

Muôn HÌNH Ngàn TRẠNG Cũng GỐC Ở ÂM DƯƠNG.

Ồi! Cả một sự khó khăn như rừng rậm, như cuộn tơ rối. Dầu cho Thánh trí Thần mưu cũng không có cách nào quyết đoán được sự mâu nhiệm biến hóa của Âm Dương. Xưa nay người ta thường cãi vã nhau: Đạo như thế nọ, như thế kia. Ai cũng chủ quan, mà sao không chủ quan được?

Vì chính tai tự nghe, mắt tự thấy, như con kỳ nhông đã hiện tướng kia mà. Thử hỏi con nào lớn, con nào nhỏ, thì chắc ai cũng không tài nào xác định một cách rõ ràng. Thế cho nên gây có tranh hơn giành phải, mà lắm lúc xô xát rất hùng hồn, rất nguy hiểm, trung đủ chứng từ. Song chứng từ đó chẳng qua là xác đáng ở một khía cạnh nào. Nếu không nắm được gốc nguồn, làm chi trông thấu toàn diện.

Nên sự biến hóa của Âm Dương không bờ bến, không đứng hẳn một chiều hướng, mà lúc hiện lúc ẩn; khi thì Dương, khi thì Âm, Âm Dương đưa đẩy nhau, lại phát sinh muôn vàn trạng thái. Có trạng thái bát ngát bao la như biển, có trạng thái cao vút như núi Thái sơn, có cái sáng sủa như mặt nhật ban ngày, có cái tối tăm như sương mù đêm tối, có trạng thái mờ khó biết, có trạng thái rõ rệt phân minh, có cái thì

bỉ ổi nhỏ nhen, có cái thì mỹ miều to lớn.

Dầu thiên hình vạn trạng như thế nào, hoặc xuất hiện, hoặc ẩn tàng, hoặc mới đó rồi mất đi, hoặc như hư mà thực, có thứ thì bay, thứ lại chạy, thứ nằm yên một chỗ, thứ lại lặn lội tung hoành. Nhưng tất cả sơn hà, đại địa, vũ trụ, sanh linh, cũng gốc ở một Âm một Dương mà thôi.

Âm Dương biến hóa không thể do lường được thì gọi là Thần (*Âm Dương mạc trắc vị chi Thần*). Đã là Thần thì làm sao lường được, đã là mạc trắc thì lại qua không cửa, nửa thiệt nửa hư; trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, hóa hóa sanh sanh vô cùng tận.

MỤC 3:

Nếu Nghiên Cứu Ở NGỌN Thì Thấy CÓ HAI, CÓ NHIỀU.

Xưa nay, các nhà Đạo học cho tâm sanh ra vật, còn các nhà khoa học cho vật sanh ra tâm. Đó là chưa tìm đến tận gốc, ai nấy cũng loanh quanh ở ngọn, thì sao tránh khỏi sự hiểu lầm?

Hệ từ nói: "*Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí, bách tính nhất dụng nhi bất tri chi. Cổ quân tử chi Đạo tiền hỷ*". Nghĩa là: Bậc nhơn giả trong thiên hạ thọ bẩm phần **dương khí** gọi là nhân, thì thấy Đạo bằng nhân. Bậc trí giả trong thiên hạ thọ bẩm phần **âm khí**, cho nên gọi là trí, thì trí giả thấy Đạo bằng trí. Đó là hai hạng người cao quý của thiên hạ, mà chỉ thấy Đạo (ở) một phương diện nhân hay trí. Huống hồ là bách tính, đã không được nhân, cũng

không được trí - phần lớn thọ bẩm khí chất hậu thiên - thì làm gì thấy được nhân hay trí.

Chỉ có bậc quân tử là đáng Thần nhân Thánh trí, mới nhận được toàn diện của Đạo mà thôi, thì hạng quân tử này lại được mấy ai?

MỤC 4:

Thánh Nhân Dụng Cả Hai Bên, "Hiển Chư Nhân, Tàng Chư Dụng".

Âm Dương là một mở một đóng, một ra một vào, nên Hệ từ có nói: "*Hiển chư nhân, tàng chư dụng. Cổ vạn vật bất dĩ Thánh nhơn đồng ưu, thanh đức đại nghiệp chí hỉ tai*" (Hệ từ Thượng truyện, Chương 5, coi lời chú giải ở phần Chú nghĩa, trang cuối của sách).

Đã là mở khắp như một mạch sống tung tỏa lan rộng khắp Càn Khôn thế giới, sanh sanh hóa hóa vô cùng tận, ấy là thể của Dương. Dương đã hiển hiện ở muôn tượng muôn hình, trưởng thành cho vũ trụ, chúng sanh, từ vật vô tri đến vật hữu tri được thông qua, trở nên cực cao cực diệu đến nơi cứu cánh, mà tất cả vạn vật lần lượt hoạch đắc chơn lý mà thành Đại giác, nhập cùng Đại ngã bao la. Đó là: "*Hiển chư nhân*".

Nhân là sự sống, là đức lành, là ngôi tuyệt đối, phổ biến rộng sâu. Kiền Khôn thiết lập, thế giới an bài, sự nghiệp đó tất cả chúng sanh đều nương nhờ, đều cộng hưởng mà không biết do đâu mà có, bởi đâu mà nên. Làm ra mà không đứng nhận sanh, tạo lập mà không làm chủ, ấy là "*Tàng chư dụng*".

"*Tàng*" là dấu kín công nghiệp vào trong. Đó là

Âm thâm liễm, nên việc của Đạo, công của Trời làm bằng vô tâm, không giữ quyền làm chủ, mà quyền chủ ấy đều trao cho cả vạn vật, tự khai thác khả năng của nó mà hưởng lấy hạnh phúc tự do. Nên nói: "*Cổ vạn vật bất dĩ Thánh nhơn đồng ưu*", nghĩa là: Trời khác với Thánh nhơn chỗ đó. Thánh nhơn còn dụng tâm, còn lưu truyền công đức mà sự nghiệp của Thánh nhơn, thanh đức của Trời cũng khó so sánh kịp.

MỤC 5:

Khác Với THƯỜNG NHƠN, THÁNH NHƠN Thấy Được CÁI MỘT HỒN NHỨT

Chỉ có bậc quân tử là đáng Thần nhơn Thánh trí mới nhận được toàn diện của Đạo mà thôi. Hạng quân tử này lại được mấy ai?

Vậy ĐẠO HỌC CHỈ NAM cho ta thấy rằng nhân hay trí, vật hay tâm, cũng cùng một thể, không chấp nhứt, không chia lìa. Nếu chấp nhứt chia lìa, thì chẳng những thấy bằng nhân hay trí, mà còn bị muôn vàn trạng thái ám ảnh, làm sao cho tâm thức không còn phân biệt phải trái, gốc ngọn ra sao.

Nếu đứng bên này trông bên kia, đó là người, đây là ta, đó với đây tương đối, người với ta khác biệt, lòng mới sanh ưa ghét mà gây sự được thua. Hóa cho nên toàn vũ trụ đều trông thấy nhau xa lạ vô cùng, nào nhận được đó cũng là ta, ta là đó. Không có đó, không có ta, thì đâu phải trở nên thân thù khác biệt, làm cho tâm thức bất an, cảnh vật trở trêu, gây nên huyền hoặc, mà lưới vô minh thành không lối thoát.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM nhận Một là tất cả, tất cả là Một. Chỉ có Một mà thiên đạo, như đạo khác nhau, chỉ có Một mà muôn tượng, muôn hình chia phân rõ rệt. Tượng tượng đối thay, hình hình sai biệt: Phi, tiềm, động, thực đã đành hình thù không giống, nhưng mỗi giống nào có vật nào y nhau, vật vật người người hóa khác hẳn.

Kìa trông lên muôn tượng, dòm xuống vạn hình: Hình tượng có khác nhau, mà đạo lý không hề phân chia phần này là tâm, phần kia là vật. Tâm hay vật, thần hay hình, cũng cùng là một Thái cực bốn sơ. Nếu lấy con mắt thường của thế như mà xem, làm sao cho nó là Một được?

Cơ mầu nhiệm đã sáng tạo nên Trời Đất, hóa sanh muôn loài, tuy mắt phàm không nhận thấu sự đơn thuần giản dị của Âm Dương, trong có một hệ thống trật tự, đâu phải tam phân rối rít như người nhận đó là sự ly cách phân tranh. Sự ly cách phân tranh là tâm thức bị vô minh vọng chấp mà gây nên đối đãi dị biệt, rồi trông thấy tất cả những gì cũng thù địch, cũng xáo trộn bất an. Mà sự xáo trộn bất an đó cũng do người chia lìa vũ trụ làm đôi, thời gian không gian cách biệt, như ta thấy ở quẻ KHUÊ (—, --, --, --, —, — Hòa Trạch): Sự sự vật vật không còn hỗ tương, mà chỉ thấy nhau là thù địch.

Đó là thấy bằng hữu hình hữu tướng, nhưng bên trong nó có một sự điều hòa tương dung mật thiết vô cùng. Nếu không chứng được chỗ tự bản tự căn, thì đành nằm trong lưới của giác quan, chịu nhận bao nhiêu đảo điên phiền não. Nên chỗ thấy biết theo giác quan của người thường có khác với chỗ thấy biết theo

trực giác của Thánh hiền: Một bên là hiện tượng, một bên là bản thể. Nếu biết qui hiện tượng về bản thể là hồn nhứt, còn chi phân tranh; hết vọng chấp nữa thì sẽ đi tới cõi thế giới thanh bình, an lạc.

Đó là thuyết: Đồng hành mà chẳng tương bội; chẳng những không tương bội, mà còn đặng tương thành nữa là khác.

B. TRÙNG TỤNG

*ĐẠO HỌC CHỈ NAM mở cửa lành,
Dẫn người vào đó hưởng nhân thanh;
Con đường duy nhất không ngăn ngại,
Xây đắp trần gian cảnh thái bình.*

oOo

*Trước thế giới phong ba mầu thuẫn,
Giữa phái phe tranh luận được thua;
Cuộc đời khổ não chát chua,
Nhơn sanh trong cảnh như cua gãy càng.
Dầu muốn tiến, không đàng để tới,
Dầu muốn lui, không lối thoát thân;
Ngẩn ngơ trong giấc mộng trần,
Giả chơn chưa biết đoán phân lẽ nào?
Nhắm mắt cho phong trào lôi cuốn,
Thác vô minh cuộn cuộn đầy xô,
Nhưng vì thế yếu, sức cô,
Cũng đành an phận, phú cho đất trời.
Ai gặp phải bước đời ly loạn,
Chắc nổi lòng đòi đoạ xót xa;
Nào thân, nào nước, nào nhà,
Nữ đầu ngơ điếc, bỏ qua cho đành.*

Truy nguyên lại gốc sanh bịnh chúng,
 Xét vì đâu phản ứng lạ thường,
 Biết rồi, đối chứng lập phương,
 Tùy nghi gia giảm, mở đường độ sanh.
 Biểu hay lý, cho rành cho trúng.
 Bỏ hai công, nhận đúng căn đề;
 Bịnh tình sốt loạn, tình mê,
 Mở thông lối uất, lo bề trừ căn.
 Trước thế hệ, khó khăn lắm nỗi,
 Nhìn trào lưu thay đổi lạ lùng;
 Lòng người ngờ vực, hoang mang,
 Phái phe tân cựu, biết đảng nào đây?
 Nào kim cổ Đông Tây đủ mặt,
 Dù dở hay, chưa chắc ai toàn;
 Chi bằng hợp trí mưu toan,
 Họa may thấy được vinh quang thanh bình.
 Tích cực vị nhân sinh thế đạo,
 Chung sức nhau, hoài bão tiên đồ;
 Tương lai cộng sự mưu mô,
 Chớ nên chia rẽ, Việt Ngô tương tàn.
 Nói vì nước, mà toan hại nước,
 Nói vì dân, mà ngược đãi dân;
 Hô hào bác ái, nghĩa nhân;
 Mà đem đồng loại phân thân chiến trường.
 Phải san sẻ tình thương sự sống,
 Bảo vệ cho nòi giống sanh tồn;
 Dân có đạo, nước có hồn,
 Dùng tài thao lược, khéo khôn giúp đời.
 Đọc quốc sử những thời oanh liệt,
 Có lắm trang hào kiệt, anh hùng
 Nuôi dân, giữ nước tận trung,

Đắp xây bờ cõi, vẫy vùng bốn phương
 Quý ở chỗ yêu thương đùm bọc,
 Mà non sông gấm vóc mỹ miều;
 Tinh thần dân tộc cao siêu,
 Biết phần nên giữ, biết điều nên theo.
 Theo để học những điều cao quý,
 Theo mà không ly dị, vong thân;
 Trách ai buôn Sờ, bán Tần,
 Lui về tàn sát nhân dân đồng bào.
 Hạnh phúc đâu? Máu đào cứ đổ!
 Tự do đâu? Thống khổ chồng cao!
 Cứ tán thường, cứ hô hào,
 Đạn bom, khói lửa ào ào tràn lan.
 Không lẽ ngồi mà than mà khóc,
 Trách giận ai? Hần học với ai?
 Nước non một khoảnh chia hai,
 Bên trong xâu xé, bên ngoài giục xua.
 Được xương máu, mà thua xương máu,
 Hậu quả này, con cháu nghĩ sao?
 Đạo người, hạnh phúc biết bao,
 Lẫn thương hơn loại, đồng bào quốc dân.
 Đạo người mất, chia phân giai cấp,
 Đạo người suy, thành lập phái phe;
 Đặt người trên búa, dưới đe,
 Muôn vàn thống khổ, áp đè không thôi.
 Trời động lòng, lia ngôi xuống thế,
 Giải cứu đời u trệ lâm than;
 Dung hòa trăm mối cực đoan,
 Nhơn sanh thẳng bước trên đường tự do.
 Giếng có mạch, khỏi lo cạn nước,
 Nước có nguồn, dòng được lưu thông,

Hỏi người: Ai chủ nhơn ông?
 Đội trời, đạp đất, huyền đồng tương tham.

oOo

Đốt đuốc chong lên dẫn dắt đường,
 Khêu to ngọn lửa rọi mười phương,
 Ai ai cũng được trông về một,
 Cùng sống, cùng tu một lập trường.

IV. TIẾT THỨ TƯ

BIẾT LUẬT SANH HÓA Mới Có Thể TIẾN HÓA VÀ ĐỒNG NHỨT Cùng TRỜI Là Đấng GIẢI THOÁT

THI

*Số, tượng hình dung lễ nhiệm màu,
 Tinh thần Đạo học rất cao sâu;
 Tìm ngoài vẫn tự, lìa tai mắt,
 Dẫn lối đưa nhau một bước đầu.*

A. KINH VĂN

MỤC 1: THÁI CỰC

"*Thái cực*" ban sơ là nguyên lý của cuộc sanh hóa. Mâm sanh hóa đó khởi dậy, mà diễn đạt qua nhiều giai đoạn, để cho người người có một ý thức liên hệ giữa Trời Đất và chúng sanh. Vũ trụ là hình thể của Trời Đất. Hình thể được xây dựng bởi một Âm một Dương.

MỤC 2: ÂM DƯƠNG VÀ VŨ TRỤ THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN

Âm là Vũ, Dương là Trụ.

Vũ thì đóng khép trong gầm trời, Trụ thì mở rộng.

Vũ là không gian, là Âm Dương đồng thời tương đối. Trụ cũng là thời gian, là Âm Dương nối tiếp với nhau.

Bước qua vòng thời gian, không gian, ta còn thấy rộng hơn, như họa đồ tròn, họa đồ vuông. Tròn vuông được đúc kết nên một thể, nhưng không ngoài sự tiêu trường của Âm Dương.

(Xin xem thêm Hình 1 ở cuối trang sách).

Xét như đồ tròn: Từ chánh Bắc đông chỉ nhứt Dương có quẻ PHỤC (Bắc) đến Kiên (Nam) có 32 quẻ, cũng từ một Dương mà trường mãi cho đến 6 Dương, thì Dương cực mạnh, tất phải sanh Âm.

Âm bắt đầu từ quẻ CẤU (Nam) tiến lên, trường mãi trong 32 quẻ thì đến KHÔN (Bắc) thuần Âm, thì Âm cực mạnh tất phải sanh Dương.

Đó là vòng Âm Dương tranh nhau từng bước từng giây. Cứ vậy mà thời gian cứ tới: Ngươn (129.600 năm), Hội (10.800 năm), Vạn (360 năm), Thế (30 năm), Xuân, Hạ, Thu, Đông (mỗi mùa 90 ngày), vòng trong 24 tiết (tiết 15 ngày), đã đặt sự tương quan trong không gian, làm cho vạn vật có một sự mạnh mẽ vô cùng.

Ấy là đường dọc của thời gian, hình tròn bao bọc tất cả không gian vô tận.

Không gian thì có hình vuông nằm ngang, mà 64 quẻ là 64 trạng thái.

Hình ảnh của vũ trụ vạn vật đương hiện hữu muôn vàn, cùng đều chịu ảnh hưởng thời tiết mà đổi thay.

Như đồ vuông có 8 tầng:

- 4 lớp trên từ KHÔN đến CẤU

- 4 lớp dưới từ PHỤC đến KIÊN

một đằng qua, một đằng lại; một lần trường, một lần tiêu. Thế thì ai bảo không gian, thời gian không tương quan, không trực tiếp từ giây, từ phút?

Xưa nay người ta chia không, thời làm ra hai đối cực. Tôn giáo, khoa học tranh luận, ai cũng dành phần phải, mà chưa nhận được nguyên lý duy nhất, cứ chấp lưỡng nguyên, thiện ác, Đông Tây làm hai lối mà nhìn nhau, ở giữa có một cái hố sâu.

Nên ĐẠO HỌC CHỈ NAM lấp bằng cái hố ấy, đặt lại vấn đề cho đôi bên gặp gỡ dễ dàng. Ấy là Không, Thời chung đúc nên một khối, hầu kiến tạo một đời sống lành mạnh gồm đủ: Khoa học, sinh lý, tâm lý, đời đạo tương dung, mà phát triển tinh thần nhơn loại, dựng nên một tân kỷ nguyên Thánh đức, chân thật tự do.

Đây nói đại lược về Âm Dương, sau còn nhiều lần trở lại.

Bây giờ xin bước qua một giai đoạn nữa, là giai đoạn "hai nghi" thành "bốn tượng".

MỤC 3: TỬ TƯỢNG

Bốn tượng là: Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm.

Dầu nói bốn tượng, cũng gốc hai nghi. Hai nghi chồng lẫn nhau thành chữ thập (+). Chữ thập là bản Hà đồ mà Phục Hy đã vạch ra bằng số để tượng

trung.

Số của Hà đồ nguyên là Phục Hy thấy con Long Mã hiện ở sông Mạnh Hà mà vẽ nên đồ, mô hình đạo pháp. Long là rồng thiêng, biến hóa màu nhiệm không lường. Đó là tượng hình của Dương nghi. Mã là tượng Âm nghi đi trên mặt đất, mà quẻ Khôn gọi là "tần mã chi trịnh". Long Mã là ý nói Không, Thời hiệp nhứt, vũ trụ đúc kết thành một khối bất phân.

Nên hình chữ thập (+) là đòn đúc hai nghi thành bốn tượng luân hành, làm cơ cấu cho vũ trụ Kiền Khôn.

Trời thì tròn, Đất thì vuông; tròn vuông phối ngẫu, nên hình chữ thập có 4 cạnh, chia làm Đông Tây Nam Bắc phân bố 5 hành, một dọc, một ngang, một lên, một xuống.

Năm hành thì:

- Thủy 1 (6) điểm ở phương Bắc
- Hỏa 2 (7) điểm ở phương Nam
- Mộc 3 (8) điểm ở phương Đông
- Kim 4 (9) điểm ở phương Tây
- Thổ 5 (10) điểm ở Trung ương

Thủy, Hỏa, Kim, Mộc cũng như Âm Dương đã nói đoạn trước. Thủy với Hỏa, Mộc với Kim là bốn ngôi tương chùng tương khắc, tương hại với nhau, như Âm với Dương là hai thể nhu cương bất đồng. Nhưng luật tương khắc, tức là con đường hóa hóa sanh sanh. Lửa hay bốc lên, nước hay chảy xuống. Lửa gặp nước thì lửa tắt, nước gặp lửa thì nước khô. Song hai đàng chống nhau mà hai đàng cũng nhờ đỡ lẫn nhau. Nếu không nước thì lấy gì chế được lửa? Nếu không lửa thì làm sao nung được nước cho thành

hơi?

Mặc dầu tách cách đôi bên có chống chỏi nhau, như tương tàn tương hại nhau, mà không thể được, vì ở Trung ương có hành Thổ làm trung gian điều chỉnh, để cho đôi bên tương ứng tương thành, mà hành Thổ là Thái cực chủ tế ở Hà đồ, còn 4 hành xây quanh được sắp xếp theo mỗi mùa gọi là khí vận. Tuy trong không có chữ Thổ, vì Thổ vô hình. Mà nó đã xuất khởi ở mỗi hành, bốn mùa đều có Thổ.

Để ta mượn một hình hoa thị, vẽ ra cho thấy được công dụng của hành Thổ lớn lao, quan trọng vô cùng. Không có Thổ cũng không có hành. Không có Thổ thì Kiền Khôn vũ trụ này không thể nào đứng vững, mà vạn vật cũng như tro nguội, củi mục mà thôi. Không có Thổ cũng không có đường ra là Trụ, lối vào là Vũ. Không có Thổ thì 4 hành sẽ loạn xạ, khắc hại mà tiêu diệt lẫn nhau.

(Xin xem thêm Hình 2 ở cuối trang sách).

Vậy hình hoa thị này (xem hình vẽ) không phải là hai số 8 téo nhau, mà một nét bút đi liền, bắt đầu từ trung ương trở ra là hành Thủy. Mỗi hành chia làm 3 chi. Hành nào cũng bắt đầu từ Thổ ở trung ương mà ra, rồi cũng về với Trung ương. Hành Thủy khởi đầu, đi ra là Hợi (bên trái), xuất hiện ở Tý, trở vào là Sửu. Hành Mộc thì Dần ra, đến Mão, Thìn là về. Hành Hỏa thì Tỵ ra, đến Ngọ, Mùi là về. Hành Kim, thì Thân ra đến Dậu, Tuất là về. Nghĩa là, bốn hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy (liên hệ đến) bốn mùa, mỗi mùa (Xuân, Hạ, Thu, Đông) chủ một hành. Hành nào cũng khởi từ trung ương, rồi cũng về với trung ương.

- Bắt Đầu Hành Thủy thì: Hợi, Tý, Sửu (đông)

- Kế Hành Mộc thì: Dần, Mão, Thìn (xuân)

- Hành Hỏa thì: Ty, Ngọ, Mùi (hạ)

- Hành Kim thì: Thân, Dậu, Tuất (thu)

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là "*Tứ quý*", nghĩa là 4 tháng cuối của mỗi mùa.

Mùa nào cũng có Thổ; không Thổ chẳng thành Xuân, thành Hạ, thành Thu, thành Đông.

MỤC 4:

TỨ TƯỢNG Hiệp Với THỔ

Ở Trung Ương Là "NGŨ HÀNH"

Thổ là nguyên lý của vạn vật, tánh mạng của muôn loài, của con người, người nhờ có Thổ mà có xác, có hồn, mà Thổ là cửa "*đạo nghĩa chi môn*".

Đạo ở đó mà ra, Nghĩa bởi đó mà vào.

Đạo là thần, Nghĩa là khí.

Thần Khí phải tương dung, **đạo đời** mới tương đắc.

Mà Thổ còn có danh là "Hoàng Cực" (sẽ giải ở chương sau).

Thổ là chữ "*tín*", làm linh hồn cho nhân, lễ, nghĩa, trí. Nếu đánh lạc linh hồn này, thì dầu có nói nhân, nói nghĩa, nói lễ, nói trí, cũng là nhân giả, nghĩa giả, lễ giả, trí giả mà thôi.

Tất cả tư tưởng, ý chí, ngôn ngữ, hành động đều có Tín, thì việc đó là Chơn. Bằng mất Tín rồi thì vạn sự ô hô! đều là mê vọng.

Tóm lại, mọi người, mọi vật sự lý trong vũ trụ đều bởi Âm Dương, ngũ hành mà ra. Dầu vật hay người đều có đủ (Âm Dương ngũ hành), song người

được linh hơn, trọn vẹn hơn, là vì người đứng trong "*tam tài chi đạo*" nên gồm đủ ngũ đức (ngũ thường). Mà đức được hiện ra, thường được đứng vững là nhờ gốc bên trong có Thổ.

Vũ trụ vạn vật nương cậy ở nơi Trung mà đứng vững. Ngôi Trung đã sanh khởi và trưởng thành vạn hữu, vạn hữu đều có ngôi này làm chủ tể ở tâm, nên hằng sống và thăng hoa. Tất cả chung qui cũng được trở về đồng nhất cùng Tạo Hóa. Nên gọi: "*vạn vật giai cụ Thái cực*" để thấy sự quan trọng của hành Thổ ở trung ương, mà tìm hiểu số tượng ở Hà đồ.

Trước những ngày vĩ đại trong khoảng hồng môn, trong bầu không khí, có hai khí Âm Dương ấy ta gọi bằng: "*Trời*". Âm Dương giao hợp mà dựng nên quả địa cầu ta gọi là "*Đất*". Trời Đất đã xuất hiện.

1. Đầu tiên sinh ra nước (Thủy), gọi là: "*Thiên Nhất sanh Thủy, địa Lục thành chi*".

2. Nước đã có, thì nhiệt khí của quả đất cũng khởi lên gọi là: "*Địa Nhị sanh Hỏa, thiên Thất thành chi*".

3. Thủy, Hỏa đã có, thì cây cỏ, thực vật cũng khởi lên gọi là: "*Thiên Tam sanh Mộc, địa Bát thành chi*".

4. Kế đến trong quả đất cũng kết nên khoáng chất, gọi là: "*Địa Tứ sanh Kim, thiên Cửu thành chi*".

5. Thủy, Hỏa, Mộc, Kim bốn chất đều bầu vịu vào quả địa cầu. Trên mặt đất, vạn vật được thành hình, thành sắc, đều hấp thụ sanh khí của Âm Dương, nên trung tâm của bốn hành đều mang theo số Ngũ của đất (Thổ). Số đó là "*Thiên Ngũ Địa Ngũ, thành Thập Ngũ Thổ*".

Thế là số Hà đồ gồm 55 số, có:

- 25 số cơ (số dương): $1+3+5+7+9 = 25$
- 30 số ngẫu (số Âm): $2+4+6+8+10 = 30$
- Tổng cộng là: 55

Thế là Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ cũng là Âm Dương mà thôi.

Song quan trọng là số nào cũng mang theo một số ngũ, như:

- 1+5 thành 6
- 2+5 thành 7
- 3+5 thành 8
- 4+5 thành 9

thì Bắc, Nam, Đông, Tây đều có Ngũ Thổ ở Trung ương.

Nói tóm lại, không có một vật nào trong vũ trụ mà không ẩn bên trong con số 5 đó. Số đó là Thái cực, tánh mạng làm nòng cốt (xem Chú nghĩa ở trang cuối sách, thuộc Chương I).

MỤC 5: BÁT QUÁI

Để bước thêm một bước nữa là "*Tượng*" cho ta thấy được hình dung thô thiển, đôi sự giả thuyết, để men mò vào Đạo học. Có phần dễ dàng hơn là Tứ tượng sanh Bát quái.

1. Thái cực động sanh Dương, tịnh sanh Âm. Âm Dương được tượng trưng bằng:

- * Một gạch liền (—) Dương
- * Một gạch đứt (--) Âm

2. Đến tứ tượng thì mỗi tượng có hai gạch, như:

- * Thái Âm (--, -- hai gạch đứt) nhứt lục Thủy

* Thái Dương (—, — hai gạch liền) nhì thất Hỏa
* Thiếu Dương (- -, — gạch đứt gạch liền) tam bát Mộc

* Thiếu Âm (—, - - gạch liền gạch đứt) tứ cửu Kim

3. Đến Bát quái, thì mỗi quẻ lên 3 gạch, như:

* Kiền (—, —, — ba gạch liền), là lão Dương

* Khôn (--, --, -- ba gạch đứt), là lão Âm

Đó là 1 gạch sanh 2 là Tứ tượng, 2 gạch sanh 3 là Bát quái, rồi 3 sanh vạn vật là Bát quái biến hóa vô cùng.

Vạn vật cũng qui về Một, ấy là "*nguyên thủy phân chung*".

Số của Bát quái là: Nhứt **Kiền**, nhì **Đoài**, tam **Ly**, tứ **Chấn**, ngũ **Tốn**, lục **Khảm**, thất **Cấn**, bát **Khôn**.

Phương hướng là: Kiền **Nam**, Khôn **Bắc**, Ly **Đông**, Khảm **Tây**, Đoài **Đông nam**, Chấn **Đông bắc**, Tốn **Tây nam**, Cấn **Tây bắc**.

Tượng thì: Kiền là **Trời**, Khôn là **Đất**, Ly là **mặt trời**, Khảm là **mặt trăng**, Đoài là **đầm**, đầm ở đông nam, Chấn là **sấm**, sấm động ở đông bắc, Tốn là **gió**, gió thổi ở tây nam, Cấn là **núi**, núi trấn ở tây bắc.

Trung ương của Bát quái có một hình Thái cực.

Thái cực lấy Ly (—, --, —) Khảm (--, —, --) làm sự tấn thối, vận hành ngày đêm tiêu trường, mùa tiết định phân, Không (gian), Thời (gian) thiết lập. Nên mặt trời mọc ra phương đông, lên đỉnh đầu là dương khí trường; mặt trời xế hạ vào phương tây là âm trường.

Dương lấy từ quẻ Chấn (--, --, —) là 1 dương, Chấn lên đến Đoài (--, —, —) là 2 dương, Đoài lên

đến Kiên (—, —, —) là 3 dương. Ấy là dương trường.

Dương cực thịnh thì sanh Âm, nên thối xuống Tốn (—, —, --) là 1 âm, rồi đến Cấn (—, --, --) là 2 âm, lùi xuống Khôn (--, --, --) là 3 Âm. Đó là Âm cực thịnh thì sanh Dương.

Cũng như ta thấy ở mặt trăng, từ mùng 1 đến rằm thì lên lần lần tròn, từ rằm đến 30 lại khuyết mòn lần. Mòn rồi lại sanh, cứ vậy mà tuần hườn, thì lẽ dinh hư, tiêu trường cho ta biết: Âm Dương cứ luân chuyển, tiếp nối mãi. Thế thì bảo sao tinh thần, vật chất là hai, cương nhu biệt lập (làm đôi) được?

(Xin xem thêm Hình 3 ở cuối trang sách).

MỤC 6:

TỰ DO GIẢI THOÁT

Là TRUNG ĐẠO

Ở Trong CUỘC BIẾN HÓA

Tự do là nguồn sáng. Muốn nhận được, thấy được nó, thì chính nó ở trong hiện hữu. Như ta đã thấy sự xuất khởi đợt Âm Dương và Tứ tượng, Ngũ hành, bằng đủ mọi hình thức và muôn vàn trạng thái khác nhau.

Như ở năm hành có 5 đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín;

Hoặc 5 vị: Chua, cay, ngọt, mặn, đắng;

Hay 5 màu: Đen, đỏ, vàng, trắng, xanh;

đều bởi do tự tánh hiển trình, đồng hóa với thể chất. Như: mắt thì thấy, tai thì nghe, chân tay thì cử động, v.v... Như: Kiên thì cương kiện, Khôn nhu thuận,

Chấn khởi, Tốn nhập, Cấn chỉ, Đoài duyệt, Ly tung tỏa, Khảm hãm (co rút).

Đó là tùy ở mỗi sự, mỗi vật mà thấy không giống nhau, nhưng cũng do bản thể làm nòng cốt, nên tất cả vạn vật đều bởi một nguyên lý mà thôi.

Để kết thúc chương Đạo pháp này ĐẠO HỌC CHỈ NAM trình bày một nguyên lý Tạo Hóa, phát khởi muôn vàn trạng thái, xuất hiện đủ mọi hình thức, thiên sai vạn thù, không Thần Thánh nào đo lường nổi.

Sự màu nhiệm ấy, làm sao dùng lý trí mà thông hiểu được? Dùng tai mắt mà nghe thấy được? Phải trầm tư mặc tưởng, dẹp bỏ cái ta chật hẹp, thành kiến của tai mắt trí lự ngăn che. Khi ấy, được đồng nhứt với bản thể tự tánh, rồi thì được trọn tự do, được mở nhãn giới thấy khắp ba ngàn thế giới trước mắt, như nằm ở trong lòng bàn tay.

Mà muốn tìm tự thể nguyên lý đó, không ở đâu xa, ở trong tâm ta, ở trong tất cả sự vật vật, không một cử chỉ nào mà không bởi tự thể đó điều khiển, chủ động. Nhưng vạn hữu đều ở trong vòng tương đối; có khổ có vui, có sanh có diệt, thì lấy chi để chứng minh trong đó là tự thể trường tồn? Vạn vật đều biến thiên, dầu lớn như sơn hà đại địa, tinh tú, nhứt cầu, cũng theo công lệ có khởi sanh, tức có ngày hủy diệt. Thì cái gì là tự do? Cái gì là hằng hữu?

Khi ta đã thấy ở vòng châu thiên của hai gọng kèm Âm Dương tranh nhau mà trường, tranh nhau mà đối khắc tương hại, tương hình thì người sống cũng như hiện hữu của vũ trụ đều bị bao vây, làm sao tránh được sự kèm hãm trong công lệ Tạo Hóa, để

được tự do, để trở nên hiện hữu tồn tại, thì dầu cho tự thể đã đồng hóa cùng hiện tượng, thì tự thể cũng chung chịu sự sanh diệt với vạn hữu, thì làm gì có tự do được tự tại?

Đó là chưa ý thức nổi chỗ Chơn lý bất di bất dịch: Thái cực là nguyên lý vũ trụ, xuất hiện hai nghi, bốn tượng, tám quẻ như đã dẫn giải trên. Trong cuộc vận hành Tạo Hóa, một ra một vào, một tiêu một trường, tất nhiên có một thực một hư, một sanh một diệt. Người quân tử cần chủ tri cho được lẽ màu nhiệm, thì được tự tại tự do. Bằng buông xuôi mặc cho mê vọng, thì phải chịu khổ đau, lăn theo bánh xe luân hồi, hi hục trong bể khổ.

Nên quẻ Kiền (—, —, —), Văn ngôn nói: "*tri tấn thối tôn vong, bất thất kỳ chánh*" (xem Chương III) thì ở đâu lại không được an lạc, phiền não là Niết bàn? Nếu chẳng biết chỗ dừng, cũng "*kháng long hữu hối*". Dương lên đến cực thì sanh Âm, hết vui đến khổ, mà chẳng biết quay về cùng bốn thể như hình hoa thị ở trên, làm sao tránh được vòng tròn của thời tiết: Hết xuân đến hạ, kế bước đến thu đông.

Đó là nói tự thể, nguyên gốc nó là tự do, mà đồng hóa cùng hiện tượng, thì tự thể cũng phải chung chịu sự sanh diệt cùng vạn hữu chúng sanh. Vậy tự thể phải biết quay về ngôi xưa vị cũ. Mà quay về bằng cách nào?

Bằng "*Trung đạo*" nghĩa là: Bất thiên bất ý, không thái quá bất cập. Nói một cách khác, là bằng: "*Hoàng Cực Đại Trung*".

B. TRÙNG TỤNG

*Một gốc sanh hai, bốn, tám cành,
Lá chen hoa quả, đậm đà xanh;
Tượng chồi nức nở cơ mang kể,
Lớp lớp chung qui lại cội lành.*

oOo

*Tác Bát quái, dựng đời mở Đạo,
"Tu đạo chi vị giáo" là đây,
Sáu mươi tư quẻ an bài
Đạo đời tương đắc, Tam tài tương tham.
Hỏi tại sao Thánh phạm, phải trái?
Hỏi bởi đâu khôn dại đua ca?
Đạo là bộ máy điều hòa,
Có chi vui khổ, xảy ra liền liền?
Ta nên hiểu "thông quyền đạt biến",
Sớm kiến cơ uyển chuyển theo thời,
Âm Dương hai mối đạo Trời,
Dinh hư, tiêu trường, đổi dời diễn phô.
"Trung" chưa phát, tuyệt vô thiện ác,
Phải tùy chiêu: Một giác một mê;
Mê gây loạn xạ mọi bề,
Giác theo thiên lý để huê phân minh.
Ác hay thiện do tình chơn vọng,
Vọng dục lên, gió sóng bồi bồi,
Tình chơn tâm chí tỏ ngời,
Ví như ánh sáng mặt trời lên cao.
Chủ được Tâm, thì vào được Thánh,
Rong theo tình, ấm lạnh, chát chua;
Tình người được mát hơn thua,
Tình Trời hanh lợi, bốn mùa phong quang.
Này ĐẠO HỌC CHỈ NAM nhận kỹ,
Vũ trụ do nguyên lý tạo thành;*

Mười phương, tam thế chúng sanh,
 Đạo mâu thuẫn hóa, vận hành mà ra.
 Đạo nguyên lý cũng là "Thái cực",
 Ngôi trung tâm duy nhất Kiền Khôn;
 Thường hằng, tự hữu Chí Tôn,
 Cầm quyền Tạo Hóa ngự hồn vạn linh.
 Phân hai nghi: Âm hình, Dương khí,
 Rất đơn thuần, giản dị, phân minh;
 Tương giao, tương đối, tương thành,
 Khai thiên, tịch địa, hóa sanh muôn loài.
 Thấy, tất thấy, không ngoài lẽ đó,
 Đó là đây, là có, là không,
 Có không, đây đó cộng thông,
 Cộng thông sẽ được huyền đồng tự do.
 Luật tiêu trường, duỗi co, tự tán,
 Máy vận xoay tối sáng ẩn bày;
 Tùy thời biến hóa đổi thay,
 Trong ngoài, trên dưới an bài khít khao.
 Ở đâu, vào lúc nào cũng có,
 Có ở đây, ở đó, ở kia;
 Trông như đoạn cách phân lìa,
 Nhưng mà một khối, không chia, không rời.
 Như kỳ không, những người thấy đó,
 Tranh cãi nhau, xanh đỏ trắng vàng,
 Có người biết rõ giải can,
 Nó mang màu sắc nghi trang liền liền.
 Dịch sinh sinh, đạo Kiền biến hóa,
 Thân vô phương, thông cả mười phương,
 Chí nhu, mà cũng chí cương,
 Đổi thay nhưng cũng hằng thường siêu nhiên.
 "Trung" bản nhất, vô thiên, vô ý,

"Hòa" ứng thông, tình ý tương tham;
 Cho hay trong Thánh có phạm,
 Trong phạm có Thánh, bao hàm rộng sâu.
 Không ở đâu, mà đâu cũng có,
 Lớn không ngoài, mà nhỏ không trong,
 Khuyết nhiên, rất mực thái công,
 Tinh tuyền, tịch chiếu, cảm thông muôn loài
 Thiên Địa Nhơn, tam tài nhất thể,
 Thể "Trung Hòa" liên hệ thiết tha;
 Thể "Trung" bộc phát thể "Hòa",
 Thể "Hòa" xuất hiện, manh nha sanh thành.
 Lý và Khí, lưỡng danh nhất vật,
 Trung và Hòa, hai trật một đồng,
 Khí hình hiện, Lý chủ trong,
 Trong ngoài, tâm vật, sắc không hỗn thành.
 Tuyệt đối thể, không lành, không dữ,
 Ngoài thời, không, sanh tử, vật tình;
 Âm Dương biến hóa hiển trình,
 Hai nghi, bốn tượng, năm hành phân khai.
 Dụng trời đất, muôn loài muôn giống,
 Tiên, Hậu thiên, qui thống vào tâm;
 Động cơ, thiện ác sẵn mầm,
 Thiết hư, chơn vọng, ngấm ngấm chờ cơ.
 Ấy Hoàng cực, giờ giờ thận độc,
 Sách "Trung Dung" khá đọc hiểu qua;
 Làm phương "bảo hợp thái hòa",
 Cùng Trời đồng nhất, đâu mà diệt sanh!

I. TIẾT THỨ NHỨT

VÌ SAO

Cuốn ĐẠO HỌC CHỈ NAM

RA ĐỜI?

CHƯƠNG II

NHƠN SANH NHỨT QUÁN

*NHƠN bản vun trồng lớn tốt tươi,
SANH minh* triển tận lượng nơi người;
NHỨT như tâm ấy ngang Trời Đất,
QUÁN triết Càn Khôn lớn lắm ôi!*

* Mặt trăng từ mỏng một đến rằm, tròn đầy, viên hoạt (xem phần Chú nghĩa ở cuối sách, thuộc Chương II).

Nhơn loại hiện thời đứng trước hoàn cảnh đảo lộn cả một trật tự, làm cho tâm hồn đảo điên, khác nào con thuyền trôi dạt ngoài bể đại dương, trập trùng sóng gió, sương phủ tuyết bao, đương lúc loay hoay chưa biết lối nào để trở lại bến bờ, nếu không có một "la bàn" thì làm sao biết hướng mà về? Ôi! Không lẽ để mặc cho sóng to gió lớn xô đẩy, chờ lúc không còn chịu đựng nổi với sự uy hiếp đó, chắc phải sa vào miệng của tử thần. Thiên hạ vì quá hăng say với thú thích, nào khác chi đám thợ săn mãi đeo đuổi theo con mồi mà lạc vào rừng rậm núi sâu, không thấy có đường nào ra.

Cũng như giữa thời đại hiện nay, muôn ngàn học thuyết, bá vạn đường lối ngược xuôi; kẻ nói thế nọ, người bảo thế kia, ai ai cũng tự mãn, tự tin ở mình, vét hết trí, đổ hết thần, cố để đưa ra một giải pháp hơn đời, hầu thâm tóm hoàn vũ vào tay, chỉ nhận có ta đây là cứu cánh, là an toàn hạnh phúc. Nào đông nào tây, xưa nay mới cũ, như khách rao hàng, nhưng thực tâm của các học thuyết, các Tôn giáo đó cũng vì thương đời mà thôi.

Đó phải chăng do nhận thức mà nảy ra muôn đường ngàn lối? Đường lối nhiều nên Nhơn loại cũng

chẳng biết đường nào nên đi, lối nào nên tránh. Mỗi người cũng toan giải thoát lấy thân, tìm lối an toàn. Bởi vậy, nhiều đường mà không đường để tới, nhiều lối nên không biết lối nào để đi. Ôi! Sự mỗi mong đương giục thúc con người để được trở lại nguồn lành cõi phúc, sớm xa nơi thảm họa của thời gian, ảo mê của hoàn cảnh.

Vì lẽ trên mà hôm nay Minh Lý có tập ĐẠO HỌC CHỈ NAM này ra đời.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM mục đích hướng dẫn nhơn sanh tìm lại cõi rẽ của chính mình. Cõi rẽ ấy mất đi, thì bản thân con người đành luân lưu trong biển khổ. Thế giới và nhơn loại cũng vì lãng quên cái căn bản duy nhất đó mà hóa ra cuộc sống đảo điên, xã hội quốc gia trở thành máu xương chiến địa (HĐDV 20.02.71).

ĐẠO HỌC CHỈ NAM là một chương trình duy nhất làm công cụ cho chư đạo tâm, bất cứ ở giáo phái nào, đạt đến "*bản nguyên sơ thi*", hầu tự độ, độ tha.

MỤC 1:

Cảnh NGUY VONG

Của NHƠN LOẠI Hiện Thời.

Vấn đề nhơn sanh, mà chương ĐẠO HỌC CHỈ NAM này đem ra bàn giải, là một việc làm có lẽ dư công vô ích. Vì từ xưa nay, khắp đông tây, biết bao Hiền triết Thánh nhơn đã bàn tính rất nhiều. Nhưng xét lại, hiện tình nhơn loại sống trên quả đất, con người không thấy còn một giá trị nào đáng yêu, đáng kính.

Người như vong thân mất gốc, sống ích kỷ lẻ loi, tình nghĩa giữa nhau trong một xã hội, một gia đình lợt lạt, không còn đậm âm duy nhất một đường. Thậm chí cha con, chồng vợ, thầy trò cũng thiếu thành thật. Mỗi người tự có một đường hướng, không ai nhường nhịn ai, đến nỗi chống đối bằng ngôn ngữ, bằng súng gươm. Chắc sẽ đến một ngày tương tàn mà tận diệt.

Xã hội loài người hiện nay không phải thiếu đường hướng đi. Tôn giáo học thuyết nhiều, nhưng tinh thần vẫn đối. Cơ khí khoa học thay người mà sản xuất dồi dào, nhưng thiên hạ cũng thiếu mặc, thiếu ăn; giặc cướp sinh ra tham lam, vợ vét lan tràn; khổ xác thịt, khổ linh hồn, đời sống ê chề. Con người hủy thân, tự sát bằng đủ phương, để tránh cuộc đời ngược xuôi, bạc bẽo.

- Tại sao con người phải lâm vào tình trạng khốn đốn, nguy ngập như thế này?

- Đó phải chăng con người đã tách rời sự sống, là cõi rẽ của nó, nên tâm địa không quân bình; mà tâm địa mất quân bình rồi, thì không có một sự việc gì mà không đảo lộn. Sự vật bị đảo lộn, thì xã hội làm gì có được an toàn, con người có được tự do hạnh phúc?

Nên khi tâm địa không quân bình, thì lòng tham dục mới khởi lên, lòng thiên lệch với vật nọ vật kia nảy ra, thương không đáng thương, ghét không đáng ghét. Vì vậy mà xã hội loài người như mặt bể đầy sóng gió, âm ỉ luôn luôn, cặn cẩu quấy mớ, đời sống chưa thấy một phút yên lành, mà tâm tư, tai mắt trở nên bãi chiến trường. Khổ ơi là khổ!

Tình trạng xã hội ngày nay là thế, thì con người

là động cơ của xã hội, mà động cơ đã thiên lệch, bảo sao xã hội khỏi hư nguy, sụp đổ. Nhưng cần xét lại nguyên nhân cấu tạo con người, vì cơ nào có những nông nổi đáng ghét, mà cũng có cái đáng thương.

Thánh nhơn cũng người, chúng ta cũng người, Nghiêu Thuấn cũng người, mà Đạo Chích, Tần Cối lưu manh, đảng điểm cũng người. Nhưng người nọ được ưu tú thanh cao, người kia đáng khinh khi bỉ ổi, là tại sao?

MỤC 2:

Làm Sao Để GIẢI THOÁT Cho CON NGƯỜI

Đó là vấn đề hóc hiểm oái oăm, nhưng dầu khó đến đâu, cũng phải gắng công mở một lối thoát, cho tương lai thấy một bầu trời mới, của con người thế hệ mới cùng sống trong cảnh thanh bình.

- Con người mới là con người thế nào?

- Nói con người mới, là nói con người có một tâm linh sáng suốt, không vong bản vong thân, thì con người đó được sống dư thừa mạnh mẽ, dưới có gốc rễ, trên có tàng lá chở che. Ấy là người thiệt, người ở trong Tam tài đồng đẳng.

- Người ở trong Tam tài đồng đẳng là người thế nào?

- Tam tài là: Trời, Đất, Người. Người tuy là thấy nhỏ bé hơn Trời Đất, nhưng cũng có đủ điều kiện để mà sánh ngang hàng cùng Trời Đất, vì cũng đồng có một bản tánh sáng suốt, không phải khác với Trời Đất đâu.

Sách Trung Dung nói rằng: *"Duy thiên hạ chí thành... năng tận vật chí tánh tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục,... khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục tắc khả dĩ dĩ thiên địa tham hỉ"*. Nghĩa là: Trong thiên hạ, duy có người chí thành hay tận được cái tánh của vật, thì có thể giúp được sự hóa dục (hóa là sanh ra, dục là nuôi dưỡng) của Trời Đất. Có thể trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất, thì sẽ đồng hàng cùng Trời Đất.

Ai làm được ba việc là:

* Phát huy cái đức chí thành của mình.

* Khuếch sung cái lượng chí thành của người khác.

* Dùng hết năng lực chí thành của mọi vật, để trợ giúp việc hóa dục của Trời Đất, thì có khác chi Trời Đất.

Nói một cách khác, ai có lòng lo tu niệm, sửa mình, phụng thiên sự dân, thì đồng đẳng với Trời Đất.

Mà thành tắc minh, minh là thành vật. Nên gọi chí thành là chỉ bản thể của con người; còn gọi chí thánh là chỉ công dụng của con người. Tuy hai tên khác nhau, mà đồng một hạng người là Thánh nhơn. Cho nên người ta cũng nói: Thánh nhơn là cái Đạo hữu hình, nhờ đó mà người ta biết đến cái Đạo vô hình của Trời Đất. Thế thì con người tâm linh sáng suốt, có phải là sánh ngang với Đạo; đồng đẳng với Tam tài đó chăng?

MỤC 3:

Các THÁNH NHƠN Đã Tìm Nhiều Phương XÂY DỰNG

Cho LOÀI NGƯỜI

Cũng vì lẽ trên, mà các bậc ưu thời mẫn thế, các đấng Minh chủ Thánh nhơn nhận thấy nguy cơ, nên luôn luôn đặt vấn đề nhơn loại làm trọng tâm. Liên tiếp các thời đại, khắp đông tây xuất hiện các bậc Giáo chủ, các nhà đạo đức dẫn lối đưa đường, tìm đủ giải pháp xây dựng con người, bảo toàn quốc gia, thế giới.

- Người là chi?

Xưa nay không ngớt đặt lại vấn đề, lo lo, nghĩ nghĩ, ngồi không yên, đứng không vững, lòng dạ xót xa bận rộn, như đánh mất vật gì quý báu, mà các Ngài quên cả thân, vất cả vợ yêu con quý, quyền lớn vị cao, lo phương cứu vớt đồng loại, không quản khó khăn.

Như đức Thế Tôn thế phát vào nơi núi tuyết để trầm tư mặc tưởng, chứng ngộ Đạo màu hầu cứu độ chúng sanh.

Đức Thánh Khổng lang thang vất vả nước Thái, nước Trần, chu du nơi này, nơi nọ, như kiếm đám con đi lạc, suốt một cuộc đời của Ngài, trông cho gặp vua hiền, để thi thiết đường lối, lập lại xã hội con người.

Như chúa Ki Tô cũng nhận sứ mạng vì người, đến để chuộc tội thế gian, mà chịu trần mình trên Thánh giá.

Ôi! Biết bao nhiêu hiền nhơn, quân tử đã hy sinh phụng sự cho người, và các Ngài thông cảm sâu rộng, trông thấy xa xăm, yêu thương nhơn loại như mẹ thương con. Nhơn loại như đám con đau, trần trở rên la như gàn hấp hối. Các Ngài là mẹ không lẽ ôm con mà khóc, sao bằng chạy đầu làng xó chợ, tìm thầy,

kiếm thuốc để cứu đàn con. Nhưng bệnh tình nhơn loại, cũng đủ thuốc hay thầy giỏi, song chưa hẳn được lành, đôi lúc trở lại trở đi. Còn xã hội, gia đình, là nơi nhà đau, giường bệnh.

Như trên đã nói, bệnh thân thể có nhiều hình thức, do bẩm chất, do phong thổ, do thời kỳ v.v... nên phải có nhiều thứ thuốc, tùy theo trường hợp mà trị mới lành mạnh. Thì bệnh tinh thần có trạng thái khác nhau, còn nhiều hơn nữa, cũng chẳng phải phương pháp xưa mà trị lành được tâm tánh con người đời nay.

Tuy biết nguồn đầu tâm linh có một, mà con người phần nhiều chỉ nghe nói sơ qua, chớ đâu đạt tới mục đích đó được. Vì vậy mà các lời dạy của các Giáo chủ, về phần **thật giáo** chỉ độ một số ít người. Còn phải theo trình độ của mỗi người, mỗi nhóm, mỗi xứ, mỗi nước, phân hóa mà dạy khác nhau, nên gọi là **quyền giáo**.

Con người đời nay, đọc qua các giáo lý xưa, khó biết mình phải theo lời dạy nào, người thấp học giáo lý cao, người cao học giáo lý thấp, hoặc người học đạo không theo pháp môn hạp với giáo lý thấp, hoặc người học đạo không theo pháp môn hạp với bản tánh mình, thì biết chừng nào mới đạt đến mục đích cứu cánh cửa Đạo.

Hôm nay, là thời kỳ qui nguyên. Nếu chẳng có Ổn Trên dung hòa, uyển chuyển dịu dặt chúng sanh mà đem về một mối tổng hợp, thì chúng sanh vẫn còn chống đối nhau mãi. Thân sống còn không yên, thì có trông mong gì điều hòa tinh thần, để đi tới một cảnh thái bình an lạc, cùng tịnh tâm vui vẻ mà trở về

nguồn gốc của Đạo.

Hướng chi học Đạo chẳng phải có lý thuyết suông! Bằng không có Chơn sư thân truyền, thiếu phần thiết hành, thì làm gì nên được? Sau một thời kỳ học hỏi về tâm linh, còn phải tu thiết hành, để đi đến mức cứu cánh của nó là: "*minh tâm kiến tánh*" đồng nhất cùng Trời. Chưa đến đó, thì chưa phải là người thành đạo hay là chứng quả vị Tiên Phật chi cả. Có thể gọi là người học đạo, hay là tu Đạo mà thôi.

Cuốn sách này trước chỉ rõ nguồn đầu của tâm linh, sau là chỉ phương pháp thiết hành vừa nói trên đó, mới là phần cốt yếu. Nếu tri (biết) mà không hành (tập), thì cũng như bất tri (không biết). Đó là lời răn của các vị Giáo chủ. Các bậc Thánh nhơn, người hành giả há dám xem thường mà bỏ qua đi chăng?

II. TIẾT THỨ HAI

GIÁ TRỊ CON NGƯỜI

MỤC 1:

Nghĩa CON NGƯỜI

Theo Sách LỄ KÝ, ĐẠI HỌC

Chương 1 đã nói về sự cấu tạo vũ trụ và con người. Nguyên lý của vũ trụ là Trời, của con người là Tâm. Hai bên đồng một nguyên lý. Thế là Trời và Người đồng một Đạo vậy. Sự cấu tạo vũ trụ thế nào, thì sự cấu tạo con người cũng y như thế đó. Vũ trụ là thể lớn, con người là thể nhỏ. Dầu nhỏ, dầu lớn cũng nhận ở nơi Tạo Hóa một bản nguyên bất tử. Hình hài, hồn phách do Âm Dương, Tứ tượng mà có ra.

- Vậy người là chi? Theo Nho giáo, ở Lễ Ký, thì: "*Nhơn giả, kỳ thiên địa chi đức, Âm Dương chi giao, qui thần chi hội, ngũ hành chi tú khí*"? Nghĩa là: Con người là cái đức của Trời Đất, chỗ giao điểm của Âm Dương, nơi tụ hội của Quỷ Thần, cái tinh túy của Ngũ Hành.

Đây nói con người là đức của Trời Đất, vậy "*đức*" là nghĩa gì?

- **Đức** là minh đức ở sách Đại Học. **Minh đức** là cái tánh bản nhiên Trời ban phú ở nơi người. Đức ấy rất hồn nhiên, viên minh, diệu giác như ở bản thể chia ra.

Thái cực là nguyên lý dựng nên Trời Đất, sanh thành muôn vật, lưu hành biến hóa, làm cho vũ trụ ngày một hoàn mãn, phát hiện hết bản tánh tri năng

của chúng sanh; thì minh đức của con người cũng có thể triển chuyển mạnh mẽ nào khác chi Trời.

Cái đức "*minh đức*" được sung mãn nơi người, thì thông đồng cùng Trời Đất, gánh nỗi việc thiên hạ dễ dàng. Đức ấy được lan tỏa ra, làm cho đâu cũng được sáng rõ huy hoàng, như ngọn lửa thiêng chong các cây đèn, mà đèn nào cũng tỏ. Đó là Minh đức mà Tân dân, vừa lợi nhơn lợi kỷ. Người đã được cái đức ấy của Trời Đất, là phần thiên mạng ký dữ ở ta, đồng thời với lúc có thân này.

Thân này lại là nơi **giao điểm của Âm Dương**. Âm Dương đã tác lập gồm đủ hình thể và tinh thần. Thế thì thân này có đủ những hoạt lực để biến hóa, để thông đồng trên tận cùng Trời, dưới tận cùng Đất. Thân này tự có cương kiện viên hoạt của Kiên, nhu thuận hậu đức của Khôn, mạnh mẽ mà nhu hòa, giản dị mà thông biến.

Chẳng những thế, mà con người đứng giữa chỗ giao điểm của vũ trụ, ngang dọc chòng nhau, thời gian và không gian nối tiếp thành con người ở chỗ trung tâm: Trời xuống Đất lên, Dương qua Âm lại. Thật là quan yếu biết ngần nào!

Con người sống động mà tiến luôn, không ngừng không nghỉ, biến hóa để thay cũ đổi mới, tô tạo cho được hoàn toàn. Song biến là biến cái hình hài, hồn phách, chứ cái Chơn tâm tự hữu vẫn duy nhất, mà điều lý để quân bình, cho ta thấy thêm một phần quan trọng ở người là nơi Quĩ Thần hội tụ.

Đặc điểm là người do **quĩ thần tụ hội**, chẳng những xây dựng được hình thức, trông biết được hiện hữu của thời gian, mà còn thông đồng giao cảm ở nơi

u minh màu nhiệm, thấy bằng trực giác, Chơn tâm khám phá được việc bí mật của Thần, truy nguyên thấu ngọn nguồn cơ nhiệm.

Nhưng đã có Thần bên cạnh, Thần lại có quĩ. Quĩ là Thần ô trược yếu đuối, thấp hèn, thì tránh sao khỏi con người không đắm sa vào nơi mờ đục, mà đua rong theo ảo ảnh mê dục, giả trò. Nên tâm con người chứa đựng cả hình và tình, hạt giống lành dữ, chơn ngụy, chờ dịp mà khởi sanh, hễ nghiêng bên nào thì bên ấy thắng. Nên sách Nho có câu:

*Tâm điểm như tinh tượng,
Hoành câu tự nguyệt tà;
Phi mao tùng thử đắc,
Tác Phật giả do tha.*

Nghĩa là: chữ "*tâm*" () trên có 3 chấm như 3 ngôi sao trên trời, còn ở dưới một vòng câu như mặt trăng non (Mồng 3 Âm lịch). Mang lông đội sừng cũng tại nó, làm Phật làm Tiên cũng chẳng ai khác.

Đã là Quĩ, thì chỉ hợp với âm, hay hàm chứa những sự khôn ngoan tích tụ bằng kinh nghiệm những việc đã qua. Còn Thần thì suốt tận quá khứ, hiện tại và vị lai, những gì còn ẩn khuất, những việc chưa xảy ra, mà chỗ u minh thiện ác không đâu mà không thấu được. Đó là Âm Dương. Thần Quĩ gồm đủ ở nơi người.

Người lại còn được cái **tinh túy của ngũ hành** nên thông thấu vật tinh, gồm có: bốn mối; Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh; bốn đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, có đủ tánh thường hay ứng thông cùng vạn vật. Kinh Thư nói: "*hội kỳ hữu cực, quĩ kỳ hữu cực*", chẳng những thông hội với hiện tượng thế giới bên ngoài, mà còn

đồng nhứt với Hoàng cực là ngôi trung ương bên trong.

MỤC 2:

CON NGƯỜI Theo Thuyết

VƯƠNG DƯƠNG MINH, TUÂN TỬ

Người là đức của Trời Đất, mà cũng là tâm của Trời Đất. Bấy giờ ta thử xét cái tâm người sát nghĩa như thế nào?

Vương Dương Minh nói:

* Lấy hình thể bao la mà nói, thì gọi là **Trời**

* Lấy sự chủ thể sai khiến mà nói, thì gọi là **Thượng**

Đế

* Lấy chỗ lưu hành vận dụng mà nói, thì gọi là **mạng**

* Lấy chỗ phú bẩm nơi người mà nói, thì gọi là **tánh**

* Lấy chỗ chủ sự sai khiến ở thân mà nói, thì gọi là **tâm**.

Đó là tùy theo mỗi trạng thái, để phân định cái danh, kỳ thật cũng là Một. "Một" nghĩa là không hai, tự bất cứ hình thái nào cũng trong lẽ Một mà phát sanh, lưu chuyển khắp đó đây. Nhưng khi Một đã phân hóa, thì vạn tượng có nhiều hình thái khác biệt. Chỉ có bậc Thánh mới đạt cái lẽ Một đó mà suốt thông vạn pháp, không sót một vật nào. Nhưng đã là người bị nằm trong cái vỏ kinh cạm, bị tình thức bao che, làm cho Chơn tâm mờ lấp, mà trông ra muôn vàn hình thức khác nhau nên mới có nhiều sai biệt.

Sai biệt đó ta cần nhận kỹ (sẽ giải tiếp sau).

Đây chỉ nói cái Một của tâm. Nó bao la màu nhiệm, không có một vật nào không bởi tâm mà xuất

hiện; cũng không có vật nào chẳng trở về với tâm.

Tuân Tử nói: Tâm là vua của hình thể, chủ tể của thần minh, ra lệnh mà không chịu một mạng lệnh ở nơi nào: tự cầm lấy, tự khiến lấy, tự cướp lấy, tự làm lấy, tự lấy lấy, tự thôi lấy.

Thế cho ta thấy quyền hạn của tâm vô cùng to lớn: vua của thân thể, mà chủ cả thần minh; ra lệnh cho tứ chi bá hải mà không chịu một mạng lệnh ở nơi nào, vì tâm là chủ tể có quyền bắt buộc mắt, tai, mũi, miệng, chân tay, ý chí phải nghe. Biểu co thì co, biểu duỗi thì duỗi, khiến cầm phải cầm, bảo nói thì nói, mà ngũ quan bá hải không quyền điều khiển được tâm.

Ông nói: Cái tâm rộng lớn, bàng bạc khắp vũ trụ, rất thiêng liêng màu nhiệm, hàm chứa vạn sự vạn vật, không sót một vật nào, đâu phải cái quả tim máu thịt ứ đọng, hẹp chật nhỏ nhen. Nó là tri giác, nên tai mắt biết nghe ngóng, chân tay biết co duỗi, tâm ấy rộng rang man mác như hư không, sáng suốt như mặt trời mặt trăng, không chỗ nào chẳng soi chiếu vào. Vạn vật đầy đủ ở tâm, lý lý sự sự đều do nơi tâm mà phát xuất. Ngoài tâm không có sự ("*hư linh bất muội, lý cụ nhi vạn sự xuất, tâm ngoại vô lý, tâm ngoại vô sự*").

Thế thì tác dụng của tâm chẳng khá nghĩ bàn, rộng lớn mà thiêng liêng. Nên Tuân Tử cũng thấy cái tâm oai hùng mạnh mẽ, độc lập mà tự do.

Quyền năng của tâm không hạn định biên giới. Song tâm còn có ý làm động cơ, có tình dong ruổi theo ngũ trần, có thể gây nhiều bất lợi cho tâm, đôi lúc còn che mờ, có thể khiến tâm nghiêng ngã.

Khi tâm đã nghiêng lệch về bên nào, thì chỉ thấy

được bên ấy, mà các mặt khác không thể biết được. Hoặ có biết, cũng chỉ biết cái đối tượng của sự mờ quáng, đâu tìm thấy cái hay của sự vật, mà xét được cái dở của nơi mình. Tâm đã không giữ được thăng bằng, thì dầu cho đen trắng ở trước mắt, sấm sét ở bên tai, cũng không hề nghe thấy.

Đó là chưa bị ngoại vật nhiễu loạn mà còn thế, huống hồ tâm đã trôi dạt ngoài hiện tượng, bị tình thức ngăn che, lúc ấy chỉ còn là đối lập. Tâm lý con người đến đây đã chia làm hai: **nhơn tâm và đạo tâm**. Nhơn tâm thì nguy hiểm, mà đạo tâm thì vi diệu ("*nhơn tâm duy nguy, đạo tâm duy vi*").

Nên xưa các Thánh Vương truyền kế cho nhau đời đời: Đường (vua Nghiêu), Ngu (vua Thuấn), Hạ (vua Vũ) chỉ trao mật quyết về cách giữ tâm cho tinh ròng chuyên nhứt, lấy đạo Trung mà yên giữ thủy thổ, nhơn dân.

MỤC 3:

Nghĩa CON NGƯỜI

Theo GIÁO LÝ Lão Tử, Thích Ca

Đã nói người là đức của Trời Đất. Thật vậy! Lão Tử có nói: Vạn vật sanh do nơi Đạo. Vật nào cũng có cái đức của nó, gọi là **đạo tâm**. Vì đạo và đức, hay tánh và mạng cũng cùng một nghĩa như nhau.

Tâm đạo sáng suốt nhưng tế vi "*Đạo tâm duy vi*", giữ thì còn, buông thì mất. Nên cổ nhơn giới cụ, thận độc, mà tinh ròng, chuyên nhứt, giữ lấy đạo Trung, không để cho động cơ phát xuất rồi mới ngăn ngừa, mà cần mật lúc cơ vi vừa chớm động. Nếu đạo tâm

phát động mà không biết ngăn ngừa, thì nó biến thành **nhơn tâm**.

Nhơn tâm là tâm cấu nhiễm, tâm khí chất do máu huyết cấu sanh, đắm mê làm lạc theo bầy tình, dong ruổi theo sắc trần, sóng dục vọng ở biển tâm không lúc nào yên ổn, nên nói: Tâm người nguy hiểm, tráo trở đa đoan ("*nhơn tâm duy nguy*").

Thế thì nhân bản của con người, nếu mà cái tâm lợi hại ấy, làm sao để giữ cái gốc cho vững, kết quả nhánh nhóc được tươi tốt? Tâm đã nói là kho chứa hạt giống Thánh phàm, nó là cái cửa hai cánh. Đóng mở ra vào do đấy. Nên cổ nhơn lấy làm lo sợ cho cái tâm, sai một ly đi một dặm. Đã có Thánh, có phàm, tất là đạo tâm, nhơn tâm chia làm hai mối.

Theo nhà Phật, tâm ấy gọi là "*A-lại-da*" (Alaya), có hàm chứa các chủng tử sanh diệt, Thánh phàm, mà thức hay nhóm khởi, nên vọng động nảy ra ý, để ra tình. Còn tánh là bản thể chơn như thì vẫn sáng suốt. Song nó đã nằm trong vòng vọng động của ý thức, tỉ như sóng gió nổi lên làm mờ đục cái tâm vậy.

Nhà Phật cũng ví cái tâm rộng lớn như hư không, bao hàm vạn pháp, xuất sanh vũ trụ vạn vật, tâm chứa các pháp thế gian và xuất thế gian, đủ các chủng tử sanh diệt. Thánh phàm bởi đó, chư Tổ, chư Thánh nương đó mà đắc Đạo; chúng sanh cũng do đó mà quanh quẩn trong sáu nẻo luân hồi sanh tử.

Tâm ấy đã gây nên biết bao cuộc sóng gió cho đời, mà cũng là khởi điểm, mở đường cho chúng sanh nhập vào cảnh an lạc niết bàn tự tại. Nên khế kinh có câu:

Vô bất tùng thử pháp giới lưu

Mạc bất hoàn qui thử pháp giới.

Chữ pháp giới nói đây là pháp giới tánh, là cái tâm của vũ trụ, mà cũng là tâm của con người.

Thế là "*Tam giới duy lâm, vạn pháp duy thức*". Tâm thức là cái kho chứa các hạt giống Thánh phàm. Nếu tâm thức không quân bình, có thể đảo lộn cả trật tự của Trời Đất, nhất là lúc tâm thức bị thiên về một góc, thì chỉ biết cái góc của bản ngã chật hẹp của một thân. Đã chấp cứng rồi thì không còn thấy cái hay cái quý ở đâu nữa. Nên nói: "*Lúc bị chênh lệch, đâu bạch hắc để trước mắt, cũng không thấy được trắng hay đen, trống vang sấm nổ bên tai, cũng không nghe được tiếng*".

MỤC 4:

Giá Trị CON NGƯỜI LÀ Do CON NGƯỜI Tự Tạo

Ôi! Con người vĩ đại cao quý thay! So với Trời, sánh với Đất, người lại được ưu tú, làm trung gian tham dự vào cuộc Tạo Hóa sanh thành.

Nhưng đứng về cá nhân mà xét, thật hoàn cảnh xã hội và con người hiện nay, nhận thấy có gì xứng đáng đâu? Con người là một hạt sương trên ngọn cỏ, một lượn sóng giữa trùng dương, thoát mất thoát còn, yếu ớt đến nỗi một con vi trùng, một ngọn gió phớt qua cũng đủ tiêu diệt, trong một giờ hàng trăm hàng vạn người.

Vậy thì có nghĩa lý gì đâu! Quanh quẩn thân năm, vẫn vợ một kiếp, bụng chưa no, thân không đủ ấm, làm gì có được sự vĩ đại như câu nói ở trên?

Đó là con người tự bạo, tự khí, không nhận thấy

tầm quan trọng tự hữu ở nơi mình. Ta cần trông xa thấy kỹ, khắp trên thế giới, xưa qua nay lại, kiến thiết một cuộc đời bao la xảo diệu, sự nghiệp lớn lao hùng hậu, đã trang trải khắp nơi, thiết lập một đời sống, nào Tôn giáo, triết học, khoa học, chữ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật,... nào Minh quân lương tướng, hào hiệp anh hùng đã vang trời dậy đất, nào hội họa thi ca, cơ khí kỳ tình, bay trên mây, ngầm dưới biển, chạy trên bộ, giao thông bằng gió, bằng hơi?

- Có phải đó là người không?

- Chẳng những bao nhiêu đó, mà còn thông đồng ngoài các cõi, đi lại với thế giới bên kia, cũng có thể thay trời mà tài thành công hóa vũ trụ. Song quyền năng con người còn rời rạc lẻ loi, chưa phát triển tận khả năng, mới một vài cạnh khía phôi thai, chưa lấy chi là toàn diện.

Một mặt khác, con người phải luôn luôn nhớ rằng: mình là "*Âm Dương chi giao, Quỷ Thần chi hội*" nghĩa là: mình đứng giữa Âm Dương, phân nửa là Thần, phân nửa là Quỷ, có phải mà cũng có quấy, có thiện mà cũng có ác; vậy con người phải chọn con đường mà đi. Đi trúng con đường lành thì lên, bằng sai con đường lành thì xuống. Con người còn có thể tu nên Tiên, nên Phật, làm sư biểu cho muôn đời. Như thế, giá trị con người không phải là con người tự tạo cho mình sao?

Vấn đề nhơn bản là vấn đề hóc hiểm mà quan yếu. Nếu bản (gốc) không lập, thì Đạo không sanh. Người không gốc, thì người không đứng vững. Mà người là tâm, gốc của tâm là tánh. Biết vun trồng bản tánh, mới thiết chỗ căn cơ, tông tổ của con người.

III. TIẾT THỨ BA

TÁNH LÀ NHƠN BẢN

MỤC 1:

Nghĩa Chữ TÁNH Tuyệt Đối

Và Tương Đối (theo nghĩa chiết tự)

Tánh là bản thể, là căn bản của con người, viên minh thường trụ, hồn nhiên thiên lý, vốn có một không hai, chơn thật mà thiêng liêng, ở Thách không thêm, ở phạm không bớt.

Phật giáo gọi là: Chơn như, Pháp giới tánh, Như lai tạng, Diệu giác ngươn minh, v.v...

Đạo giáo gọi là: Thiên tánh, Đạo tâm, Linh căn, Huyền đức, Lý tánh, Lương tâm, v.v...

Nho giáo gọi là: Thiên lương bốn lánh, Thiên mạng chi tánh, Minh đức, Lương tri, Lương năng, Tánh lý, v.v...

Đó là **tánh tuyệt đối**, bao hàm ý nghĩa cùng tột cao siêu. Còn theo nghĩa tương đối, tánh do chữ tâm () và chữ sanh () hiệp lại mà thành, gồm hai phương diện: (1) **Sanh**, hay là khí, là sự sống, (2) **Tâm**, hay là lý, là lẽ thật.

Theo nghĩa sau này, cũng có sách giải tánh là gốc sanh ra tâm, vì tánh thuộc mộc, tâm thuộc hỏa: Mộc sanh Hỏa, thì nói như thế cũng có lý. Nếu muốn tu phân bốn, thì phải đem tâm trở lại tánh, gọi là: "*Hòa lý tài liên*" (Hòa hoàn sanh Mộc). Có người không hiểu cái lý này, nên nói: trong lửa không bao giờ trồng sen được.

Khi tánh tuyệt đối chưa phát hiện, thì nó vốn có một, vô vi, là phần Tiên thiên, vạn tượng còn ngấm ngấm bên trong. Mà khi nó phát hiện ra rồi, thì có đủ Lý, Khí (tức là hai chữ **sanh** và **tâm** nói trên) hữu vi, là phần hậu thiên, sanh ra thiên hình vạn trạng. Tu là hậu thiên phản tiên thiên, nói một cách khác là: do thiên hình vạn trạng mà trở lại nguyên lý tối sơ. Cho nên mới có câu: "*nhứt bốn tán vạn thù*" (là lúc đi ra ngoài), "*vạn thù qui nhứt bốn*" (là lúc trở về gốc).

Lúc cha mẹ chưa sanh ("*vị sanh thân dĩ tiên*"), thì tánh con người thuộc về tiên thiên. Khi còn nằm trong thai bào, thì cái thai thở theo dây rốn của mẹ, gọi là thai tức, chớ chưa có gì liên lạc với bên ngoài.

Đến khi lọt lòng mẹ, lên tiếng khóc oa oa, thì đứa trẻ mới bắt đầu khai khiếu ở miệng, mũi, mà hít khí hậu thiên ngoài trời. Nhưng khí hậu thiên là phần phạm trược, nên lần lần nó làm lu mờ cái chơn tánh, như tấm gương bị đóng bụi, như dòng nước bị sóng gió quấy mờ. Con người vì nhân duyên đó mà tập hợp vào một cảnh đời, để rồi diễn những tấn tuồng oái oăm, chua chát.

Thành thử chữ tánh, ban sơ vốn có một, rồi sau phân làm hai là Tâm (lý) và sanh (khí). Sau nữa, lại phân ra tâm và sanh mỗi bên lại có phần Tiên thiên và phần Hậu thiên, như biểu sau này:

	Tâm (lý)	Tâm tiên thiên (đạo)
		Tâm hậu thiên (đời)
TÁNH	Sanh (khí)	Tâm tiên thiên (đạo)
		Tâm hậu thiên (đời)

MỤC 2:**SANH VÀ TÂM HẬU THIÊN (ĐỜI)**

Sanh là đời sống của con người. Ta cũng cần biết qua đời là chi để nhận lại những gì, đâu chơn đâu vọng. Còn tâm đây là tâm thức, thuộc về phạm trược, nên sự xét đoán cũng cạn cợt, chỉ biết điều hiện tượng bên ngoài mà thôi.

Đã vào đời, thì phải biết đời như thế nào, để làm chi? Thân phận của con người liệu sao là phải. Đời là một cảnh tượng trong vũ trụ, gồm có trạng huống sanh tồn là quan hệ và tâm thức (sẽ nói rõ sau). Thân phận của đời là thế. Đời là một sân khấu diễn màn vô định, thay đổi biến dời rộng lớn mênh mang.

Đại ý, đời là thế, để mọi người ý thức cho được sự lợi hại, để tránh hay theo. Hằng ngày chúng ta sống ở đâu, ở trên đất này được thấy những gì? Có phải núi bể sông rừng, chim muông, súc vật, vườn ruộng, nhà cửa và người ta không?

Đó là cảnh sắc của đời. Cảnh sắc đó được khu biệt thành quốc tế, quốc gia, xã hội, gia đình, đoàn thể, cha con, vợ chồng, bè bạn, anh em, chính phủ, triều nghi...

Dựa vào cảnh tượng đó mà khởi lên, lúc đầu chỉ thấy hiến chương, pháp luật, luân lý, phong nghi... rồi đến những nước giàu dân mạnh, tướng giỏi, quân hùng, đây trời đây đất, gươm súng choán rền, mạnh được yếu thua. Kế theo mới thấy giàu sang với nghèo hèn, oai quyền với nhược tiểu, sung túc với bần cùng, tự do với chế độ độc tài. Bên thắng thì vui cười hỷ hả, bên thua thì khổ sở nghèo nàn.

Cảnh tượng và trạng huống sanh tồn đã gây xáo trộn biết bao, nào một mớ kẻ oai quyền thì dưới tay cả hàng vạn người bị đè đầu bóp cổ, một mớ người được cái diễm phúc gia quyến sum vầy, áo cơm no ấm, thì bên cạnh có ngàn vạn người khổ sở làm than, ăn cặn uống thừa, nằm đình ngủ chợ.

Cảnh tượng và trạng huống sanh tồn đã trở nên giấc mộng liên miên. Tâm thức con người luôn luôn suy nghĩ ước ao, nào quyền, nào vị, nào lợi, nào danh. Trông hết toàn bộ, đâu đâu ai cũng mơ mộng đến ăn, đến mặc, đến chức cao vị lớn, nào là phước họa rủi may, yêu đương tình tứ, xô đẩy con người nhào trộn trong cảnh tượng thôi miên, đeo đuổi chứng kiến những lẽ trên mà người người cảm giác sự nọ việc kia, thâu nhập gom góp thành một tâm thức, tích lũy ở lòng. Tâm thức ấy đưa cõi đời vào sâu hơn nữa.

Ấy là cảm giác trạng huống sanh tồn, và cảnh tượng của đời. Đời dưới sự chỉ huy của thức, thức động biến ra thiên hình vạn trạng trong tâm điền, lại còn quá chừng oái oăm xảo diệu, làm cho cảnh đời thêm mặn lạt ngọt chua, làm cho người đời kẻ khóc kẻ cười, bóp méo nặn tròn, ghét trở nên thương, thương thành hóa ghét.

Cảnh đã lung lạc tâm hồn khiến cho đời thành lò lửa để thiêu, bể nước để chìm, riu búa giáo gươm để tề chặt đẻo bào, không một giờ ổn yên. Giá trị của đời là tình cảm, kết quả của tình cảm là đau khổ.

Bởi một niệm bất giác khởi lên, mà tâm thành thức mới tạo duyên tác nghiệp. "*Nhứt ba tùy động, vạn ba tùy*", một lượn sóng khởi lên là muôn lượn sóng do đó mà khởi động. Nên vấn đề sanh tử là một vấn đề

quan trọng. Ta cần biết chỗ khởi niệm phát ra lành hay dữ, mà vòng xích luân hồi phải đưa đẩy vào chỗ tối tăm, hay ra nơi sáng suốt.

Đã nói như trên, con người chung đúc bởi Lý Khí của trái đất mà thành hình, thành thể. Hình trở thành luật, luật trở nên sự, thể thì thành tướng, tướng lại thành vật. Hình là thể thường, thể là thể biến. Hình thể đã có, thì phải chịu sanh diệt đổi thay, tự thể của vũ trụ hay bản tánh của con người vẫn được tồn tại.

Con người nhờ linh giác chiêu nhiên cách cảm, mà có lương tri và lương năng. Lương tri không cần suy nghĩ mà biết, lương năng không cần học tập mà hay, nên suốt được sự sự vật vật. Nhưng khi bị tâm thức rung động làm bế tắc, nên phải dùng lý trí đo lường sự vật. Muốn đo lường phải đủ chứng nghiệm làm mẫu mực thì sau thấu tận chỗ tinh vi. Mà lý trí lại do tâm thức phóng ra, thì sự biết đó cũng mức nào trong lẽ hữu vi.

Tâm thức tùy trường hợp cũng gọi là ý thức, tình thức. Bây giờ cũng cần đi sâu vào một bước nữa, để biết đại lược nghĩa chữ thức, các loại thức.

- Thức là gì?

- Thức là sự biết. Biết của thức không phải biết thư ờng, mà kết cấu từ vô tử dĩ lai, ngầm chứa đủ các hạt giống: thức vô lậu và hữu lậu, thức do tự tánh phóng ra. Thức ấy lưu tán khắp vũ trụ, vạn vật, không nơi nào chẳng có thức, không vật nào chẳng bởi thức, không sự nào chẳng bởi thức mà ra. Thức ấy sâu rộng, linh hoạt lạ thường, hay rung động, nhóm khởi.

Cảm tưởng ghi nhớ trải qua nhiều thời gian và

xuyên vào không gian, nên sự nghe thấy hiểu biết từ cõi thần đến cõi người. Đó là thức **lưu truyền**. Thức ấy lồng vào thân người, kết hợp với thức di truyền và thức tập truyền, thành ra bà con nhà thức ngày ngày thêm đông.

Thức **di truyền** ta không sao phăng tới nguồn mạch của nó. Nó theo giống hệ tộc, mà chảy theo thất tổ cửu huyền. Tinh khí cha mẹ cấu nên hình người, là một giọt máu thức chảy ngầm trong thân thể. Nếu giọt máu ấy bởi nguồn trong sáng, sinh ra con người được khôn lành. Bằng như đục thì trở nên rù rờ, ngây dại.

Chẳng những hai giống thức trên, mà quan hệ hơn là giống thức **tập truyền**, ở trong các con thú vật và thực vật, khi ta ăn chúng vào mình, sinh tố tế bào của các vật đã trộn vào máu huyết nơi thân ta, thì bè đảng của thức lại được kết nạp mỗi ngày mỗi đông, càng đông càng mạnh, nên có thể làm ngăn ngại cho tự tánh thiếu phần linh động tự do. Đến lúc bỏ xác này, tự tánh cũng không đủ sức mà độc lập.

Giống thức nghiệp cứ lôi đi đầu thai kiếp này sang kiếp khác, hoặc lên, hoặc xuống, hoặc trả, hoặc vay. Song thức đó không phải chỉ ở nơi người, mà cả vũ trụ vạn vật cũng đều có thức... cỏ cây biết vươn mình ra ánh sáng, có thú cây biết bắt muỗi, bắt chim mà ăn, như cây *carnivore* ở Phi châu biết thân tóm cả người mà ăn thịt. Đó không phải là thức sao? Như con ong, con mối biết kiến trúc rất tài tình, con chim biết gây trở canh (lúc giao thừa: *nhứt dương sơ động*), con gà biết gây lúc đầu Dần (*tam dương khai thái*). Tuy vạn vật ngang dọc tự do, song sinh hoạt rất nên trật

tự.

Tóm lại, muôn loài đều do thức làm chủ động. Thức nhóm lên thì có ý. Ý là động cơ của tâm, rất lưu loát lạ thường, thoát ẩn, thoát hiện, thoát vào, thoát ra, nó là một sự lợi hại nhất, gây duyên tác nghiệp bởi đó, điều lý quân phân cũng đó. Đó được tự tánh soi dẫn, thì đó là ý chí. Ở Trời, ở Đất, ở vạn vật, cũng có ý đó. Như vậy ở dưới nước thì thở bằng mang, vật để trứng thì bớt bộ vú, vật không biết bận áo quần thì da dày, lông nhiều, thú có cánh lại bớt tay, thú không sừng lại thêm nanh vuốt, thú hung dữ lại có tánh nhác, để bớt khứu giác. Lúc đáng mưa thì cứ mưa, đáng nắng thì cứ nắng. Trăng phải tròn thì cứ tròn, đêm phải tối thì cứ tối.

Thế thì Trời đất vạn vật đều có ý đó cả. Thức vọng thì có tình, tình là lục dục, gặp vật bên ngoài thì động vọng lên liên miên. Vạn vật không giờ phút nào ngưng nghỉ. Tình thì luôn luôn chủ ý vào sự họa phước, vui buồn, nên tình người là: hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, cụ.

- Nhưng chỉ người mới có tình sao?

- Vũ trụ, vạn vật cũng đều có tình: mùa xuân khí trời ấm áp, vạn vật sinh nở, mùa hạ khí trời nóng bức, vạn vật trưởng thành, mùa thu khí trời mát mẻ, nguyên khí thu liễm, mùa đông khí trời lạnh lẽo, vạn vật linh lạc, tàn tạ.

Trên khoảng không có chim bay, dưới nước có cá lội. Gò đồng có cây cỏ mọc, trên đất có động vật đi, đồng ruộng mọc lên đủ năm thứ lúa. Dưới trên đều có sự sống, bốn phương tám hướng đều có sự sống. Sự sống tràn ngập trong lòng người, trong vũ trụ.

Mặt trời mặt trăng các tinh tú xoay vần theo độ số. Trời đất bao la, nhưng bốn mùa tám tiết không hề sai chạy.

Đó không phải tình tứ lắm sao?

Tâm và sanh hậu thiên, vì hữu hình hữu chất, nên bị khép vào luật nhân quả, phải lên xuống trả vay, gọi là luân hồi sanh tử.

Đời gần đây là thế. Ở trong cảnh xáo trộn lầm than, lúc nào cũng thấy sự đau khổ chán chường. Loài người nhào trộn, thử thách đủ điều, đã thấy mặt thật của đời. Ta cũng cần lật bẻ trái của nó, để thấy đâu là chơn thiện mỹ, đâu là biến trá lầm than.

Đã bước vào đời, loài người ở bất cứ địa vị nào, tuy biết có lý do trả vay theo nghiệp báo, mà cũng là để đào luyện. Nó có một cái cửa, ai ai cũng phải trải qua để học hỏi, để thi thiết, thì nó đâu phải hoàn toàn là hư giả, mà là một sự thành công, một trường thi tiến hóa.

MỤC 3:

Biến Dịch SANH TỬ

Biến dịch sanh tử là lẽ biến hóa, mà ai ai cũng đều nhận thấy được. Vũ trụ và Nhơn sanh đều nằm trong công lệ đổi thay của trời đất đó. Nhưng sự biến hóa này chẳng phải ngẫu nhiên, vô căn cứ. Nó là kết quả của sự sanh sống của tâm tư con người vừa nói trước đó. Hễ tạo nhân thế nào, thì phải chịu quả thế đó, như bóng theo hình.

Vấn đề sống là một vấn đề quan trọng, nên từ xưa đến nay, khắp đông tây Hiền triết đều nhắm vào

đó, để xác định công lệ biến dịch, giải quyết một phần âu lo thắc mắc của con người. Đã ý thức qua những chương trên về sự cấu tạo vũ trụ và thân thể con người, nguyên lý vũ trụ hay bản tánh như sanh là một khối hồn nhiên, chơn thật bất biến, lúc nào và ở đâu cũng thực tại thường trụ, không giảm không tăng.

Nhưng tự thể phóng ra ở nơi người nơi vật, cũng phải xuyên qua thời gian vô tận, không gian vô cùng, bị các lớp tinh khí ở các cõi bao bọc nhiều lớp, nên Chơn tánh bị che mờ. Mà hình thể kết hợp bốn chất: đất, nước, lửa, gió, nên Chơn tánh hỗn hợp với hình chất mà thành người.

Người luôn luôn cảm thức qua nhiều giai đoạn của cảnh tượng và trạng huống sanh tồn của đời. Nên thức nháng lên, động khí mà sanh tình, tình tác pháp mà gây nên nghiệp.

Tánh, thức, nghiệp ở trong thể xác giả hợp này mà phải tử sanh, luân chuyển trong vòng biến hóa. Nhưng nói đến vấn đề chết sống thì người người ai cũng nghĩ đến, ai cũng muốn sống mà không ưng chết, ai ai đều thấy cái chết đáng ghê sợ rùng mình, nên mới van vái cầu xin, hay trốn tránh.

Xét về Đạo học thì trong nguyên lý sáng tạo, chỉ có sự sống mà không có sự chết, duy có sự Âm Dương biến hóa mà thôi, chữ tánh gồm hai bộ phận tâm và sanh () để ám chỉ cơ mầu nhiệm bất di bất dịch, ở lẽ biến hóa của Âm Dương. Âm Dương là hai thể đối đãi mà tương thành, đối đãi để chuyển dịch biến hóa, từ thể nọ sang thể kia, một trường một tiêu, một thành một hoại, hết hiện đến ẩn, không thấy chỗ

nào xen kẽ để nó gián cách nhau, mà luôn luôn sống động: hoặc đứng về thể Dương thấy là sanh, đứng về thể Âm thấy là diệt.

Song có gì sanh thêm hay diệt mất, trong vũ trụ không hề có một vật nào thêm vô, hoặc mất đi. Từ vô thi đến nay, hoặc phải trải qua vô cùng, đến đâu cũng chẳng có gì thêm được, hay có gì bớt được, thêm bớt là ý người nhận thức, chớ lẽ Trời chưa hề tăng thêm hay suy giảm. Nên người đời nói chết là mất mà ý thức, ai cũng lo sợ. Nhưng có mất đi đâu!

Đây bất đắc dĩ, Bản Thánh cũng tạm nói theo quan niệm của người đời, là chết sống để bàn sơ cho rõ nghĩa. Con người từ sanh ra cho đến già nua rồi chết, thời gian tùy theo sức lực, hoặc dài đôi ba mươi, hoặc năm bảy mươi tuổi. Đó là một đời. Đến khi hết thở, trút linh hồn, thì người ta gọi là chết.

Chết ra đi đâu và còn có linh thiêng như ngày còn sống không?

Đó là một vấn đề sẽ bàn tới, nhưng sự chết sống theo đạo lý, thì không nhận chết là mất. Mà đó là sự biến dịch, từ thể nọ sang thể kia. Nhưng đâu phải thời gian sáu bảy mươi năm mới có một lần chết, mà từ ngày lọt lòng ra chào đời đến già, ta đã chết trăm trăm ngàn ngàn lần rồi. Trong một giây một phút, một giờ, biết bao sự chết đi sống lại, sống chết liên miên.

Như ta ăn uống vật thực vào trong bụng, vật thực đó tiêu hóa ra khí, khí ra huyết. Khí huyết đem bổ dưỡng cho cơ nhục tế bào, mà gân xương mạnh mẽ, da thịt hồng hào. Đó là sự sống. Nhưng khi ta vận động hô hấp, dưỡng khí vào phổi, vào tâm can,

mà dưỡng khí là lửa cháy ngầm. Nó đốt những tinh trùng, huyết cầu, cơ nhục, bài tiết ra ngoài.

Đó là luật đào thải ở bên trong, làm cho thân thể yếu gầy. Đó là một lần chết, thì một giờ, một ngày, biết bao sự thay đổi trong người liên miên chết sống. Sự thay đổi lớn lao là một khi thân thể này bị hủy hoại, biến tan ra đất nước gió lửa. Nhưng rồi đất nước gió lửa cũng nhồi trộn lại, mà làm hình thể cho thân sau.

Sự thay đổi chẳng những thân xác này, mà cho chí tinh thần cũng đều thay đổi, thể cũ qua thể mới, cõi nọ đến cõi kia. Khi xác hình bị hủy hoại, thì tánh, thức, bị nghiệp lôi đi vào ở một hình thể mới. Cứ mãi biến hóa, biến hóa để rồi không biến hóa nữa. Chết sống để rồi không chết sống nữa. Thay đổi để rồi không thay đổi nữa.

Sự biến hóa thay đổi là một sự gạn lọc để thăng hoa, để thành công, thành tựu được hoàn mỹ, chí chơn, chí thiện. Khác nào vàng còn trong khoáng, phải có sự luyện lọc qua nhiều lần.

Nhưng nói biến đổi là nói cái khu xác này, chứ tự tánh không hề biến đổi. Có khu xác này, nên có tình thức, thể là tình thức thuộc về giả tâm, là hậu thiên khí chất, mà tánh là chơn tâm. Chơn tâm hợp cùng giả tâm thành một cái tâm, cũng gọi là tâm. Xác là thể động, tánh là thể tịnh. Tịnh động giao nhau mà có thân người.

- Người là chi? Thân xác tứ đại giả hiệp này phải không?

- Không phải. Vì nó là giả hợp không phải người.

- Cái tâm có phải người không?

- Vì tâm là vô thường, tâm ấy không phải người.

- Tánh có phải người không?

- Vì tánh là vô vi, tánh không phải người.

Người là tâm tánh và thể hiệp lại, nên trong người có chơn, có giả, có sáng sửa, có mê lầm, có động điều, có tịnh lặng. Nên có đủ thành phần, hoặc lôi trì bó buộc, hoặc cởi mở thoát ly. Tóm lại, không ngoài công lệ Âm Dương biến dịch.

- Biến dịch để làm gì?

- Đó là một vấn đề ta nên tìm hiểu. Nếu nói sanh ra rồi chết, chết lại rồi sanh, thì con người có thấy được nghĩa lý gì, thú vị gì đâu? Mà còn có gì bổ ích?

Sự thay đổi chết sống kia, theo Lão Tử thấy, vạn vật từ trong chỗ không mà sanh ra có, từ chỗ có mà sanh sanh. Sự sanh sanh ấy, Ngài không cho đó là đi ra, mà cho đó là sự trở về. Thật vậy, bất cứ nhứt thiết một sự vật nào, cũng phải trải qua một vòng trời vô định, hết vòng chuyển hóa, thì lại nhập vào với đại thể bao la.

Về chỗ bí yếu này sẽ giải ở đoạn sau. Đây ta cần biết tại sao sanh, tại sao tử?

- Sanh tử để làm gì?

- Bao nhiêu vấn đề, mà cần giải quyết, không có sự đáp ứng nào rõ ràng hơn là Âm Dương Dịch hóa.

Theo Nho giáo, quan niệm sanh tử ở Dịch lý, hề có sanh ra tức phải có tử. Sanh là sự bắt đầu, mà tử là sự cuối cùng của lẽ Đạo. Nên nói: khi hồn phách hiệp lại là sanh, mà tan ra là tử. Sanh tử là lẽ tất nhiên, hề có sự bắt đầu, thì có ngày phải chung kết.

- Nhưng chết rồi còn hiểu biết không?

- Cổ nhân đều tin chết là cái thể xác tan rã, chứ

cái linh hồn vẫn được tồn tại và tinh anh. "*Chết là thể phách, còn là tinh anh*". Cổ nhân tin tưởng: "*Tam hậu tại thiên*" (ba vua chết được về trên trời).

Lão giáo cũng nhận như đạo Dịch, nhưng bảo người đã sanh ra, trời đặt ở đâu, làm người hay làm vật, cứ yên vui an thuận với lẽ sống, giữ còn cái Chơn tâm không câu nệ, không lo sợ, chẳng thấy sống mà mừng, chẳng thấy sự chết mà buồn. Biết đâu đến chỗ mới lạ lại vui đẹp hơn, mà lúc sắp lìa chỗ cũ lại luyến mê đau khổ.

Về Phật giáo, thì vấn đề sanh tử cũng coi là quan trọng, nên đặt vấn đề giải thoát trên tất cả đạo sống con người. Vì con người bởi nghiệp thức vô minh lồi cuốn mãi trong vòng xích Nhân duyên, sinh diệt vô thường.

MỤC 4:

SANH VÀ TÂM TIÊN THIÊN (ĐẠO)

Sanh đây cũng là khí, mà khí thuộc tiên thiên, vô hình vô tướng, nên không có gì ngăn ngại sự sống. Sự sống chơn thiết do đây mà xuất hiện, không còn bị ràng buộc trong luật Nhân quả, luân hồi. Nó cách với sanh là khí hậu thiên, chỉ có một đường tơ, một sợi tóc mà thôi.

Người tu hậu thiên phản tiên thiên, thì liền đặng giải thoát. Tại sao? - Vì cái chi phát trong khí Tiên thiên, đều tùng theo luật tự nhiên của Đạo. Cho nên người tu vô niệm, mà không trở về với khí Tiên thiên, thì không làm sao đạt mục đích được.

Sự sống nói đây chẳng những ở trong người, mà

nó bàng bạc khắp trái đất, đâu đâu cũng đầy đầy, ví như dòng nước tuôn trào, miên miên trường cửu, sự sống là đức lớn của Trời ("*Thiên địa đại đức viết sinh*"). Nguồn suối sanh thành Tạo Hóa cứ liên tục lớp lớp, không hề gián đoạn, trông đâu cũng thấy sung thiêm mỹ miều. Đức sinh sinh hóa hóa vô cùng, từ cây cỏ đến động vật và con người, luôn luôn được nảy nở đủ mọi mặt, làm cho ngày ngày được mới, triển chuyển từ hẹp đến rộng, từ rộng đến sâu, mà tinh thần phát đạt cao cực, sự nghiệp lớn lao. Đức sinh sinh ấy là nguyên khí của đạo trời là nhân, là thiện ở nơi người, là xuân, là tình của muôn vật.

Đây chữ Tâm ví như Chơn lý Bát nhã, soi rọi khắp nơi. Sự sáng của Chơn lý suốt quá khứ, vị lai, xuyên qua các vật không chỗ nào ngăn che được. Mặt trời, mặt trăng dầu sáng cũng không lờng qua chậu úp ("*nhật nguyệt chi minh, nan chiếu phúc bồn chi hạ*").

Cái Diệu giác Viên minh của Chơn tánh rất vi diệu không lường. Tánh ấy đã có đủ các thứ công đức, tuy ngậm chứa một Âm một Dương mà thể còn nằm trong Hư vô. Đây cần đôn đốc để cho bản tánh con người được phát huy, xuất hiện cho trọn vẹn hết khả năng làm người, mà tiến vào cõi Thánh.

Muốn vậy, phải "*tận kỳ tánh để tận nhơn chi tánh, tận vật chi tánh*", được khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, mà người dự đứng vào hàng Tam tài.

"*Tận kỳ tánh dĩ chí ư mạng*", nghĩa là: Thể hiện cái tánh mình (âm), để đi tìm tới cái mạng (dương), tức là tánh mạng song tu. Đó là một công phu giác ngộ, suốt thông cội rễ con người, để dính liền cùng Đạo. Được như thế, khác nào một vầng trăng tròn sáng,

chiếu rọi mùi hương, không đâu mà chẳng thấu tận. Vì vậy, nên người và Trời Đất được ngang bằng, giữa vạn tượng và tự thân, không thấy gì cách biệt.

Được thế là chủ được tình thức, thì quyền năng sanh hóa có thể như Trời, vì Trời và người cùng một Đạo, một Tâm. Trời rộng lớn bao nhiêu, thì tâm con người cũng trải khắp chẳng thiếu, không thừa, ra vào tự tại: Ở trong Âm Dương mà không bị Âm Dương câu thúc, ở trong thể xác mà thể xác chẳng hề lụy được tâm.

Có vậy, chư Thánh, chư Tổ mới đủ thần thông diệu dụng, sử dịch chư Thần, thay quyền Tạo Hóa, làm một bậc tiên tri đoán định cuộc đời, biết rõ chỗ u ẩn ở lòng người, đoán được việc đã qua và điều sắp đến. Thế là tâm lượng bao la hàm tàng, không một động tịnh nào, không một cơ vi nào, mà chẳng hiển trình trước mắt, thì tánh người lòng vật có khó gì, mà chẳng thông thấu đến chỗ u ẩn, sâu xa.

Nếu người mà không được cái bản tánh này, thì làm sao khám phá nổi cơ Trời việc thế, trăm vạn lần ngăn ngại phủ lên. Vậy Tánh là đầu mối của con người, nguồn sống bất tuyệt, lẽ thật hằng thường, rất thiêng liêng màu nhiệm.

Đó là nhân bản, là nguồn cội của con người, mà người chẳng lo vun trồng bồi dưỡng, để bu theo cành lá, cầu lấy cái quả chua chát, làm sao sống được an toàn. Ấy gọi là người bị bậc rễ, mất gốc, rồi lấy lý trí hẹp chật của cái bản ngã phàm phu, tự cho là khôn ngoan. Dầu có biết đến đâu, cũng cái biết quẩn quanh thế tục, nhai đi nhai lại sách vở, lời tóm gộp của người xưa, hoặc kinh nghiệm bản thân trong vòng

thức giác được mang theo nhiều kiếp, thấy biết khoảng được năm ba cây số mà cho đó là đầy đủ.

Nào dè vũ trụ minh mông, dầu trải bao a tăng kỳ kiếp, nhiều gấp triệu lần cát sông Hằng, cũng không sao biết khắp. Dầu có biết bằng cách đó đi nữa, những kiếp kể trên cũng chỉ là biết cái trạng thái hiện quanh, làm sao thấu chỗ căn cơ Tạo Hóa? Chỉ có khi nào người được dừng bước quay về với tâm mình, lấy công phu nội tĩnh mà rọi vào chơn tánh, dầu một kiếp một ngày, cũng có thể trực nhập cùng Chơn lý, thông suốt toàn diện bản thể chẳng sót mảy hào.

Nghĩa là: Ngó ra ngoài, chỉ trông thấy vạn tượng, những vạn tượng nào tương quan, còn kỳ dư hiện tượng thì nằm trong bí mật. Còn quay vào trong, thì gặp được Chơn tâm, mà Chơn tâm mới là đầy đủ. Chơn tâm như một quả hồng chứa nhiều hạt, đem một hạt mà mổ ra, thì trong hạt có sẵn cái mầm, mà mầm ấy là nguyên nhân để sanh hóa. Tuy rất nhỏ bé, nhưng cụ tức, đủ gốc rễ cây nhánh lá trái, hương vị màu sắc, không thiếu một thứ nào mà chẳng ở trong mầm này. Thì dầu cho vũ trụ có bao la, thiên hình vạn trạng, cũng một mầm này. Một hay muôn vàn đều giống y như một.

Đến đây, thì Tâm Sanh Tiên Thiên (đạo) đã hiệp thành Nhứt khí gọi là khí Chơn nhứt, khí Chơn nguyên, cũng như khí Thái hòa trong câu kinh Châu dịch: "*Kiên đạo biến hóa, các chánh tánh mạng bảo hợp Thái hòa, nãi lợi trình*". Nghĩa là: Đạo Kiên biến hóa, tánh và mạng (như tâm và sanh tiên thiên nói đây) đặng trung chánh rồi, hai bên hiệp thành khí Thái hòa, thì sẽ đặng chánh bền (thẳng ngay, bền bỉ, đứng

theo lẽ Đạo).

Nói về người, người tu hành đặng như thế thì chứng quả Tiên Phật. Tuy nhiên, còn phải công phu tịnh định lâu nữa, gọi là mạc hậu hườn hư, mới là đi tới đồng nhất cùng Nguyên lý bản sơ của mình là Đạo.

Ấy là nhơn bản, ấy là Trời Người một đạo. **Tánh** Trời là **tánh** người, tánh là bản thể của vũ trụ. **Pháp** Trời là **pháp** người, pháp là hình thể của vũ trụ. **Thức** Trời là **thức** người, thức là thân thể của vũ trụ. **Ý** Trời là **ý** người, ý là cơ chỉ của vũ trụ. **Tâm** Trời là **tâm** người, tâm là lý thể của vũ trụ. Tánh, pháp, thức, ý, tâm chỉ là có một.

Lẽ biến hóa là công lệ của Trời Đất. Sự biến hóa này theo một nhịp độ điều hòa, tinh tú vắn xây, bốn mùa thay đổi, luôn luôn đều thuận thời, lợi nhơn ích vật. Càng biến hóa càng mới mẻ, thông đạt tươi vui, đổi thay khí hậu, giải thoát mọi ràng buộc hẹp chật của cảnh thế và lòng người. Cho nên việc Trời người luôn luôn an thuận là do nguyên lý làm nòng cốt, trực tiếp điều lý, lúc nào cũng giữ đúng quân bình giữa trời đất vạn vật, làm cho Trời Đất vạn vật đặng sống trong cảnh thanh bình, trật tự và yên vui. Đó phải là cõi Niết bàn, Cực lạc của nhà Phật chăng?

B. BÀI VĂN VẦN

THI

*Địa vị nhơn sanh chẳng phải thường,
Tại người chưa nhận lẽ Âm Dương,*

*Ở trong điều lý, tâm là chủ,
Trời Đất cùng ta một chủ trương.*

BÀI

*Trời Đất Người cùng chung nguyên lý,
Gồm Âm Dương tứ khí ngũ hành;
Bản lai Chơn tánh trọn lành,
Đóng vai phụ tướng, tài thành Hóa Công.
Tâm vô ngại huyên đồng nhứt thể,
Tâm bao la từ huệ viên dung,
Tam tài nhơn vị hồ trung,
Thánh phàm, sanh diệt, đủ trong tâm này.
Tâm trải khắp tràn đầy lẽ sống,
Tâm nhiệm mầu, linh động vạn năng;
Hằng thường, bất giảm, bất tăng,
Bất thiên bất ý, công bằng vô tư.
Đó là thể nhứt như, chơn tánh,
Chứng tâm này, nhập Thánh lên Tiên;
Tự do, Tạo Hóa đồng quyền,
Thiên đường, Cực lạc, có riêng ai nào?
Tại vì người lãng xao, buông bỏ,
Bám sát nơi cái vô đa thù;
Chơn tâm ngày một lấp lu,
Ngàn sai, muôn khác, lù lù chường ra.
Mà thấy người và ta riêng biệt,
Mới sanh lòng qui quyết ghét thương,
Muru đồ mở rộng biên cương,
Hơn thua, lý sự, môi trường đường tranh.
Cảm tưởng cứ lạnh quanh này nở,
Mà mãi lo bồi lở, gấn hàn,*

Suốt đời, mưu kế tính toán,
 Trông đi, ngó lại, ngón ngang chẳng rời.
 Thân phận người nổi trôi lặn hụp,
 Dong ruổi toan bắt chụp bóng mờ,
 Vui buồn họa phước đi đôi,
 Nghiệp duyên ngang trái kéo lôi không ngừng.
 Đời bởi đầy tung bừa sóng gió,
 Hóa ngọt chua đen đỏ thân thù;
 Phủ màu tang tóc, âm u,
 Trở thành địa ngục, ao tù cầm giam.
 Ai ai cũng tham lam ích kỷ,
 Nào mấy ai dung dị cho ai,
 Sống còn, chẳng có ngày mai,
 Đắm mê tiền khí, sắc tài đáng kinh.
 Tâm mất hẳn quân bình lẽ sống,
 Còn biết đâu nòi giống thân yêu;
 Quốc phong, luân lý đổ xiêu,
 Đạo người như đã biến tiêu bao giờ.
 Hồn dân tộc lơ đờ phiêu bạc,
 Mối nhân luân rời rạc lạnh tê;
 Hóa nên trầm trọng nặng nề,
 Dẫn bao tấn kịch ê chề, ngán ngao.
 Bình tĩnh hỏi: Vì sao đến thế
 Do bởi đâu, tình tệ ngày nay?
 Tại ai, ai đọa, ai đày?
 Để cho nơn loại ngậm cay nuốt hờn.
 Giờ muốn biết đừng chơn lại đã,
 Thì rõ ngay thiệt giả dễ dàng,
 Lập tâm mạnh mẽ phá tan,
 Thoát ngoài ảo vọng lên đường tự do.
 Cảnh cảnh hiện ảm no, hạnh phúc,

Nhà nhà đều hòa mục, thân yêu;
 Tháng ngày đất Thuần, trời Nghiêu,
 Thanh bình trời khúc nhạc thiêu ca xang.
 Không còn thấy hợp tan, bồi lở,
 Không nhọc lòng, lo sợ bất công,
 Tinh thần thế giới giao thông,
 Mối tình nơn loại cộng đồng thâm sâu.
 Đó phải chăng nguồn đầu xuất hiện,
 Đó phải chăng thánh thiện bản sơ,
 Bấy lâu tâm ấy che mờ,
 Bởi chưng tình thức phát cờ chủ trương.
 Vọng động lên nhiều nhưng ám ảnh,
 Xúi cho tâm, cho cảnh chia lìa;
 Trùng trùng sắc thái nọ kia,
 Khởi lòng yêu ghét, sớm khuya vận trù.
 Liệu kế toan đoạt thu cho được,
 Đó và đây, đủ chước thi hành;
 Bày trò đối gạt đấu tranh,
 Miếng mồi chung đỉnh hôi tanh ruồi lẩn.
 Tâm đã mất thăng bằng trung chánh,
 Còn thấy đâu Bản tánh, Chơn tâm;
 Chiếu thân, mạng vận ai cầm?
 Bù nhìn nơn nớp, tuân khâm thầy phù.
 Làm những việc như ngu, như dại,
 Ưng hay không, chẳng phải do lòng,
 Biết rằng trái đạo, bại phong,
 Cũng đành nhắm mắt, theo giòng trào lưu.
 Chớ học thói đoàn cừu, lũ kiến,
 Phái tự ta thực hiện lấy ta;
 Biện phân cho rõ chánh tà,
 Lợi thân, ích chúng, điều hòa đôi bên..

*Lấy đạo đức, xây nền văn hóa,
Lấy chơn tâm, phác họa chương trình;
Xây đời thịnh vượng, văn minh,
Đốt tâm vào chỗ quân bình vô tư.*

IV. TIẾT THỨ TƯ

Ý HƯỚNG

Của Các TÔN GIÁO

Và HỌC THUYẾT VỀ NHƠN SANH

MỤC 1:

TỔNG LUẬN

1.- Về Tình Trạng Giáo Thuyết Hiện Kim.

Về vấn đề vũ trụ và nhơn sanh, hôm nay ta cần xét lại. Xét lại để có một sự dung hòa, đầu đông hay tây, xưa qua nay lại, các tư tưởng gia về Tôn giáo, học thuyết hay chính trị, cùng đồng nhìn chung nơi **uân nguyên cứu cánh** làm mục đích để hướng nhơn loại đến chỗ thực tướng và tự do. Nhưng về phương châm, mỗi người có một lập luận, một đường lối như chùng khác nhau, mà tựu trung cũng quy về nguồn sống yên vui cho nhơn loại.

Đã nhận thấy nguyên lý của vũ trụ là thường tịch tuyệt đối, làm trung tâm nòng cốt cho vạn sự vạn vật, mà sự vật nằm trong công lệ sanh tử chuyển dịch của Tạo Hóa không nghỉ, không ngừng. Sự biến dịch đó là phần dụng của lẽ Đạo.

Nếu nhận rằng Đạo là Hư vô thường tịch, thì xưa nay khỏi phải bàn đến vũ trụ vạn vật làm gì, vì có đâu mà bàn! Sở dĩ đông tây bàn cãi nhau là vì có người, có hiện tượng, có cảnh giới tương quan. Sự tương quan ấy luôn luôn tác dụng vào người, mà nảy

sanh biết bao trạng huống thế nọ thế kia, nào vui nào khổ, nào tử nào sanh. Mà sự vui khổ, sanh tử không phải vô cớ.

Đó là một cuộc tuần hườn, không phải một việc chơi đùa của Tạo Hóa, để đặt con người trong cảnh hành phạt khổ đau dưới trần thế này. Chính nó là một cuộc xây dựng, rèn đúc, tạo lập cho mỗi cá thể một sự nghiệp thiêng liêng, một nguồn sống tự do trên con đường diễn tiến. Nhưng việc Tạo Hóa rất thâm (u màu) nhiệm, chẳng khá suy bàn.

Đã đành luật mâu thuẫn là sự rắc rối, đau khổ vô cùng, bởi con người luôn bị chạm đụng, xô xát nhau, gây nên biết bao nhiêu quanh co, gai góc. Nhưng luật ấy mà mất đi, thì con người không còn chút gì giá trị, lại cũng không có gì để tồn tại, tiến bộ, thăng hoa. Nếu Âm Dương chẳng cọ xát nhau, thì không hề sanh hóa, không được nảy nở lâu dài, vì trong cái mâu thuẫn kia, có một sự tương quan tương thành, hỗ trợ lẫn nhau.

Âm Dương là sự cố định. Có Trời Đất, có vũ trụ chúng sanh thì phải có Âm Dương. Mà Trời Đất đứng vững, bốn mùa chuyển xây, không có nó làm gì được yên. Nhưng cũng bởi nó mà gây ra biết bao sự tương, làm cho sự nhận định của con người đủ cỡ, đủ cách, hoặc tâm, hoặc vật, hoặc có, hoặc không, lối này là nhầm, lối kia là trật. Sự có không, tâm vật, trật hay nhầm, là do người nhận thấy một cạnh khía nào của một phương diện, bỏ sót các mặt khác, nên chấp lấy ý kiến của mình, mà không thừa nhận bao nhiêu ý kiến cùng trong toàn bộ.

Theo ĐẠO HỌC CHỈ NAM, đứng về đạo lý mà

xét, thì không có một sự vật nào có Dương mà không có Âm, hoặc có Âm mà không có Dương. Nếu trong loài người về cá nhân hay đoàn thể, xã hội, quốc gia nào cũng có nhiều tổ chức như Tôn giáo, học thuyết v.v... để hướng dẫn quần chúng, tư tưởng về tinh thần hay đời sống, đều có một phần hay. Song phải nhắm tổ chức đó ở vào hoàn cảnh nào, thời gian lúc ấy ra sao. Không thể đánh giá một cách dễ dàng, rồi cho đó là tuyệt hay, hay là thiệt dở.

Thời thì mỗi lúc mỗi khác, lòng người thì biến chuyển phi thường. Tất cả tổ chức trong xã hội phải biết ứng dụng theo thời để được hợp tình hợp lý. Đó là một tổ chức sống, tổ chức có nguồn lạch thông lưu. Nếu đường hướng chẳng tùy khúc mà quanh co, phương pháp chẳng theo thời mà linh động, thì tổ chức đó phải khô khan ngưng đọng.

Phương chi đứng trước tình thế hiện nay, hoàn cảnh con người không phải còn như xưa, mà là hoàn toàn đổi mới. Thế thì phải làm sao để cho hợp tình hợp lý, trùng Đạo, không thể đem cái cũ kỹ, mà bắt buộc con người mới phải theo. Nhưng cũng không thể gọt sạch cái xưa, có kỷ cương bất dịch được.

Còn vấn đề nhân sanh là một tràng rối ren, gút mắc. Con người hiện nay sống mất thăng bằng, tâm tư cuồng loạn, không còn tin cậy vào đâu. Đã mất cậy dựa vào đoàn thể chính trị, nên lỏng chỏng, bình bồng, như bèo trôi trên mặt nước. Thật là nguy hiểm biết mấy!

- Sự mất đức tin ấy, vì sao? Tại bởi đâu?

- Ta cần trưng bày một ít Tôn giáo, học thuyết ra đây để có một sự xác định minh bạch hơn.

- Vấn đề nhơn sanh trong các Tôn giáo thế nào? Có thể làm sống lại cuộc đời, mà hiện tại đương mỗi mong, tương lai đương đón đợi.

- Các Tôn giáo xưa nay về Đông Nam Á là Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo đã đem lại cho nhơn loại một nguồn sống lành mạnh, một xã hội thịnh cường, một nền văn hóa đạo đức thâm trầm, tốt đẹp, hầu hết con người ai cũng đặt lòng tin tưởng, nương nhờ. Nhưng tóm lại, ngày nay, dường như con người cho đó là một trở ngại, phải chăng vì trào lưu thay đổi, mà lòng người cũng đổi thay?

Đổi thay là một sự phải. Nhưng phải đổi thay cho đúng hướng theo lẽ biến dịch, mà không mất đạo Trung, không xa cốt chính. Nếu đổi thay mà buông bỏ căn bản con người, tách lìa đạo sống, thì đổi thay chẳng những không ích lợi gì, mà còn rước lấy họa khổ vào thân, mua phần máu xương tiêu diệt.

2.- Về Đạo Học Đông Phương Và Tây Phương

Về Đạo học Đông phương hay triết học Tây phương, đông tây cũng đồng một mục đích, là tìm hiểu giải quyết vấn đề giữa vũ trụ và nhân sanh.

Trong hai hệ thống Đông phương và Tây phương, cần tìm biết lối giải quyết của mỗi bên. Về Đông phương thì nền Đạo học có hai nền văn hóa: Ấn Độ và Trung Hoa. Về triết học Tây phương thì cũng chia làm hai khối: Hy Lạp và Do Thái. Bốn mối quan hệ có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian.

Vì hoàn cảnh, địa dư, khí hậu, lịch sử, xã hội, mà mỗi nơi phát xuất có chỗ dị đồng. Song thế gian mỗi ngày mỗi được bang giao để gặp gỡ, nên cũng thông

cảm được các mối liên hệ. Vì vậy mà trở thành một hệ thống tương quan, như ta đã thấy ở Tây phương Triết học Do Thái được sáp nhập cùng Hy Lạp, làm một văn hóa của Tây phương. Cũng như giữa Đạo học Ấn Độ và văn hóa Trung Hoa, hai bên hòa đồng với nhau, thành một mối đạo thống.

Chắc rồi đây, giữa thế giới Đông Tây, không còn nhìn nhau là khách chủ, mà sẽ hỗn hợp một khối, để đưa nhơn loại đến chỗ tự do cứu cánh. Thật vậy! Điều Thánh Khổng Tử đã tiên tri: Thiên hạ có lo gì, nghĩ gì. Tuy muôn đường nghìn lối khác nhau nhưng cũng chung về một mục đích.

Về Đông phương, Đạo học nhận thấu chỗ nguyên lý cùng tột của vũ trụ và của con người, cùng chung một khối, rất tương quan mật thiết. Bởi có đó, người phương Đông thấy Trời Đất và người có một hòa điệu, huyền đồng nhưt thể, như mẹ với con, nên sự sống rất bình thản, thung dung. Trái lại, Đạo học Tây phương coi con người và vũ trụ tự nhiên, như đối thù cách biệt, nên người phương Tây luôn luôn tìm cách để khắc phục, cướp lấy, đoạt lấy.

Thầy Trang Tử nói: "*Thiên địa dữ ngã tịnh sanh, vạn vật dữ ngã duy nhưt*". Nghĩa là: Trời Đất với ta cùng sanh, vạn vật cùng ta làm một, không bao giờ cách đoạn lìa đôi.

Trình Y Xuyên cũng nói: "*Nhứt nhơn chi tâm, tức thiên địa chi tâm, nhưt vật chi lý, tức vạn vật chi lý. Nhứt nhưt chi vận, tức nhưt tức chi vận*". Nghĩa là: Tâm của một người tức là tâm của Trời Đất. Lý của một vật là lý chung của vạn vật. Vận khí một ngày tức là một hơi thở.

Mạnh Tử nói: *"Vạn vật giai bị ư ngã, phân thân nhi hành, lạc mạc đại diên"*. Nghĩa là: Trời Đất vạn vật có đủ nơi ta. Quay về mà thành thật với lòng mình, thì có chi vui bằng.

Ôi! Tinh thần Đạo học Đông phương giữa Trời và người, cả vũ trụ và vạn vật đồng có một thể, một tính, một sự sống. Cho nên người phương Đông khác với người phương Tây ở chỗ vũ trụ ở nơi lòng mình, mình là tiểu vũ trụ (microcosme). Biết mình rồi, thì biết được tất cả vạn vật Trời Đất. Đâu phải trông nhìn ở trước mắt, như người Tây phương, dường bị mất hẳn sự sống, lẽ thật, mà luôn luôn quanh quẩn tìm ở bên ngoài. Nhưng bên ngoài chính lại là cái vỏ kình cạm, thô thiển, ảo vọng, thì bảo sao không gặp phải đối thù bất mãn; rồi lo chinh phục thiên nhiên, khai thác vạn tượng.

Đạo học Đông phương đều nhận một nguyên lý thường tịch, tuyệt đối là bản thể tồn tại, tự do và cứu cánh, mà Ấn Độ đã chứng kiến được bằng phương kiến tánh thiên định. Về thời Phệ Đà kinh Upanisad (dịch nghĩa là: Áo nghĩa thư) cho đến Phật Thích Ca, đều nhắm thẳng mục đích là giải thoát, để trở lại đồng nhứt cùng đại NGÃ.

Người dân Ấn Độ đều tin tưởng, trông cậy vào bản thể. Khi nào đến đó, mới được tự do. Đến đó rồi thì con người suốt tận lẽ huyền vi, an vui tồn tại. Nên họ đặt hết thân tâm, để sáp nhập cùng Tạo Hóa. Hường đi của họ là trở về với tự nhiên toàn giác, chứng minh ở bài thi Phệ Đà: *"từ chỗ mê ảo, dắt tôi đến chỗ chơn tri. Từ nơi tối tăm dẫn tôi ra nơi ánh sáng, từ nơi tăm tối đưa tôi đến cảnh bất tử"*.

Phương châm đó, mục đích đó đã nâng cao tinh thần Ấn Độ lên đến tột đỉnh, giải quyết vấn đề chết sống, khổ đau con người một cách dễ dàng, cả một qui mô cho nền văn hóa Ấn Độ, không một hệ thống nào mà họ không gỡ được rối, tìm được mối manh, đưa nhơn loại đến chỗ tự do, dưới sự che chở của lòng từ bi, bình đẳng, giác ngộ.

Trái lại, bên kia Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) có một tinh thần Đạo học của Nho giáo, lấy Nhân làm bản thể, khai lịch sống chạy đến cho loài người, bằng cách nhập thế, theo tinh thần *"sinh sinh chi vi dịch"*.

Nho giáo lại đóng vai nhơn quần xã hội, luôn luôn coi trời đất vạn vật là một thể, nên thấy thiên hạ như một người. Lấy sự hành động làm phương châm để tiến tới, gây cho xã hội một đời sống đồng nhịp độ với tự nhiên, đem từ Trời đến cho Người, thiết lập một xã hội đại đồng. Trái lại, ở Ấn Độ thì tinh thần xuất thế đem cá nhân hiệp cùng Đại thể.

Hai bên, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, một bên thì đi ra (nhập thế), một bên thì đi vào (xuất thế). Xuất thế và nhập thế không khác chi con tim có hai dòng huyết quản: Một đàng thì ly tâm, để ban bố máu sống cho cả thân người, một đàng là hướng tâm hay là cầu tâm, để trở lại nguồn sống mà phục sinh.

Bên tri bên hành, bên nhân bên trí, cả một sự chia nhau mà gánh lấy Đạo lớn, giải quyết tự thân và xã hội loài người. Hi hữu thay! Ngọn đèn chân lý bùng lên, vệt được tối tăm, cho cõi đời trở nên sáng tỏ.

MỤC 2:

Giản Luận Về GIÁO LÝ CỦA

Các TÔN GIÁO và HỌC THUYẾT

1. - Nói về ba giáo Đông phương: Thích, Lão, Nho.

Bây giờ, ta nên biết sơ qua ba nền Đạo học đông phương là Thích, Lão, Nho để làm đà phăng tới sự Nhất quán của ĐẠO HỌC CHỈ NAM này.

a) Phật Giáo:

Trước khi Phật ra đời, tại lục địa Ấn Độ đã có một nền Đạo học sâu rộng. Dân tộc này được sống trong lẽ hòa đồng giữa vũ trụ và con người. Nền Đạo học ấy kết cấu, trải qua nhiều thời kỳ. Họ được đi sâu vào nội giới, thiết lập một Tôn giáo, qui điều rất nghiêm mật, ảnh hưởng ăn sâu tới tâm não, với một đức tin rắn rỏi.

Giáo lý Bà La Môn xứ ấy nhận rằng: Ngoài thế giới hữu hình, có một ngôi độc nhất tuyệt đối, thường tại, vạn năng, sáng tạo và thống ngự vũ trụ muôn loài, tức là Brahma khởi thi chuyển thân dựng nên trái đất.

Hiện tượng bắt nguồn từ Brahma, chuyển hóa qua nhiều thời kỳ, từ khoáng chất đến thực vật, động vật mà thăng hoa đến con người. Trong vòng chuyển thức trên bước hành trình, phải trải qua để học hỏi, kinh nghiệm, cảm giác càng nức nở, thì biến độ tự do càng được rộng lớn. Tiềm thức được phát triển lần lần, cho đến khi giải thoát sạch những mê muội, đoạn dứt được lậu nghiệp, thì sẽ nhập cùng Đại ngã làm một.

Mỗi cá nhân con người, bên trong hình chất thô kệch này, đều có ẩn một linh tánh (Âtman). Linh tánh

ấy đồng một thể với Brahma.

Tôn giáo Ấn Độ đều nhận sự động cơ tác dụng, của con người lành hay dữ là nguyên nhân, đều có một sự quả báo và phải luân hồi để trả vay cho nhau. Đạo thống lúc ban sơ, các nước trên hoàn cầu đều có một tư tưởng giống nhau, tuy không giao hảo mà tinh thần vẫn một.

Tôn giáo Bà La Môn chia làm bốn đẳng cấp. Quyền cao cả ở nơi tay tu sĩ được đại diện cho Trời. Ngoài ra, bất cứ đẳng vị nào cũng nương núp dưới bóng Thiêng Liêng được che chở, hoặc thay mặt mà cầu xin ban ơn hay quả trách.

Trong xứ này, hầu hết con người đều đặt dưới quyền thần linh, song cũng có nhiều pháp môn giải thoát để đồng nhất cùng Tạo Hóa như Yoga (phiên âm: Du già). Vì đức tin hướng mạnh về thần quyền, nên không tránh khỏi lắm điều mê hoặc dị đoan, vì cơ ấy mà có Phật giáo ra đời.

Phật giáo do thái tử Tất Đạt Đa tu chứng thành quả Đại Giác, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, làm giáo chủ.

Phật giáo là một kết tinh của nền xã hội Ấn Độ, đã thâm uyên mà lại tinh vi. Nền Đạo học đã tiếp nhận một phần lớn của giáo lý Phệ đà và Bà La Môn, là một nguồn sống tinh thông, nhiệm màu, bắt nguồn từ Brahma như trên đã nói. Bản thể đó thường tịch, tuyệt đối, tự hữu bất biến. Vũ trụ vạn vật khởi thi tại đó, rồi cũng qui hoàn lại đó. Nhưng Đức Thích Ca Thế Tôn ít khi bàn nói đến nguyên lý tự tánh của vũ trụ, mà Ngài nặng về phần nhơn sanh, cần cấp là giải thoát loài người khỏi ngục khổ trần gian, ra ngoài vòng sáu nẻo luân hồi, xuống lên sanh tử.

Cho nên giáo lý của Ngài lấy từ bi, bình đẳng làm chánh yếu, phá các giai cấp của đạo Bà La Môn, mà chủ trương của Ngài là giải khổ cho chúng sanh, bàn rộng các sự khổ ở đời, bởi tánh vô minh, cho người ta chuyên theo một đường tu thân, là chính tâm diệt dục.

Giáo lý của Ngài căn cứ trên bốn Thánh đế là: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Đời là khổ, đó là Khổ đế. Con người vì vô minh nghiệp thức, cứ tập nhiễm đắm mê, mà vòng xích Nhân duyên lồi cuốn hết kiếp nọ đến kiếp kia. Đó là nguyên nhân sự khổ hay là Tập đế. Muốn thoát khổ, thì cắt đoạn các vòng xích Nhân duyên, không để gây nhân tạo quả. Đó là chân lý Diệt đế. Tập đế là duyên hà mãn, Diệt đế là duyên hà khuynh, tức là được thoát ra ngoài ảo hóa mà chứng đạo.

Diệu đế thứ tư là Đạo đế, nói đủ là Bát chánh đạo, con đường phải đi, con đường để siêu phàm nhập thánh. Thế thì Phật giáo và Bà La Môn, về trường tư tưởng cũng như nhau. Song Phật phát minh một nền giáo lý căn bản cần thiết là tứ đế, Thập nhị Nhân duyên, Bát chánh đạo, đứng trên lập trường bình đẳng, lấy lòng từ bi mà cứu độ chúng sanh. Sau đức Thế Tôn tịch diệt, đạo Phật chia làm hai phái: Bắc tông và Nam tông. Đó là lý do vì nội bộ, giữa phái Thượng tọa (hay là Trường lão) với phái Đại chúng, mỗi bên tranh chấp nhau về giáo lý. Một là bảo thủ về phái Thượng tọa Trường lão, hai là tiến thủ bên Đại chúng. Đã mấy lần đại hội, mà hai bên cũng không giải quyết được. Nhưng cũng nhờ sự chia rẽ đó, mà Phật giáo đôi bên tranh nhau để bành trướng.

Về Bắc tông, con đường truyền giáo dung hòa, nên kết hợp được nhiều tinh hoa, mở rộng và xây dựng nhiều môn phái Đại thặng nên vĩ đại.

Về Nam tông thì không thêm bớt điều gì, giữ phần tu kỷ. Song về đường nhơn sanh, thì Phật giáo nguyên thủy coi cõi đời là mộng ảo khổ đau, tất cả như phù du, bọt sóng, bất đắc dĩ phải chấp nhận, nên ít quan thiết về đời sống con người. Nên cho các tổ chức xây dựng xã hội nhân dân là một sự tạm thời. Cần cấp hơn là giải thoát ngoài sự ràng buộc ân ái thế gian, ngộ nhập chân lý, mới được tự do, mới là hạnh phúc.

Nhưng về Phật giáo Đại thặng, người tu sĩ cũng đủ đầy lòng thương đời, cứu người, muốn gánh vác, chở che nhơn loại, trước phải thoát ngoài ràng buộc, buông bỏ tất cả lợi danh, giữ sạch lòng tham muốn, tâm tư được bình tĩnh sáng suốt, thấu được lẽ oan ứng, trái phải, mọi việc không lầm. Chừng ấy hòa sự sống với đời, có thể giải quyết được khổ đau, mê vọng cho người, mà chính thân cũng không lo ngại phải nhiễm ô, rồi đắm tục.

b) Lão giáo:

Về lục địa Trung Hoa, Lão giáo cũng như Phật giáo đều nhận một bản thể có trước, ngoài không gian thời gian. Bản thể ấy Lão giáo cường đặt tên là Đạo. Đạo thì vô danh.

Đức Lão Tử sống giữa thời nhà Châu bị suy yếu, Vương, Bá tranh quyền đoạt vị, nhơn dân thống khổ lầm than. Ngài nhìn cuộc đời như giấc mộng, vạn tượng là tuồng mê ảo, chẳng có gì đáng lưu tâm, chỉ có Đạo là chân thật, thường còn.

Đạo ấy sinh hóa muôn loài, rồi muôn loài cũng trở về với Đạo. Lão Tử cũng theo tinh thần ở bộ Dịch kinh, nhận ngôi tuyệt đối như Khổng Tử. Song đức Khổng nhận bản thể của Trời là Thái cực, mà Lão Tử thì nhìn nhận bản thể là Vô cực, là Đạo.

Nên đầu bài ở Đạo đức kinh Ngài có nói: *"Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh"* và *"vô danh thiên địa chi thủ, hữu danh vạn vật chi mẫu"*, cho ta thấy căn bản đạo Lão là một nền triết lý thâm huyền chí diệu.

Muốn nhận thấy Đạo, không phải lấy lý trí (trí thức) mà biết được. Sự khôn ngoan con người đến đâu cũng là hữu hạn, dầu có dùng cách chi mà khám nghiệm cũng không sao hiểu hết được, vì Đạo là ngoài và trước Thời Không, mà phải lấy tinh thần nội tĩnh, trầm lặng trong hư vô, mới thấy được hư vô. Dầu đã lấy những gì mà hình dung, cũng không sao hiểu được.

Đạo không giống những gì ở cõi sắc giới này, mà đem so đo. Nếu ghép vào một danh từ, thì bị hạn hẹp, hay phân chia thể Đạo ra nhiều mảnh.

Đạo sanh ra muôn loài mà Đức thì nuôi nấng, nên chữ Đạo đây là vô cực, bản thể lặng trang, huyền nhiệm, mà Đức là Thái cực mầm động, hóa sanh, nên nói là mẹ đẻ của muôn vật.

Tóm lại, đạo Lão Tử tin như đạo Phật và đạo Khổng, sự khởi sanh cũng như lúc chung phục quay cuồng trong vòng chuyển thức, nên Ngài nói phải (trở về) là do Đạo động (phản giả, Đạo chi động). Ngài nhận Đạo là lẽ Một, nên nói: Một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật. Vạn vật cũng Âm mà bằng

Dương, hai khí xung hòa (nhờ trống không như chữ trung mà đặng hòa hiệp).

Một là Thái cực, Thái cực là Chánh đề. Trong Thái cực có chứa sẵn mầm sanh khí là Âm và Dương. Âm Dương là một sanh hai. Hai đây là cơ động tịnh, xung đột nhau mà luôn luôn mâu thuẫn, đảo điên, ấy là phản đề.

Trong sự mâu thuẫn đó, có một mối dung hòa làm cho hai thể trái nghịch đó được tương quan giao hỗ với nhau, mà sanh cái thể thứ ba là Tổng đề. Thể ba mới sanh hóa vạn vật.

Vạn vật, vật nào cũng gồm hai thể Âm và Dương, nên người gồm có hai mặt: Một là chìm sâu vào vũ trụ hữu hình (hữu vi), một là trở về nguồn là bản thể hư vô (vô vi). Nên đứng trên nhân vị làm người, Ngài thấy tất cả hữu vi là gây nên đau khổ mờ mịt. Chỉ có vô vi mới được Chơn phúc trọn vẹn.

Vô vi không phải là không làm, mà làm bằng cách vô tâm, làm như Trời, như Đạo, không mong hưởng, hay để cho ai biết. Không làm mà làm, là làm vô vi. Làm như mặt trời lên cứ lên, xuống cứ xuống, soi sáng cứ soi, không có ý soi, hay vì một lý do nào thúc giục.

Đó theo được cái Đạo vô danh, đích chính là trở về được với Đạo. Muốn trở về được với Đạo, thì phải làm như Ngài, trút bỏ khôn ngoan vụn vặt của lý trí, hình thái của Thánh Thần, để lặng được kiêu khí, đứng vào chỗ mà người ta không thích đứng, giữ phần thua, nhượng phần hơn, cốt được huyền đồng cùng Tạo Hóa, vạn vật làm Một.

Về đường nhơn sanh, cần có một con người thủ

lĩnh mô phạm, đạo đức, hành động nhíp nhàng cùng lẽ tự nhiên, không khiến sai mà thiên hạ cùng làm, không dạy đời mà thiên hạ theo học. Ấy là áp dụng một đường lối đạo đức vô vi, vào thực tế nhơn sanh, thì cuộc đời mới trở nên an thuận.

Về đường giải thoát, Ngài bí truyền những đệ tử một phương tu nội tĩnh, để sớm qui căn phục mạng, là phương khử dục điều nhiếp Tam bảo, để kết tụ chơn chủng tại Huyền quan, làm cho thân tâm không còn bị một sức mạnh nào của ngoại cảnh mê hoặc được, mà trải thân khắp nơi, hầu chan hòa sự sống cùng Trời Đất. Đó là con đường cứu cánh.

Đạo Ngài chỉ dành riêng cho thiểu số, giác ngộ chân lý, còn đại chúng ít người theo nổi. Nhưng về đường điều nhiếp dưỡng tâm, an thần định trí, thì ai tu cũng được.

c) Nho giáo:

Về đạo Khổng đã dẫn giải nhiều lần trong bản Kinh dịch. Tư tưởng Nho giáo, quan niệm vũ trụ và vấn đề nhân sanh, gồm trong bộ Dịch thật đầy đủ, và sự thực hiện cũng dễ dàng, đã sẵn một đường lối tùy sự biến hóa ứng thông, tùy thời mà canh tân cải tiến.

Đạo Nho về đường tin tưởng cũng như đạo Phật, đạo Lão, nhận định bản thể như nhau. Riêng về đường nhân sanh, thì Nho giáo tự thấy là một trọng trách của con người, đem Đạo để áp dụng vào đời, hướng nhơn sanh đến một xã hội đại đồng.

Đời sống khiến cho ai nấy cũng được ăn ở nhíp nhàng theo lẽ Trời, vui với bốn phận hằng ngày, trau sửa thân tâm, để tiến lên gánh lấy đạo tề gia, trị quốc, cốt ai nấy cũng làm hết phận mình. Lấy lòng thương

yêu mà chan lẫn cho nhau, giữ tính hòa mục và nhất là kẻ trên, người quân tử phải biết mạng Trời mà tu sửa, cho trở nên Hiền Thánh, để tham tán hóa dục cùng Trời Đất.

Về Nho giáo, phần triết lý là bộ kinh Châu dịch. Phần Thiên Đạo, để đồng nhứt cùng Trời, vạn vật với ta một thể, là bộ sách Trung dung.

Về đường xử thế trị bình là bộ Đại học, Mạnh tử, Luận ngữ, áp dụng Thiên Đạo, Nhơn Đạo, cả hai mặt đạt Đạo và giáo hóa.

Khổng giáo khác với Phật, Lão ở điểm: Không hề nói vũ trụ, vạn vật là ảo vọng, dối giả. Chỉ nhận: Lệch về nhơn tâm thì chìm đắm bất cập, lệch về đạo tâm thì sáng suốt an lành.

Đạo Nho có ảnh hưởng sâu rộng trong nhơn gian, đã gây được một nền luân lý ở lòng người, mà trải qua bao nhiêu thời gian thăng trầm, trị loạn, không vì đó mà đổi thay. Lại còn thấy rõ trong những trường hợp đặc biệt, lúc gia vong quốc biến, người tôi, người con đầy những khí tiết anh hùng trình chính. Thật là một sự hữu hiệu cao quý đối với nền văn hóa Đông phương.

Các môn đồ của Tôn giáo được kế tiếp mở mang, làm cho nền Đạo học mỗi ngày mỗi sâu rộng, lan khắp các nước trên hoàn cầu. Nhất là người Đông Nam Á thâm nhiễm giáo lý ấy nhập tận tâm can. Nên một cử chỉ, một ý hướng, đều hiện rõ tinh thần như mục thước.

Về đường tu thân hay xử thế, giữa Ấn Độ và Trung Hoa, thì hai nền văn hóa ấy lại gặp ở nước Việt Nam, với tinh thần dân tộc dung hòa. Nên Tam giáo

lại được đồng nhứt một cách rõ rệt ở mỗi người dân Việt.

Chứng minh vào đời nhà Lý, nhà Trần, kẻ theo đạo Phật trong đó gồm có Lão và Nho, mà kẻ ở Nho cũng có bao hàm Phật, Lão. Nên đời đó các nhà sư, các đạo sĩ, những Nho sĩ đều giúp việc tại triều đình, mà đều tham trợ lẫn nhau trên con đường cứu đời độ thân, gây một văn hóa rộng sâu trong quần chúng.

Mãi đến đời nay, người Việt Nam sẵn có một tinh thần dân tộc, mà được dung hòa các học thuyết, các tư tưởng Đông Tây. Tuy một nước nhỏ nhen, song giữ được bản lãnh tự cường độc lập, không chịu sáp nhập với Trung Hoa, không đầu hàng quân Nam Chiếu, Chiêm Thành, là đại diện cho tinh thần Ấn Độ.

Tam giáo đồng nguyên một cách dễ dàng, do ở người Việt sẵn tin con người có một linh hồn bất diệt. Nên sau khi chết, người Việt còn được anh linh đi lại gia hộ cho cháu con. Cũng như tin tưởng ngoài thế giới thiên nhiên, có các Thần sấm, sét, gió, mưa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Ấy là Nho giáo nhận tinh thần con người không chết, mà dạy thờ phụng tổ tiên.

Lão giáo tin ở thiên nhiên vạn tượng, mà có tinh thần ma thuật.

Về hai phần này thì Phật giáo lại tin ở tâm linh trường cửu thông biến, mà người Việt Nam gồm đủ.

Người Việt Nam gom góp các phần tinh túy tự tạo cho mình một nền Đạo học. Trực tiếp cùng thiên địa tự nhiên, đến và dung hòa tiếp nhận những tinh hoa giữa Trung Hoa và Ấn Độ, xây dựng một dân tộc hệ lãnh mạnh, một Quốc gia thuần phác, tương quan. Dân có quyền dân, Vua và triều đình chỉ giữ địa vị

trông nom, điều hòa và bảo vệ.

MỤC 3:

Các TÔN GIÁO Mới Xuất Hiện Tại NƯỚC VIỆT NAM

1.- Đạo Hòa Hảo

Gần đây, vào thế kỷ 19, ở miền Nam xuất hiện một tinh thần dân tộc, một mối Đạo "*Bửu Sơn Kỳ Hương*" do **Đoàn Minh Huyền**, gọi là Phật Thầy Tây An chủ trương. Mối đạo này có ý nghĩa về dân tộc tính. Sau năm 1939, Hòa Hảo thực hiện đường lối đã gây cho miền Tây Nam Việt, đồng bào đứng lên tranh thủ để giải phóng nhân dân, mang danh là: Phật giáo Hòa Hảo.

Phật giáo Hòa Hảo không có tánh cách Tôn giáo. Nói là Phật, mà kỳ trung là giữ hai chữ hiệu nghĩa của Nho, chuyên nặng phân nhơn đạo. Về siêu hình, chưa thấy được tổ chức như thế nào, nhưng tin tưởng Trời và linh hồn bất diệt. Mối đạo này đứng trước hoàn cảnh nước nhà đang bị đe dọa, để khuyến độ nhân dân bằng nhiều huyền diệu, hầu giữ bản trình dân tộc, để đón ngày vinh quang.

2.- Tổng luận các đạo họ Minh

Cũng đồng thời, các nơi khắp trong nước, Thần Tiên vận chuyển quyền pháp đủ mọi hình thức, mà giác ngộ quần dân, dọn đường đón ơn Thiên khai. Nhiều nhóm đứng ra kích động đồng bào đủ các lớp dân, hoặc cho thuốc chữa bệnh, ứng đồng tiên tri, hoặc cầu cơ chấp bút, xây bàn, tiếp độ nhơn sanh, hầu

giữ trọn lòng tin, chớ không để cho gió vật chất văn minh Âu Mỹ lôi cuốn con người đắm chìm theo sóng đục, trước cảnh nước nhà nằm trong tay thực dân Pháp.

Đọc lại đoạn sử trên một trăm năm về trước, ta thấy: Nếu dân tộc Việt Nam không có sẵn một bản lĩnh đạo đức của ông cha để lại, và không nhờ các cuộc vận hóa của Thần Tiên để hâm nóng máu nhiệt thành, hướng dẫn nhưn sanh với một niềm hy vọng, làm cho giới sĩ phu trong nước say thích với thi ca, đối luận của vô hình, lại nâng đỡ quần dân một niềm tin về huyền diệu, thì tránh không khỏi văn minh vật chất làm lòa mắt mà đổi dạ thay lòng.

Đó là phong trào vận chuyển để báo tin nền Đại Đạo ra đời, Phật Tiên Thánh Thần lâm phạm cứu độ chúng sanh. Các tiên tri đã rao khắp hoàn cầu, không nước nào chẳng có huyền diệu đã lan đến.

Sau đại chiến 1914-1918, thế giới bước vào cảnh người người kinh hoàng ghê sợ, ai không phập phồng liên tưởng bao sự khổ đau, chết chóc. Đó là một tiếng sét vang trời, cảnh cáo và báo tin: Nếu không ăn năn chừa lỗi, thì cuộc tiêu diệt sẽ bước đến không lâu.

Trời Phật động lòng từ bi, cho chư Thần rảo khắp đông tây, báo tin lành Thượng Đế thị hiện tại thế gian, mở Đạo cứu đời chuyển ngươn tiêu diệt trở lại ngươn bảo tồn, gây dựng cuộc đời thanh bình, Thánh đức. Nên trong xứ, các mối Đạo được thiết lập bằng nhiều phương tiện, tùy theo hoàn cảnh và trình độ nhưn sanh. Mục đích không ngoài sự giải thoát và tái tạo cuộc đời an lạc cho loài người.

Minh Lý cũng như Minh Tân, Minh Thiện, Minh

Sư, đều nhận thấy sứ mạng quyền pháp nơi Trời, đặt con người trong sự hướng dẫn của vị Giáo chủ mà tiến tu, tự độ, độ tha, gây một tinh thần đồng nhứt, không phân màu sắc dân tộc và tín ngưỡng, để đi đến một đồng nhứt, bình đẳng và tự do thật sự.

3.- Đạo Minh Lý

Sứ mạng đã ban cho Minh Lý, với một quyền pháp tối trọng là làm sống lại tất cả những tâm hồn đang rên rỉ kêu la, đương bị trào lưu vật chất âm ảnh, phục hồi cái chơn tinh thần đạo đức đã chìm lấp bởi thời gian, hoàn cảnh.

Sứ mạng cao cả ấy, người đạo Minh Lý được cảm nhận là:

a) Thiết lập một thư viện gồm đủ kinh điển của các Tôn giáo, học thuyết đông tây, xưa nay.

Lại đạo Minh Lý có bốn phận tập đại thành, tìm các mối quan hệ của loài người, cho đâu đấy cũng tương quan, mà xây đắp nền tự do bình đẳng, không còn chống trái. Sự tương quan ấy cốt để đi đến dung hòa, duy nhất một đường hướng, đến mục đích cứu cánh của loài người.

b) Thư viện chẳng những kết hợp những tinh hoa, mà còn được xét lại trên hai phương diện:

- Mặt một là vào Tu viện để khảo nghiệm cho được thực chứng, rồi mới lấy đó làm pháp môn, đưa ra dựng đời độ chúng.

- Mặt khác là được các Thánh giáo hướng dẫn của Thần cơ, chọn lọc và kết hợp thành một qui củ, lấy đó tùy thời mà áp dụng vào thế đạo, để tiếp độ kẻ chơn tu.

Về vấn đề Thiên đạo, Minh Lý cũng như các nền đạo học xưa nay, nhận cho vũ trụ vạn vật đều do Đạo phát xuất sanh thành, rồi chung cuộc vật nào cũng trở về với Đạo.

Về thế Đạo, Minh Lý lấy con người làm đích chính. Người là đại diện cho Trời Đất, giữ mối tương quan, làm cho sáng tỏ và rộng bày Đại Đạo. Nếu Trời Đất có ra, mà không có con người, thì Trời Đất cũng không cần có để làm gì.

Vậy người là sự kết tinh của Trời Đất, giao điểm giữa Âm Dương nhờ có lương tri tâm khảm, nên đã làm cho cõi đời có một sự tươi đẹp, đâu đâu cũng được bàn tay bộ óc của người tài thành Thiên Địa chi Đạo, Phụ tướng Thiên Địa chi nghi.

Thì con người thật là trọng hệ! Chẳng những đào sông xẻ núi, dựng nước yên dân, mà còn đủ thuật hay tài giỏi, tự tạo và sáng tác mọi ngành, mọi mặt trên thế gian. Lại còn xuất quỷ nhập thần, lên Tiên vào Thánh, mà xưa nay chỉ thấy có người đó thôi!

Nhưng bàn tay ấy, bộ óc kia, một khi bị ám ảnh bởi lòng tham dục, mà sa đắm với hoàn cảnh, thì gây ra biết bao sự đổ nát hư hại, làm cho đất bằng sóng dậy chẳng vừa! Nên đặt trủng vấn đề là một việc, còn việc quan trọng hơn, là phải có con người lành mạnh tượng trưng, đủ trí tuệ, đủ từ tâm, mới có thể đặt tay vào đời, mà không làm đời hư hại.

Muốn có con người ấy, không phải học giỏi tài cao, mà ra gánh đời độ chúng được. Muốn đòi hỏi cho đời đặng trở nên thanh bình Thánh đức, phải có con người chọn tu chứng đạo, nội Thánh ngoại Vương, tự giải thoát được thân, để giải phóng loài

người ra ngoài đau khổ, con người ấy phải cho vào Tu viện để chứng cho được cái đạo đồng nhất, giữa Trời và người cùng vạn vật, hòa điệu tương quan.

Nên Minh Lý đứng trên tinh thần xây dựng nhơn sanh, là mở một lối vào, để thực hiện con người có căn bản, là chọn tri và thực hành. Muốn chọn tri phải vào thư viện tham khảo giữa các mối quan hệ của vũ trụ và nhơn sanh. Nhưng muốn chắc chắn, như một với một là hai, thì phải vào Thiên viện (Tu viện) mà thực hành, thì việc biết, việc làm được tương quan, đâu phải nói suông, làm buống!

Thư viện hay Tu viện không phải dành riêng cho bốn đạo Minh Lý mà là nơi công cộng của các mối đạo trên hoàn cầu, mục đích để cho người tự giải quyết vấn đề nhơn vị làm người, hầu thay Trời mà gánh lấy quyền pháp tại thế gian.

Sự nghiệp đó được Trời và Người ủy trao, thì chính mình là Tu sĩ phải được trực tiếp cùng Trời, để đi đúng với Thiên cơ. Có tha tâm thông mới cảm thông sự tình thiên hạ. Nghĩa là: Người Tu sĩ hay Giáo sĩ của một mối đạo nào cũng phải chứng Đạo, có đủ thần thông, mới tránh sự sai lầm, mà đưa loài người vào nơi nguy hiểm.

Muốn rõ thêm phương châm và mục đích, xin coi tập "học đạo chọn truyền" sẽ giải tiếp sau.

4.- Đạo Cao Đài

Trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dùng huyền cơ diệu bút, hiện thân nơi trần thế, chọn nước Việt Nam làm Thánh địa, để hoàng khai Đại Đạo, qui Tam giáo hiệp Ngũ chi lần chót, trong buổi hạ ngưng,

mà các lời tiên tri về trước đã báo cho biết ngày rớt, Thần Lẽ thật sẽ đến cùng loài người, làm sáng tỏ Chơn lý, đem con cái của Ngài hiệp một. Thế gian trở lại đời Nghiêu Thuấn thanh bình.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay là Đạo Cao Đài, đứng trên lập trường thuần chơn vô ngã, thể nhận các Tôn giáo cũng do một Chơn lý, nhưng tùy hoàn cảnh, địa phương và trình độ nhơn loại mỗi nơi, mà hiện ra Quyền pháp, cho hợp thời thế, để cứu độ chúng sanh.

Hình thức có sai biệt, nhưng bản thể của Đạo không hề thay đổi, tôn chỉ Đại Đạo dung hòa, không phân màu sắc tín ngưỡng, bình hành tâm vật, xu hướng đông tây kim cổ, vạn giáo nhất lý. Mục đích cứu cánh: Thiên đạo giải thoát, Thế đạo đại đồng, độ cả phần xác lẫn phần hồn, làm cho đời sống của loài người trên thế gian, năm châu chung chạ, bốn biển chung nhà. Lấy sự thương yêu, bình đẳng cột chặt lẫn nhau, chẳng những riêng loài người, mà cho tất cả chúng sanh, cả thầy đều được che chở trong Quyền pháp.

Đức Cao Đài đã dạy:

*"Bửu Tòa thơ thới trở thêm hoa,
Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà;
Chung hiệp ráng vun nền đạo đức,
Bên lòng son sắc đến cùng Ta".*

Thật là một lời khẳng định tỏ cho chúng ta thấy được, không hề chấp nhất mà dung thông, không ranh giới phân chia mà được lấp bằng các hố sâu, giữa loài người, được cộng thông duy nhất. Về bản thể và sự tạo thành Kiền Khôn vạn vật đều giống y các Tôn giáo trên hoàn cầu.

Ngày 15 tháng 5 năm Bính Dần, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh Cao Đài Tiên ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, dạy rằng:

*"Khai Thiên Địa vốn Thầy,
Sanh Tiên Phật cũng Thầy.*

Thầy đã nói một chơn thân mà biến Kiền Khôn thế giới và cả nhơn loại. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật".

Thầy khai Bát quái mà tác thành Kiền Khôn thế giới. Đó là Pháp, Pháp tạo dựng Kiền Khôn vạn vật. Sau hết đến người, người là Tạng. Và luôn luôn khi Ngài lâm đàn đều xưng Thầy là các con, các con là Thầy.

"Khí hư vô sanh ra một mình Thầy. Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật". Đó là lẽ Một trong Cao Đài. Bởi lẽ Một đó mà biến hóa sanh thành. Một chơn thân được phân tán khắp Kiền Khôn vạn vật, triển chuyển trong cuộc tuần hoàn, từ đất đá, cỏ cây và động vật, cho đến con người đã thăng hoa đầy đủ trọn vẹn, cho bao nhiêu công trình sự nghiệp về tinh thần được kết cấu, nhiều thời gian kinh nghiệm học hỏi, để trở thành một công đức xứng với địa vị trong Tam tài.

Từ vật chất đến con người, tuy chuỗi đời dài dặc, nhưng chỉ có một chiều. Ngặt đến người thăng hoa mà trở thành Tiên Phật, lại là cái khó khăn. Khó khăn vì con người giàu lý trí, tự do lựa chọn, nên có thể hướng về phần lý trí, thì còn hẹp chật và lạc làm sa ngã. Nên có tánh tự phụ, mà phân cách giữa ngã và chơn. Hoặc may được gặp bạn tốt thầy hay, hoàn

cảnh thuận lợi làm cho tâm hồn sáng suốt nên được nhập cùng Chơn Lý mà thông triệt chỗ Nhất quán giữa Trời Đất, vạn vật và con người.

May gặp được Đạo pháp thì có thể tu một kiếp là chứng Đạo thành Phật, mà nhập Niết bàn. Bằng không gặp một nền Đạo thì phải trải qua hàng hà sa số kiếp, mà lần lên nấc thang tiến hóa, từ Tứ đại bộ châu đến Tam thiên đại thiên thế giới, từ thất thập nhị địa cầu (72) rồi lên Tam thập lục thiên, mới vào được Bạch Ngọc Kinh mà hiệp cùng Đạo. Như vậy bất cứ vật nào và loài nào cũng được thành Phật, song một chóng một chày, tại chỗ giác ngộ, đắc pháp hay không, mà hóa ra hai đường đón tiếp.

Nên pháp cứu cánh nền Đại Đạo nhắm vào hai điểm:

- Tịnh luyện và hành đạo đi đôi.
- Sự tu tiến lập công mà cũng để lòng cầu chánh tâm diệt dục, đồng nhứt với Thiên lý.

Về con người nhập Thánh siêu phàm, bỏ hai phương pháp trên, thì không còn có cửa nào để thành quả vị.

Về tổ chức, theo một nguyên lý, lấy thiên nhơn hiệp nhứt, đẳng đệ: Nhỏ sau lớn trước, trừ hàng Thiên phong, dưới trên bình đẳng. Lấy đức làm anh, cậy tài mà vận dụng. Quyền tối hậu ở Thượng Đế và Vạn linh. Nhưng người chức sắc phải giải thoát thế gian, chứng lấy Thiên đạo, mà chấp hành Nhơn đạo, để làm gương cho hàng hậu tiến.

Về phương châm: Chọn lọc tinh hoa ở các nền giáo lý học thuyết hiện có để hướng dẫn nhơn loại theo tuần tự, cốt là giải quyết vấn đề nhơn sanh.

Về nhận thức và hành động, cho phù hợp với Đạo pháp: Cải tạo con người thành một động cơ hòa bình chân chánh, tự giác giác tha.

Sứ mạng con người Truyền giáo, phải được Quyền pháp Thánh linh đặt các cơ cấu nhiều nơi, bằng sự vận chuyển Thần cơ, tùy theo sắc thái hoàn cảnh của mỗi dân tộc và sự độ thân bố điển của các Đấng quyền năng, trên những nước, những người cao đức hữu duyên, mà quý nhứt bằng nhiều phương tiện.

Ngày giờ chưa đến, Bí pháp chưa trao tận tay cho những bậc chơn tu, mà nền Đạo chưa quảng truyền còn trong vòng đào luyện và tuyển chọn.

Quan hệ nhất là một đặc ân: Nhơn loại trong buổi Tam Kỳ được đại xá và Tận độ không bỏ sót một ai. Chẳng những kẻ đồng nhất trong giáo lý, mà còn tương quan hỗ trợ giữa các nền Tôn giáo trên hoàn cầu, làm sống lại và làm sáng thêm, hàn gắn cho bất cứ một đoàn thể, một tổ chức nào phải bị tổn thương vì hoàn cảnh.

Không cầu lợi cho mình, mà cầu thấy được đâu đâu cũng tự do, thánh khiết.

Đức Cao Đài nói: *"Khi nào còn thấy một sự bất bình ở thế gian là Đạo chưa thành"*.

Tóm lại, Đạo Cao Đài không phải thiết lập thêm một Tôn giáo mà là cố gắng sao các Tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết bàn. Chắc sau ngày Đạo thành, không còn có cái danh nào cả.

MỤC 4:

GIẢN LƯỢC Về Các HỌC THUYẾT Tây Âu

1.- Tổng luận về văn minh Âu Tây.

Nền Đạo học Đông phương được giản lược một vài nét chính. Cũng cho ta thấy được con người đối với vũ trụ như dính liền, tâm hồn lâng lâng thanh thoát, bao giờ cũng hướng về lẽ Một.

Ấy là nguyện vọng chung, nền giáo lý nào cũng đặt nặng vấn đề, là giải thoát con người ra ngoài trần phược, tham dục để vượt lên lý trí, mà dùng trực giác. Có thể, mới thấu biết tận chỗ thâm viển, không bị tình thức thiên lệch ngăn che, làm trở ngại cho sự tương quan đồng nhất, để rồi nhập thể cuộc mà không bị thể cuộc buộc ràng.

Lòng sáng suốt không đắm nhiễm ân ái lợi danh, mới đủ phương tiện độ người cứu đời ra ngoài sông mê bể khổ. Ấy là các bậc Hiền như quân tử xưa nay đều có quan niệm dĩ đức hóa nhưn, kiến cơ nhi tác.

Trông về nền văn minh Tây phương, ai đã để chân lên các nước Âu Mỹ, đều chắc lưỡi khen thàn màu sắc rực rỡ, cảnh cảnh phơi bày, tráng lệ nguy nga mọi mặt, trông càng chóia mắt. Thật là thiên đường dưới thế, tự do tột bậc của con người. Nhưng đi sâu vào bên trong tâm khảm, đời sống tinh thần đau khổ, rạn nứt khô khan.

Luôn luôn thấy mình đối lập chung quanh hoàn cảnh, như muốn hăm dọa thách đố Vũ trụ Tạo Hóa, như bắt buộc đày đọa con người. Để tránh sự đe dọa và tìm lấy tự do, cần phải tranh đoạt quyền tự chủ vào tay, phải chiến thắng, phải nỗ lực không ngừng,

thì cuộc sống giờ phút nào cũng chật vật khó khăn, mà tâm hồn chẳng mấy khi được thung dung nhàn hạ.

Văn minh Âu Mỹ trên vài thế kỷ nay, họ đã thành công rất nhiều về mọi mặt. Các ngành kỹ thuật, khoa học, thiên văn, địa chất, kỹ nghệ, cơ giới v.v... đem lại sự chiến thắng không ngừng. Tổ chức xã hội đủ phương tiện, giao thông mỗi ngày thêm tinh xảo. Họ khám phá những bí mật trong vũ trụ, thâm thập được nhiều nguyên liệu để chế tạo máy móc thay thế con người. Nếu tiến lên một bậc nữa, họ tự hào sẽ thay Trời, mà làm nhiều việc vĩ đại, không thể tưởng tượng.

Thật vậy! Bắt đầu, họ chỉ chập chững một vài bước ở bộ óc khôn ngoan, ở bàn tay khéo léo. Rồi nhiều phương tiện giúp họ khai quật những mối manh liên hệ, dùng bằng hơi nước, sức lửa đến điện khí. Cho đến nay đã bước qua một tầng cao đẳng, rồi sẽ đến đâu? Óc người càng mở mang, sức người càng mạnh mẽ, thì một ngày kia có thể đem Thiên đường lập ở nơi trần thế này, chắc không khó gì.

Ta ở Đông phương nhìn qua Tây phương cũng lấy làm lạ. Các nhà Đạo sĩ ở Ấn Độ và Trung Hoa, khi bước chân lên các nước Âu Mỹ, cũng phải mê ly, khen ngợi nền văn minh cơ giới, vô cùng lộng lẫy. Nhưng tiếc vì óc khôn ngoan bị hạn hẹp trong lý trí con người, mà sử dụng không đúng hướng hòa bình, thịnh trị, nên mới gây khủng hoảng thiếu, khủng hoảng thừa.

Quyền lợi vào tay tư bản, giai cấp ngày một để thêm, chiến tranh ngày càng lan rộng, là vì dùng trí

chẳng dùng tâm. Nếu ngoài là lý, mà trong là tình, thì tình lý đã tạo cho con người một mối tương thông bình đẳng.

2.- Học thuyết của Descartes (1596 - 1650).

Nền văn minh đó bắt đầu từ thế kỷ 17 tại Pháp quốc đã xuất hiện một nhân vật quan yếu, đứng lên giơ cao ngọn đuốc lý từ, soi sáng cả trời Âu, là một nhà Hiền triết trứ danh, mở đầu cho nền văn minh Âu Mỹ. Thật là một vị thi tổ của khoa học và triết lý Tây phương trong giai đoạn cận đại. Ấy là ông Descartes (Đích Tạt Nhi).

Ông đã đứng ra cách mạng tất cả những gì đè nặng trên con người từ mấy ngàn năm. Trước ngã ba đường, ông đã cải tổ một xã hội vô cùng quan trọng. Ông phủ nhận tất cả những gì mà dưới con mắt ông không đủ chứng cứ, tất cả đều bị hoài nghi, nên ông không tin những thuyết xưa thời trung cổ, vì thời ấy hầu hết dân tộc Âu Châu đều chịu dưới Thần quyền ngự trị.

Với ông, nếu mọi sự có thực, thì phải được sự soi sáng bằng lý trí. Nên ông nói: "*Ta tư duy thì ta thực tại*". Nghĩa là: Ta tư tưởng là ta thật có (*Je pense donc je suis*).

Ông tin vạn vật trong vũ trụ là một khối vật chất vô hồn, vật chất biến chuyển được là do Thượng Đế chuyển cho nó một tánh vận động. Vạn vật khác chi máy đồng hồ, cứ luân chuyển một cách vô ý thức. Nhưng khi tiến hóa đến con người, thời mới có đủ thức giác. Người mới có linh hồn và lý trí. Linh hồn khác biệt với thể chất của ta là vì nó đặng vĩnh viễn

và thực tại.

Triết lý của ông là một triết lý về những ý tưởng phân minh và rõ rệt. Nó đã giải phóng cho tinh thần Âu Tây cận đại, cái ách độc đoán của thời Trung cổ. Triết lý của ông chỉ suy tôn và từng phục một chân lý hiển nhiên là lý trí. Nên sự vật dưới con mắt, phải được xét đúng với tinh thần duy lý một cách cụ thể, chớ không tin một điều gì, mà ngoài ý thức chưa nhận cho là thực.

Ông đã phá hoại những tòa nhà cũ, có tính cách Thần quyền ở thời Trung cổ. Tất nhiên, ông phải kiến tạo một lâu đài mới cho nhân loại tương lai, bằng một "*phương pháp luận*" cả một công trình xây dựng văn minh tráng lệ cho khắp trời Âu.

Phương pháp luận của ông đã phát minh là phân tích Kỳ hà học. Từ Kỳ hà học, ông đi đến một quan niệm cơ giới về vạn vật theo luật pháp toán học điều khiển. Ông đã mở đầu và gỡ mối cho các ngành khoa học hiện nay. Ông cho vật lý một chương trình áp dụng về lý thuyết tinh thần và vật chất, dựa vào châm ngôn: "*Ta tư duy, ta thực tại*".

Vật chất có tính cách điện trường ở không gian, là có thực. Vật chất cũng biến động như tinh thần. Biến động đó là do Thiên lý ban cho nó một đặc tánh. Tinh thần là chơn thực, vì ý tưởng ta là chơn thực.

Ông đề xướng một vũ trụ quan theo con đường duy lý. Ông tin, ngoài ông và vạn vật, có một lẽ hoàn toàn. Lẽ ấy là Chí thiện, Thiên lý. Đó là Thượng Đế của lý trí nơi ông. Ngoài ra, tất cả vạn tượng đều là khuyết điểm.

Đại lược, nền triết lý của ông là phân minh, rõ

rệt, dưới sự soi sáng của lý trí. Mà lý trí là chơn lý tồn tại, chơn thật mà thôi. Nói lý trí, thì ai cũng đều có như nhau, không hơn không kém. Tại người hay ta thán, ghen tị kẻ tài ba, mà không muốn biết thêm lẽ phải. Song biết rằng lẽ phải ai cũng như ai, ngại vì người nhận đi một cách, nên có chỗ so le. Vì vậy, có lý trí là lẽ phải, mà không qui hướng một phương pháp thì cũng vô ích, khó thành công.

Triết lý ông nhắm vào hai yếu tố: Nhận thức và hành động đã đưa đến cho xã hội Âu Tây nhiều hy vọng thành công, trên bước tiến trình của nhơn loại, về đường cơ giới khoa học ngày nay, phương pháp luận của ông được các ngành khoa học đang áp dụng.

Ông cố kéo vũ trụ tự nhiên về đồng nhất với con người. Nhưng đường hướng lưỡng nguyên duy lý cũng không sao thỏa mãn được thân tâm nhơn loại, vì lý trí bao giờ cũng hữu hạn, khó lòng thấu tận huyền vi. Nhưng cũng làm chấn động một phương trời, đổi cả bộ mặt trầm lặng đơn sơ, trở thành linh hoạt huyền ảo.

3.- Học thuyết của Hegel với sự biến chuyển của nó.

Đây không thể nào nói rõ hết các học thuyết Âu Tây, mà chỉ giản lược, biên sơ qua học thuyết Hegel và Karl Marx, để nhận sự quan hệ giữa con đường duy tâm và duy vật, có tương quan thế nào với ĐẠO HỌC CHỈ NAM. Trước xin nói về Hegel.

Học thuyết Descartes suy tôn lý trí, lấy lý trí để giải thích vũ trụ và đường lối nhơn sanh. Sau ông, nhiều nhà triết nhơn không thỏa mãn đường lối duy

lý, không thể chấp nhận sự vật có bản thể thực tại, mà sự vật chỉ để cho người ta thức giác mà thôi. Hơn nữa, lý trí không bao giờ nhận được một vật đồng thời là A mà B. Như con chó không thể đồng thời là con mèo, phải với trái, thuận với nghịch đồng một việc. Chưa hề dưới con mắt người quan sát, lại có sự trái nhau, mà lẽ phải được hợp lý, hợp tình.

Vì vậy, mà sau ông, chia làm hai phái: Bên thì duy tâm, bên lại duy vật. Duy tâm đại diện cho hai nhà Berkeley và Hegel. Berkeley là người nước Ái Nhĩ Lan, ra đời cuối thế kỷ 17, sang đầu thế kỷ 18. Ông không chấp nhận đường lối của Descartes, vì lý do Descartes chủ trương nhị nguyên duy lý.

Sự mâu thuẫn dịch hóa trong vũ trụ, từ trạng thái nọ đến trạng thái kia, vừa là A mà B, vừa là vật trong không gian mà là tinh thần ý thức. Nên ông cho thuyết hoài nghi của Descartes không đúng với lý trí xét đoán.

Mà thực vậy, lý trí chỉ tạo nên ý thức, chớ làm sao tạo được thực tại. Lý trí chỉ một chiều, đâu thấy được sự thật biến hóa. Nên Berkeley chủ trương thuyết phi chất, không tin những điều mà ngũ quan không nhận biết, mà sự vật ở đời nó cũng không cần ai nhận hay không nhận. Nói hợp lý cũng chẳng mừng, không hợp lý cũng chẳng rầy.

Vạn tượng Tạo Hóa có gì hợp lý đâu. Trong cái vui có cái buồn. Trong lẽ sống chứa đầy sự chết. Hoa phù dung sớm trắng như tuyết, chiều đỏ như son. Đồng thời một việc xảy ra, có kẻ may mắn vui mừng, kẻ lại rủi ro buồn tủi.

Tạo Hóa không cần ai giải thích nó ra thế ấy, thế

kia, mà vũ trụ nhận như lý trí một chiều, làm gì có sự sanh thành biến hóa. Nên cuối thế kỷ 18, sang thế kỷ 19, có nhà siêu hình học nước Đức là Hegel đề xướng thuyết duy tâm, làm cho chấn khởi khắp Tây phương, gây hào hứng, cứu vãn đường lối duy lý khô khan.

Thuyết của ông dẫn chứng về vũ trụ. Một lúc, mình giác ông trực nhập được Chơn lý ấy, vạn tượng không gian rất linh động vô cùng. Dịch mà hóa từ thế nọ sang thế kia.

Ông nhận bản thể nguyên thủy Tạo Hóa là một ý tưởng màu nhiệm vạn năng. Thuyết biện chứng của ông phân làm ba giai đoạn:

a) Một yếu tố có tính cách duy trì ý tưởng, giữ nguyên bản thể. Đó là yếu tố bảo thủ (Chính đề).

b) Trong yếu tố Chính đề, còn chứa một mầm mâu thuẫn. Nó muốn phá cái bản thể im lìm của nó, cũng như thuyết Thái cực và Âm Dương ở phương Đông ta (Phản đề). Mầm ý thức đã tự ngoại vọng, bước vào cuộc lịch trình chuyển hóa.

Ý thức đó lúc đầu phóng khí sâu đậm, nằm im lìm trong khoảng chất không tìm thấy được, đến khi chuyển sang thực vật, thì ý thức được vươn lên, tìm nơi tự do, nhói ra ánh sáng. Nhưng khi sang động vật, thì cảm giác được nảy nở đầy đủ, ý tưởng mở rộng. Cho đến con người thì biên độ tự do lại được quảng đại lựa chọn.

c) Bước hành trình mệnh mang vô định, trải qua nhiều thời gian kinh nghiệm tích lũy ở ký ức, từ đất đá cỏ cây tới những loài động vật, nên khi trở thành người, là lúc thực hiện quay về với nguyên thủy. Đó là tổng hợp đề.

Chánh đề (Thèse) tìm sự đồng nhất trong sự vật. Phản đề (Antithèse), tìm với tri giác sự mâu thuẫn. Tổng hợp đề (Synthèse) dung hòa hai thể trên.

Đó là con đường phản bản hườn nguyên của Hegel, nhưng về phương pháp giải thoát cho người, để đồng nhất cùng cứu cánh, thì Hegel không thấy nói phải thế nào, duy cho biết sự tự do tuyệt đối con người được lựa chọn.

Chỉ có người mới đầy đủ tự do. Chỉ có người mới bắt đầu lên bước thang trở về đồng nhất cùng bản thể. Chỉ có người mới dung hòa hai mối mâu thuẫn của bảo thủ và mầm thức giác cấp tiến. Song trên người, thì ý tưởng khác xa hơn ý tưởng lúc đầu.

Vì người nhờ trải qua nhiều kiếp kinh nghiệm, thâm thập bao nhiêu sự kiện bên ngoài, mà thức giác thăng hoa, đầy đủ khôn ngoan, đủ sức tự tạo và tái tạo.

Ông chẳng những dẫn luận để biện chứng về vũ trụ mà đem áp dụng vào xã hội như sanh, về tự do con người, giữa luật mâu thuẫn người chủ nhưn và kẻ nô lệ. Thuyết luận của ông dẫn chứng Chánh đề, Phản đề và Tổng hợp đề về xã hội, không có ý gây ra một cuộc cách mạng đấu tranh giữa giai cấp với giai cấp, mà ông diễn tả cuộc hành trình ý tưởng chuyển hóa. (Sau, Mã Khắc Tư đem thuyết này áp dụng vào thực tế, xây dựng chủ nghĩa vô sản xã hội ngày nay).

Đứng trước thời buổi khoa học xuất hiện, làm thay đổi cả từ hình thức đến tâm linh, sự đổi cũ thay mới, ai cũng nô nức trông thấy những cái hay, cái lạ của thời đại văn minh cơ khí, mà từ lâu loài người ở góc trời Âu đương mê ly, chìm đắm trong nền cổ học

đạo đức Tôn giáo, dưới sự điều khiển của Thần quyền kinh điển, học qui cầm cân nảy mực.

Trào lưu thay đổi, các học thuyết xuất hiện đủ mặt, làm bùng tỉnh lòng người. Nào tâm, nào vật, đủ cách chứng giải thích theo trình độ lý trí con người. Nhất là về quan niệm duy vật cận đại, ở Thái tây Âu châu, tại Anh Cát Lợi, vào thế kỷ 17, học thuyết "*duy vật cơ giới*" của Hobbes, chủ trương vật chất là nguyên động lực.

Tất cả trong vũ trụ chỉ có vật chất là có tính miên trường, trong không gian biến dịch mãi mãi, biến là đổi từ thể nọ sang thể kia, dịch là đổi đi từ thể này sang thể nọ. Vật chất linh động, phân tán vô cùng, khắp trong vũ trụ.

Tinh thần và vật chất là một. Nghĩa là: Tinh thần là sản phẩm của vật chất. Tinh thần là hậu thiên, vì vật chất biến dịch sinh ra cảm giác, ảnh hưởng bên ngoài nhập vào thần kinh mà có ý thức. Cảm giác con người chỉ thích khoái lạc, để tránh đau khổ, mới đặt ra luân lý đạo đức; lập xã ước, dựng nên Vua Chúa và Tôn giáo để ngăn cản bảo vệ quyền sống cho nhau, dựng nên Quốc gia Tôn giáo cũng là sự bất đắc dĩ vậy.

Thế là tinh thần ý thức là phụ thuộc ảnh hưởng của vật chất. Nên thuyết này bài bác đánh đổ tất cả những tín ngưỡng. Một số tân tư tưởng được theo ông truyền bá chủ nghĩa duy vật, vận động nhân dân cách mạng Pháp vào thế kỷ 18. Duy vật cơ khí của Hobbes không đứng vững, vì tánh chất hợp lý của duy vật chỉ có biến chuyển một chiều, không thể làm cho phẩm hóa ra lượng, hay lượng đổi thành phẩm được. Nên

kế tiếp đó Mã Khắc Tư đề xướng thuyết "*duy vật biện chứng*", xây dựng một nền học thuyết khả dĩ quan trọng, ở chỗ biến dịch theo luật mâu thuẫn tiến hóa. Theo ông thì trong vũ trụ bất cứ vật chất hay tinh thần đều biến đổi, không một vật nào nằm yên. Sự biến dịch đó luôn luôn mâu thuẫn nhau, mới phát sanh một thể dung hòa tổng hợp.

Thế giới Âu châu trên một ngàn năm, nhưn loại núp dưới triết học, Tôn giáo, tự thấy yên phận đời mình. Nhưng trào lưu lịch sử mỗi ngày mỗi tiến, trải những thời gian, gặp nhiều khúc quặt, hoàn cảnh xã hội, nhân đó mà đổi thay.

Tính chất và hoàn cảnh xã hội con người ở một địa lý như Âu châu, sanh sống với kỹ nghệ, thương mãi lúc nào cũng hướng ngoại, để tìm hiểu đời mình. Vị trí tâm thức không đứng yên một chỗ, đòi hỏi những nhu cầu tâm lý, sinh lý và tình cảm mới lạ, để được bổ túc những sự thiếu thốn đau khổ ở lòng người.

Văn minh triết học cổ La, Hy ngự trị suốt mấy ngàn năm, mà người ta không thỏa mãn, để đi tìm một ý hướng thích hợp hơn cho thời đại. Mà thuyết duy lý của Descartes xuất hiện đã làm cho Âu châu bùng tỉnh, tự giác được chính mình. Triển khai một nền triết học khoa học mới mẻ. Tiếp đến Hegel đã phát minh một hệ thống đầy đủ về vũ trụ và nhưn sanh. Chính ông là người phát minh một lý tưởng toàn diện, làm nên giềng mối cho các môn phái hiện đại.

Ngày nay, không môn phái nào chẳng dựa vào phương pháp biện chứng của ông, mà xây dựng

đường hướng xã hội nhơn sanh. Ông là Tổ các môn phái, các học thuyết không phải là quá đáng. Dầu kẻ theo ông hay chống đối ông, cũng dựa phương pháp biện chứng của Hegel, mà làm tiền đề hướng về tương lai cho nhơn loại.

Học thuyết thần bí duy tâm của ông chấn động khắp trời Âu, thiên hạ cho đó là tuyệt đỉnh, nhưng rồi một thời lại bỏ nguội lạnh.

4.- Học thuyết của Karl Marx.

Đây cũng là học thuyết của Hegel biến thái đổi duy tâm thành ra duy vật, mà Karl Marx là người chủ trương mạnh nhất, có danh tiếng nhất.

Sau ngày Hegel tạ thế, môn phái tả của Hegel gồm có Strauss (David Fédéric), Feuerbach (Louis Andréas), Marx lật đổ hình thức duy tâm của Hegel, lấy biện chứng phương pháp của ông mà xây dựng một học thuyết duy vật, đặt vấn đề nhằm cách mạng tất cả những chế độ học thuyết cũ, cho triết học Tôn giáo là mơ mộng, viển vông, chỉ nhìn có vật thể thực tại là Chơn lý.

Strauss, Feuerbach nhắm thẳng vào Tôn giáo mà đả kích thuyết hữu thần, chối bỏ Thượng Đế. Feuerbach nói Thượng Đế là phản ảnh tư tưởng nguyện vọng của con người (Do Thái). Con người hữu hạn thèm khát mong muốn ở chỗ hoàn toàn vô hạn là Thượng Đế.

Thượng Đế chính do người tạo ra, con người phóng thể. Thượng Đế đã bóc lột con người những gì cao quý về tình cảm hạnh đức. Vì vậy mà con người mỗi ngày mỗi sa sút, nghèo khổ, mà Thượng Đế lại

giàu lên. Con người khao khát hạnh phúc, mà hạnh phúc đó ở trong Tôn giáo, do xã hội tư bản bịa đặt ra, để ru ngủ con người, làm cho họ quên nhiệm vụ.

Muốn xây dựng một xã hội mới, một con người lành mạnh, cần tiêu diệt Thượng Đế, cần triệt hạ Tôn giáo, phục hồi những khả năng tài đức của con người, mà từ lâu bị lằm, nên hạ giá người phải khiêm tốn cung kính, lễ bái, cúng cầu.

Đó cũng dựa theo biện chứng Hegel về con người vô hạn phóng thể, thật là một triết lý vô thần, lấy con người làm điều tối cao, mà con người đó là con người vô sản. Con người vô sản mới đủ điều kiện lãnh đạo cách mạng, vì họ là nạn nhân đau khổ bị tư bản bóc lột. Họ thông cảm hơn ai, vì họ trực tiếp trong hoàn cảnh bất công vô nhân đạo, bị vong thân trong tư bản, nên họ phải hành động, để tiêu diệt mối lo âu ở lòng họ là tư bản.

Còn Feuerbach nói: Nếu con người là tuyệt đối, mà Thượng Đế cũng tuyệt đối, thì nên chọn con người mà tiêu diệt Thượng Đế, bài trừ Tôn giáo. Trái lại Marx phản đối Feuerbach, chỉ là lý thuyết. Theo ông, thì không cần tiêu diệt Tôn giáo. Nguồn gốc của Tôn giáo là xã hội của tư bản kinh tế tạo ra. Lật đổ xã hội tư bản, thì Tôn giáo cũng tiêu diệt, không cần đốn chặt ở nhánh lá.

Đó là: "*Duy vật vô thần*".

Về ĐẠO HỌC CHỈ NAM, ta cũng cần xác định đường lối xã hội nhơn sanh của Mã Khắc Tư để giải quyết vấn đề hiện tại và tương lai của nhơn loại như thế nào.

Trước Marx, đã có nhiều môn phái duy vật xuất

hiện, đứng trên lập trường vô sản, hướng dẫn phong trào cách mạng chống chế độ hiện thời, bài bác những học thuyết cũ như Tôn giáo, triết học. Nhưng rồi chẳng đi đến đâu. Trái lại chỉ Marx đặng thành công. Họ cho Marx là sản phẩm của thời đại, nhưng Marx đâu phải là con người giai cấp vô sản.

Chính Marx là người Do Thái, cha mẹ ở trong Tôn giáo, gia đình tiểu tư sản. Song cha mẹ người chỉ phóng khoáng tự do. Marx là sinh viên đại học Bonn và Berlin. Khi ra trường viết báo làm chủ bút, không hề biết nghề thợ. Ông là học trò môn phái Hegel được tiếp thụ chơn truyền thần bí Đạo học, nhờ phương pháp biện chứng của Hegel, mà về sau ông nhận được vấn đề thiết yếu, rút ra để xây dựng thời cuộc lãnh đạo vô sản cách mạng Nga 1917.

Vũ trụ là một trường thiên diễn, biến dịch vô cùng. Từ nội giới đến ngoại giới, vô cơ vật và hữu cơ vật đều theo luật biến dịch. Dầu tinh thần hay vật chất cũng thay đổi, không có vật nào y nguyên tự tại, vĩnh cửu bất biến.

Lénine nói: Không đâu có vật chất mà không có sự vận động, không đâu có sự vận động mà không thấy có vật chất. Vật chất là nguồn gốc tự thể, tinh thần chỉ hậu thiên phản ảnh của vận động. Vận động như thế nào? Theo Mã Khắc Tư: Vận động theo mâu thuẫn biện chứng, từ vật nọ chùng lặn lên vật kia, va chạm nhau mà có sự vận động đùn đẩy biến hóa. Trong mỗi vật đều có hai mâu thuẫn chống đối nhau, nó muốn phá cái cố định là chính đề, muốn giữ nguyên vị trí, tự thể là phản đề, bộc phá chuyển mình ra ngoài giới thực hiện.

Chủ thuyết xây dựng xã hội vô sản đã hướng dẫn phong trào cách mạng ở Nga năm 1917. Học thuyết duy vật đứng trên lập trường cách mạng, xây dựng xã hội cộng sản, giải phóng con người dưới chế độ bất công, từ lâu bị phong kiến, tư bản bóc lột chà đạp nhưn vị con người. Lịch sử nhưn loại chỉ có đấu tranh: Dưới các thời đại về thượng cổ thì quý tộc với bần nông, về trung cổ thì nông nô với chủ quận, đến nay thì giữa vô sản và tư sản.

Luôn luôn kẻ mạnh đàn áp kẻ yếu, giai cấp yếu chống với giai cấp khỏe. Người lao động bị tư bản lợi dụng, ăn bám sức sản xuất, là mồ hôi nước mắt của họ. Họ làm ra mà không được hưởng. Người lao động vong thân trong kinh tế. Kinh tế vong thân để ra vong thân Tôn giáo và Chính trị.

Muốn thâm hồi trình trạng vong thân đi đến đạt thân, là phải tiêu diệt tư bản, đế quốc, phong kiến, địa chủ. Đồng thời, tiêu diệt Tôn giáo và chính trị của phe thống trị, hầu thiết lập một xã hội công bình, triệt tiêu gia đình, Tôn giáo, Chánh phủ.

Nguồn gốc vong thân kinh tế để ra vong thân Tôn giáo. Tôn giáo là công cụ của tư bản để an ủi, là một liều thuốc ngủ làm cho lao động lãng quên, không tự giải quyết được đời mình. Nếu lao động có Tôn giáo, thì không dám nổi loạn chống lại Thượng Đế, mặt khác, Tôn giáo lại là cảnh sát để giữ trật tự bảo vệ tư bản.

Vong thân kinh tế để ra vong thân chính trị, để điều chỉnh hòa giải, hoặc dùng võ lực đàn áp lao động thợ thuyền. Chính trị là công cụ của tư bản. Triệt tiêu bộ máy nhà nước tư bản, không phải bằng

lý thuyết mà giải quyết được. Phải hành động bằng đấu tranh. Người vô sản tự thủ tiêu cái giai cấp chính mình, mà thủ tiêu những chương ngại mâu thuẫn ở nơi lòng là tư bản để thiết lập một đời sống bình đẳng tự do. Xã hội con người không còn một hình thức chế độ, là xã hội cộng sản. Xã hội cộng sản mới là xã hội chân chính, hợp lý và công bằng, giải phóng ra ngoài những xiềng xích cầm giam. Người đàn bà không còn dưới quyền người chồng. Nghĩa là giải phóng ra khỏi những chế độ luân lý giữa vua tôi, chủ tớ, cha con, mà cả thảy đều là bình đẳng.

Muốn tiến đến cộng sản, trước tiên người lao động vô sản lật đổ chế độ tư bản phong kiến, triệt tiêu nhà nước tư bản. Tư bản mới có quyền đàn áp, dùng quân sự công an, cảnh sát bằng bạo động để bảo vệ kinh tế tư bản. Người vô sản chuyên chính cũng phải lấy lại quyền bính bộ máy nhà nước, dùng quân sự đàn áp lại tư bản, hay kẻ nào chống lại vô sản, không còn góc đầu lên được nữa, thì khi ấy mới triệt tiêu bộ máy nhà nước.

Vô sản đi đến đảng trị, nghĩa là: Không dùng quân sự bạo động để triệt tiêu tư bản, là kẻ đồng lõa. Chống lại vô sản tức là chống lại quyền lợi chung.

Đó là đại cương quan niệm của duy vật. Đây sẽ trình bày đường lối theo mạch lạc, về vũ trụ và nhơn sanh của Marx với nguyên tắc biện chứng, mà Marx lấy lại ở Hegel như sau đây:

5.- Hành động đấu tranh của thuyết Karl Marx về con người.

Con người là vật tối linh, đã vượt qua muôn vàn

kiếp sống thu thập nhiều kinh nghiệm, từ thô tướng đến tinh vi. Đến kiếp làm người biên độ tự do mở rộng về thể chất đến tinh thần, tự thấy quyền năng sáng tạo với bàn tay mạnh mẽ, khối óc khôn lanh, làm chủ tự thân, sử dịch được muôn giống, khai thác giao dịch cùng hoàn cảnh thiên nhiên. Người đã cải tạo thế gian đủ lối, kỳ tài khôn xảo, thực là cực phẩm trong đời

Thật vậy, con người xuất hiện đủ mọi phương diện, ở thiên giới cũng như vật giới, đâu đâu cũng thấy bộ mặt của người, do bàn tay khối óc mà dựng nên thế giới văn minh lộng lẫy, đã sống tiến bộ cộng đồng. Địa vị tối cao kia, không biết người có thấy được do bởi đâu mà thần thánh siêu việt như vậy không? Ngoài ra còn có những gì huyền nhiệm, hay chỉ có sự kinh nghiệm cấu thành?

Rồi đây còn vượt qua những tầng lớp nào, hay đã đến tận đích văn minh? Đã biết rằng vũ trụ là một trường thiên diễn, biến dịch vô cùng tận. Vạn vật đứng trên mức động, mà chuyển di thay đổi từ phút từ giờ, cái mới đó rồi mất đó, muôn vật không đứng yên, thời gian vừa trôi qua rồi thời gian lại đến, qua qua mãi, đến đến luôn; khẳng định để mà phủ định, phủ định phủ phủ định, cứ mâu thuẫn, mâu thuẫn lớp nọ đến mâu thuẫn lớp kia. Vòng tuần hườn chưa biết đến đâu là cứu cánh, lịch sử nhân loại đến ngày nào không còn mẫu chuyện để ghi, nhơn gian đến lúc nào trở thành không giai cấp. Thật là một vấn đề ai dám quyết đoán một cách rõ ràng.

Hôm nay, xét đôi nét đại cương về chủ thuyết của Marx (Mã Khắc Tư) đối với vấn đề nhơn loại hiện

thời. Về vũ trụ, Marx nhận cuộc thiên diễn biến dịch không cùng tận. Phương pháp biện chứng vạn vật trong vũ trụ theo một định luật biến hóa từ thể nọ sang thể kia, chuyển từ nơi này đến nơi khác. Vạn vật va chạm chùng lẫn nhau mà có sự thay đổi.

Trong mỗi vật có một định luật chính, trong chính luật có một mâu thuẫn ngấm ngầm, muốn phá hình thể cũ để xuất sinh một hình thể mới. Hai luật đó tuy là chống trái nhau, mà có sự điều hòa tổng hợp, y như học thuyết Hegel. Nhưng ông sửa đổi lại cho thuận tiện với sự chứng giải về đường lối duy vật của ông.

Nếu để nguyên thì thành ra có một Tạo Hóa ý tưởng, làm nguyên động lực. Theo ông, thì vũ trụ do sự giao dịch hành động vật chất có trước, rồi tinh thần mới có sau. Đem áp dụng về thực tế nhơn sanh là một sự thuận tiện.

Nên ông nói: Lịch sử nhơn loại là lịch sử đấu tranh. Thời cổ thì bần dân với quý tộc, trung cổ thì nông nô và chủ quận, đến thời nay, thì giai cấp tư bản và vô sản, luôn luôn thúc giục con người tự giải quyết đời sống thiết yếu, tự mình đồng thời xây dựng một xã hội công bình hạnh phúc cho loài người.

Tư bản là chủ động đã có công xây dựng nên đô thị trù phú, phát triển kỹ nghệ làm cho bộ mặt thế giới được xuất hiện, mà tư bản là chính đề. Muốn bảo thủ quyền lợi kinh tế càng phát triển, đồng thời phát triển cái mâu thuẫn bên trong của nó là vô sản.

Sự tương quan sản xuất của tư bản làm cho mối tình nguội lạnh chất chua. Con người vô sản lần hồi tự giác được mình, đứng lên đòi hỏi quyền sống tự do

bình đẳng, trong vấn đề tương quan sản xuất. Nghĩa là mình làm ra mà không được hưởng. Người vô sản phải tiêu diệt cái mâu thuẫn ở lòng nó là tư bản, đồng thời cũng tiêu diệt chính mình là vô sản để bước sang một xã hội vô giai cấp cộng sản.

Đó là Marx muốn cải tạo xã hội, xã hội công bằng. Còn loài người sống tự do, tự mình làm chủ với mình, khai triển hoàn cảnh thiên nhiên không ai sang ai hèn, xã hội cộng đồng vô gia đình, vô chính phủ.

Muốn thiết lập một xã hội mới xã hội con người, không phải ở lý thuyết suông, ý thức vu vơ ngoài thực tế, mà cần cấp là phải cách mạng toàn diện bằng hành động đấu tranh. Chỉ có đấu tranh mới thành công, mới đòi lại quyền sở hữu của con người, mà từ lâu bị phong kiến, tư bản, đế quốc bóc lột đàn áp.

Ông cho các Tôn giáo Triết học từ xưa nay, chỉ tìm giải quyết thế giới trên lý thuyết nên không đi đến đâu. Ông nói: Sự giải quyết những mâu thuẫn, lý thuyết không thể thực hành được ngoài hành động. Nó chỉ phải giải quyết bằng sức mạnh thực hành của nhơn loại mà thôi. Cho nên sự giải quyết ấy không phải chỉ là công việc nhận thức, còn là một nhiệm vụ sống còn (bởi vì triết học chỉ nhận nó bằng công việc lý thuyết).

Đường lối hướng dẫn của Marx, muốn đem tri hướng dẫn cho hành, muốn đem hành bổ túc cho tri: "*Tri hành hiệp nhất*". Nhưng ông là người chịu ảnh hưởng của thời đại, không đi đến Đạo học tâm linh, để dung hòa tinh thần vật chất làm một như Á đông, mà ông nặng về vấn đề hành động, nên sau này đảng Cộng sản nhận sơ sài lấy đấu tranh làm mục đích,

luôn luôn đưa xã hội nhơn loại vào cảnh lầm than, xương máu, vô cùng khốc liệt.

Marx dẫu sao cũng gây ảnh hưởng lớn về tinh thần Đạo học huyền bí của Hégel. Nhưng ông thấy cảnh tượng khổ thống, bất công trước sự đè nén vô nhơn đạo của tư bản bóc lột lao động thợ thuyền, nên ông thấy chỉ có hành động đấu tranh mới thắng lợi, còn đem lòng tốt mà khuyến dụ vô ích.

Thế thì về triết, yếu lý Đạo học không phải hẳn là vấn đề vô ích, nhưng thiết thực là áp dụng vào xã hội con người bằng mơ mộng viễn vông, thì phải được cải tạo. Ông còn tuyên bố lời cực đoan: *"Không phải ý thức của họ đã định nên cách thức sinh hoạt của nó, mà chính cách thức sinh hoạt đã định nên ý thức của nó!"*

- Ý thức của nó là gì?

- Chánh trị, văn hóa, luân lý, tín ngưỡng, Tôn giáo... nghĩa là hạ tầng cơ sở kinh tế được vững chắc, thì thượng tầng kiến trúc mới thành vấn đề. Nhưng về nguyên lý vũ trụ và bản thể con người, nó được đặt ra cách làm sao, vấn đề này chưa cấp thiết bằng sự sống còn và đường lối xã hội giải quyết sinh mạng con người.

Nên Engens (Ôn Cách Nhi) (1822 - 1893), là người bạn đồng chí của Marx, hai nhà thủ xương, đứng trên cương vị nhơn sanh. Ông thay lời Marx mà tuyên ngôn rằng: *"Đành rằng những vấn đề thuộc về bản thể của sự vật thì ta không thể biết được trước. Ta không thể biết được Chơn lý tuyệt đối là chỉ còn một cách, nếu không ngồi mà chờ chết, thì ta đành cam chịu đi sẵn lấy Chơn lý tương đối còn khuyết điểm để giải quyết vấn đề thiết thực hiện tại!"*

Thế là chủ nghĩa Marxisme đứng về mặt xã hội vô sản để hướng dẫn đường lối đấu tranh đi đến một xã hội không còn có giai cấp, nghĩa là đến một tổng hợp tối cao. Nhưng làm sao mà được dễ dàng như thế. Ta chỉ biết chủ nghĩa Cộng sản là hành động do thời thế đẻ ra. Đó cũng là con đẻ của tư bản đế quốc.

Mã Khắc Tư với vấn đề nhân loại, xây dựng một học thuyết bao hàm để thanh toán tất cả những tình trạng bất công trong xã hội từ trước đến nay. Học thuyết ấy muốn xâm nhập vào cuộc đời, đánh bại phe thống trị đế quốc tư bản, phong kiến địa chủ, triết tiêu các bộ máy nhà nước và Tôn giáo, triết học của bọn chúng v.v... để đem lại hạnh phúc, tự do, bình đẳng cho xã hội con người.

Xã hội Cộng sản chỉ nhìn có con người lao động mới đủ sức tái tạo, thiết lập một thế giới chơn chính công bình, khai thác thiên nhiên liên hệ giữa vật giới và nhơn giới. Con người từ lâu bị thiệt thòi áp bức và bóc lột, là vì chưa có một đường hướng chân sát, một tổ chức lành mạnh, một khối óc thông sáng, một bàn tay mạnh mẽ của lao động, nên bị thiệt thòi rẻ rúng.

Phe tư bản ngồi không mà hưởng, người lao động tự thấy sự tạo tác, sự sản xuất, phát minh, chế ngự, đều do sức lao động, không đâu chẳng thấy hiện diện sức mạnh của họ. Họ cần đứng lên cách mạng đấu tranh lấy lại quyền lợi và sự sống, thu hồi những tình trạng vong thân và ý thức vong thân, vượt lên trên bình diện thực tại, tổng hợp tối cao. Muốn đến chỗ tổng hợp toàn diện, không phải bằng lý thuyết suông mà phải thực hành. Khi ấy không còn giai cấp nữa.

Học thuyết Marx đã gây nhiều nét rối khó khăn cho người theo nó và người không theo nó. Ngày mà vô sản thiết lập thiên đường Cộng sản chưa biết có được không. Cũng chưa hiểu Marx lấy bằng chứng nào tổng hợp tuyệt đối mà đảng Cộng sản đóng vai quan hệ đó. Theo lý luận Marx, bộ ba biện chứng thì Marx thừa tự, hoàn toàn lấy lại của Hegel. Marx càng phê bình chống đối Hegel bao nhiêu, nhưng hẳn là con đẻ của Hegel vậy.

Nhận xét sơ dĩ Marx là dòng giống con nhà Tôn giáo, tiểu tư sản đầu đôi lúc ở trong cảnh ngộ cùng quần thiếu thốn, cũng chưa hề làm thợ làm công. Nhưng Marx đứng về phe tư sản lãnh đạo thợ thuyền đấu tranh, gây một phong trào như sấm vang, như pháo nổ, giải phóng ra ngoài xiềng xích nô lệ, là vì xã hội đương thời quá ư thối nát, tàn bạo. Thật là một việc làm hợp lý, song càng đi sâu, càng làm mạnh cách mạng, càng gây ra không biết bao nhiêu thảm họa, máu chảy không ngừng, cuộc xáo trộn không biết ngày giờ nào chấm dứt. Tuy nói vì nhân sanh, mà đem đến tai họa cho nhân sanh chẳng phải ít. Ông chỉ biết có hành động, mà không còn tin tưởng vào đâu, ở ngoài sức người.

Có thể kết luận đoạn này bằng lời trong kinh Thánh, cách Phục truyền, đoạn VIII, câu 12, 14, 17, 18: *"Lại e, sau khi người ăn no, khi người cất lấy nhà đẹp dựng ở, khi người thấy gia súc sanh nở đầy đường, khi người được đầy dẫy vàng bạc và của cải, lúc đó người đờng sanh kiêu căng... người chớ có nghĩ bụng rằng: Tôi có quyền lực như thế là vì sức tôi khỏe, tay tôi mạnh. Hãy nên nhớ Thượng Đế là Chúa người, chính Ngài đã ban cho người*

khỏe mạnh như thế và làm cho được quyền lực đó"

MỤC 5:

Lý Trí Học Thuyết Ngày Nay Kết Quả Như Thế Nào?

A. KINH VĂN

1.- Đạo học và khoa học khác nhau ở căn bản: Đạo học căn cứ vào tâm linh, khoa học vào lý trí.

Đạo học Đông phương và khoa học Tây phương đã được thông qua một vài nét chính. Chúng ta cũng nhận thấy phần nào công cuộc xây dựng thế giới và nhơn sanh.

Về Đông phương, Đạo học lấy **tâm linh** làm cơ sở đưa nhơn loại vào một cảnh giới đại đồng và thẳng đến tận đích cứu cánh con người là sáp nhập tâm linh với vũ trụ làm một. Tạo Hóa vạn vật đồng nhất thể.

Ở Tây phương, khoa học lấy **lý trí** để tìm hiểu thiên nhiên, coi cảnh giới và con người như hai đối tượng, như ta đã thấy một phần quan hệ nói trên vào thế kỷ 17, là thế giới khoa học thanh hành nói chung, mà cũng là thế giới của triết lý Descartes nói riêng. Descartes đứng lên giữ sạch bao nhiêu xiềng xích trói buộc con người trong vòng Tôn giáo cổ truyền của thời trung cổ, đem lại quyền năng cao cả cho loài người. Người là Thần Thánh, ngoài ra không còn có gì hơn.

Thuyết duy lý của Descartes lấy lý trí làm độc tôn, bất cứ những gì cũng phải xét lại. Lý trí đã giúp khoa học quan sát vũ trụ thiên nhiên, phát minh cơ

giới làm cho xã hội ngày một văn minh phồn thịnh, cho loài người cuộc sống sung mãn thỏa thích tự do. Khoa học có một công năng khai thác tài nguyên sông núi, mở mang kỹ nghệ, trao đổi kinh nghiệm, phá bỏ ranh giới, mây móc thay người tô điểm trang hoàng lòng lý. Sống như thế tưởng chừng ở trong cảnh Thần Tiên, nhưng bên trong đầy khốn đốn.

Galilée và Newton vô tình nhặt được những con nghêu, con sò ở tận nơi đáy biển chân lý, họ đã thăm dò tìm hiểu vũ trụ, nhận được một định luật nhân quả tương quan tuyệt đối của thời gian và không gian. Định luật ấy đã đem lại một nền khoa học vật chất đầy đủ, khám phá ra những nguyên tắc cấu tạo muôn vật. Nên nhà khoa học cũng tự hào chế được những chất hóa học thay cho thiên nhiên, như chất chàm... thì cũng có thể cấu tạo con người thông minh tài trí đâu phải khó.

Khoa học trải qua những thời gian kinh nghiệm, đặng tài liệu dồi dào, nội bàn tay khối óc con người cũng đủ đem thiên đường lập ở thế gian, coi vũ trụ là một bộ máy. Tất cả động cơ đều liên hệ, họ phân đôi thế giới, làm cho tinh thần vật chất phân ly. Cơ khí càng phát minh, giữa loài người càng phân giai cấp, sự cạnh tranh buôn bán, tiền trao cháo múc, giữa chủ tớ lạnh lùng, phá ranh giới, chiếm thị trường, thì cuộc xâm lăng, nạn chém giết, tưởng chừng từ cổ chí kim chưa thấy lần nào, như các cuộc đại chiến và cách mạng ở Âu châu.

Khoa học là nguồn sống túc mãn giúp cho con người và xã hội một cuộc đời giàu sang no ấm. Nhưng khoa học do lý trí khám phá, thì lý trí kia

cũng lợi dụng khoa học để thỏa mãn cá nhân, đạo đức luân lý không còn giá trị. Sự chia rẽ giữa Trời Người, giữa đồng loại mỗi ngày thêm sâu đậm, đã gây một đức tin gan thép ở lòng người, chỉ có khoa học là Thần Thánh bất khả xâm phạm. Khoa học mang cả hạnh phúc an toàn cho bốn biển, đem lại tình thương và sự chia sẻ nặng nhọc khó khăn, làm cho nhơn loại hưởng một cảnh thanh nhàn đặng vân giá võ, độn thổ thăng thiên, cướp cơ Tạo Hóa.

Thật vậy, lý trí thông sáng của con người đã chế tạo khí cụ tinh vi, khám phá những gì bí mật còn ẩn tàng trong vũ trụ, để trả lời câu nói của Kant "*bất khả tri*", mà hôm nay không có những gì họ không khám phá được. Nhưng thực tế đâu phải dễ dàng, như các nhà khoa học đã tuyên bố cơ mầu nhiệm của Tạo Hóa, vì luật biến dịch chuyển luôn luôn, không dừng lại một sát na. Khám nghiệm được những cục thịt để trên bàn, đâu dễ như miếng thịt còn trong thân sống.

Khoa học đã đặt một hướng đi quá mây móc. Ở vào thế kỷ 18, 19 còn lệch lạc, phiến diện do thuyết nhị nguyên lưỡng cực, bị tư bản con buôn mua chuộc lợi dụng độc quyền, nhân dân sống thiếu tình cảm, đối xử nhau bằng lý trí khô khan. Từ bước ấu trĩ đó, khoa học đã chuyển sang một giai đoạn mới. Giai đoạn dung thông hòa dị, đem tâm và vật, cả lý lẫn tình, làm cho khoa học có một cặp mắt tinh thông thấu tận căn cơ Tạo Hóa. Ấy là khoa học tân vật lý vào đầu thế kỷ 20, do một vị bác học Einstein.

Tân vật lý đã chỉ chỗ sai lầm của khoa học máy móc trước đó, chú trọng về vật chất, đánh lạc tinh thần, đem lại cho đời đầy khô khan mây móc.

Khoa học chỉ biết được hiện tượng bên ngoài là phần cạn cợt. Phải đi sâu vào cái bản thể thống nhất tất cả, gọi là Thiên lý hồn nhiên, mà ông Einstein (An Tư Đãn) gọi là "*Unité indifférenciée*" (vạn vật nhứt thể).

Ông Einstein nói: "*Toutes les perceptions que l'homme a de l'Univers et toutes ses intuitions se ramènent finalement à l'unité et la profonde unité cachée de l'Univers est enfin dénu déo*"? Nghĩa là: Các việc của con người hiểu biết về vũ trụ và những trực giác trừu tượng rốt cuộc qui về một nguồn gốc, và cái Một thâm sâu ẩn trong vũ trụ cuối cùng sẽ đặng lộ bày.

2.- Kết quả hành động của lý trí học thuyết là tiêu diệt lẫn nhau.

Lướt qua các nền triết học, về vấn đề nhơn sanh, ta cũng thấy vô cùng quan trọng. Dầu đứng về phương diện đời hay đạo, vật hay tâm, cũng xây quanh con người mà lập nên Tôn giáo học thuyết.

Nhìn vào đối tượng con người, các Hiền triết, các Thánh nhơn nhận thấy con người là trung tâm tổng hợp để giải quyết cho mọi vấn đề, hầu con người có đủ tự do vượt trên tất cả những gì trần trược, thô kệch, hẹp hòi, để trở thành con người hoàn thiện, siêu việt. Thế thì dầu học thuyết nào, Tôn giáo nào, đảng phái nào, cũng bởi con người mà có ra, có ra để phụng sự cho con người, không phải có để bắt con người phụng sự lấy nó.

Song le con người ở thời đại nào cũng hụp lặn trong bể trần sóng gió. Cảnh huống sanh tồn đã đóng khuôn buộc con người trong định lệ, nhận lấy đau

khổ, đọa đày lịch sử.

Chuyển biến qua bao thời gian, con người hướng về tự do, tìm về hạnh phúc, hy vọng ở tương lai, hoặc trông ra thế giới bên kia, mà cầu lẽ thật. Song sự thật hiển nhiên mỗi ngày, con người phải nhảy lên sân khấu để đóng lấy những vai chủ khách buồn vui, hoặc làm khán giả để tiếp nhận vào lòng bao điều miên man uất hận.

Trải qua các thời đại, chư Thánh nhơn và các nhà Hiền triết, các bậc quân tử ưu thời đ ưu lược xuất hiện, đưa ra nhiều phương pháp cung ứng cho nhu cầu. Thuyết nọ chòng lỉnh thuyết kia, giải pháp nào cũng linh lung huyền nhiệm. Nhưng thế gian con người chưa chấp nhận một giải pháp nào, làm mục đích, làm cứu cánh, để bốn biển cộng đồng, loài người chung sống.

Vậy thử hỏi con người Đạo học đã phát họa như trên. Người là trung tâm của vũ trụ, một trong Tam tài. Vũ trụ gồm ba yếu trọng: **Trời, Đất, Người**. Trời có thiên lý, Đất có địa lý, Người có nhân lý.

Nhân lý ở người là một thành phần quan trọng, người đã đánh mất nhân lý của người, thì người không còn tự chủ, tự do. Vì đó mà hướng nghiêng về vũ trụ Thần linh, nay xuyên vào thế giới hữu hình vật chất, nên lúc nào cũng thấy thiếu thốn, thèm khát ước ao.

Vì vậy mà nhơn loại rượt theo miếng mồi dục vọng, chụp bắt trên con đường vô định, lạc xa ngoài cương vị nhân bản của mình. Đối vật chất, đối tinh thần, mà có những xâu xé tranh giành gây nên trường xáo trộn.

Khoa học cơ giới xuất hiện một cách mau lẹ tài tình, cũng vì con người mà phát minh sản xuất mọi ngành mọi mặt kỹ thuật thiết lập một nền văn minh cực kỳ lộng lẫy. Tưởng thế đã tạo nên tự do hạnh phúc cho loài người, đem Thiên đường xuống thế gian, bốn biển chung trong khối đại đồng, cơm no áo ấm, thung dung.

Chớp mắt đã lên mây xuống biển, đạo khắp hoàn cầu, máy móc đã thay người sản xuất, không còn vất vả như xưa. Các vật cần dùng trang trí dư thừa, chế tạo bằng hóa học thay thiên nhiên. Còn hy vọng tạo được khối khôn ngoan, thay trái tim, thế khối óc, thiên hạ tự hào làm chủ thiên nhiên tạo vật.

Nhưng ngược lại để quốc tư bản lợi dụng khoa học sản xuất kinh tế, chiếm đoạt thị trường, bóc lột nhân công, mua chuộc chánh quyền, gây thành mâu thuẫn trầm trọng ở tại bên trong, mà xã hội bộc nhiên bùng nổ, khói lửa ngấm ngấm. Đến ngày nay, bộc phát cháy lan từ trời Âu sang đất Á.

Đó là giữa giai cấp đấu tranh vô sản đòi hỏi lại quyền sống của mình, mà từ lâu tư bản địa chủ, phong kiến đế quốc, lừa bịp bóc lột vơ vét tận cùng xương máu, mà có Cộng sản ra đời hướng dẫn thợ thuyền đấu tranh giải quyết vấn đề cho con người bằng hành động để tẩy trừ xã hội bất công, tiêu diệt thành phần đối lập.

Bởi đó, mà nhơn loại hôm nay bước vào giai đoạn tiêu diệt lẫn nhau, khói lửa mịt mù che lấp con đường sanh lộ. Đó là ý hướng khoa học và chủ nghĩa Cộng sản.

B. TRÙNG TỤNG:

*Đạo học, chương Nhơn sanh Nhứt quán,
Xét nguyên do tình trạng hiện thời,
Hầu toan xây đắp cuộc đời,
Gia đình xã hội, con người tự do.
Phúc chưa hẳn cơm no, áo ấm,
Mà phải còn duyên thăm tình ưa,
Mặc dù đạm bạc muối dưa,
Dưới trên duy nhứt, sớm trưa thuận hòa.
Nếu ai cũng lòng tà, ý dục,
Thì luôn luôn lục đục ghét ganh;
Hóa nên thế giới tranh giành,
Tương tàn, tương sát, bạo hành kẻ ai.
Tình trạng cứ kéo dài thăm khốc,
Phải chăng vì tam độc, vô minh?
Làm sao hưởng cuộc thanh bình,
Bao giờ nhơn loại tâm tình cảm thông.
Nay một hội Tây Đông gặp gỡ,
Phải dung hòa cởi mở, đổi thay;
Đành rằng trong đờ có hay,
Trong hay có dở, mấy ai hoàn toàn.
Nay thế giới đương toan quyết liệt,
Chống đối nhau, tiêu diệt lẫn nhau;
Hết lớp trước đến lớp sau,
Lý nào cũng võng, cũng giàu khôn ngoan.
Nào khoa học mở mang kỹ nghệ,
Lo xây nền kinh tế nhơn dân;
Nào là Tôn giáo triết nhân,
Quân bình tâm địa, tương thân đại đồng.
Hiệp Kim, Cổ, Tây, Đông văn hóa,*

Dem văn minh cho cả loài người;
 Gàn đây Cộng sản ra đời;
 Bình quyền giải phóng, đây trời đấu tranh.
 Lý thuyết và thực hành cọ xát,
 Thiếu tương quan, liên lạc giữa nhau;
 Thành công tương hệ biết bao,
 Vượt lên tất cả, mà vào lý Chơn.
 Chơn lý hoàn linh đơn Thánh được,
 Vạn bệnh dùng ắt được hồi xuân;
 Trung hòa, bác ái, vi quân,
 Tự do bình đẳng, nhơn luân vi thần.
 Chơn lý đã hiện thân đủ mặt,
 Như trăm hoa phơi sắc, nhả hương,
 Cảnh xuân xảo diệu lạ thường,
 Nhứt đi một đóa, khỏi vườn hết linh.
 Dung thông được thời tình đậm thắm,
 Chênh lệch rồi, gây lấm chua ngoa;
 Có câu: Bốn biển là nhà,
 Có Trời, mà cũng có Ta cộng thành.
 Xét tình trạng nhơn sanh xã hội,
 Biết tùy thời, thay đổi tiến tu;
 Cùng nhau vệt sạch áng mù,
 Dắt dìu ra khỏi trần tù bất công.
 Người xứng người, đứng trong hoàn vũ,
 Người nên người, là chủ lấy thân;
 Người là muôn mặt cân phân,
 Lý tình gồm đủ, hình thân câu diêu.
 Người là đức cao siêu Trời phú,
 Nơi Quĩ Thần hội tụ là đây,
 Âm Dương giao điểm đủ đây,
 Ngũ hành tú khí, Tam tài trọn nên.

Tài nhơn gồm đôi bên Trời Đất,
 Trong lưỡng gian, cả vật lẫn tâm;
 Bản lai nhơn bản là mầm,
 Duy vật Âm thức, duy tâm Dương thần.
 Trọn bốn đức: Nghĩa, Nhân, Lễ, Trí,
 Đủ năm hành, tú khí xây quanh;
 Triển khai tánh thể trọn lành,
 Tham Thiên, tán Địa, tài thành Hóa Công.
 Tâm thanh tịnh dung thông được Đạo,
 Đạo nhiệm mầu hoài bão thiết tha,
 Dữ lành muôn việc ở ta,
 Chọn đường tiến bước, rộng mà vào sâu.
 Phật giải thoát là đầu muôn mối,
 Lấy lữ bi độ rồi chúng sanh;
 Trung dung, Khổng Mạnh chí thành;
 Tu, tề, bình, trị, thực hành: Nghĩa, nhơn.
 Lão vô vi, Thiên chơn thanh tịnh,
 Pháp quyền đồng thuận tánh tự nhiên;
 Gia Tô bác ái thừa thiên,
 Đặt lòng ở Chúa, kiên kiên đức tin.
 Rộng ra nữa, trăm nghìn học thuyết,
 Đủ muôn phương quán triệt lẽ đời,
 Mở mang khai hóa cho người,
 Trăm hoa đua nở tốt tươi lạ lùng.
 Cốt là phải chấp trung hợp Đạo,
 Biết dung hòa cải tạo thế gian;
 Văn minh kỹ thuật mở mang,
 Tinh thần đạo học trực quan siêu phàm.
 Nguồn chơn lý bao hàm mọi mặt,
 Chứng lẽ này, hoạch đắc Chơn tâm;
 Vọng duyên xướng khởi mê lầm,

Vô minh tạo nghiệp, luân trần tử sanh.
 Người mất gốc, loanh quanh chụp bắt,
 Nào hay đâu nhận giặc làm con;
 Quẩn quanh một kiếp sống còn,
 Hủy thân chà đạp sông non, đồng bào.
 Cũng vì bởi tự hào khôn khéo,
 Cũng vì toan gọt đẽo sửa sang,
 Làm cho trên dưới loạn hàng,
 Tưởng đâu trong giấc mộng tràng là chơn.
 Nay nhằm buổi Hạ nguồn mạt kiếp,
 Phật, Thánh, Tiên đến kịp cứu đời;
 CHỈ NAM ĐẠO HỌC dạy người,
 Con đường duy nhất, tốt tươi dung hòa.
 Dung hòa được mới là Chánh pháp,
 Pháp nhiệm mâu qui nạp cổ kim;
 Ở đâu, mà nhọc mà tìm,
 Lặng lòng sẽ thấy, nghiệm chiêm hiện bày.

THI

Bày ra trước mắt có xa đâu,
 Mắt của lòng ta rất nhiệm màu;
 Lòng được lặng yên thì ắt tỏ,
 Tỏ lòng, tỏ mắt thấy cao sâu.

CHƯƠNG III

ĐẠO PHÁP NHỨT ĐƠN

ĐẠO sanh người vật, Đạo sanh Tiên,
 PHÁP dạy môn tu, tác Thánh Hiền;
 NHỨT quán suốt thông cơ Tạo Hóa,
 ĐƠN thành Chánh giáo tự do quyền.

I. TIẾT THỨ NHỨT THIÊN MẠNG

MỤC 1:

Công Dụng Của Đạo Pháp Chỉ Là Nhứt Đơn.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM đã được diễn tả hai chương về vũ trụ và nhơn sanh, để chư Thiên ân và thiện tín đạo đồ về sau nương đó, mà phăng vào cửa huyền vi Chánh pháp. Đã nhận được nhứt nguyên của vũ trụ, nhứt quán của nhơn sanh, thì bước vào Nhứt đơn của Đạo pháp, không còn bỡ ngỡ khó khăn. Nếu Đạo pháp được cái lý Nhứt đơn, thì sự "dung hòa nhứt lý" ở chương IV sau này không còn trở ngại.

- Vì sao?

- Vì có đắc đơn nhập Thánh thì mới hiện được cái thể dung hòa, thì sự đời có rối ren, lòng người có phức tạp đến đâu, tưởng không còn trở ngại.

Nếu sự dung hòa không phải ở lý thuyết suông, mà ở cái tướng Đạo pháp đã hình hiện, không vật nào chẳng cảm mà tự hóa theo. Thế nên về chương "dung hòa nhứt lý" phải được chứng minh cụ thể ở người thành đạo, do đắc chứng ở chương III này vậy.

"Đạo pháp nhứt đơn", theo chương này, gồm hai nghĩa;

a) Đạo cũng như Pháp, Pháp cũng như Nhứt, Nhứt cũng như Đơn, nghĩa là bốn chữ này đồng một nghĩa như nhau.

"Chú ý: ĐẠO HỌC CHỈ NAM không có cái phần

MINH THIÊN phối đồng Thiên Nhơn, cũng khó tránh phần trở ngại. Mong sao sự cố gắng đặt nặng về phần tiếp kinh cho trọn. Nếu sự hiểu của đạo tâm chưa thấu suốt, khó tiếp chỗ yếu lý phân quyền. Nên dần tới mời Minh Thiện ngồi sát bàn cơ, để dạy phần Hoàng cực Đại Trung, mà nếu trở ngại, thì phải có người như Huệ Lương mới tạm được. Ngoài ra đạo hữu không ai đủ thần mà nhận lấy bí cơ".

b) Phật gọi bằng Pháp, Tiên gọi bằng Đạo, Thánh gọi bằng Nhứt. Đạo, Pháp hay Nhứt đã nói ở hai chương đầu là cái lý sơ nguyên bản thể, song chỉ có chữ Đơn () lại là chung hoàn duy nhứt sẽ giải sau.

Đây chỉ nói đại cương về phần dụng của chương này là Đạo. Đạo là bản thể phổ biến khắp nơi, Pháp là phương môn qui nhiếp, Nhứt là Nhứt khí hoàn đơn.

MỤC 2:

Đơn Chẳng Riêng Ngoài Thiên Mạng, Là Lý Tuyệt Đối Của Vũ Trụ.

A. KINH VĂN

Con người sở dĩ được cái quyền năng tối thượng như thế kia, là do Thượng Đế ban cho một phần nguyên lý làm bản tánh, tự tạo, tự hóa ở nơi mình. Bản tánh ấy đồng thể cùng Trời, đủ cương kiện trung chính, khuôn thước rất mực. Con người nhờ đó mà thông đạt tận lẽ huyền vi cơ nhiệm, tu chứng đến quá vô lậu Viên minh Phật vị.

Đây lấy câu: "Thiên mạng chi vị tánh, suất tánh chi vị đạo, tu đạo chi vị giáo", chứng minh cái linh năng,

toàn chơn toàn thiện của con người. Người thọ bẩm cái nguyên lý của Trời Đất gọi là tánh. Tánh ấy là bản căn nguồn mạch của con người. Bởi đó mà người mới được đứng trong địa vị Tam tài.

Bây giờ, ta thử ngược lại dò xét nguyên lý ấy như thế nào?

Thiên mạng: Thiên đây là nguyên lý bản thể của vũ trụ, là Đạo, là Thượng Đế. Khởi kỳ thì, nguyên lý đó theo các nhà Đạo học gọi là Vô cực hay Thượng Đế. Đấng Tạo Hóa tự hữu nhi hằng hữu, nghĩa là tự có ra và tồn tại, vĩnh cửu bất biến. Khi Vô cực động thành Thái cực, thanh trực hiện thành vũ trụ vạn vật.

Liệt Tử nói: *"Hữu sinh bất sinh, hữu hóa bất hóa. Bất sinh giả năng sinh sinh, bất hóa giả năng hóa hóa, cố thường sinh thường hóa. Thường sinh thường hóa giả, vô thời bất sinh vô thời bất hóa, Âm Dương nhi, tứ thời nhi. Bất sinh giả nghi độc, bất hóa giả vãng phục. Vãng phục kỳ tế bất khả chung, nghi độc kỳ đạo bất khả cùng"* (Xung Hư Chơn Kinh, Đề nhứt Thiên Thụy).

Thiên cũng có nghĩa là thiên nhiên công lệ, luật tắc ấy bao trùm cả vũ trụ vạn vật, mà vật nào vật nấy cũng phải tuân theo, Âm Dương tứ thời đều luân chuyển biến hóa trong công lệ tất yếu đó. Luật ấy dường như ngấm ngấm trong vạn vật, tuy không khiến, song đâu đó cũng hành động trong điều lý trật tự của thiên nhiên.

Về chữ **Mạng**, là mệnh lệnh tuyệt đối phú dữ ở người là **Tánh**. Tánh ấy đồng thể cùng Thượng Đế (Đạo), gồm đủ toàn năng chí thiện, cùng Tạo Hóa là một. Tạo Hóa sáng tạo nên vũ trụ, con người cũng

sáng tạo nên hành vi của nó nơi trong vũ trụ và những hành vi đó giúp vào việc hoàn tất công việc sáng tạo của Tạo Hóa nơi vũ trụ.

Thế là con người có ra rất cần thiết, không phải như vạn vật sống trong công lệ tất yếu của nhân quả, mà còn có một giá trị tự do. Tự do ấy vượt lên tất cả những gì trong vũ trụ là Thời, Không. Tự do tuyệt đối không bị một luật tắc nào, không bị hoàn cảnh nào chi phối, không chịu một mệnh lệnh nào.

Về tri giác bản năng của nó, có đủ toàn quyền định đoạt, nên bản tánh ấy là bản thể của Trời Đất, có một không hai. Người mà đạt đến bản thể tự tánh của mình, thì đồng quyền cùng Tạo Hóa. Nên trong quẻ Thái có câu: *"Tài thành thiên địa chi Đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tá hựu dân"*. Đó là con người đã chứng Đạo, đã tận được Tánh, đã cùng Tạo Hóa mà hoàn tất công việc sanh thành.

Nên hiểu hai chữ Thiên mạng. **Thiên tức** là luật tắc, lẽ tự nhiên mà vũ trụ phải tuân theo luật đó. Còn **mạng lệnh** là vượt lên luật tắc để điều lý tiếp trợ cho vạn vật thành tựu, Trời Đất trọn nên.

Đây phải hiểu câu Thiên mạng chi vị tánh. Thiên mạng gồm hai mặt, trong đó có một Lý tuyệt diệu, tuyệt huyền, không phải **Thiên** mà cũng không phải **Mạng**, mà Thiên mà Mạng, như câu của Liệt Tử: *"phi nhứt phi đa"*.

Mệnh lệnh đã ban cho người (Tánh), người có quyền như một chủ soái điều khiển muôn binh, chỉ huy mọi mặt. Lệnh đó đã về người, thì người thay Trời mà hành động, nên gọi là **mệnh** (Mệnh tức là Mạng).

Con người phải sống theo bản tánh của mình, là sống theo mệnh lệnh đúng với cơ Trời pháp Đạo, thì mới đạt được nhân phẩm, nhân linh. Song hỏi thử loài người ai đã sống theo bản tánh của mình không? Hay hầu hết theo sự dục vọng của tình thức, trí lự của giả tâm, bị hoàn cảnh cuốn lôi, con người cuồng loạn, lăn quay trong bánh xe nhân quả mờ mịt, nào thấy gì quyền năng giá trị của mình. Dầu có nói đạo đức, nghĩa, nhân, có làm điều lành điều phải, cũng vì cảm tình dục vọng bên trong, nên thuận nhận tập tục bên ngoài. Vì phần đông, vì thế ước, vì thương, vì ghét, toàn là lý trí của con người. Đâu phải đó là lương tri, đâu phải đó là căn bản chơn tánh! Mà đã lấy lý trí đo lường, thì sự hiểu biết con người hữu hạn, đâu thấu đến bản thể mầu nhiệm vô cùng! Nếu con người lấy giả làm chơn, nhận ý thức hậu thiên cho là tuyệt đích, thì không sao có được tự do, đạt thành như bản.

Đây chỉ là sơ lược qua, song vào mục 3 sẽ nói rõ con người muốn đạt đến như vị, là phải thấy tánh của mình.

Bây giờ bước qua câu 2 và 3: Tánh và Giáo.

Tánh và Giáo chia làm hai phần. Về Thiên đạo và Nhơn đạo, cũng như câu tự giác giác tha, thành kỷ thành như, để cho con người ý thức rõ ràng trên con đường tu đạo: Xuất thế gian và nhập thế gian.

- Hoàng cực là chi? Có phải Nhơn cực không? Nếu theo nghĩa Lão Tử Đạo Tổ thì: "Cố Đạo đại, Thiên đại, Địa đại, vương đại, vực trung hữu tứ đại, nhi vương kỳ nhất diên". Đây là Hoàng Cực, mà Vương cũng là người, nên cần đưa ra ở Tiết 3 Chương 3. Nói về "Hoàng Cực đại trung", là để cho thấy rõ một nền

Đạo mới, có một học thuyết mới và để đi đến một đời mới.

B. TRÙNG TỤNG

BÀI

*Quyền tự do người người đều có,
Bởi vì người buông bỏ lãng quên;
Tự do là cái móng nền,
Móng nền như bản vững bền trung kiên.
Mất như bản thất điên bát đảo
Chịu tử sanh phiền não vô minh;
Bản căn tánh mạng của mình,
Để cho lục dục thất tình nhiều nhưong.
Làm mất cả tình thương lẽ sống,
Mất tương quan, hư hỏng kiếp người;
Hồng lây xã hội cuộc đời,
Gây nên hỗn loạn tà trời gồm ghê.
Khuyên người mau trở về như vị,
Mà hưởng cơ bình trị muôn lành;
Chúng sanh người bực thượng sanh,
Sánh cùng Trời Đất xứng danh Tam tài.
Thiên Địa lý không ngoài như lý,
Lực trí tài đâu quý bằng tâm;
Được tâm, mau gắng giữ cầm,
Giữ tâm có đủ, mất tâm không còn.
Tâm là Đạo vẹn toàn đây đủ,
Đạo là Tâm quân chủ Kiên Khôn;
Dân có đạo, nước có hồn,
Không hồn không đạo, được tồn tại đâu?*

Đạo như tâm là đầu muôn sự,
 Mất tâm rồi hỏi thử ra sao?
 Thế gian như loại đồng bào,
 Sống trong hỗn loạn khác nào nhộng sâu.
 Đạo không đâu, mà đâu cũng có,
 Lớn không ngoài, mà nhỏ không trong,
 Khấp cùng vô tận mệnh mông,
 Nhiếp thân nhờ Pháp huyền công dạy truyền.
 Hoàn trở lại bốn nguyên sơ thử,
 Cởi mở lòng sự lý viên dung,
 Tinh rỗng chuyển nhưt đạo Trung,
 Kết đơn nhập Thánh, vào trong Thái hòa.

oOo

Thái hòa một khí kết thành đơn,
 Qui hiệp Âm Dương lại nhưt người;
 Pháp Đạo được thông nhờ giác ngộ,
 Quyết lòng bỏ giả, trở về chơn.

MỤC 3:

Thiên Mạng Trong Người Là Bất Nhã

A. KINH VĂN

Nhơn loại ngày nay đã mất hết lẽ sống, lâm vào một tình trạng nguy ngập vô cùng. Quyền sống con người tự hất bỏ ra ngoài, thì mỗi lúc trở nên khó khăn, khổ sở vô cùng, khác nào người đứng trên đỉnh núi sa chân xuống vực thẳm ngàn trùng, chới với quơ quào tìm một thế vịn, không sao như ý. Sức lặn càng dữ tợn, lòng sao khỏi hồi hộp kinh khủng, chưa biết tấm thân tan rã nghiền nát như thế nào, chắc chắn

trăm phần trăm, không thể tránh được.

Sự sống từ phút từ giờ thấy còn xa xa mãi, bao giờ gặp lại sự sống đã mất rồi, thì thần chết chóc sẽ hiện ra. Hiện ra không phải ở một vùng, một thân, mà khắp cả hoàn cầu trên trần đời, đâu đâu cũng chán chường ghê gớm. Từ lâu quyền sống ở cùng người. Người nhờ đó yên lành, tự do cộng đồng cùng Trời Đất, thanh thú với tháng ngày. Quyền sống cùng con người dính chặt với nhau, như bóng theo hình, sửa hòa cùng nước.

Cũng vì người móng tâm với một ảo vọng rùng rợn, mà tách hẳn sự an lành, đeo đuổi rượt theo những bóng hình ngoại cảnh, tưởng vậy sẽ thắng đạt nhiều danh vọng kỳ công. Song càng bước đến bờ vực thẳm để lao mình sụp xuống hố sâu, khám nghiệm cái gì bí mật đương dấu quanh trong hang tối, mà họ vô tình buông hẳn quyền sống, chẳng cần mang theo ý nghĩ. Họ buông cái này sẽ vỡ cái kia, không ngờ là ảo vọng.

Con người cùng Trời Đất là ba thể huyền đồng, ba ngôi duy nhưt. Nếu không cảm thông, không giác ngộ, sự sống chết tự đó được hiện trình thần bí, không đủ người tin là căn cơ, không còn làm điển tích trông về cứu cánh. Căn cơ đó là bản thể của ba ngôi vừa nói. Chính đó mới thực là trung tâm nguồn gốc của vũ trụ và con người. Lòng tin về thần bí linh năng của vũ trụ hiện xuất nơi Tôn giáo và triết nhân, mà tâm địa là mằm sống bị khô khan, nên thay vào bằng lý trí. Con người được ánh sáng phản chiếu lờ mờ, nương đó mà lần mò vào lĩnh vực địa cơ khoa học.

Thiên cơ phải lui bước vào địa hạt âm u, thì địa

cơ vô tình xuất hiện. Xuất hiện một cách oai hùng, sức mạnh tung hoành, đánh bạt thần bí thiên nhiên không còn lẫn quẩn bên người, mà người cũng coi đó lại là mối thâm thù từ ngàn xưa, như trời cho họ một cái ách nặng nề, khó chịu.

Khoa học đã chào đời. Thiên hạ hoan hô cho là một vị thần tuyệt đỉnh, thay vào sự sống còn quang lộ, mới mẻ nhiều, mà cũng thật huy hoàng, trật tự chi chi đặt để đâu đó phân minh, việc làm đâu đó hẳn hoi, nên kêu là khoa học.

Khoa học là con đẻ của địa tài (địa cơ) tài của địa đâu phải mơ mộng, u huyền, thần bí như tài thiên, mà sự mở mang lan rộng vô cùng xảo diệu, không một bí mật nào chẳng được khai quật, khám phá hẳn hoi; không một nhiệm màu nào mà chẳng phanh phui, lộ tẩy cái thành công thay Tạo Hóa, hóa hóa vô cùng thông thiên đạt địa, tạo đủ phương tiện cần thiết mà dùng.

Nhưng than ôi? Con người bị lý trí thay thế cho tâm linh, tuy khoa học là hoàn thiện của lẽ đời, dầu có khai sáng được nhiều tài nguyên, khai thông được nhiều bộ óc khôn ngoan, kỳ diệu, nhưng khôn ngoan của lý trí là khôn ngoan của bản thể bị chia cắt làm nhiều mảnh, không bao hàm rộng lớn, chung đúc một khuôn hình như thần bí tâm linh, nên càng sáng chế, càng mở mang, càng gây nhiều xáo trộn trong lòng đời, hơn loại chưa biết đến đâu mới được an toàn, bình định.

Trải bao năm, nhờ những tay Hưởng đạo khéo léo dụng thời cơ, đặt mình trong quyền pháp, gia tâm tu học, mà bảo trì cơ Đạo. Cũng nhờ lòng tin của

toàn đạo, đã cùng nhau đảm nhiệm công cuộc hoàng pháp lợi sanh. Nhưng sứ mạng lần này, cả một chương trình cách mạng lớn lao, mới có thể tái tạo một cuộc đời Tân dân Minh đức, nên đòi hỏi con người của chúng ta một cách quá sức tưởng tượng, hơn mức thường, mới có thể gánh nổi quyền pháp cho nền đạo Minh Lý.

Cần có người hội thông cơ mầu nhiệm, giác ngộ được vai trò, không cần sức mạnh, không cần tìm cầu, mà cũng không cần trí khôn. Cần ở tấm lòng duy nhất làm một cùng Trời Đất, trải khắp trong vũ trụ vạn linh. Muốn có lòng ấy phải gạt bỏ tất cả sự tướng bên ngoài, tình thức vương vít bên trong, thì gánh nặng này mới mong làm tròn phận sự.

Đã nói viên gạch được nắn nèn nên khuôn hình, là nói chư đạo tâm biết uốn nắn mình theo đúng khuôn viên Đạo pháp. Đó là bước đầu, được vậy cũng là một sự hy hữu, nhưng phái hy hữu hơn nữa là viên gạch được nung đốt cho chín, mới đủ bền chắc mà chịu đựng mọi sức nặng ép khó khăn. Đã khuôn nên hình, nhưng phải đặt vào lò mà nung cho chín, mới có thể dùng được vào sự cần thiết cho công cuộc xây dựng lâu dài Minh Lý, làm cơ chỉ cho hơn sanh, nghĩa là học được Đạo, giữ lấy Đạo, cần phải tu cho thành Đạo.

Đạo Minh Lý không phải chỉ cho mọi người bằng ngôi chùa cao, bằng pho kinh, bằng số người đông đúc, mà phải bằng con người đắc chứng quyền pháp làm bản thể tâm linh. Tâm ấy viên dung cùng vũ trụ vạn vật làm một. Tâm ấy không ở ngoài Trời Đất, mà chính ở nơi người. Sở dĩ tâm ấy không hiện ra được là

bởi tình thức án che, vì tại con người chưa tin được mình có cái tâm ấy đồng hàng cùng Trời Đất, thông tuệ vô biên, mà chỉ nhận lầm cái tâm thức biến trá đa đoan hẹp hòi, chấp nhứt, nên địa vị con người không còn sánh cùng Trời Đất, mà hoàn thành cơ Tạo Hóa. Vậy sứ mạng này há đợi chờ ai, mà không mạnh mẽ đoạn dứt những thường tình bó buộc, làm trở ngại bước tu?

Tôn giáo đã thất bại, khoa học nền móng cũng bị sụp đổ, rung rinh, thiên địa bị chia lìa, vật tâm thành cách biệt, nên hoàn cầu như loại bị dồn ép đủ mọi khổ đau. Vai trò sứ mạng ngày nay là đến giai đoạn đạo người được hưng khởi, để hoàn thành cho vũ trụ vạn vật đóng lấy vai tuồng tổng hợp. Đâu phải việc nhỏ hẹp nói suông, mà cốt hình hiện con người. Con người đứng giữa Trời Đất, làm mốc nối cho Càn Khôn dựng đạo Thái hòa, mà từ lâu các đấng tiên tri, các lời thiên khải đã báo tin cho biết: Ngày nay là ngày hoàng kim chí thiện.

Đường đời muôn nẻo, biết trông ai để dẫn lối đưa đường. Thiên hạ đã chán chường ngao ngán, biết bao nhiêu kẻ dấn phải cạm bẫy, lui không được, tới không xong. Lòng người mất cả tin tưởng vào những tổ chức, mặc dầu mang một hình thức nào cũng là nguy trang lừa bịp. Tôn giáo, chánh trị, khoa học và đoàn thể xã hội cũng là một phù hiệu giả bài, nên như loại đứng ngã ba đường, thật là một bi quan khủng khiếp.

Người đã mất lòng tin, không một tổ chức nào có sự sống quân bình, một lòng thương trọn vẹn, mà còn gây lăm nổi bi đát, mờ mịt trên trần đời! Thần quyền

đã hý lộng, dị đoan mê hoặc, tạo nên một xã hội đen tối. Lịch sử thần thoại lắm chuyện hoang đường. Lý trí con người lần hồi phục tỉnh, trông về cảnh giới khoa học, thấy được ánh sáng long lanh có nhiều thực tế. Nên ai nấy cũng tỉnh ngộ đời sống, cho mình làm lạc chìm đắm trong Tôn giáo hữu thần, làm trở ngại cho con người chậm bước trên cuộc tiến triển chung.

Ngôi sao khoa học đã hiện ra, ai cũng hướng mạnh vào đấy, để nhờ vị cứu tinh ban ơn che chở, chắc đời người và tương lai đầy đủ hạnh phúc tự do, áo cơm no ấm, nhưng rồi cũng bị thất vọng chán chê. Cơ giới khoa học đã gây nên sóng gió, ào ào phản lại con người, mà đẩy bước đời vào lối bí không đường. Vì nạn bè phái, họa giai cấp chiến tranh, mà như tâm lý tán.

Ồi! Tôn giáo và khoa học là một con đường bình phẳng, đưa bước cho con người tìm lại nguồn hạnh phúc tự do. Đó là một lợi khí làm phương tiện, để thông giao trở về đất Mẹ. Ngặt vì khoa học Tôn giáo chưa thực thi đúng với cái sứ mạng, cái bổn phận của nó, hoặc vì những kẻ giả danh mạo xưng đánh lạc hướng đi. Thứ nữa, trình độ con người còn so le thấp kém, chưa nhận được đó là phương tiện, mà coi bằng mục đích, rồi vong thân đóng mình trong đó để cầu sự sống trọn bên ngoài.

Đã đành trong cái hay có muôn vàn cái dở, hay dở chẳng lìa nhau, mà hay dở tự trung cũng ở cả lòng người. Tai biết nghe mà không biết nghĩ, mắt biết thấy mà chẳng biết suy tư, chỉ có lòng người mới nhận xét. Lòng người lại đa đoan, động vọng bất thường, nếu hấp tấp thiếu cân đo, có thể lý trí bị

ngoại tà ám ảnh, cũng không phân biệt được gì. Bởi vậy mà mọi sự tham cầu không làm sao thoả mãn, đâm ra thất vọng nghi ngờ, tự mình phản lại mình, nhận lấy trăm điều chua chát.

Mất lòng tin ở Tôn giáo, tưởng cậy có khoa học để nương thân tạo lại đời sống oai hùng, nhưng rồi cũng mất nốt sự sống ở đây, đành bơ vơ ngột ngạt trước bầu không khí Đông Tây xáo trộn. Thân tàn ma dại, không thể để yên, cuộc sống như xác không hồn, họ chợt thấy những chớp sáng nơi lòng bình tĩnh, đứng lên hô to cùng đồng loại là Chơn lý ở người.

Người là sức mạnh, là quyền uy, là tiền phong mở đường sanh lộ cho xã hội, cho loài người, cho tương lai hoàn thiện, là con đường hiện sinh, con người là chủ nhơn ông cho cuộc sống thanh bình, toàn sanh duy nhất. Mục đích cao tột chính xác là thời đại của con người. Nếu người biết ngược dòng đời, hướng trọn vào thân tâm để hội thông công vũ trụ, thì người là giai đoạn xuất hiện để nối tiếp dòng suối bao la, đến tận biển cả mênh mông, hòa hợp cùng muôn sông ngàn rạch, chung một màu thâm biếc.

Song người mà đã nói đó chưa được vươn mình đứng lên, mà còn trong thời kỳ phôi thai, ẩn mình nơi miếng đất hoang vu, chưa mấy ai để ý. Người đó là người được phục sinh, người đóng vai duy nhất cho xã hội con người không còn bất bình. Nhưng không phải người mà hiện nay gọi hiện sinh, sống bằng lý trí, rồi đoạn tuyệt guồng máy Tam tài, lãng quên nguồn suối u linh, rào rạt ở cõi lạnh, chờ có dịp là tuôn trào, chờ con người quả đục thanh tâm, biết

nhận được bản căn hồn nhiên siêu thức.

Thấy được bản căn hồn nhiên siêu thức là người đã vượt quá tầm mức của lý trí. Lý trí có khôn sáng đến đâu, cũng đóng khung trong một định giới của hiện thức, không ngoài sáu giác quan. Mà giác quan đã ở trong con người xương thịt, thì chỉ quán thông ở một định giới hữu hình, chưa phải kiến thức, học thức hay nói chung là trí thức, cũng khó làm sao xuyên qua các chương ngại của sắc trần.

Tuy nhân loại hiện nay đã tiến bộ, khôn sáng gấp mấy ngày xưa nhưng khôn sáng ấy do căn trần cọ xát nhau, mà phát sanh ý thức, hoặc vì nhờ học hỏi mà thâm thập kinh nghiệm người xưa ở trong sách sử, hoặc nhờ thấy xa nghe tỏ, nhận xét ở sự sinh hoạt trong xã hội, kinh nghiệm bản thân như xuất quân trị nước. Đó là học mà biết, thấy nghe mà biết, tuy sáu căn màu nhiệm khôn sáng khó lường, dầu nói hữu hạn, nhưng thiên hạ mấy người chứng tới trọn đủ. Người ấy thế gian gọi là một bậc nhơn tài.

Song sự tiến bộ của thời đại ngày nay mới khai triển đến chỗ giác quan thứ sáu mà thôi. Tuy văn minh diệu thuật, cũng chưa đạt đến tiềm thức sâu rộng bao la.

Tiềm thức là một khối khôn sáng bao hàm, chẳng những kinh nghiệm nhiều đời trong một thế giới bé con này, mà giống thức giác đã trải qua vô lượng kiếp ở các cõi Trời, người, phi, tiềm, động, thực, đều hiện diện của thức giác, nên sự biết rất giàu bao nhiêu kiếp, nhiều đời. Họ đã tích trữ ở thân tâm, mà Phật giáo gọi là Hàm Tàng thức, hay A Lại Da thức, mà ta tạm gọi là Tiềm thức.

Tiềm thức mỗi khi được cơ hội, phát ra sự màu nhiệm đó kỳ diệu khó lường, có thể nói tồn thần xuất hóa. Dầu một câu thơ, một bức họa, một khúc sáo, một bản đàn, cũng có thể làm cho trời rung, đất chuyển, quỷ khiếp, thần kinh, nước sông dâng tràn, lửa dậy, cho chí mưa đổ gió tuôn, thú cầm hội tụ.

Người mà chúng đến tiềm thức cũng sáng hóa sự diệu dụng như Thần, nên thế gian gọi là bậc thiên tài cái thế. Những nhà phát minh chế tạo, những bậc tu sĩ chỉ đá hóa vàng, phân thân du hí, mà kết quả là do những phút trầm tư, những ngày thiền định.

Song đó cũng còn nằm trong phạm vi hữu tướng, chỉ biết được quá khứ mà thôi, như Dịch kinh có nói: "*Trí giả tàng vãng*", còn người chí như quân tử muốn thấu đạt chỗ "*Thân giả tri lai*" nên phải đi sâu vào gốc sanh, nguồn đầu là "*Bản lai diện mục*", nghĩa là vượt lên khỏi tiềm thức, mà vào nơi siêu thức, để chúng nhập vào toàn triệt Bát Nhã ba la mật. Được vậy là nhân bản con người đến mức.

Xưa nay cũng có biết bao người đến đó, mà lại còn siêu trên cái siêu, như Phật Thích Ca, như Tiên Lão Tử, như Thánh Khổng Khâu và Gia Tô Giáo Chủ. Song thời đại đó năm châu chưa họp chợ, bốn biển còn cách nhau, vì đó mà đạo lý các Ngài phải nằm trong địa hạt của một sắc dân. Chính lúc các Ngài lại là giai đoạn thiên thời, nên Tôn giáo thần linh cùng người làm một.

Cuộc diễn tiến phải trải qua sự sống còn của thiên hạ, vì nạn nhân mãn, vì tâm thức mỗi lúc gián đoạn với nguyên sơ, vì nhu cầu cuộc sanh sống, nên cơ tâm thức máy động, thì cơ giới phải được xuất

hiện, để đáp ứng cho mọi cần thiết của con người. Mà con người cũng vì đó, mới gây ra tranh giành, được mất. Đời sống không chủ quyền, tự do không thỏa mãn, nên loài người tự tỉnh, thấy mình vong thân, thấy mình mất gốc, mà hóa thành cô đơn, trở nên hèn nhát, rồi tự mình thanh toán lấy mình.

Cuộc nổi da xáo thịt, tương tàn của nhơn loại, đều do thiếu căn bản, bởi tách rời ba yếu tố cần thiết cho cuộc sống còn, cho đời hạnh phúc là đoạn lìa Tôn giáo, khoa học, chánh trị, phải mất thăng bằng của một cái vạc ba chân: Thiên, Địa, Nhơn. Thế nên thân hình trở thành ba khúc, làm sao không bị đau đớn đảo huyền.

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Tình thương, sự sống khắp bao la,
Muôn vật chung trong khối Thái hòa;
Tung cánh tâm tư trùm vũ trụ,
Kiên Khôn nhất trọn ở lòng ta.*

BÀI

*Ta là một trong ba ngôi sánh,
Lấy Đất Trời là Tánh của Ta;
Kể từ vũ trụ có ra,
Tài thành, phụ tướng là Ta đương hành.
Trời bao quát, xanh xanh, lồng lồng,
Đất dày bền, sâu rộng, mênh mông,*

Ta cùng Trời Đất cộng thông,
 Trong ngoài một mối sắc không chung nguồn.
 Mạch suối Đạo trào tuôn man mác,
 Dòng lâm linh rào rạt lan tràn;
 Cảnh đời muôn mối ngổn ngang,
 An bài trật tự, mở mang cho đời.
 Người đứng giữa Đất Trời ngang dọc,
 Khéo dụng công, nối móc kết thành;
 Thánh nhơn trước cũng như mình,
 Biết đường tiến thoái, biết gìn Thánh tâm.
 Người nay sao đi lầm, hiểu lạc,
 Khiến cho Tâm bạc ác, vạy tà;
 Phải chăng Ta đã quên Ta?
 Tin theo lý trí điều ngoa, vọng tình.
 Khiến có cuộc bất bình xáo trộn,
 Tạo cõi đời hỗn độn chi ly;
 Rác là nhĩ ngã, thị phi,
 Toan lòng cướp đoạt cho kỳ về Ta.
 Góc ích kỷ chính là đục vọng,
 Thói tham sân bởi sóng vô minh;
 Chung quanh chỉ thấy có mình,
 Mặc ai chết sống, thỏa tình là xong.
 Chưa thấy được mình trong hang tối,
 Nào biết chi phước tội, phải không?
 Ngoài kia đã lộ vòng hồng,
 Bịt bùng tình thức, cầu trong nơi nào?
 Trối mặc ai, ai gào ai hét,
 Tai đã câm (điếc), mà đã lại mờ,
 Trần căn ám ảnh ngậy khờ,
 Con người nước đó ngẩn ngơ quá rồi!
 Lặn hụp mãi chưa trời khỏi vực,

Để thấy Trời rõ rực sáng choang,
 Bao la cảnh vật huy hoàng,
 Đường chờ, đường đợi bạn vàng tri âm.
 Chủ tình thức thì tâm minh giác,
 Khấp Kiền Khôn bằng bạc viên dung,
 Tâm ta rộng lớn vô cùng,
 Người ta điệp điệp, trùng trùng biết bao!
 Tâm rộng rang chỗ nào cũng có,
 Khấp muôn chim nghìn cỏ đất trời;
 Chớ khi nhỏ bé con người,
 Tài nhơn xuất hiện, cuộc đời vinh quang.
 Đạo đến đâu, Niết bàn đến đó,
 Đạo là Tâm khắp có mùi hương,
 Nơi còn lẽ sống tình thương,
 Chơn thành, chất phát là đường của tâm.
 Tâm trong người không tâm đâu nhọc,
 Đạo trong Tâm, không học đâu xa;
 Chủ Tâm là thể Trung Hòa,
 Đại bản đạt Đạo, phải là đây chăng?
 Trí, Trung hòa, mới rằng kiến tánh,
 Kiến chứng thành Phật Thánh Thân Tiên,
 Đất, Trời vị thể được yên,
 Muôn loài thông sướng tự nhiên sanh thành.
 Thấu tận chỗ u linh mâu nhiệm,
 Vi diệu thay một điểm Thái huyền;
 Người khi mất thể hồn nhiên,
 Thức rong theo cảnh, tình duyên ngoại tà.
 Rong theo cảnh, lân xa bản tánh,
 Duyên theo trần tuệ hạnh mờ lu;
 Chơn tâm bị kẹt trong tù,
 Con đường giải thoát nhờ tu phục hồi.

Tu là để vun bồi cội đức,
 Tu là lo đoạn dứt trần duyên;
 Tu toan dập tắt não phiền,
 Tu cho tình thức từng quyền nội tâm.
 Thành vô vi, cơ mầm thiện ác,
 Giới cụ giữa hậu bạc xảy ra;
 Địa Thiên hiệp thể Thái hòa,
 Âm Dương phối ngẫu, thiết là Thần Đơn.
 Đó là vạc ba chơn vũng trụ,
 Trời, Đất, Người y phụ vào nhau;
 Kiền Khôn thế giới một màu,
 Không còn di biệt, trước sau nhện nhàng.
 Khi mà cõi Nhơn Hoàng xuất hiện,
 Người người đều thánh thiện thời trung,
 Cõi đời muôn sự của chung,
 Tinh thần, vật chất, cộng đồng tương quan.
 Có kẻ hỏi: Thế gian bịnh nặng,
 Một Thần đơn cứu đặng bấy nhiêu?
 Ác tâm, phe đảng quá nhiều,
 Quân binh cho được là điều bất thông.
 Luật tiêu trường, loạn cùng tắc trị,
 Lễ dinh hư, thái bĩ vẫn xây,
 Vòng trăng khi khuyết khi đầy,
 Hết đêm đen tối, đến ngày sáng choang.
 Chúng nan y, Thần đơn phép lạ,
 Lành bệnh đời, cải hóa thế nhơn;
 Cho hay máy tạo tuần hườn,
 Trời người cộng hiệp, mở nguơn thanh bình.
 Trăm năm trước, Thiên đình ngự phán.
 Cho nguyên căn hạ giáng phạm trần;
 Dọn đường giảng hóa chúng dân.

Tĩnh tu chờ đón chủ nhân loài người.
 Nguyên căn đã quên lời ủy nhiệm,
 Đến phạm trần đấm nhiễm lợi danh;
 Sáng, khôn sẵn có quyền hành,
 Gây thêm sóng gió, bất bình khắp nơi.
 Có kẻ lại buôn Trời bán Đạo,
 Danh là tu, tâm nào đầu đầu;
 Mấy ai quyết chí tham cầu.
 Tự thân thực hiện phép mâu từ bi.
 Hội Long Hoa Tam Kỳ mở rộng,
 Cửa Tổng Trì như thống Kiền Khôn;
 Gồm nhiều phương tiên pháp môn,
 Trăm sông nghìn rạch cũng đôn biển đông.
 Chúng đạo này lòng không riêng rẽ,
 Coi muôn loài một Mẹ hóa sanh;
 Dung hòa mâu thuẫn xung tranh,
 Muôn sai, nghìn khác, tổng danh Tâm này.

THI

Tâm này gồm đủ thế Tam tài,
 Vạn pháp Đất Trời chẳng phải hai;
 Giác thấy sắc không cơ biến hóa,
 Mê nhìn muôn tượng khác hòa sai.

II. TIẾT THỨ HAI

ĐẠO TÂM

MỤC 1:

**Đạo Tâm Hướng Ngoại,
Mất Tánh Hồn Nhiên.**

A. KINH VĂN

Trước khi chưa dựng nên Trời Đất, Đạo là vô vi, hồn nhiên trong bầu vô vi lặng lẽ, không một vật gì trộn lẫn, nên gọi là khí Tiên thiên. Khi Đạo dựng nên Kiền Khôn thế giới gồm cả vạn hữu chúng sanh, Âm Dương phân định, ấy là Hậu thiên khí chất, như đã nói chương trên.

Con người là tiểu Thiên Địa cũng như một bầu vũ trụ, tuy nhỏ bé nhưng gồm đủ không khác chi Trời Đất. Mỗi người đều thọ nơi Thượng Đế một điểm linh quang, Âm Dương chung đúc mà thành hình, thần nung đó để phát huy năng lực thi thiết quyền pháp, tài thành cho công cuộc Tạo Hóa được trọn nên, chung lộn trong thời gian không gian, đặng triển khai tâm thức, tạo lấy sự nghiệp tôn vinh, đặc trách của con người.

Quyền năng ấy Thượng Đế đã ban phú cho mọi loài, loài nào cũng phải trải qua một cuộc hình thành vô định. Khi làm xong phận sự của mình, lúc đó, trở lại hội hiệp cùng Trời, gọi là thành Tiên tác Phật.

Cõi đời là bể khổ trầm luân, nhưng đó cũng là

trường học để rèn luyện con người, để thấu hoạch những công trình tự người làm nên. Mà đời cũng là một bãi chiến trường khốc liệt, con người dấn thân vào đấy, tự mình phải chiến thắng, để tạo cho mình một địa vị anh hùng, rèn đúc gan óc rắn rỏi sáng suốt, để đủ sức vượt qua mọi chướng ngại hiểm nghèo.

Nhưng đó mới một giai đoạn thành công ngoại lệ, còn phải tự chiến thắng bản thân, trông ra mọi vật như đám quyến thuộc của mình. Chính đó là cái tâm cơ giống ruồi bên ngoài, đầu là sông núi, chúng sanh, cũng do tâm mình mà xuất hiện, nên phải tạo cho được hạng người Bồ Tát, lấy Bát nhã tâm mà quán chiếu mọi loài: Nếu không chủ được tâm, thì tâm buông lung, phóng tán, kẹt mắc khắp muôn cảnh trần duyên rồi mà nội thân mờ mịt, tình thức gậy xáo trộn khổ đau, ý chí loạn cuồng, không biết trần ai là ảo vọng.

Con người khi nào nhận được bản chất hậu thiên là đa tạp mê mờ, rối loạn mới tìm đường trở lại nguồn đầu, quay về với Đạo, như lúc chưa có Đất Trời, một khối hồn nhiên, lòng mình thông tuệ bề bề tự tại. Con người vì nhận lầm mà bỏ gốc theo ngọn, nên không thấy được bản tâm màu nhiệm của mình, đâu hiểu chỗ sở dĩ phát sanh mất thấy tai nghe, thân hình hoạt động.

Tất cả đều do tâm, nên mũi mới biết được mùi, lưỡi mới nếm được vị, miệng mới nói nên lời, ý mới nghĩ việc này việc nọ mà quên hẳn nguồn gốc ở tâm. Tâm đã phát tiết ra nhiều, thì sự hư hụt bên trong càng ngày càng kiệt cạn, thông qua các cửa, vương

víu đắm mê ngoại cảnh, mà con người đành chịu hèn
mặt, khổ đau.

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Tiên thiên Nhứt khí thể hồn nhiên,
Thanh tịnh vô vi Đạo cực huyền;
Phương tiện đa môn qui nhứt lộ,
Chí thành bất tức chứng Kim tiên.*

BÀI

*Trước vũ trụ Đất Trời chưa có,
Như thế nào, đâu rõ âm hao;
Mông mênh, thâm cực diệu cao,
Tối linh vô thượng, dăm sao nghĩ bàn.
Thánh truyền thuở hỗn mang Vô cực,
Ngôi Tiên thiên Thái nhứt bản sơ,
Uyên nguyên thấp thoáng mập mờ,
Hồn nhiên thanh tịnh, thân cơ nhiệm màu.
Thần vô phương, nhưng đâu cũng có,
Cơ diệu vi, lấp ló chưa trình;
Như như, cương kiện, trọn lành,
Hốt nhiên Tạo Hóa phân hành hai nghi.
Khối Âm Dương thân kỳ xuất hoạt,
Đạo trung hòa bành bạc hóa sanh
Kiền Khôn thế giới định thành,
Ngày đêm thời tiết vận hành biến thông.
Cơ động tịnh, sắc không ẩn hiện,*

*Máy Âm Dương luân chuyển tuần hoàn;
Thần kỳ diệu diệu mang mang,
Con thoi nhật nguyệt dọc ngang kết liền.
Tự nhiên mãi đương nhiên hẳn thế,
Xảo diệu mà thực tế giản đơn;
Trông vào, thấy quả biết nhơn,
Bủa ra nhóm lại, chánh chơn nhiệm màu.
Nhứt bản tán vạn thù lưu lãng,
Vạn thù qui nhứt bản hườn nguyên;
Ngược dòng nhập Thánh vào Tiên,
Thuận theo đục lạt, nã phiền tử sanh.
Vay phải trả, loanh quanh sáu nẻo,
Ý sanh tình, lẻo đẻo bên thân;
Sáu căn duyên với sáu trần,
Lông mang sừng đội, tinh thần tiêu tan.
Người đứng giữa nấc thang giao điểm,
Được làm người là chiếm được Tiên;
E người tâm chí đảo điên,
Tự do phóng túng, ý thiên che mờ.
Tiếp nhận được thời cơ chẳng dễ,
Chậm một giây là trễ một đời;
Thời cơ khi đã đến nơi,
Lòng còn đen bạc, luật Trời khó dung.
Phải là Thánh mới cùng Tiên Thánh,
Có chánh tâm mới chánh được người;
Đọt xanh nhờ gốc rễ tươi,
Đời hay, nhờ có con người sáng khôn.
Cây khôn sáng tự tôn tự đại,
Thì bị đời đào thái bất dung,
Đồng dân, đặng ở thời trung,
Động lòng Trời Đất, hay từng thiên cơ.*

Người quân tử không mơ ngoại cảnh,
 Lo trau dồi tâm tánh nội thân;
 Đến khi xuất hóa nhập thân,
 Ấy là thành kỷ, thành nhân vẹn toàn.
 Muốn hạ thủ lần sang cõi Thánh,
 Lo lập nền đức hạnh thanh cao;
 Ái ân, danh lợi ngăn rào,
 Nhảy ra khỏi đó, men vào cửa không.
 Đặng mở một đường thông đến Đạo,
 Lòng lâng lâng hy hạo Thái huyền;
 Thấy mình chứng nhập tự nhiên,
 Không còn hệ lụy trần duyên như ngày.
 Trước kia khác, mà nay đã khác,
 Xưa vong thân, nay đạt lại thân;
 Trước kia tâm thức duyên trần,
 Phóng theo ngoại cảnh, trong thân nghèo nàn.
 Lòng thiếu thốn, khô khan thèm muốn,
 Mối tham tâm ưa chuộng giết giành,
 Không nề gian khổ tử sanh,
 Miễn sao cướp đoạt về mình là vui.
 Vì mất tâm, lòng nuôi ích kỷ,
 Được tâm rồi, ý chí rộng rang,
 Tâm ta như mạch suối tràn,
 Tình thương, sự sống chứa chan dồi dào.
 Xưa khốn khổ khát khao vật lạ,
 Nay dư giàu, có cả nơi tâm;
 Tâm đi, nã tróc kiếm tâm
 Tâm về ám áp, thù thâm hân hoan.
 Cây bậc gốc, lá tàn mục nát,
 Người mất tâm, lang bạc khổ hình;
 Biết mau khứ ám hồi minh,

Câu thầy, hỏi bạn phương trình nội công.
 Giới, định, huệ nằm lòng tha thiết,
 Tham, sân, si tận diệt căn đề,
 Thức căn cột chặt thân về,
 Không còn rối loạn, hôn mê, biếng lười.
 Khi được thấy trong người yên ổn,
 Đó là phương lập bốn xây nền;
 Trong ngoài muôn sự đều quên,
 Chấp Trung thủ Nhất cho bền công phu.
 Bước sơ cơ phép tu khổ hạnh,
 Nào nội tâm, ngoại cảnh rày rà;
 Chiến trường ngay ở lòng ta,
 Thất tình, lục dục kéo ra tranh hùng.
 Tâm cứ mặc thung dung vô sự,
 Mãi như như, không cự không hàng,
 Lâu ngày, tự chúng rã tan,
 Thập tam ma chủng qui hàng tự nhiên.

MỤC 2:

**Giữa Tâm Động Và Bất Động,
 Là Hoảng Hốt Yếu Minh.**

A. KINH VĂN

ĐẠO HỌC CHỈ NAM đã mở cho loài người một con đường tìm về căn bản là nguồn đầu trọn lành, vĩnh cửu, mà từ lâu con người đã tách xa cõi phúc nguồn đầu, lạc lõng nơi trần khổ, nhận mọi sự đau thương. Từ xưa, loài người còn trong lẽ sống hồn nhiên, tuy ở cõi trần nhưng tâm hồn thung dung tự tại, không khác cõi Trời. Giữa Vua và dân cùng vui

trong lễ đạo

Trải qua Tam Hoàng đến Ngũ Đế, lòng người lần lần sa sút, có dáng mê mờ, mà đạo ấy không được sung mãn ở lòng người, nên tạm dùng ân oai mà chế trị, dạy dân ăn ở theo đúng lẽ Trời. Đạo Đế đã suy thì Vương đạo tiếp theo đặt thành khuôn phép, lấy nghĩa nhân mà nuôi dạy dân đen giữ còn hồn nhiên, sống không xa đạo. Bậc Đế vương thể đức Trời Đất bảo vệ Nhơn tâm, song đấng ấy chưa vẹn tròn, nên khiến dân không cảm trọn, mà lòng người háo dục khởi lên.

Đến Bá đạo như đời nay, lại chẳng biết thương dân, lấy phép luật hình chính khép người vào cửa tội, mà dân tự loạn tự cuồng. Nhơn tâm đã tách rời thiên lý, cái phúc cái họa đều do ở máy lòng, tuy cũng tâm ấy nhưng chia hẳn làm hai đường, thật là một bí cơ. Loài người kẹt trong vòng lưới vô minh, không sao tự thấy được con tâm cứu cánh.

Hôm nay, Nhơn loại bước lên thềm văn minh lộng lầy. Trí hóa là cho khôn sáng hơn xưa nhiều. Học thuyết, Tôn giáo phổ cập tận khắp nơi nơi. Nhưng chưa thấy được mấy ai gọi là giác ngộ. Sự nhận định quá viễn vông bất nhứt, rồi gây ra cãi lầy tranh giành, sự cãi lầy đó chẳng qua nhận biết kinh điển, tuyên truyền ở kinh nghiệm, tập quán một vài nơi theo hình thức của nhóm mình xu hướng.

Nào phải tự mình chứng ngộ chơn lý, mà phát ngôn Thượng Đế bằng thế nọ thế kia, hoặc vô thể, hoặc hữu thể. Đạo là hư không, đạo là mẹ sanh muôn vật. Đàn thì có, đàn thì không, chưa ngã ngũ bên nào. Đã nói Thượng Đế là vô hình, Thánh Nhơn là hình của Thượng Đế. Lời của Tiên Phật là lời của Đất Trời, sự

dung lượng của Thánh Nhơn là bầu khí hư không che trùm vạn vật. Lấy Dịch học để ngẫm suy theo nguyên lý đạo.

Trời gồm trọn ba thể: sắc, không và trung đạo. Dịch là biến, nhưng nguyên lý của Dịch không bao giờ biến. Như nói Vô cực là nói thể của Đạo bao hàm không không bất động. Còn lúc ấy chưa có gì, nên gọi là không. Đến khi Trời Đất có ra là nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo. Âm và Dương là khí động nên trở thành hữu tượng hữu vi. Giữa hai thể có và không là Thái cực. Thái cực sau cái không sắp có, trước cái có chưa có. Đó là Thượng Đế, là Thần, là nguồn đầu, cội sanh của muôn loài vạn vật. Chỗ mà Đạo Đức Kinh nói là hoảng hoảng hốt hốt, yếu yếu minh minh. Đã hoảng đã hốt, thì làm sao gọi bằng không? Mà yếu, mà minh, thì sao cho là có? Nên người tu đạt chứng đến đó, mới gặp lại nguồn sống của mình.

Đây, Bản Thánh cho dân chứng tâm động và tâm bất động. Thượng Đế gồm hai mặt như cây mía khi đã trở thành đường, đường trở thành muôn vàn thứ bánh. Đường, mía, bánh tuy khác tên, nhưng cũng đồng là một chất ngọt. Cũng như vàng là nguyên thể mà chế ra đủ các món trang sức cần dùng, thì thứ nào cũng do tay thợ khéo chế ra. Đó là tâm động.

Tâm bất động cũng khó tả cho suốt lẽ. Đây lấy một thí dụ: Thuở xưa có một nhà sư giữ được cái tâm hồn nhiên thanh tịnh, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn. Nhà vua lấy làm lạ, bèn cho bày ra đủ trò thứ chơi ảo diệu đủ sắc xinh đẹp lộng lầy, quyến rũ lòng người phải mê man; ca nhạc trầm bổng du dương, khiến ai nghe cũng rụng rời, óc tim mũi mắt. Khi vua

mời nhà sư đến để dự xem qua mấy khúc nữ nhạc vũ ca, vua hỏi nhà sư làm cách nào mà không động tâm, không bị bên ngoài lôi cuốn. Nhà sư nhơn cơ hội này muốn cứu một đệ tử tiền kiếp nay bị phạm tội tử hình, nên nhà sư nói với vua muốn chứng minh lòng bất động của sư thì cho một phạm nhân tử tội ra đây. Nếu người đó không bị động tâm, thì nhà vua nên tha bổng cho họ trở về tự do.

Vua bằng lòng cho một tên tử tội và bày bố mọi sự biểu diễn, ca hát, múa nhảy như trước. Nhà sư bảo người tử tội: Nếu người bưng chung nước này đi quanh ba vòng mà không rơi giọt nhỏ nào, thì vua sẽ tha chết cho người. Người tử tội đi ba vòng qua các cảnh biểu diễn, đàn ca xướng hát. Trước sự trêu chọc ám ảnh vô cùng mà tử tội đi đủ ba vòng bưng chén nước đến trước nhà vua mà không hề chao đổ. Nhà vua bèn hỏi tử tội: Người có thấy gì, nghe gì không? Người tử tội thưa: Không hề được nghe thấy gì cả. Ấy là chủ tâm vào nhứt sự mà chung quanh hoàn cảnh không hề nhiễu loạn được tâm. Đó là tâm bất động.

B. TRỪNG TỤNG

BÀI

*Từ giản dị trở thành đa tạp,
Một niệm sanh, muôn pháp khởi sanh;
Âm Dương biến hóa vận hành,
Hai nghi, bốn tượng, quái danh hiện trình.
Tám quẻ chốc biến thành sáu bốn,*

*Nhơn mãi lên bề bộn biết bao;
Trần đời nhộn nhịp lao nhao,
Đa đoan, phúc tạp, ồn ào lãng xăng.
Kìa sấm chớp, trời trăng mây gió.
Này núi sông, cây cỏ muôn loài;
Vô hình, hiện đủ ân oai,
Dinh hư, tiêu trường, cảm hoài mà kinh.
Nghĩ đến việc tử sinh đáng sợ,
Kẹt vào đời tháo gỡ sao đây?
Một thân, giữa mấy vòng vây,
Hớ hên chớp mắt lãnh đây khổ đau.
Cảnh huyễn hóa đổi màu thay dạng,
Khó suy lường tình trạng biến thiên;
Sắc trần là sức thôi miên,
Nhiều nương ám ảnh như ghiền như say.
Người ngu đành bó tay nô lệ,
Kẻ trí toan tìm kế thoát thân;
Dữ lành đều có nguyên nhân,
Tìm phăng đến gốc thì gần căn nguyên.
Nguyên bản thể vô thiên vô ý,
Thì thấy rằng bất nhị giản đơn;
Con đường độc nhứt chí chơn,
Nương đây sẽ được trọn ơn đời đời.
Người vì mê nên rơi vào khổ,
Biết khổ rồi tỉnh ngộ hết mê;
Hết mê là lối thẳng về,
Về nơi bình đẳng, nhứt tề tâm nguyên.
Tâm Diệu tịnh hồn nhiên tự tại,
Tâm phàm phu biến cải đa đoan;
Trần căn tình thức rộn ràng,
Đâm chồi nảy tược, muôn ngàn kế mưu.*

Rồi lãnh lấy bi ưu khổ não,
 Nghiệp hệ vào, lục đạo xuống lên;
 Bao nhiêu ân oán trả đền,
 Lưới vô minh đã kết nên tuồng đời.
 Đời mới trở thành nơi biển khổ,
 Cho chúng sanh làm chỗ diễn trò;
 Sang, hèn, vinh, nhục, đói, no,
 Được, thua, còn, mất, duỗi co đủ màn.
 Ấy là giấc mộng trần ảo vọng,
 Nào khác chi bọt sóng mây ngàn;
 Chuỗi đời kết một tương quan,
 Xâu chung một sợi dây oan thân thù.
 Biết tỉnh ngộ nhờ tu gỡ được,
 Thoát ngoài vòng triền phược, ái ân
 Bình tâm định tĩnh tinh thân,
 Vì đâu siêu đọa, nhận chân cho rành.
 Một gốc nảy trăm cành nghìn lá,
 Một tâm sanh tất cả dữ lành;
 Âm Dương biến hóa lưu hành,
 Ý tình vọng động tung hoành khác đâu.
 Quay trở lại nguồn đầu thanh tịnh,
 Gốc đạo người bản tính chơn tâm;
 Từ lâu, đi lạc hiểu lầm,
 Bởi chường tình thức ngấm ngấm chủ trương.
 Quyết giữ gốc, không nương nơi ngọn,
 Thâu phóng tâm, nắm trọn ý tình;
 Chủ quyền niệm lự hết sinh,
 Vô minh tận diệt, Viên minh hiện bày.
 Nhập viên minh không hai không khác,
 Nên không lòng tham đạt của riêng,
 Của nào cũng của tự nhiên,

Tự nhiên là Đạo, tự nhiên là mình.
 Đạo bao la, mối tình man mác,
 Không hề còn địa hạt nhỏ nhen;
 Thơm lành, trong đẹp như sen,
 Giúp vui bạc khổ, nhúm nhen cho đời
 Nền nhơn bản, đạo người là thế,
 Lo dụng công phước huệ song tu,
 Thoát thân ra khỏi trần tù,
 Mới mong phá ngục Diêm U cứu người.
 Người có ra để đời trọng dụng,
 Người hãy lo thừa phụng Đạo Người;
 Tiên nhơn gây dựng bao đời,
 Mới mong con cháu tùy thời khuyếch trương.
 Nền Đạo Học Đông phương sáng tỏ,
 Khoa học thêm vào đó càng hay,
 Đông, Tây ta lại bắt tay,
 Sớm cho bốn biển thấy ngày vinh quang.
 Đây tóm lại con đường dụng sự,
 Khuyến cáo chung cải dữ theo lành;
 Xây nền triết học nhơn sanh,
 Cộng đồng tín ngưỡng bình hành vật, tâm.
 Thời cơ đến ngàn năm một hội,
 Ổn móc mưa tẩm gội đầy trời,
 Mới mong tất cả nơi người,
 Chung tay xây đắp cuộc đời tôn vinh.
 Phóng tầm mắt nhìn quanh thế giới,
 Lòng gấm suy lịch đợi tôn hiền;
 Vĩ nhân kim cổ danh truyền,
 Dời non, lấp biển, khai nguyên dựng đời.
 Họ với ta cũng người không khác,
 Cũng tim, gan, vóc vạc như mình,

*Con người là vật tối linh,
Đoạt cơ Tạo Hóa, thông tình vạn sanh.
Thuận thiên lý, chí thành vô dục,
Khiến nhơn tâm hòa mục tương an;
Kho Trời vô tận kỳ quan.
Dụng công tài chế, mở mang sanh tồn.*

MỤC 3:

**Ngược Dòng Cơ Vi,
Là Phươ ng Tu Nhập Thánh.**

A. KINH VĂN

ĐẠO HỌC CHỈ NAM đã lược qua những vấn đề trong các chương về vũ trụ, nhơn sanh, mà các thời đại lấy đó làm yếu chỉ, cho cuộc sống tương quan mật thiết với con người. Thật là một căn bản mà các Thánh hiền đã lăm công phu, hy vọng loài người ai cũng lấy đó làm chỉ nam, để đạt đến mục đích tối cao. Song từ lâu, con người tuy sống gần nó hằng ngày, thế mà chẳng được mấy ai ý thức về mình. Họ cứ tưởng đâu ngoài bản thân, mà quên lãng chính nó là mình, thì dầu cho có thiên kinh vạn điển, cũng không sao giải quyết mọi sự cho con người.

Đạo Học không phải học cái gì xa lạ, cách biệt với mình, mà đạo học là học cái chính mình. Chỉ Nam là chỉ cái đích thực ở tâm mình, không phải đâu xa vời. Nhưng nói thế con người lại tự hào cho mình là chúa tể càn khôn, vạn vật, bởi mình sanh mình hóa, đi đến chỗ không còn coi Trời Đất ra chi! Thật là một điều đáng buồn cười.

Các học thuyết từ cổ sơ, các bậc Thánh hiền sẵn đủ một lòng tin sắt đá, nhận được lẽ màu nhiệm trong Trời Đất có một nguyên lý làm căn bản cho công cuộc sanh thành, dựng nên Kiền Khôn vạn loại. Nguyên lý ấy là Trời, là Đạo, mà cũng là tính thể của vạn vật và con người. Đức tin ấy đã đưa con người ấy vào sâu chỗ ý thức được mình, thấy chính mình cùng Tạo Hóa vạn vật đồng một thể tính như nhau. Sự ý thức đó lần lần trên bước đường công phu tu dưỡng nơi chính mình, để tìm hiểu phần sâu kín màu nhiệm hơn.

Đã là bản căn tự tánh trợn lành, làm sao mà có những trạng huống bi đát đau thương quấn chặt vào mình, không cách nào thoát khỏi sự ràng buộc kéo lôi mất quyền tự chủ.

Nhờ tư duy quán xét lần hồi, được vài ánh sáng soi đến cho mình, mà thấy được nguyên nhân, bởi lý do là mình không hề biết được mình một tí gì trong sự sống cả.

Đây Bản Thánh vạch một vài nét về yếu lý của phần Đạo pháp mà danh từ ĐẠO HỌC CHỈ NAM với ý nghĩa của nó, để cho loài người tìm lại cái căn bản ở chính mình, hầu cư xử xứng với địa vị của nó, trong Tam tài huyền đồng nhứt thể. Chỉ Nam là chỉ ngay cái chỗ bản còn sơ thi của tự mình và Trời Đất sẵn có.

- Sao lại chỉ Nam mà không chỉ Đông, chỉ Bắc?

- Trong ấy gồm một ý nghĩa màu nhiệm, mà ta cần phải biết: Nam là phương vị của quẻ Kiền. Kiền là Trời, là Đạo mà cũng là cái Chơn tâm huyền bí ở trong người. Đạo ấy, Chơn tâm ấy, khỏi cần nhắc lại

cái quyền năng màu nhiệm của nó, mà các chương trên đã nói nhiều rồi.

Kiên có bốn đức: Nguyên, hanh, lợi, trinh; thể của nó cương kiện biến hóa nhiệm màu. Song phương vị của Kiên bị Ly quái hậu thiên ám ngự, mà Kiên mất ngôi chủ sự, cũng như Chơn tâm của loài người bị tình thức đoạt quyền, nên con người sống như say, thức như ngủ, nô lệ cho tình bản năng cảm xúc, chẳng thấy gì, biết gì cái chơn ngã mà nhận cái giả ngã đó là mình.

Thế nên, Đạo Học Chỉ Nam về chương tu dưỡng để đạt đến quả Thánh, hình hiện con người, cần phải mượn giả để cầu chơn, lấy lửa cung Ly mà luyện Kiên kim.... (thiếu?)!

B. TRÙNG TỤNG

*Dựng nên Trời Đất, dựng nên Người,
Đạo ấy nhiệm màu chẳng tiếng hơi;
Chống vững Kiên Khôn, an bốn bề
Phương tu nhập Thánh dạy khuyên đời.*

BÀI

*Đường nhập Thánh, hòa đồng muôn pháp,
Cảnh là tâm, át giáp không còn;
Dung thông vũ trụ nước non,
Một bầu Tạo Hóa vuông tròn chẳng hai.
Hết dục vọng thoát ngoài nhân quả,
Dứt tham mê giải phá trần căn;
Lòng không nghĩ quấy tưởng xằng,*

*Mây tan hiện lộ vầng trăng tỏ ngời.
Tâm thanh tịnh, bầu trời quang đãng,
Ý buông lung, lưu lãng trầm luân,
Ý tâm Đạo pháp thấm nhuần,
Trông đâu cũng thấy tinh thuần Nhất Như.
Giác ngộ được thiệt hư là nó,
Mê lầm thì chấp có, chấp không,
Cơ vi biến hóa vô cùng,
Mấy ai tham thấu ngôi Trung lễ Trời.
Trời phú dữ nơi người là tánh,
Nói theo đây là Thánh, là Tiên;
Trong thân, Tâm lại chủ quyền,
Hay đời, hay đổi, đảo điên bất toàn.
Tâm chứa trữ muôn vàn chủng tử,
Huân tập thường gìn giữ pháp sanh;
Thuận duyên, khởi ác hay lành,
Đều do căn thức xây quanh mặt ngoài.
Biến tâm động, hoài hoài sóng gió,
Biến tâm yên, trăng tỏ thường soi;
Sáu căn, bỏ trống cửa ngoài,
Tình duyên theo cảnh, lạc loài cô đơn.
Chủ được tâm chi hơn giữa ý,
Ngăn lòng tà, sớm chỉ niệm sanh;
Nói theo chơn tánh trọn lành,
Vượt qua thiện ác, không tranh không cầu.
Thiên mạng là nguồn đầu căn bản,
Lấp Kiên Khôn vô hạn vô biên;
Trong ngoài, trên khắp diệu huyền,
Thấm nhuần tất cả tự nhiên khó lường.
Yếu chỉ của Âm Dương tánh mạng,
Biết được rồi nghiệp đoạn vô sanh;*

Ở đâu? Trọn có nơi mình,
 Trời người một thể, tướng danh dị đồng.
 Noi theo tánh huyền thông Pháp đạo,
 Đạo luyện tu gỡ tháo trần duyên;
 Lòng ta thanh thoát ổn yên,
 Nương theo giáo pháp, trực truyền thánh công.
 Giáo pháp tạo lấy lòng sùng tín,
 Rèn đức tin nung chín ý thành;
 Chơn tri thấu rõ cội nhânh,
 Cửa mâu dẫn nhập thực hành vô vi.

THI

Đạo pháp không sao tả rõ ràng,
 Mong người lãnh hội thấu cơ quan;
 Chỉ phương tu chứng, thông mâu nhiệm,
 Đâu để đem ra để luận bàn.

III. TIẾT THỨ BA

THƯỢNG ĐẾ HỮU VÔ

MỤC 1:**Thượng Đế Hữu Thể**

Máy tạo huyền vi khó nổi tường,
 Sanh thành biến hóa, lẽ Âm Dương,
 Thiên sai vạn biệt, không sao thấu,
 Nhận được Chơn tâm, thấy tận tường.

Đạo học Đông phương từ ngàn xưa được các bậc Thánh triết lần lược phát minh thành một hệ thống chặt chẽ, ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian. Loài người coi đó là một sự sống của linh hồn. Nền tảng ấy mỗi ngày được xây đắp vững chắc, làm chỗ ỷ nương, đầu đầy cộng đồng trong cuộc sống, để thực thi cái địa vị nhân bản, hầu đạt đến chỗ tương xứng của mình, cùng sánh với Tam tài chi đạo.

Song gần đây, trào lưu biến chuyển, thời thế đổi thay, lòng người không chủ được tình thức, bảo thủ được cái cố hữu của mình, phải vật chất cám dỗ, hoàn cảnh kéo lôi, nên chơn lý vì đó mà bị lu mờ. Nhà giáo dục xu thời, kẻ cầm quyền nhu nhược, Tôn giáo học thuyết tranh biện lung tung, không có bậc chánh chơn thực chứng chơn truyền đạo pháp, mà ngày một trở nên đen tối, loạn cuồng. Nhơn loại sống uế oải khốn cùng vì nạn áo cơm, vì chiến tranh khói lửa gây cuộc máu xương, vì họa phái phe giai cấp, vì nhiều nổi lằm

than thống khổ do xã hội gây nên. Cả một sự kinh khủng làm cho lòng người phai lạc với lẽ phải, với niềm tin.

Song mỗi lần có một sự loạn ly đem lại cho xã hội loài người, thì lại có không biết bao nhiêu ý tưởng manh ma xướng xuất đưa ra nhiều giải pháp ngăn chặn, hàn gắn, bổ cứu cách nọ cách kia. Nhưng thực tế đâu phải bằng sức mạnh, bằng khí cụ tân kỳ mà dàn xếp được yên ổn.

Loài người đã đánh mất lương tâm, đánh lạc con đường Đạo pháp chối bỏ lẽ phải và quyền lực ở Trời, thì làm sao quân bình được giữa bao nhiêu mâu thuẫn đối thủ, lửa dục vọng bùng cao lan rộng, thiêu cả thế giới, không thể đem nước bốn biển mà dập tắt dễ dàng, vì lửa ấy phát sanh gốc ở nơi lòng người mà phun ra. Trước hết phải tìm được chỗ khởi sanh, mới mong dẹp nổi cuộc hỏa hoạn ngày nay. Lửa ấy phải chăng là lửa phiền não gốc nơi vô minh, mà gây nên một cuộc thiêu rụi lan tràn trên thế giới.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM hướng dẫn cho loài người lấy dòng nước thanh lương, nơi ao nguyên thủy, mà hạ tắt lửa dữ ở lòng người, thì tức khắc phải tiêu, nhưn sanh mới thoát khỏi họa tai của đời mạt pháp. Ấy là khơi lại nguồn Đạo Học qua những hệ thống của Khổng Mạnh, Lão Trang tại Trung Hoa và Phật Đà nơi Ấn Độ.

Nền Đạo Học về Đông phương trải qua những thời đại Thuấn, Nghiêu, Vũ, Thang, Văn, Võ, nên người ta sống một cuộc đời thanh thú tự do. Trên kẻ cầm quyền là bậc phối Thiên, tâm đồng với Đạo, ân đức khắp tràn ra bốn cõi, nhưn dân gọi ơn giáo hóa,

lòng được yên vui, hòa nhịp theo khúc nhạc chuyển tấu của bốn mùa, nhịp nhàng với khí độ Âm Dương giáng thẳng trầm bổng. Đạo sống tuy nằm trong vũ trụ thời không, mà tâm các bậc Thánh quân, của kẻ sĩ người hiền rất thanh thoát, thung dung, không bị gọng kềm Âm Dương dịch sử, mà họ còn khiến được nhưn dân, chế ngự được khí hóa, đem lẽ tiêu trường áp dụng vào việc xử thế làm người. Đạo ấy ta gọi là hệ thống nhập thế của Khổng Mạnh, qua các kinh truyện còn lưu lại cho đời.

Hôm nay, ta cần xác định con đường nhập thế nó ra làm sao, mà có kẻ cho là thấp thỏi, nhưn đạo không thoát khỏi phạm phu, nhưng dầu sao, bước đường đi phải trải qua những đoạn gần, mới đến đoạn xa, không lẽ nhảy vọt một bước đến ngay nơi cứu cánh. Đạo Khổng Mạnh đã xây dựng một xã hội loài người sống trong sự yêu thương, trật tự, theo lẽ dịch hóa của Đạo Trời. Đã có loài người phải có một quốc gia, một tổ chức quốc gia trong sự sinh hoạt chung lộn giữa nhau. Nhưn loại chưa để đồng đều giác ngộ, thì làm người phải ăn ở sống còn đúng đạo của nó là thực hiện nhưn cách, nhưn vị của người quân tử theo đạo Trung dung, chẳng dễ đạt đến nhưn bản tối thượng ấy sao?

Phần trên đã nói về Vũ trụ và nhưn sanh. Nhưn sanh tức là Nhân bản còn người được xưng đáng cái danh con người, là đã đồng hàng cùng Trời Đất.

- Tại sao con người lại được cái giá trị cao cả tối thượng như Đất như Trời?

- Là vì người được đồng cùng Trời Đất một thể tánh. Nếu khi con người thực hiện đến đó rồi, thì

quyền năng biến hóa nào khác chi Trời Đất đâu?

Vậy ta thử lấy một vài câu trong sách Trung Dung để xác định giá trị con người. Đầu bài đã thấy hai chữ Trung Dung là một tôn chỉ bao hàm sâu xa màu nhiệm. Không ngửa nghiêng chênh lệch là Trung, không biến cải đổi thay là Dung. Trung là đạo chính đáng của thiên hạ, Dung là sự định lý vững chắc của thiên hạ. Đó phải chăng gồm cả thiên đạo hơn sự, xác định một địa vị cao cả của con người?

Ta lần lượt đi vào nội dung ý nghĩa bên trong. Lời của Thầy Tử Tư đã nêu lên mấy câu rất chính xác, bao hàm cả hai phương diện bất dịch và biến dịch: *"Thiên mạng chi vị tánh, suất lánh chi vị đạo. Tu đạo chi vị giáo."*

Tánh Thiên mạng: Thiên mạng là gì, mà đức Khổng Tử là bậc Thánh sư, đến 50 tuổi mới biết được mạng Trời? Ngài nói: *"Không biết được mạng Trời, chưa xứng làm người quân tử"*. Mạng Trời mà bậc Thánh sư còn chưa thể nói ra được, và khi biết được, phải đợi đến lúc tuổi già.

Ôi? Vĩ đại thay cái nguyên lý thường tại, toàn trí, toàn năng, sáng hóa và điều hành Vũ trụ, Cha Chúa của muôn loài!

Ngài là Thượng Đế ngự trị ở lòng ta, ở trước, ở sau, ở bên tả, bên hữu, ở trên cao vút chín tầng không, ở tận tột chỗ sâu cùng.

Ngài ở chung trong mọi loài, bâng bạc khắp nơi; nhỏ không chi trong, lớn không chi ngoài; không thể lấy tai mắt ý thức được Ngài.

Ngài là Thiên Lý lưu hành, Ngài cũng là Mạng Trời, Mạng ấy có một quyền năng định đoạt tất cả

quyền pháp tối linh.

Mạng ấy đã chia xẻ cho vạn hữu chúng sanh, nhất là loài người được kết hợp với khí Âm Dương Ngũ hành, vô cùng ẩn áo, được tánh Trời ban cho.

Tánh ấy là mạng. Mạng, tánh là một nguyên lý bất biến vô sanh, thường hằng tự hữu, đồng một bản thể như không khí ngoài trời và không khí trong ve.

Tánh ấy làm nền tảng thâm sâu ở tận bên trong ý thức của con người.

Thượng Đế là chủ vũ trụ Kiền Khôn, thì bản tánh chính là Thượng Đế ngự trị tự nơi lòng mình, điều hành cơ cấu, sử dịch vũ trụ bản thân.

Câu này cũng chưa xong, chờ đàn tôi giải tiếp. Chương này về mục này là Thượng Đế hữu thể. Mục sau là Thượng Đế vô thể. Về phương Đạo Học Lão, Trang, các hiền gắng công theo dõi. Phải trải qua nhiều đàn mới xong, về phần luyện tu thực hiện Chơn tâm, diệt trừ vọng tưởng.

MỤC 2:

Thượng Đế Vô Thể

A. KINH VĂN

Bao la Trời Đất thấy gì đâu?

Lông lộng xanh xanh, chỉ một bầu;

U ẩn thần cơ, đâu thấy đủ,

Dinh, hư, tiêu, trường, sẵn cơ mâu.

Thượng Đế mà xưa nay hầu hết hơn loại, dầu là văn minh hay dã man, ai cũng tin tưởng: Vũ trụ bởi Ngài tạo nên, quyền sống bởi Ngài ban cho, mọi sự mọi

việc bởi Ngài chủ trương điều khiển, được thua, còn mất bởi ý Ngài đã sắp sẵn từ lâu. Cuộc đại hóa trong thời gian không gian rất màu nhiệm: Một hành vi, một ý niệm, dầu che dấu đến đâu, kín đáo thế nào, cũng không sao qua được con mắt thần diệu của Ngài, nên người ta lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, kính thờ và vâng theo điều thiện; ngôn ngữ, cử chỉ cũng nhịp nhàng theo tiết độ của bốn mùa, không ai cưỡng được lẽ Trời. Quyền pháp tối linh ấy, ân oai rất rõ rệt.

Đức Thánh sư như Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử đều tin có mạng Trời. Sự hưng vong đắc thất cho một nước, một nhà chỉ đến việc cá nhân con người đều do bàn tay định đoạt của Ngài tất cả. Các vĩ nhân hiền Thánh cũng đều nhận có Trời can thiệp, song không phải ù lì chờ sự số mạng an bài, mà phải làm hết khả năng bốn phận của mình. Tuy không cải được mạng do tự thân, mà còn làm cho mạng Trời sáng soi để thành tựu cho loài người. Mới biết: *"Thiên mạng bất vu thường, thiện dã đắc chi, bất thiện dã thất chi"*. Ôi! Chỉ có kẻ ngông cuồng, với một vài kinh nghiệm, mới coi Trời bằng vung, nhìn Trời qua đám vô thần không ý thức?

Mạng là cái gì thiêng liêng thần bí; dầu cho Thánh trí cũng không sao thấu được hết sự màu nhiệm, khó lòng khám phá cho được. Sự đến sự đi, thấy một cách rõ rệt hiện ra; mỗi lúc nước hưng thì dân thiện, có minh quân lương tướng xuất sinh; nước bại dần dần dưới trên hôn mê họa hoạn. Chỉ đến một người khả năng tài đức cũng đành như đức Khổng sanh chẳng phùng thời; cũng lắm kẻ trí thấp tài thua, lại được thành công trọng dụng, vì ai biết lẽ gì?

Mạng đó là Lý, tổng nhiếp Vũ trụ muôn loài. Mạng ở nơi người là Tánh. Tánh khác với Mạng ở giữa lý khí. Sở dĩ do khí tạo nên hình.

"Hình nhi thượng giả vi chi Đạo". Đạo thì hồn nhiên thanh tịnh vô đối, toàn thiện toàn Chơn. Ấy là mạng **"Hình nhi hạ giả vi chi khí"**. Khí là sau lúc Trời Đất định hình, Âm Dương phân hóa mà tạo nên vạn hữu chúng sanh. Tánh ở trong hình. Hình có ra là do khí. Khí ấy gốc ở Âm Dương. Bản chất Âm Dương có cương nhu, động tịnh. Tánh cùng với khí tương thành.

Xét qua bản tánh con người, mà xưa nay không biết bao nhiêu luận thuyết xác nhận thế nọ thế kia. Tánh là thiện như Mạnh Tử, tánh là ác như Tuân Tử và trăm ngàn học giả nói đủ thứ: Nào là thiện ác hỗn hợp, hoặc siêu thiện ác chi tánh... Khổng Tử, Mặc Tử lại không nói lên thiện hay ác như thế nào, mà đức Thánh Khổng chỉ nói gọn có một câu là: *"Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã"*. Cũng như Mặc Tử trông thấy kẻ nhuộm tơ mà than: *"Tơ nhúng vào màu nào thì ăn theo màu đó"*.

Ý hai bậc đại hiền muốn nói: Tánh là hồn nhiên vô thiện ác, mà hồn nhiên vô thiện ác là chí thiện, đồng thể với Thiên lý, Đạo Trời. Sở dĩ có thiện ác là do tình, do khí chất tạo nên. Tình ấy được thể trung, hợp lẽ thì hóa thiện; bằng trái đạo, thiên tà thì là ác.

Thiện, ác không phải không có trong tự tánh hay sao? Đã nói tự tánh bởi hồn nhiên thiên đạo, vượt khỏi lẽ đối đãi của thế giới hữu hình. Xét câu: *"Thành giả vi chi tánh"*, là tánh có sẵn lẽ toàn thiện toàn bích, tối linh, thật tánh tương chơn như, khỏi cần để tay ma

luyện, mới trở nên sáng soi trong trắng. Song tánh ấy kẹt trong người, bị khí chất bao vây, luôn luôn bị dịch hóa của Âm Dương, mà sóng tình biến dục không giờ phút nào yên lặng.

Nhưng Âm Dương khí ấy không phải hoàn toàn bất thiện. Có nó vạn vật mới tồn sanh viên hoạt, tiến thăng hoàn thành, ấy là phục mạng. Người sở dĩ được Âm Dương khí chất hỗ tương cho tánh thể, mà hiện ra ý chí cương nghị, thẳng đạt Chơn lý, tỏ ra khí tiết anh minh. Cũng có lúc hiện thấy tánh trầm thuận ôn thuận, mà hòa giải mọi khó khăn, cũng có lúc khí thể trung bình, mà kết được tinh ba huyền thông cùng vũ trụ.

Tánh vốn hồn nhiên, thanh tịnh, trong sáng, nhưng khí lại hay dịch hóa, biến động, dời dạc vô cùng. Tuy hai bên trái phải, nhưng không hề cách tuyệt nhau, khác chi nước với sóng, thần cõi khí, khí nương thần mà vũ trụ tồn sanh, Kiền Khôn an định. Thế cho nên đạo suất tánh đã được thể hiện, chơn lý dung thông, Trời người đồng thể.

Suất tánh là thấu triệt chỗ căn nguyên chơn tướng hiện hữu trong mọi trạng thái, thuận theo Chơn lý mà hiện phát thể tâm. Tâm ấy kiêm cai tổng nhiếp: Thiên, nhơn, phàm, Thánh. Đó là Đạo

Tại sao gọi là Đạo?

Đây có phải câu: "*Nhứt Âm nhứt Dương chi vị Đạo*" không? Mà Âm Dương đã xuất hiện, thì Trời Đất được dựng nên, Vũ trụ muôn loài do đó mà định hình, lập nền chuẩn tắc. Nên câu: "*Suất tánh chi vị Đạo*" ở sách Trung Dung cho ta một quy luật căn bản, là nơi giữ đúng với tánh bản nhiên Trời phú ở mình,

luôn luôn bám chặt không rời, triển khai cho hết lẽ tinh túy tuyệt vời, triệt để tuân theo đường lối tự nhiên trác dịch nhiệm màu của nó, mà phát huy cùng tốt, để áp dụng vào sự thể đương nhiên, hầu hoàn tất sứ mạng của nó đến mức khế đồng, ăn khớp giữa Trời Đất, muôn vật đồng nhất bất phân, đến với chơn thiện mỹ miều, thành ngôi đại giác là bước cùng của con đường cứu cánh giải thoát. Muốn đạt đến địa vị hoàn hảo kia, phải áp dụng một công phu tu dưỡng học tập vững chắc, bằng niềm tin xây dựng con người mẫu mực, chưa dễ bằng sự biết qua loa, việc làm cầu thả. Mà phải gắn bó giữa mình và Đạo bằng một đức tin mãnh liệt, thể hiện sự học hỏi tập rèn, trên công phu tiến đức tu nghiệp. Đức được sáng tỏ không gì ngăn ngại nó nổi, nghiệp được đầy đầy ban bủa rộng khắp muôn loài, hiểu biết sâu rộng tận cùng là cho đến mực thâm vi, không thiếu sót.

Phân tiến đức tu nghiệp là một sự thành kỷ thành nhơn của người quân tử, luôn luôn phản tỉnh nội cầu, tận tâm thể Đạo. Nếu không phản tỉnh nội cầu, thì không suất được lánh, không khai triển con tâm màu nhiệm, làm sao thấu được thiên mạng bản căn, không lấy công phu thể Đạo, đặt mình đồng nhất với tự tánh, làm gì có được lương tri rọi thấu chỗ u khuất tình lý của muôn loài, thì Đạo ấy, Tâm ấy, làm sao hiện bày để tài thành cho Tạo Hóa? Đạo ấy được hiện, Tâm ấy được thông suốt thì mới chủ được khí, mới ngự được tình, mới ngăn được dục, hầu đem chúng lại chỗ Trung nhứt, nghĩa là quân bình hai thể Âm Dương, kết thành một khí xung hòa. Đó là bước tu đã đến tận cùng, đơn thành quả trọn.

Đạo ấy đã trọn nơi mình, mình đã điều khiển được Âm Dương khí hóa, trùng khớp với cơ Trời, khiến được tình lòng ý muốn, đúng theo nhịp độ của bốn mùa, năm hành, tám tiết, luôn luôn hợp thể cùng vận khí chuyển biến của lẽ Trời thì bây giờ nên đem cái đạo ấy sáp nhập cùng nhưn loại bốn phương, ai nấy cũng được thành hiện chơn tâm, triển khai đạo thể, đồng nhất cùng bản thể vũ trụ, đốn tận gốc vô minh, quét sạch phàm mê phiền não. Đó là bước sang giai đoạn thứ nhì vừa giúp cùng Trời Đất, hoàn thành cuộc Tạo Hóa, gọi là *"Tu đạo chi vị giáo"*.

Thế là mở mang truyền bá đạo trời, tình ngộ nhưn thể quần sanh, gắn bó giữa nhau một sự sống, một tình thương, một niềm tin trên lẽ thật, dưới hình thức một giáo hội nung đúc lòng người bằng nhiều phương tiện dạy dỗ, hướng dẫn đi đến chỗ nguyên sơ. Ai nấy cũng nhận được bản thể tự có Vũ trụ vạn vật sẵn ở trong mình. Khi mà người giác ngộ được bản căn tự hữu, là người ấy đã mở được cánh cửa thông đồng tiếp nối liên quan giữa vũ trụ Đất Trời, không còn ngăn cách. Tựa hồ như mình bấm trúng nút của cơ bí mật, làm cho Trời Đất sáng tỏ huy hoàng, lòng mình lâng lâng minh mẫn, chẳng khác chi trong nhà tối tìm ra nút điện, bật lên đèn cháy, vệt hết tối tăm.

Đạo suất tánh của Nho cũng như đạo kiến tánh của Phật, phải nhờ một công phu phản tỉnh nội cầu, quay ngược chủ quan vào trong, chuyên nhứt một điểm, dẹp hết tư lự vọng tà, nghiêm chỉnh thân tâm, dăm dăm như mèo rình chuột, không chút lãng quên. Nếu bởi một cơ nào xao động, thì chuột đã thoát ra

khỏi hang chạy mất; đầu có nhìn cũng là nhìn hang không. Nên Thánh nhưn xưa đặt mình trong cảnh *"giới cụ, thận độc"*, lấy kính thành làm công phu, nghĩa là phải luôn luôn e dè cẩn thận khi hành trụ tọa ngọa, chuyên nhứt ngó thẳng vào chơn tâm (trực chỉ chơn tâm). Phải thành thật với chính mình, ngày một ngày hai.

Khi được lương tri phát hiện, đó là men tới cội nguồn. Nếu tuệ đức ấy chưa hiện, tự tánh chưa thấy được, thì hành động của mình dầu trên phương diện nào cũng là vọng thức mà thôi! Mà muốn thành công cho đắc pháp, không ngoài sự thanh tịnh nhất tâm, trở về nét thuận của Khôn, lặng lẽ không một mảy hào nghiêng ngã, thì tự thấy một Dương chấn động phục lại.

Mà phục đó là một điểm thử giác của tánh Bát Nhã viên dung: Khi ấy lòng mình không cần chế niệm mà tà niệm cũng không sanh, không đợi đoạn dục diệt tình mà dục tình cũng chẳng đâu ra được. Lúc này thung dung mà trúng đạo, chẳng gì khó khăn, cứ yên vui chuyên nhứt, phát triển cho tuệ giác mỗi lúc mỗi hiện bày. Khi tận được tánh, hiện được tâm thì vũ trụ muôn loài thấy như ở nơi bàn tay. Thật là câu *"Kiến tánh thành đạo"* không sai! Dầu lúc này niệm có khởi thì cũng là chánh niệm, tình có sanh, tình ấy bao la đúng Đạo, khế hợp cơ trời, dục dẫu móng lên thì dục này háo đức lạc thiện, an hòa vũ trụ.

Tóm lại, đạo Trung Dung là Đạo lớn của Trời Đất vạn vật, cốt dạy người làm Thánh làm Hiền. Trước hết, các bậc ưu thế mẫn thời muốn thi thố một việc nào để cứu nhưn độ thế, cũng phải tìm cầu cho được

gốc lớn của thiên hạ là đạo Trung. Đạo Trung chính có nơi thân mình. Nếu Trung ấy được hiện bày, thì làm được Thánh nhơn, suốt lẽ Đất Trời muôn vật. Trung ấy căn cốt của mọi sự mọi việc, nên ở đâu, hay lúc nào, cũng trúng Đạo. Dem áp dụng vào đời, thì hành mọi việc không đâu chẳng nhờ cậy đẹp cả ý người lòng Trời, đầy đầy sự sống, lẽ thật hiện ra.

Muốn chứng ngộ đạo Trung, không ngoài sự chánh tâm thành ý. Chuyên nhứt ở đạo Trung, thì Trung cho thấy quyền năng phép lạ. Trung không nghĩa quân bình mà thôi, Trung là cho ta thấy một sự rộng lớn bao hàm ở đâu và lúc nào cũng giữ được điểm then chốt làm căn bản cho Trời Đất muôn loài.

Hễ thấy được cái Trung, dầu ở địa vị nào, nó cũng hoàn toàn chơn thiện như quả Kiền có sáu hào đều có cái Trung của nó. Nên người quân tử đặt mình ở đâu cũng đều hợp Đạo, mà khó là ở công phu suốt tánh. Tu Đạo nên biết phần khí cũng là một sự quan trọng làm sao khi Đạo Trung khởi động, giữ sao đừng để cho nghiêng ngã vào đường tà. Nếu khi đã sa vào lưỡng cực Âm Dương, thì phải đem lại ở điểm hòa đó. Đó là Kim đơn Hoàng Cực thuộc về tu Khí.

Hoàng Cực là điểm chí linh chí yếu trong đạo Trung. Nhờ giữ đúng cái tâm thuật chấp hành quyền pháp, mà lòng Trời thuận theo, ý dân qui về một mối, nên bốn biển đều được thái bình, thiên hạ chung sống trong cảnh ấm no hạnh phúc. Về sau vương đạo mất, bá đạo tranh hùng gây nên hoạn họa cho bá tánh lầm than, là vì kẻ cầm quyền không chấp được Trung, rời ngôi Hoàng Cực.

Mà Hoàng Cực là thế nào?

Có phải trung điểm của Kiền Khôn, đầu mối vạn thù, Âm Dương hội tụ, mà là tánh mạng của vạn dân. Quyền pháp đó còn, thì không cần khó nhọc mà cũng được trị bình. Nếu đã mất đi, dầu mòn trán, lỏng gối, vất vả khó khăn, cũng không sao thấy ngày hạnh phúc.

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Trung Dung yếu lý đạo Nho tông,
Nhứt dĩ quán chi, hoạch đại đồng,
Tánh mạng tận kỳ siêu vạn pháp,
Huyền quan nhứt điểm đạt huyền công.*

BÀI

*Trông vào đời, đời hư đời loạn,
Họa phái phe, bè đảng phân tranh;
Kỷ cương phong hóa tan tành,
Đạn bom khói lửa, máu tanh ngập trời.
Thâm nổi cảnh chia đôi đất nước,
Thương những ai xuôi ngược lầm than;
Sống say trong giấc mộng tràng,
Thỏa thể xác thịt, nào màng khen chê.
Tình tiền đã làm mê tâm trí,
Lợi danh quên giá trị con người;
Gái xuân bán rẻ cuộc đời,
Cao bồi du đảng ăn chơi ngông cuồng.
Hầu như đám con buôn mọi mặt,*

Dầu cơ đồ giá đất cũng trao;
 Sá chi Tổ quốc, đồng bào,
 Bạc vàng đút nhét, việc nào cũng xong.
 Ôi thâm cảnh đời phong bại tục,
 Xúm hùa nhau nước đục béo cò;
 Giữa hồi đen tối gay go,
 Dễ chi lấy thước mà đo lòng người.
 Ai là kẻ thương đời mền đạo?
 Ai là người hoài bão sâu xa?
 Ai vừa tỉnh giấc Nam kha?
 Lẽ nào xao nhãng bỏ qua cho đành.
 Há nữ lòng ngồi khoanh tay lại,
 Phải tìm phương hoán cải sửa đường;
 Phật, Tiên, Thần, Thánh xót thương,
 Chỉ Nam Đạo Học mấy chương dạy bày.
 Tỉnh thức người mau quày chơn lại,
 Chạy theo đời thất bại khổ đau;
 Lo tu cứu vớt đồng bào,
 Cải tà qui chánh mà vào Long Hoa.
 Sứ mạng đã truyền ra khắp chỗ,
 Mở đạo Huỳnh, tận độ quân sanh;
 Khuyên ai bỏ dũ về lành,
 Thanh bình tái lạo, Trời dành thường ban.
 Tam kỳ hội Nhơn Hoàng xuất hiện.
 Người trở nên Thánh thiện hiền minh;
 Bốn phương cộng hưởng thái bình.
 Phối thiên quyền nhất, pháp linh dạy rằng:
 Muốn chứng Đạo, qui căn phục mạng,
 Rõ quyền năng hơn bản triển khai,
 Tu tâm dưỡng tánh cho tây,
 Đạt cơ tận thức không ngoài Trung Dung.

Trung gốc lớn vô cùng thiên hạ,
 Vững không hề nghiêng ngã đổi thay,
 Dung theo định lý an bài,
 Kiến cơ nhi tác, vãng lai tùy thời.
 Tánh thiên mạng người người có đủ,
 Vốn thuần chơn, thường trụ thường minh;
 Cho hay hơn tánh có tình,
 Tình duyên ngoại vật, vô minh phủ mờ.
 Suất được tánh, tri cơ thấy Đạo,
 Tu Đạo nương lấy giáo làm nhân;
 Rõ phương xuất hóa nhập thần,
 Con đường mình đức tâm dân trọn lành.
 Tu đạo gốc chí thành chuyên nhất,
 Thành tắc mình, minh tức là thành;
 Noi theo Tánh Đạo nơi mình,
 Tri hành đúng khớp, tâm tình rỗng rang
 Thấy được tánh, hồi quang phản chiếu,
 Rõ được tâm, minh liễu càng sâu;
 Quán thân phân tỉnh nội cầu,
 Khải minh, Lý thể nhiệm màu bao la.
 Chính Thiên lý cũng là hơn lý,
 Dầu muôn tâm, hoàn chỉ nhất tâm;
 Vô minh nên mới lỗi lầm,
 Vết mây tỏ lộ trắng rằm sáng soi.
 Đám mù xúm rờ voi cũi cọ,
 Mất mở rồi, thấy rõ toàn thân;
 Mới hay thì giác, giác phân,
 Đến khi cứu cánh, diệu chân tinh thuần.

MỤC 3:
Hoàng Cực Đại Trung

THI

*Đất Trời muôn vật bởi đâu ra?
 Đứng vững do Trung, có bởi hòa.
 Biến dịch Âm Dương cơ vãng phục,
 Tâm thành chi lập, Đạo không xa.*

Pho sách Trung Dung là một yếu lý cao siêu của Nho tông, dạy người làm Hiền làm Thánh; bí quyết nằm gọn trong hai chữ "*Tánh mạng*". Chúng đạo đến đó thì cùng Trời Đất vạn vật đồng một thể, tham tán Thiên Địa Tạo Hóa, mà hoàn thành cho vũ trụ vạn hữu. Nhân vị con người đến đó mới trọn xứng câu tam tài đồng nhất thể. Mà có trực nhập Chơn tâm mới tận kỳ tánh, mà tri thiên phục mạng. Tận kỳ Tánh thì suốt được sự lý trong thiên hạ.

Vũ trụ bao la, Âm Dương thần diệu mạc trác thế nào, cũng nằm trong gang tấc. Muốn dịch sử cuộc biến hóa, tưởng cũng chẳng khó nào, là vì mình chẳng được Đạo Trung. Mà Trung là thể, chủ gốc nguồn điều lý quân bình, nằm trong muôn sự muôn vật. Tu chúng được Trung thì Đạo tánh mạng hiển hiện, cùng với Trời Đất không hai.

Tận được tánh, thấu được mạng, hoàn phục đạo Trung không ngoài sự phát triển đức "*Thành*". Thành là mấu chốt đạt đạo. **Thành** thì **minh**, **minh** tức **thành**. Minh thành gốc là dẹp sạch lòng tư dục, chơn thật lòng mình, không để ngoại vật che mờ, thì tuệ tâm chói lợi. Thành minh là thuần nhất Thiên lý chi tâm.

Tâm ấy rất huyền diệu, viên mãn, không cần tu

chúng, không cần luyện mới thành, chẳng đợi giúp đỡ mới nên, không đợi gia thêm mới đủ, mà nó sẵn có, còn hoài; dầu ở Thánh không tăng, ở phàm không giảm. Nhưng nó nằm trong khí chất, phần lớn do tư dục, tâm tà ngăn lấp. Như vàng trắng bị đám mây che phủ, mà ánh diệu quang không hiện phát khắp mười phương, nên đức thành là tròn sáng trọn vẹn, phải nhờ có đức minh, để phá dẹp lòng tư dục ngoại tà, cho trắng chơn tâm hiển hiện.

Minh thành là hình nhi hạ, tu khí để đạt đến Đạo, bằng chế ngự Âm Dương, quân bình Thiên Địa, bảo hợp Thái Hòa, nên hai chữ "*minh thành*" tương tự như hai chữ "*minh lý*", mà minh lý là gì, đã giải trong tập "*Minh Lý Chơn giải*".

Hôm nay, đến mục "**Hoàng Cực Đại Trung**", cũng mượn hai chữ minh lý làm công cụ dọn đường, để dẫn nhập đến ngôi cứu cánh là đại trung.

Trung là một thể hồn nhiên thanh tịnh, là nòng cốt cho tất cả Trời đất tuy bao la, vạn vật đủ loại, vô cùng phức tạp, Âm Dương có đổi thay, biến hóa muôn hình vạn trạng thần diệu cách nào, hay vật bé nhỏ như mây bụi đầu lông, thời gian có chớp nháng từng một sát na, cũng không thể tách rời Đạo Trung. Mà có như thế, được như thế, Trung trùm khắp vũ trụ mành sông, vẫn không còn của bất cứ một hình tượng nào, một di động móng khởi nào, nên nói: Trung là nòng cốt, là vĩ đại.

Người theo đạo Trung không có nghĩa trung lập, mà phải đạt cho được "*thời*", chúng cho được "*vi*", thì ở đâu và lúc nào cũng khế hợp với chơn tâm và thiên lý. Trung đây có thể nói là một định luật điều lý

nguyên ủy, nằm trong vạn sự vạn vật, không một thế lực nào ngăn cản, hay đi ngược nó được. Trung có thể là một luật tắc, một cái gì mâu nhiệm điều khiển vũ trụ Kiên Khôn.

Trí hữu hạn con người không sao thấy biết được, đầu Thánh cũng khó lường. Phải chăng lẽ mâu nhiệm kia quá sức khó hình dung miêu tả? Nhưng Thánh nhơn cũng ý thức được lòng người, ngấm ngấm tự tin sự kỳ diệu bằng bạc khắp trời đất và tiềm ẩn ở nơi lòng muôn vật, ở nơi sự chuyển vận mà tuần tự nhịp nhàng.

Có thể nói Trung cũng là Đạo, cũng là Thần, cũng là Vô cực, cũng là Chơn tâm. Chính sự ngấm ngấm trong lý ấy chẳng? Muốn đạt lý ấy, phải chứng cho được động cơ Tạo Hóa, là ngôi Thái cực và hai thể Âm Dương.

Thái cực hay Thượng Đế chủ tế vũ trụ muôn loài, điều hành Âm Dương mà Tạo Hóa. Âm Dương là cơ tụ tán vãng lai, dịch di biến hóa, thần diệu mạc trắc khôn lường. Lễ phản phục của Đạo Trời, hiển vi vô gián, khi đối lập, khi dung hòa, tương giao để tồn tại sanh thành khắc chế để biến thông, chuyển dịch thuận nghịch hai đường, giáng thăng tiêu trưởng trong một đồ biểu Bát quái Trung cung:

- Tốn, Khảm, Cấn, Khôn: Âm trưởng Dương tiêu hưởng ngoại.

- Kiên, Đoài, Ly, Chấn: Âm tiêu Dương trưởng hưởng nội, phục mạng qui căn.

Đường phục mạng qui căn theo đường nhứt Dương sơ phục mà trở về với Chơn tâm Kiên Đạo, lòng được sáng trong, lấy Dương chế Âm để hoàn

phản trở về ngôi Thái nhứt. Mà muốn đạt ngôi Thái nhứt, phải thấu rõ Đạo ở chỗ Hoàng Cực qui trung.

- Hoàng Cực là gì?

- Là chủ tế của Âm Dương, bảo hợp được lưỡng thể cương nhu, điều nhiếp không còn có trong ngoài. Ấy là **Huyền quan nhứt khí**. Để rõ ràng tu học pháp môn liễu tâm nhất quán, thì tạm mượn chữ Minh là nơi lập địa tu hành. Chữ Minh đây là chữ trong câu "*Nhứt Nguyệt hợp kỳ Minh*".

- Hiệp tụ được Âm Dương, quân bình được tâm địa, thì phải làm sao?

- Chữ Minh đã tượng hình Nhứt Nguyệt là một cửa tổng trì. Nếu kẻ hành giả thấu thị được cơ mâu nhiệm này, có thể bỏ phàm vào Thánh, giải thoát khỏi trần phiền, thung dung hưởng phước trường sanh, độ người ra khỏi vòng sanh tử luân hồi, cộng hưởng thanh bình cùng đất nước.

Sự sống không gì cần bằng nước với lửa. Nước lửa là căn bản của vũ trụ và nhơn sanh, muốn tồn tại không thể nào thiếu nó mà yên vững sống còn. Nước, lửa là yếu tố của thời gian sanh thành biến hóa, làm cho không gian an lập, hàn nhiệt vãng lai mà xuân, hạ, thu, đông nối nhau, vạn vật sanh sôi, Kiên Khôn hiện sắc. Nhưng nước lửa nếu không tương dung điều hợp mà xung trái loạn nghịch, thì cơ tiêu diệt sẽ phơi bày.

Vì vậy, Thánh nhơn hiểu được lẽ huyền bí của Âm Dương, sự vãng lai của Nhứt Nguyệt, mà dạy người ăn ở cho trúng cơ Trời. Nếu cướp được máy tạo huyền vi, thì việc đạt đến nội Thánh ngoại Vương cũng không là khó.

Phép tu Đạo trước là đắp lấy nền móng cho vững chắc. Nền móng là gốc trị tâm, phá dẹp vọng tà, quân bình nơi tâm địa. Tâm địa được quân bình, thì mọi việc đâu đấy cũng ổn định. Ổn định thì tâm tư sáng suốt, thân phận được lâu dài.

- Nhựt Nguyệt là chi? Là tâm thận ở nơi ta. Tâm là Ly hống, thận là Khảm diên. Khảm Ly cũng là huyền tần tổng trì môn. Nếu hai thể được dung hòa ký hợp, thì trí tuệ tự khai.

Hiên là Dương, Tấn là Âm. Âm Dương chính là Nhựt Nguyệt, mà Nhựt Nguyệt hiệp mới đặc kỳ minh. Muốn đặc minh, phải dùng phép tụ quan khai thiên mục: Hai mắt duy nhứt vào một điểm mi-tâm thì chơn khí không còn phóng tán, thần được yên, vọng thức khó sanh. Phép tụ quan là bước đầu của sơ cơ, để hồi quang phản chiếu vào Trung hình, đặt nhãn tạng vào đây thì hai khí nơi tâm thận viên nguyên (kết), Khảm Ly giao hội, thủy hỏa ký tế, long hổ qui châu.

Nhựt Nguyệt đã minh, thì khí trung hòa ngưng kết thành đơn. Đơn đây là thể hỗn nhứt không còn thấy được dạng hình của Nhựt Nguyệt, là minh đặc lý vậy. Minh đặc lý cũng như Khí kết cùng Thần, mà tánh mạng đã thành một khối gọi là Trung nhứt. Trung là thể của hòa. Hòa là ngôi Hoàng Cực. Hoàng Cực là tổng hợp của hai thể Âm Dương, Âm Dương hoàn thành một khí nguyên sơ (tất).

Hoàng Cực là một thể tổng hợp, con đường qui căn phục mạng, chứng nhận Chơn lý, là một pháp môn đốn ngộ, không ngoài hai chữ Minh lý. Minh lý là một bí quyết tối thượng, cái chìa khóa màu nhiệm

mở cửa bí mật cho nguyên căn, sớm đặng nhập Thánh siêu phàm. Pháp môn này từ ngàn xưa đến nay, chư Tổ, chư Thánh cũng đã bí quyết này mà đạt chứng quả vô lậu bồ đề. Tuy đơn thơ có chỗ ẩn chỗ bày, hoặc đặt nhiều tên, mượn nhiều ví dụ, kỳ trung không ngoài hai chữ thần khí, Âm Dương, tánh mạng...

Muốn được trường sanh, muốn thoát khỏi luân hồi sanh tử, đoạn dứt vòng xích nhơn duyên, cần biết tìm lại nguồn đầu, gốc sanh ra Trời Đất, người vật, nhận được bản lai diện mục của mình. Bản thể ấy diệu tịnh minh giác, hư thiệt linh thông, cố gì lanh quanh mãi trong vòng dịch hóa, mà kẹt giữa gọng kềm Âm Dương câu thúc, điên đảo mịt mù, chẳng thấy được tự thân. Nên mượn ĐẠO HỌC CHỈ NAM mà xét lại tìm cho ra manh mối, mà phăng về cội gốc nguyên sơ, bảo tồn tánh mạng

Nguyên sơ là lúc chưa có trời đất vũ trụ này, chỉ là một khí hư không ngưng kết thành một khối hồn nhiên, cực huyền, cực diệu. Khối ấy trong Vô cực hiện ra gọi là Thái cực. Tượng trưng Thái cực, Thánh nhơn mượn một vòng tròn, () gồm có điểm đen trắng. Đen trắng tượng hình Âm Dương. Âm Dương còn hồn nhứt trong đại thể ấy. Đại thể duy nhứt, bất phân là trung tâm, là chủng tử sanh thành gầy dựng Kiền Khôn vũ trụ sau này.

Trước khởi kỳ thi, chưa có một tượng hình động tịnh, nên gọi Tiên thiên. Ta có thể tạm mượn chữ Minh làm thể Thái cực. Chữ Nhựt Nguyệt còn hồn nhứt, gọi là Minh. Minh đây là viên minh Diệu giác, tự tánh Chơn như.

Khi Thái cực phân nghi, Âm Dương hiển hiện, thì Trời Đất được dựng nên, muôn loài sinh sôi nảy nở, đầy đầy trong vũ trụ là then chốt, biến hóa trong trời đất, có đóng có mở mà có tử có sanh, có giáng có thăng nên có siêu có đọa, hàn nhiệt vãng lai, ngày đêm thay đổi, lòng người ấm lạnh, hậu bạc không lường.

Tóm lại, cuộc dịch hóa nối tiếp triền miên bất định, luật biến thiên chẳng chút ngừng nghỉ. Đó là nhứt bốn tán vạn thù. Chũ dịch cũng là tượng thể Nhựt Nguyệt, nên chuyển biến vô cùng, muôn loài sống trong mờ mịt, biến động đổi thay, từ phút từ giờ, tất thấy đều nằm trong biến dịch, đần độn luân lưu, xô xát âm ỹ, nổi chìm trong dòng nước cuốn trôi.

Cảnh đời là thế, kẻ nhân người trí biết giác ngộ, tìm về nguồn đầu tự tánh của mình, cũng không bí quyết nào để hoàn nguyên nhập Thánh, ngoài cái chìa khóa Âm Dương hiệp thể, Nhựt Nguyệt thành Minh. Minh khởi thì là Minh Thái cực. Minh hoàn nguyên là Minh Hoàng Cực.

Hoàng Cực theo Cửu trù dựa đồ Lạc thư, vạch thành một Hiến chương quyền pháp, đặt sứ mạng cho họ chủ tế thay trời trị dân. Bốn biển muốn thanh bình, phải dưới trên nhất trí ở ngôi Trung, thì phúc lành được ban, chầy đến mười phương. Ôn Trời quyết ở nơi Hoàng Cực.

Hoàng Cực là Trung tâm, sự sống của thiên hạ, mẫu mực bảo vệ giá trị nhơn cách của vạn dân. Con người phối đồng Thiên Địa nhau rún là đó, tánh mạng ở đó, thường phạt nơi đó, mất còn do đó, trị loạn tại đó: Mọi việc đều ở đó.

Hoàng Cực là tối cao. Đó là nền móng chung, cửa thông công trong tam cực. Đó là trung tâm của một quốc gia để bảo đảm cuộc sống còn và đẩy bước nhơn sanh lên đàng chánh giác, hoàng thành thế đạo nhơn tâm, hưởng cơ thịnh trị. Tâm ấy là tâm của một đất nước, một thế giới, một hoàn cầu. Tâm đó là ngoại tâm.

Muốn đạt đến cơ tận thức, thành Chánh giác đại Thánh, đại Hiền phải thấy được cái Hoàng Cực ở tâm ta. Hoàng Cực nơi người là trung tâm màu nhiệm đồng thể cùng Trời Đất, đồng nhất với tâm của chư Tổ, chư Phật. Người nường đó mà chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt vô minh, thành ngôi đại giác.

Tâm ấy hầu như nhơn loại buông trôi ra ngoài cảnh giới, nên chưa thấy được tâm mình. Chỉ ai nấy cũng nhận quả tim (nhục đoàn tâm) rung chuyển, phát ra dòng suối tư tưởng ý niệm mà gọi là Tâm, không ngờ nhận lầm vọng thức giả tâm, rồi khư khư chấp nhứt, thật là sai lầm! Đó là gọi giặc làm con, nhận tớ làm thầy, bảo sao không kẹt mãi trong vô minh tội lỗi. Thế nên không nhận quả tim đó là Chơn tâm, thì cái gì mới thật là tâm Chơn như bình đẳng?

Cái tâm này không phải dễ được, dầu được cũng khó giữ, vì muốn giữ được chỉ có người giác ngộ buông bỏ danh lợi giả tạm, cầu được các Chơn thần đời đời. Tâm ấy giống như thể chũ Minh, một là Âm Dương hiệp nhứt. Tâm ấy gọi là Chơn tâm Diệu tịnh, bản lai, không phải ở trong hay ở ngoài, ở trên hay ở dưới. Đầu phải tại thận, đầu phải tại tim, mà nó là thể Khảm Ly phối ngẫu, thủy hỏa ký tế, diên hống hiệp

thành. Trên thận, dưới tâm, là một khiêu Huyền quan, thông đồng tam giới, một cửa Mồ kỷ lưỡng thổ thành khuê, một khí một thần giao cảm luyện ái nhau, kết nên Kim đơn diệu dược.

Lão Tử nói: *"Cốc thần bất tử, thị vi Huyền tấn. Huyền tấn chi môn, thị vi thiên địa chi căn"* (xem thêm phần Chú nghĩa ở cuối sách).

Cốc thần bất tử phải chăng là Chơn tâm màu nhiệm?

Huyền tấn là một Âm một Dương. Âm Dương đã hiệp nút thì tánh mạng chúng liễu không phải khó khăn, để lần lược đi sâu vào phương tu luyện về lưỡng bát chi huyền (xem thêm phần Chú nghĩa ở cuối sách), phanh luyện thành đơn, hống diên thống chế, chỉ quán lần lược chỉ bày.

Chư tu sĩ nên nhận kỹ cái Chơn tâm của Vũ trụ, là Thái cực Âm Dương hồn nút. Đó là đầu mối của Vũ trụ vạn vật, Thái cực là Chơn tâm đó, mọi người mọi vật đều có Thái cực. Nếu giữ được hai khí hoàn toàn, thì làm Phật làm Tiên. Còn hai khí đó tách rời ra, thì làm chúng sanh luân lưu trong lục Đạo, mà hai khí hiệp lại là Chơn tâm, phóng tán chi ly là vọng thức.

IV. TIẾT THỨ TƯ

PHƯƠNG MÔN TU LUYỆN

MỤC 1:

Tu Kim Đơn Là Hiệp Thần Khí, Nhựt Nguyệt

Tu luyện kim đơn Đại Đạo gốc ở Thần Khí. Thần Khí là tánh mạng. Tánh mạng phải song tu, thì con người mới trường sanh, chúng quả. Trường sanh đây không có nghĩa thuộc về thân thể hữu hình này, tồn tại mãi mãi như trời đất, vì hữu hình tất hữu hoại. Dầu sống lâu như Bàn Tổ, cũng chưa phải là chơn phúc của con người.

Những người tu luyện giữ được nguyên khí, thì không đến nỗi phải yếu vong, mà cuộc sống thể chất cũng được tráng kiện, hào hùng. Họ ngăn chặn phong hàn thử thấp xâm nhiễm, bá bệnh tiêu trừ, mà tâm trí cũng an vui, sáng suốt lạ thường, vượt ngoài kiếp nạn. Chẳng thế mà hình thần còn được cu diệu, chơn tánh siêu xuất ngoài tam giới, đồng cùng Trời Đất, không bị một định luật nào hay một nghiệp chương nào làm trở ngại, che lấp được tuệ mạng Diệu Tinh Chơn tâm.

Nếu tâm ấy được hiện thân chủ thể nơi người, thì muôn đức chương chương, thần trí minh lạng suốt thông, bịnh tật gì chẳng tiêu, hoạn nạn nào chẳng sạch, trên ứng với sự tiếp vật đúng khuôn phép. Gốc nó đầy đủ, nói nhân nói nghĩa, học hiểu dạy trung, gặp việc là ứng ngay, đúng thời phải lúc. Nếu không

hợp được Âm Dương, qui được thần khí, mở không được cửa Huyền quan, thì làm gì bình hòa được cơ thể mà bày lòng trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi.

Nếu gắng mà làm, gắng mà được bao nhiêu, miễn cưỡng để ăn ở với xã hội gia đình, cũng lẫn quẩn trong con đường danh lợi. Dầu quý thân bảo mạng, để quân bình tạng phủ, điều dưỡng sức khỏe, thì phải dùng thuốc men. Nhưng hư đầu chữa đó, suy tâm kém thận, bại khí đau tỳ, vá đắp chỗ nọ thì bị hỏng chỗ kia.

Tâm thể khó quân bình, thì bệnh tật dễ sanh; mà bệnh tật đã lan khắp tạng phủ, làm gì còn có tinh ba phát tiết ra ngoài, nào nhân nào nghĩa, biết hiểu biết trung. Có chăng cũng một vài bộ phận nào còn lành mạnh, thì bộ phận ấy hiện ra: Dầu gọi là trí, là hùng, cũng chỉ thiên lệch, đâu được chính trung ở trọng tâm, do Hoàng Cực xuất hiện.

Người chính nhân quân tử, tuy không tu kim đơn, không thành đạo sĩ, nhưng họ giữ được chánh khí nơi lòng, nên thần hồn họ được sáng trưng, việc làm họ quả quyết thẳng băng, không sợ oai lực cường quyền, không thiếu từ tâm với thiên hạ. Còn kẻ tà vạy, dầu bạo chúa át được mọi người, mà không thể át nổi kẻ chánh như đây chánh khí.

Chánh khí đã sung thịnh, thì tà khí bị đẩy lui, trí tuệ được nháng lên, thì lòng hôn mê được rửa sạch. Nên kẻ học đạo, khi đã nhận được pháp môn hạ thủ công phu, muốn khỏi mất nhiều năm lắm công mà chưa thấu kết quả, phải bình tĩnh suy nghĩ kỹ càng. Nếu vội vàng tự thị, không theo từng thứ, hoặc lúc lập địa tu hành, đặt không đúng chỗ, bấn không

trúng hồng tim, biết không rành diệu khiếu, thì bỏ ra nhiều năm mà thấu kết quả lại ít, hoặc còn hỏng to mà bán đồ nhi phế là khác.

Cái diệu khiếu đã chỉ, không ngoài hai chữ nhật nguyệt ghép thành, hoặc nói khí thần là đó, thủy hỏa cũng đó, chính là Khảm Ly, diệu lý không lường. Nếu nói **chỉ** là Khảm, hay nói **quán** là Ly, **chỉ quán** là một phương tu cần học cần hành. Lúc đáng chỉ để thấu phóng tâm, an thần trụ khí; lúc nên quán để cho thần khí giao hội, tĩnh sát nội tâm; hoặc lấy hống để chế diên, hoặc dùng diên để giữ hống.

Phương tu nhiều lớp, song lớp đầu là phải cách mạng cho được bản thân, quét sạch vọng duyên tà khí, lo hoàn phục Chơn tâm, chế ngự những thói quen vượt ngoài khuôn phép, ngăn tình chế dục, khiến cho lòng yên ổn. Kế hai mắt gom vào một điểm Thiên mục, rồi đem mắt ngó xuống Huỳnh trung. Hễ mắt đến đâu thì thần theo đó, mà khí cũng qui về, thần nương nơi khí mà đến, khí nương nơi thần mà đi.

Thần khí luôn luôn không hề rời bỏ nhau. Nếu khí tán thì Thần lìa, thần ngưng thì khí tụ. Thần là lửa, khí là thuốc. Thuốc để nuôi thần, thần được trường sanh, thần hay biến hóa, nên đặt chữ Minh để thí dụ là "*thần khí qui trung*".

Không có đủ Tam bửu: Tinh, Khí, Thần làm sao nên người, nên Đạo?

Đây nói thần khí mà không nói tinh, là vì tinh hàm ở trong khí. Nên viết chữ Nguyệt là quẻ Khảm, mà Khảm thuộc thủy, thủy là tinh, thủy do kim sanh, khí do tinh hóa.

MỤC 2:**Tam Ngũ Hiệp Nhứt****1.- Bắc Tây sanh Kim tinh (phách), Đông Nam sanh Mộc tánh (hồn).**

Bây giờ lấy quẻ Khảm làm chữ nguyệt để chỉ trong Khảm có gạch liền là Chơn khí. Chơn khí trong Khảm tức là Chơn kim thuộc quẻ Kiền. Thuận thì kim sanh thủy, mà nghịch luyện cho thủy hườn kim, nên gọi luyện tinh hóa khí. Tinh đã hóa khí thì mạng bửu được sung mãn.

Tinh không hóa khí thì tinh lậu, khí tiết, thần hồn hôn mê, mạng căn suy hoại. Tinh đã tiết lậu thì tình động, dục sanh, gây họa khổ cho con người, chẳng những kiếp sống hiện tiền, mà còn nối kéo mãi trong ba nẻo sáu đường, vô lượng kiếp trải qua, biết bao giờ dừng nghỉ. Nên phương pháp tu đơn để giữ mạng sống cho người không chỉ hơn là ngăn tình, chế dục, đoạn niệm, để tinh không lậu, khí không hao thì thần được sáng, tánh mạng bền chặt, hưởng phước trường sanh.

Khi tinh đã hoàn về khí, thì khí mới hóa thần, mà thần hườn hư. Nghĩa là chiết Khảm điền Ly, Khảm Ly là Hậu thiên hoàn phục lại Tiên thiên, thì Ly thành Kiền, Khảm thành Khôn, Kiền Khôn định vị, ký hiệp với nhau một lần nữa, mà thành quẻ Địa Thiên Thái.

Kiền Khôn giao cấu, Thủy Hỏa ký tế là phương nhập Thánh siêu phàm. Phương tu luyện kim đơn là mượn hình Ly Khảm trong lúc sơ cơ, để người cầu đạo được ý thức qua hai quẻ này bằng chữ Minh, trong ấy ám chỉ có nhiều công phu, nhiều môn khẩu

thọ.

Nói khí sanh tinh, tinh hoàn lại khí (phách), là nói kim sanh thủy, thủy hườn lại kim, là chỉ "*Bắc nhứt Tây phương (kim) tứ cộng chi*" ở Hà đồ. Trong gạch liền giữa quẻ Khảm là Kiền kim, tiên thiên nhứt khí lạc trong hậu thiên, mà kim sanh thủy lưu tách dịch hóa trong hồng trần. Khảm là hãm là hiểm, là biển khổ sông mê, nguyên khí nằm trong hiểm.

Muốn thoát hiểm chẳng phải dễ dàng. Phải luyện lọc nhiều lần, bỏ quặng chì thiết thau đồng, mới đựng vàng y thoát ra khỏi khoáng. Muốn luyện nấu, phải nhờ lửa để trui rèn, lửa ấy là quẻ Ly. Người tu luyện khí không nên quên đôi mắt chú nhìn vào gạch liền của Khảm. Thần hồn luôn luôn quán chiếu vào đó, để dưỡng kiện và tấn kiện, thì khí hóa thần.

Thần khí tương quan, đi ở có nhau. Như mặt nhứt mặt nguyệt tuy luân chuyển, trông như hai đường cách biệt, song thường thường lại hội ngộ nhau ở chỗ sao Ngụy sao Hư. Nếu Dương không tấn thì mặt trăng không hề sáng được, mặt trăng sáng là nhờ mặt trời vào đêm mờng ba, vòng câu lóe ửng. Đó là phách sanh hồn (đây về khẩu quyết).

Chỉ có pháp thâm phóng tâm, phản tinh nội cầu. Thần ngồi yên thì khí không vọng động, mà tinh cũng trong lặng qui về gốc, thì làm gì còn có chuyện rắc rối xảy ra? Tâm đã không ra khỏi cửa sáu căn, thì duyên trần khó bề nhiều nhưng ám ảnh. Tâm được định, thần được yên, mạng căn được thanh thoi lành mạnh, hai khí Âm Dương ngưng tụ, thủy hỏa huân chưng, lâu ngày kết nên thánh thai.

Pháp ấy xưa nay nhiều người đã chứng được

không ngoài chữ Nhứt Nguyệt hiệp thành Minh. Minh là Trung. Trung mà không có Nhứt thì cũng như Quốc thổ không có quân vương. Trung ví như Vô cực là Minh, Nhứt ví như Thái cực là Lý.

Lý hàm một yếu quyết gồm nhiều phương diện, nhưng đây chỉ mượn một phần nào để giải sơ về pháp môn tu luyện, chỉ chỗ bí nhiệm cho những khách thiện duyên coi đây mà làm tôn chỉ, quay lại chỗ nguồn đầu, gọi là: phản bổn hườn nguyên.

Đạo lấy Lý làm thể, mượn Minh làm dụng, thể dụng tuy không hai mà hai, không một mà một. Nên chữ Minh và Lý đứng về phương diện đời hay đạo, hiện tượng hay Chơn như, rất là mật thiết, không sao tách rời được. Lý là chủ thể Thái cực, Minh là nhị khí Âm Dương. Trong Trời Đất không chi ra ngoài hai thể đó. Đó là nhứt nguyệt khi tụ, khi tán, khi tương đối khi dung hòa, sanh khắc biến thiên mà vũ trụ trở thành thân diệu, năng tạo, năng hóa không lường.

Ở trong thân người thì thần khí, tâm thận rất quan hệ: Siêu đó, đọa đó. Tâm là nơi thần ngự. Thần là chủ soái muôn quân. Người muốn đứng đắn là người thì phải: "*Hư tâm thật phúc*" (trống lòng phàm, đầy lòng đạo). Tâm được hư thần được sáng, chơn hóa là tánh thuần thiện. Nếu tâm bất chánh thì hỏa hừng lên, làm mờ thể tánh, mà con người tháo cấp, cuồng loạn, bất minh.

Tu luyện Kim đơn gốc ở chánh tâm thành ý, mượn thể Đạo mà cầu thiên Đạo, quay Nhơn tâm trở về với Đạo tâm. Tâm rỗng rang là thể của cung Ly. Ly là hỏa, hỏa do mộc sanh, mà mộc là Chấn thuộc can. Nên luyện thần, pháp tu đem thần trở về gốc, là hỏa

hoàn lại mộc, thần hồn duy nhất thể tánh được vượng sanh, không bị tiêu hao mà còn phát nhuận. Sách gọi là: "*trồng sen trong lửa*" là ý nghĩa câu: Đông tam (tánh hồn) nam nhị (tâm thần) đồng thành ngũ. Tinh, thần, hồn, phách gom về một mối gọi là: Tứ tổ qui gia, hoặc nói chiết Khảm điền Ly, tam huê tụ đánh thì cũng chẳng gì lạ, chỉ có Minh và Lý mà thôi.

Tóm lại, đoạn này là phương tánh mạng song tu, hiệp thần khí, tạo nên Kim đơn Hoàng Cực, khai thông cửa Huyền tẩn, để thấy được Chơn tâm. Thần ngưng thì khí tụ, tam bửu đủ đầy, hiệp ngũ qui tam, để hoàn thành cơ siêu phàm nhập Thánh. Nếu biết ngưng thần vào khiêu ấy thì muôn bệnh đều tiêu, nghiệp duyên đoạn dứt, hoạn họa cũng tiêu trừ. Có thể nói hoàn thuộc cái tử hườn sanh.

2.- Tứ phương qui trung, là Lý, là Mồ kỹ môn, là Chơn ý

- Minh đã vậy. Thì Lý thế nào?

- Đem từ nét mà phân tích, hay lấy từ bộ mà giải bày, mở rộng cho người được nhận thức mà men vào hậu thất. Chữ Lý gồm có ba bộ phận. Một là chữ Vương, hai là chữ huynh (tạm mượn) làm chữ đao, ba là chữ Khuê, ghép thành chữ Lý. Vương là tinh, khí, thần hiệp nhứt, thì đơn đao được thành.

- Làm sao hiệp nhứt?

- Trong ấy có một sanh cơ đã kết chặt, làm cho nó khấn khít không rời. Ba báu này nếu phân tán thì mạng sống không còn, thân người khổ đau, nhu nhược, mà linh ngươn chìm đắm trôi dạt nơi biển nghiệp đời đời.

Phương tu dạy người quay ngược cái nghe, cái thấy ở tai mắt vào trong, thì thần không tán, khí được nương gói ở thân. Thần khí tương quan, không hề rời nhau, như gà ấp trứng, thì tinh không bị vọng tâm xúc tiếp với trần sẽ tụ tinh. Tinh tụ thì khí đầy, Thần sáng. Ba báu nhồi chung một khối, ấy là qui tâm hiệp nhứt, nhờ có sở chủ là Vương.

Chủ đã có, tức là chính khí phục sinh, đạo tâm sanh, như tâm tử, quyền pháp trọn nơi mình, đường đọa siêu tự quyết, không còn sợ ngoại vật xâm lăng, nghiệp oan ràng buộc. Một đôi tuệ kiếm dẹp sạch muôn tà, chặt đứt vòng xích nhân duyên, đoạn lìa sanh tử luân hồi. Ấy là thư hùng một cặp, là chữ đao nằm trên Kỳ Mồ chỉ thổ.

Thư hùng kiếm cũng là nhứt huyền nhứt tấn, một Kỳ một Mồ, chế luyện cần một công phu đúng mức, thì song đao ấy đã đành chặt thép như chặt bùn, song còn sắc bén ghê hồn là phá được mê hồn trận vô minh địa ngục, đoạn lìa oan trái nhân duyên, gọi là gươm trí tuệ.

Muốn biết trí tuệ là gì, nên coi lại quẻ Phục. Phục là trở lại (bằng lai), Phục là nhứt Dương sơ động, chính khí trở về, thần trí tuệ hiện ra, tức là chữ Khuê ghép lại hai chữ Thổ, lưỡng Thổ thành Khuê, ấy là Bát Thuần Khôn thuần tịnh, mà tịnh là nền của động. Nên Phục do Khôn mà ra vậy.

Tam học nhà Phật gọi là: Giới, Định, Huệ. Giới tức là rắn đẽ lòng mình. Định là ngăn chỉ được dục vọng, tà tâm, khép thân trong khuôn viên đạo pháp. Bồ ngũ quan thì trần duyên khó nhiều nhưng âm ảnh, tam độc hết xâm thì thân tâm thanh tịnh. Định

lâu rồi thì trí tuệ hiện ra, đó là Khôn thành Phục.

Gay go là lúc này. Phải biết hướng nó, giữ nó, nuôi nó. Nó là mầm sống bất tử, là hoàn thuốc linh đơn, là kết thai nên thánh. Nên chữ Khuê nghĩa là đơn Khuê, thuộc công năng khử trừ muôn bệnh, cải lão hườn đồng. Được nó thì vô sanh, thành Tiên tác Phật. Cũng có nghĩa là Đạo Khuê diệt tận sanh tử luân hồi, chặt lìa ái ân trần lậu, vô minh. Hai Thổ là Kỳ thổ thuộc Ly, Mồ thổ thuộc Khảm. Ly Khảm kết, hồng diên thành, Chơn lý hiện ra động cơ màu nhiệm, mở đường chỉ lối, là chủ như trong nội thất. Sách gọi là Huỳnh Bà.

Huỳnh Bà cũng là Chơn ý, do hai Thổ hiệp thành. Nếu tu Kim đơn mà không Chơn ý, thì chẳng sao thành Đạo. Biết đâu là dương sanh được sản, thời khắc non già, tấn hỏa thối phù, đại tiểu châu thiên. Chơn ý thật là quan yếu trên con đường siêu phàm nhập Thánh.

3.- Chơn ý là trung ương thổ: Vạn thù qui nhứt bản.

Tóm lại, người mà giác ngộ nhận được Chơn ý, mau mau sớm cầu bí pháp, thoát ngoài vòng sanh tử, quay trở về ban sơ, hầu xứng với cái danh đồng cùng Trời Đất, mới khỏi hổ con người tối linh hơn muôn vật. Nếu không dừng bước quay đầu, thì Âm Dương dịch sử, nghiệp chướng đẩy mình vào vực thẳm hố sâu. Tuy hình dáng là người, mà tâm địa khác nào cầm thú. Bởi vô minh bao phủ, làm gì thấy được chính mình, đã bị trốc gốc, trôi dạt nổi chìm nơi biển khổ, quên cái Bản lai diện mục quang huy lãng diệu,

mờ mịt mà tự cho khôn sáng, ở trong địa ngục mà nói đó là Thiên đường.

Bởi vậy, pháp trúc cơ khẩu quyết cho người trước hết là dứt trừ vọng niệm, thân tâm thanh tịnh, buông xả vạn duyên, hơi thở nơi mũi miệng điều hòa, ra vào nhẹ nhàng, núp khí coi như đóng mà không đóng, mở mà không mở, lần lần mũi miệng không còn nghe hơi trong họng ra vào, thì ngưng khí nơi trong sanh khởi, máy tạo xoay vần không sao biết được do đâu mà thiên địa hiệp bích, Nhứt Nguyệt đình luân.

Nghiêm chỉnh được thân tâm, niệm niệm tự đoạn, ngoài không nghe thấy Trời, Đất, Người, vật; trong không còn dấu vết thân tâm, thì lòng được an ổn mà phát xuất một khí xung hòa. Khí ấy đầy đầy khắp châu thân, khiến lòng như hoảng như hốt, đồng cùng Thái hư, đem Tam bửu tinh khí thần vào trong khí huyết, lấy Âm hòa ở cung Ly đem xuống cung Khôn đốt nóng đốt nôi. Khảm thủy bốc thành hơi, gọi hỏa bức kim hành, tinh hóa khí, khí hóa thần, hoàn lại hỗn độn Thái hư Nhứt khí. Ấy là phương tu phân bốn phục sơ.

Nói một cách khác, sự thiên biến vạn hóa, nhứt bốn tán vạn thù, mà phép cách vật trí tri thật không phải suy cầu từng nhánh nhóc đa thù, mà nắm cho được then chốt ở người là thần khí. Bởi đó mà khởi ra đường đạo đường siêu, bên phàm bên Thánh. Hễ chia lìa thì sanh tử luân hồi lộn quanh trong lục đạo, bằng hiệp nhứt thì đăng thiên đắc Thánh, Tạo Hóa đồng quyền. Hễ phóng tán với mọi vật thì tiêu hao mờ tối, bằng thân hồi trong nhứt khiếu thì hồn còn viên giác.

Vạn thù qui nhứt là thân phóng tâm, ngăn loạn

tưởng, tánh mạng thành một thể bất phân, ấy là Âm Dương trong Thái cực, thần khí trong Kim đơn, chẳng có chi ngoài Kiền Khôn Ly Khảm, thủ phúc thận tâm, mà chi tiết phải theo khẩu quyết trong chín tiết công phu, tiệt tu tiệt ngộ.

Nhưng khẩu quyết dầu hay đến đâu, minh sư dầu được hoàn thiện, cũng phải do một phần công đức tiền căn và phát tâm nhất thành chung thủy, thì Đại Đạo dễ thành. Còn kẻ nặng nợ oan gia, kết nhiều nghiệp chướng, cũng phải phát tâm hành thiện, tác phúc lập công, thân cận cùng người thiện trí chân tu, đê nén hỏa tâm kiêu khí, luyện cứu chuyển chỉ pháp.

Đối với xã hội nhưn quần, cảnh có thuận nghịch làm sao, cũng không bực lộ quá vui quá buồn. Rèn luyện mình mọi thử thách không núng nao, nghĩa nhưn xử trọn, thì bước vào mật thất cầu tu, tưởng không còn khó mấy. Thế thì pháp tu đâu phải riêng dành cho bậc thượng căn, mà kẻ hạ ngu, nếu biết giác ngộ, thì vào nhà Tiên Phật tưởng cũng dễ dàng.

MỤC 3:

Nghĩa Kim đơn theo các quẻ Châu Dịch.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM bàn nhiều về vũ trụ, để thấy nguyên lai có ra Trời Đất và vạn hữu chúng sanh. Sở dĩ cuộc biến hóa Âm Dương là chủ tế, Thượng Đế Thái cực là trung tâm cho đại thể Tạo Hóa, then chốt màu nhiệm đó chẳng khó nghĩ bàn. Song cơ màu nhiệm đành là tối linh huyền bí của đạo Trời, Đạo ấy tuy không tiếng không hơi, bao hàm rộng lớn đến đâu, cũng không ngoài hai mối Âm

Đương nằm trong Thái cực.

Thái cực chánh cũng sâu ẩn ở lòng mình, nên nói Trời, người một đạo. Người ai cũng thọ một điểm linh quang, nhờ Âm Dương nhị khí mà thành hình, thì người và Trời có khác chi đâu? Ngặt là người không chịu tìm hiểu cái lẽ biến hóa của Âm Dương, một linh ngươn thần diệu đủ quyền năng Tạo Hóa ở người, mà người buông trôi, bỏ gốc theo ngọn, làm sao tránh được cuộc dinh hư, tiêu tức, mà không chìm nổi linh đình?

Nguyên đạo Trời là Âm Dương, đạo Người là Tánh Mạng. Âm Dương tức là Kiền Khôn, tánh mạng tức là Thần Khí. Mà thần khí không phải hai tên, Kiền Khôn có đầu nhị thể, gốc đầu là một, một mà phân ra có động có tịnh, có giáng có thăng, khi lại trường, khi lại tiêu, tụ thì thành hình, tán thì hóa khí.

Song người mà ngộ liễu được tánh mạng, triệt tận chỗ Âm Dương, thì hình hóa đức, khí hườn linh, thì thần cơ không lường được, con người là một ngôi Trung, trong ba thể liệt ở Tam tài, như bản biết vun trồng điều nhiếp được cơ cấu ở bản thân, thì quyền năng ấy tưởng không khác nào một Trời con, có thể thay Ngài mà gánh lấy cơ đồ Tạo Hóa.

Phật Tiên được thành tựu: Cao minh phối thiên, bác hậu phối địa, là các Ngài chỉ biết thấu lẽ màu nhiệm trong thân tâm, khéo giữ còn và trường dưỡng, nuôi Đạo tâm mà kèm chế được như tâm, phản tà qui chánh, hoàn phục lại chỗ linh ngươn Bản lai diện mục của mình, có sẵn từ lúc chưa sanh thân này, vui thích cái Đạo thanh tịnh hồn nhiên mà kiến cơ nhi tác, đến chỗ hoá nhiên đại ngộ, hể cảm liên thông.

Kiền Khôn là hai thể tuy khác tánh, nhưng lại hiệp đức. Kiền là Dương cao minh chánh đại, linh hoạt thần diệu khôn lường, làm chủ quần Dương. Khôn là Âm lại nhu thuận, bọc hậu, tà tiểu, cũng thần diệu như Kiền. Người tu mượn thể Kiền Khôn làm tánh mạng để dụng công tấn dương hỏa, vận âm phù. Khôn luôn luôn phải thuận theo Kiền vì Âm không thể tự sanh thành. Âm nhờ có Dương mà sanh thành muôn vật. Tuy Khôn không nguyên hạnh, nhưng thuận với Kiền mà có nguyên hạnh và lợi.

Soán viết: *"Khôn nguyên hạnh lợi tấn mã chi trinh, tiên mê hậu đắc chủ, lợi tây nam đắc bằng, đông bắc tán bằng, an trinh cát"*.

Nghĩa là: Quẻ Khôn là đầu, là hạnh thông, lợi về nét trinh của con ngựa cái (lâu bền). Quân tử có thể đi tới (có tương lai), trước mê sau ngộ làm chủ, lợi ở hướng tây nam thì gặp bạn (đặng dương), còn đến đông bắc thì mất bạn (mất dương).

Nguyên thể của Khôn là thuận tịnh. Tánh đức rất nhu hòa, sự kết quả lớn lao thành hình và chờ đợi, nắng nuôi muôn vật. Lợi ấy biết tùy thuận theo Dương, giữ trọn nét trinh thuận, không hề chống trái. Dương trường thì Âm sáng, như mặt nguyệt mỗi ngày từ đầu tháng đến 15, lần lần tròn đầy tỏ rạng, cũng thuận theo Dương, mà mười phần mòn tiêu hao như từ 16 đến 30.

Dương là chủ mà mất chủ, nên phải bị mê, là tự chính bản thân của Âm trái ngôi thất vị, nên nói tiên mê. Mê mà không tùy thuận Đạo tâm, mà thuận với như tâm, chìm đắm theo hình danh sắc tướng, đục lạt của xác thân, dong ruổi bên ngoài, chiều chuộng

tà tâm vọng thức, tán đồng cùng đám tai mắt, bỏ gốc theo ngọn, chẳng thấy được Bản diện linh ngươn của mình. Đây là mất chủ mà mê, lạc vào phương đông bắc loạn vị thứ, trái đạo thường nên mất bạn xa thầy, Âm Dương cách tuyệt, gọi là đông bắc tán bằng. Ấy là mê mà mất chủ, nhưng biết giữ đúng đạo thuận của Khôn, cảnh tỉnh hồi đầu, biết dừng đúng chỗ, ở đúng ngôi, an trinh cát nhờ gặp lại chủ ở tây nam, có bạn có thầy gọi hậu đắc chủ, vì tây nam đắc bằng thì lợi, an trinh là đúng chỗ đi về cùng Âm Dương giao hội, tụ ở sao Hư, sao Ngụy.

Tây nam Khôn vị là quán xá, ngày mồng 3, mặt nguyệt lóe cái mây tầm là phách sanh hồn. Nhưng nói về quẻ Khôn thì Khôn là thuần Âm, nhu tịnh. Bước công phu làm Phật Thánh để hoàn phục lại cái nhơn bản của chính mình là luôn luôn thanh tịnh. Mà tịnh cực tất động, Âm cực thì Dương sanh. Khó là bước đầu, lúc này vạn duyên dẹp sạch, khách khí bên ngoài ngăn chặn, sáu cửa giác quan đóng kỹ thì lòng yên lặng rỗng rang, bốn bề tịch mịch, thì hốt nhiên một khí mạnh nha chớm dậy, gọi là: "*Nhứt tức sanh cơ*".

Lúc này e dè, cẩn thận, hễ niệm khởi thì có: Một thuận một nghịch, một tán một lưu với vọng cảnh, một tụ hườn trở lại bản sơ, nếu giác tỉnh thâm hồi, thì Bát Nhã tâm được chiếu diệu, vệt tận vô minh, nên theo hào sơ của Khôn, Dương thì **Phục** mà Âm thì **Cấu**.

Cấu là một **Âm** động, tà niệm dấy lên, quần ma tụ tập, nên gọi "*lý sương kiên băng chí*" niệm bất chính là hạt giống sanh tử cây thân tội lỗi, gốc rễ càng sâu

thì luân hồi trả quả, vòng quanh trong sáu nẻo, nên niệm đầu quan hệ phải có tâm Bát Nhã quán chiếu vệt mới sạch vô minh. Bằng cứ vun đắp cho hột giống ấy càng mạnh càng to, thì khác chi: Sương ý ý sẽ thành băng đóng giá, khó lòng trừ khử. Nên Cổ nhân dạy: "*Đại Đạo giáo nhơn tiên chỉ niệm, niệm đầu bất trụ tổng đồ thiên*".

Cũng niệm này, động này mà chính chơn hoàn toàn vô ngã, thì hào sơ là cửu, tức Khôn thành **Phục**, trong Âm sanh Dương. Mà Phục là trở lại, trở lại cái chỗ nguyên đầu là Kiền nguyên diện mục. "*Phục, hanh, xuất nhập vô tật, bằng lai vô cửu*".

Khi mà Dương khí phục sanh, Đạo tâm được hiện, Bản lai chơn tánh thấy rồi, thì ở đâu lúc nào, đi lại ra vào bất cứ cảnh nào cũng không hề sợ. Âm Dương không câu nhiễm được, hoàn cảnh không lôi cuốn được, tà chương cũng không ngăn ngại được, nên nói "*xuất nhập vô tật*".

Xuất nhập vô tật là nhờ Bằng lai. Bằng mà không lai, làm gì có phục? Âm có cực, thì Dương mới sanh. Có cùng rồi mới có biến nên Bằng là hai chữ nguyệt cùng tốt của Âm, mà Âm cực thì trong Âm có Dương. Mầm sống Đạo Kiền nhơn đó, mà nảy sanh một Dương ở dưới quẻ Khôn, nên nói "*bằng lai*" là nói Âm Dương tương ngộ. Đạo phục được hiện ra, là hanh thông, có gì tội lỗi nữa? Hồi đầu thị nạn, phiền não tức bề đề là Phục. Phục quan yếu thay! Mầm nhiệm thay!

Sơ cửu quẻ này "*Bát viễn phục, vô kỳ hối, nguyên cát*". Biết Âm đến mà trở ẩn, dĩ Âm bảo Dương. Bát viễn là không xa. Đi không xa mà trở lại kịp, nghĩa là

xuống trần chịu mang lấy hình hài khí chất hậu thiên, mà lòng chưa chìm đắm, biết phục thiện mà trở về Chơn tâm bản tánh của mình. Thật trong cảnh đen tối chập chùng, quần Âm đông đúc, mà tự mình sáng suốt. Như ban đêm nhà tối, có sẵn ngọn đèn, thì có gì đáng hối, đáng lo, mà còn thấy tốt lành, sống gần cùng Thượng Đế.

Hào này ở quê Kiên là *"Tiềm long vật dụng"*. Ròng còn ẩn chưa dùng, Dương còn non cần dưỡng. Nên nhớ câu:

*"Chủ trương Lão Tử vô vi,
Dem ngay chỗ động, hai nghi trở về"*.

Hào này ở quê Lâm là *"Hàn lâm, nguyên cát"*. Lâm là lớn, là cùng đến.

Hào này ở quê Thái thì *"Bạt mao như, dĩ kỳ vị, (vượng), chinh cát"*, một Dương tiệm tiến, tiệm sanh, tiệm đại. Quân tử hợp quần, Đạo tâm xuất hiện. Sức mạnh của Sơ cửu, nhờ một gốc tranh, mà trăm ngàn gốc cũng dính chùm theo lên. Nếu một niệm chánh, một ý thành, một tâm hồn tỉnh táo, thì lo gì không quét sạch quần Âm, đẩy lùi khách khí. Đạo tâm sanh, nhơn tâm tử.

Đạo Phục nhiệm màu. Đạo Phục tức là đông chỉ nhút dương sanh. Mỗi người dầu mê đến đâu, trăm ngày cũng có ngày phục lại; song vì người quá nghiêng theo đục lạt, chìm nổi với bầy tình, lợi danh bưng bít, tài sắc ru ngủ không thấy được. Hoặc thấy được, cũng không sao đem lại bản sơ, mà không được hườn phục nguyên đầu, thì nó phải thuận xuôi theo thế tục nhơn tâm mà lậu tiết, xoi phá hình hài, gây thêm tật bệnh.

Phục là Chơn tâm diệu đức, cội gốc của Đất Trời, cốt tủy của người, chúa muôn loài, thầy vạn giáo, nên Soán truyện nói: *"Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ?"* Thế là tâm Trời Đất ở đây. Biết nhơn đây mà dụng công, cốt để làm Tiên Phật.

Hào nhị: *"Hưu phục, cát"*, đây là Âm, cũng trong đám tiểu nhơn trái đạo. Nhưng **Lục nhị** được chính, mà lại đắc trung, gần gũi, cận kề cùng **Sơ cửu**, nên cũng nhờ đó mà lục nhị được hưu phục. Mượn cái sáng suốt nhà người, để làm cho nhà mình được tỏ rạng; đem cái nhơn tâm của mình qui thuận cùng Đạo tâm, dầu có ngu cũng minh, có nhu cũng cường. Biết gần người hiền mà sửa tu được đạo, ấy phải chăng gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

"Trạch thiên" chỉ hào **Lục tam** ở trong thời Phục. Biết đạo Phục là hay, biết làm lành, tu thiện là phải, thế mà khởi tâm thì thiện ác xen kẻ, làm nghĩa thì muốn phước được theo. Hào này có công tu, có công học, có công lân mẫn với mọi người, song không lập được chí lớn, nguyện dài, tu rồi ngã, ngã rồi tu, trăm ngàn lần chưa làm chủ được nhơn tâm tai mắt, nên phá giới sai qui, mà có điều ăn năn, nhưng rồi cũng không nản chí. Họ đi mình chạy, họ gắng ít mình gắng nhiều. Nhờ vậy mà cuối cùng được tốt: Vô cự. Ấy là *"tân phục, lệ, vô cự"*.

Lục tứ *"Trung hành độc phục"*. Hào này cũng Âm mà ở giữa đám âm, thiên hạ thì ù ù cạc cạc, mê luyến trần lậu, chìm đắm theo tà tâm, kết lũ vầy đoàn, phá đạo lý, trái luân thường, vọng ngoại cầu danh, cùng nhau lẫn mình xuống dốc, có biết gì đạo Phục mà quày đầu trở lại đạo đức, tìm về chơn tâm kiên

nguyên diện mục, Âm át Dương cố tiêu ma quân tử, song ở trong đám này, một mình theo về với đạo Phục, tương ứng cùng sơ hào, thật là ở trong bùn có đóa hoa sen, đứng với danh "*Trung hành độc phục*".

Đến hào **Lục ngũ** là một vị Chí tôn trong thời Phục, một ngôi sao sáng giữa đêm trường, một thể hồn nhiên giữ còn tự tánh, nên Lục ngũ "*đôn phục vô hối*". Phục mà đôn hậu như thế, kiên cố thuần toàn, thung dung đắc chứng, sáng mình sáng người, an nhiên tuy không phục mà phục. Thật đúng câu "*sanh nhi tri, an nhi hành chi*" khác xa hào Lục tam "*Khôn nhi tri, cường nhi hành chi*", hay Lục tứ "*học nhi tri, lợi nhi hành chi*". Trong quẻ Phục, năm hào đều có đạo Phục, chỉ hào Tam tuy chốc phục, chốc thất, mà có chỗ lo buồn, nhưng cuối cùng cũng không đến nỗi ăn năn.

Riêng trong đám Phục này, chỉ có hào **Thượng lục** là mê, chẳng biết gì nghĩa nhơn, phải trái, chẳng nghĩ gì vinh nhục, thị phi, chẳng chịu hồi đầu, cải tà qui chánh, chìm sâu trong bể đục, hụp lặn dưới bùn, như trâu kéo nặng sa lầy, càng cựa quậy càng lún sâu. Đời người như **thượng lục** chỉ biết ăn như heo, biết uống như muỗi, biết ngủ như ruồi, thật là mê, nên phải chịu cái họa hung mà tán thân khốn khổ.

CHƯƠNG IV DUNG HÒA NHỨT LÝ

I. TIẾT THỨ NHỨT KHÁI QUÁT

A. KINH VĂN

THI

*ĐẠO pháp vi thâm, khởi vạn duyên
HỌC nhi thức đắc thị Thần Tiên;
CHỈ tu yếu lý Hư không tạng,
NAM cực CHỜN ngươn Khiếu diệu huyên.
DUNG hợp Tam gia, qui Bắc khuyết,
HÒA đồng vạn giáo, phục Kiên nguyên;
NHỨT trung đắc nhứt, bình thiên hạ,
LÝ tự ư tư, mạc vọng tiền.*

Cảnh giới vô thường: Sen tàn cúc nở, hạ hết thu sang.

1.- Thời gian: - Thời gian mãi trôi dần theo năm tháng.

Cuộc cờ kim cổ thay đổi đổi thay.

Có ai đếm: Mấy độ trăng tròn, bao lần nguyệt khuyết?

Sóng triều bủa vục, mỏm đá rêu phong.

Tuyết phủ trắng đầu non, rừng thu thay xác lá.

Đếm thời gian mà độ lấy năm dài, cuộc đời vô thi vô chung.

Ngảnh nhìn lại sau lưng, ngược trông về trước

mắt.

Quá khứ, tương lai dày đặc, buộc con người vào chính cái nó được đặt để.

Con người, hai tiếng ấy vọng về trong sa mạc, sa mạc hoang vu của vũ trụ, gió núi nắng lửa, bình sa lưu thủy chập chờn trong ảo giác.

Thử đếm vạn lá ngô đồng rơi rụng, đếm ức hạt Hằng sa để hưng cái thời gian đã đi và đang đến.

Nào ai bình chúc dạ hành, kéo muội tánh hư linh, trong đời người ngắn ngủi.

Nào ai đã tận dụng thời gian mà giựt giành với tử thân, cho cuộc sống vẫn ghi hằng sống.

Nào những ai đứng lặng, ngắm trường giang mà hát câu nhứt mộ, hay vỗ mạn thuyền mà hát khúc yên ba, xem thế sự như vàng mây nổi.

Tất cả và tất cả hai chữ thời gian đã làm con người khoắc khoải, rung động cả bộ óc ưu tư.

2.- Không gian: - Kìa không gian vô tận. Nào chỉ phải phong ba tuyết nguyệt, một trời chung mà trò thế tình riêng.

Bóng kim ô mờ ảo giữa từng mây, hình tinh nguyệt vẫn du trong dạ cảnh.

Hằng vạn vì tinh tú, bao triệu bước sơn Khê, vạn vật ấy diễn phô trong thực tại.

Ánh sáng bùng lên quét tan màn đêm tối, nghìn năm ánh sáng, chỉ là đốm lửa của bầu trời.

Màu ngũ sắc đơm hoa vẽ bức tranh Pháp giới: Sơn, xuyên, điện, hải, sắc, tướng, âm, thanh, có mà không, ai bảo rằng không, không có?

Không gian ấy, mở mắt chào đời, con người phải

bó tay trong khung ảnh. Muốn vệt bước phong vân, muốn rẽ dòng hồ hải, để tìm cho ra lẽ huyền vi của Tạo Hóa sắp nên trò, hay tự thể Pháp do duyên khởi.

3.- Một dấu hỏi và trăm ngàn dấu hỏi.

Kẻ đi vào đời khi hoàng hôn rữ bóng, người buông tiếng khóc ban đầu, lúc đêm tàn canh lụn.

Nguyên thủ từ phương nào đưa con người về đây? Nhân duyên nào tạo con người hiện hữu?

Từ màn đêm trừ tịch, từ cái âm u muôn thuở, tiếng khóc chào đời vang lên. Đó, người ta thêm một ta, mở ngõ góp mặt, múa may than thở.

Ngày tháng mấy độ xuân tàn, con người hiện hữu buộc phải nhận lấy cái hiện hữu của mình, để tìm hiểu cái hiện hữu của mình. Nào ngồi trên cành cây tự tay cưa lấy cành cây, để xem độ cao cách gốc.

Chiếc lá xinh xinh này phát sinh từ cành bên phải, chớ không là cành bên trái. Chiếc lá tươi thắm này trở nụ ở nhánh trên, chớ không thể trở nụ ở cành dưới.

Tại sao? Ai đặt đế?

Phải tự mình tự chọn, rồi tự mình cố ý quên rằng mình không chọn. Có phải vậy không? Hay rằng không phải?

Trăm lần lá đổ, mấy độ hoa khai.

Nhân sinh trên đoạn đường đời ngắn ngủi, sau giấc ngủ, choàng tỉnh dậy, chóa mắt với đoạn đường trước mắt. Sau lưng kẻ lữ hành theo đuổi, phải bước đi và đi đến.

Thiên luân dậm dãi, nhân sinh dấn thân vào trần cấu, có nghĩ gì chẳng? Sẽ đi về đâu? Cứ thế, con

người này, con người kia và con người khác, gục đầu đếm bước độc hành, trong đám đông hỗn tạp!

Nhân sinh đang tiến bước, nhưng tiến bước để làm gì? Xây đắp cho cái chi? Và bằng những phương thức nào? Hay cũng chỉ cái tháp ngà riêng rẽ, những tiểu ngã vô minh? Những hố sâu đe dọa khó san bằng, lại đào sâu thêm nữa!

Ôi? Hoa vô ưu không nở trên vành môi nhân thế, mảnh tâm điền trồng chỉ những cây giáo, ngọn gươm? Khách lữ hành sẽ mộng hóa bướm bay, hay mơ thành tế tướng.

Tất cả đang đợi chờ bóng hoàng hôn buông rữ. Đoạn đường đi qua, vết chân xóa nhòa, gió cát thổi pha. Con người hiện hữu có nghĩ gì trong ý nghĩa?

Xuân hạ thu đông, sanh trưởng thâu tàn, vận hành sau trước. Một hạt mầm tự lúc nảy tọc đâm chồi, khai hoa kết quả. Một mạch sống dâng tràn trong mộc thể, cái lẽ sống luân lưu trong vòm trời vạn vật, hằng hữu vĩnh tồn.

Chiếc đũa thần nào đã tạo nên cảnh sắc hữu tình, trăm hoa đua nở, vạn điệu hòa thanh?

Đó là gì? nào những dòng suối bạc lấp lánh ánh trắng thu, nào những ngọn thanh tùng lung linh làn sương lạnh. Cái động tĩnh, cương nhu, đồng thể đồng hành uyên nguyên bất diệt, từ đâu mà sanh ra thế?

Trăm hoa đua nở giữa cánh đồng, nào có ai chăm bón, mà tự sắc đó, ai dặt thảm so hàng. Cẩm tú giang san, nắng mưa phong thủy, tự thể điều hòa, cho vạn vật trường sanh.

Vàng Nhứt Nguyệt hiện ẩn chuyển xây tứ thời tám tiết. Máy Âm Dương tạo đoạn đường dực.

Nhìn cảnh vật hạ đẳng còn như thế, rồi ngấm lại kiếp nhân sanh xem thử. Thanh mao hồng huyết, dựng thế tam tài, đã vì đâu mà ưu tú, trí tri hơn vạn loại.

Trong trăm năm đã định sống thác trẻ già, nhơn sanh có khác. Thời tiết bất hòa, vạn vật tả tơi tàn úa, kiếp phù dung càng sớm tàn, chân đi khó vững.

Chỉ nhìn thời tiết đổi thay chút ít, mà ảnh hưởng đã vô cùng tai hại. Phải chăng mạch sống tương liên trong khắp cùng tầng lớp?

Thế cho nên nhìn xã hội vạn vật, rồi xem qua xã hội con người, nếu cái sống từng cá nhân không hòa mục, thì thử hỏi xã hội con người không thể nào xoay chuyển cái lẽ sống hằng tồn, chan hòa vào con người và bủa sung mọi hướng.

Hãy chăm bón cho chiếc hoa khởi sắc, hãy khơi mạch cho dòng nước luân lưu, hãy đem lý sống tự lợi lợi tha bủa khơi về bể tục.

Hãy tạo lấy mưa thuận gió hòa để tiết thời đồng điệu, để cho bức tranh vạn sắc tốt tươi, muôn thịnh khởi động, tạo khúc nhạc an hòa.

Nhân loại phải làm gì đối với mình và ngoại cảnh? Buồn để ý hay không buồn để ý? Chợt tỉnh giữa sân khấu chợ đời, con người ngược nhìn lên vũ trụ bao la, trần hoàn hùng vĩ.

Ôi! Hạt cát của sông Hằng trôi nổi, con người đã ngỡ ngàng, càng ngỡ ngàng sợ hãi. Đối diện bối cảnh uy hùng, chấp tay cầu khẩn, hãy góp tay nhận thức. Người phải làm gì và nghĩ ngợi ra sao?

Sanh, lão, bệnh, tử bám víu vào thân người lữ khách, như hình với bóng, dù muốn bức rời ra, nhưng

sự thật vẫn theo sau ám ảnh con người trên thực tế.

Vó câu chập chùng, con tuấn mã đưa người lữ khách về đâu trong màn đêm tâm thức. Câu hỏi về màn đêm tâm thức, lữ khách độc hành tư duy, để tìm nẻo thiên lý dặm trường, thoát cảnh âm u của dạ hành ẩn khuất.

Thế không được, phải dung hòa, thì giờ đâu mà vin lấy. Con người khởi dậy cái vốn tự hữu của mình, đã mang theo trong giấc ngủ xa xưa, để phát động tạo năng lực giải thoát cho mình và cao vọng giúp người trên hoạn đồ thế tục.

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Trăm năm vó ngựa giục đường trần,
Ánh mắt xa vời ngọn các lân;
Lả tả lá vàng rơi hoạn lộ,
Nhấp nhô bướm trắng lướt dòng ngân.
Khung trời lấp lánh hàng tinh tú,
Cảnh giới chập chùng vạn thế nhân;
Tuế nguyệt trường lưu đâu đã hẹn,
Vô thường lắm bận gót chơn quân.*

BÀI

*Bao la cảnh giới vô thường,
Gót chơn lữ khách dặm trường xông pha.
Không gian ánh mắt chan hòa,
Tâm linh vũ trụ đâu là là đâu.*

Vẽ vờ bốn bề năm châu,
 Thiên nhiên nét bút, đượm màu thiên nhiên.
 Không gian diệu diệu, huyền huyền,
 Bức tranh pháp giới họa miền sắc không.
 Kim ô soi sáng trời đông,
 Dục con tuấn mã ruổi dong dặm ngàn.
 Bụi hồng mịt bước quan san,
 Mờ mờ nhơn ảnh trên đàng thiên luân.
 Phù sinh nhác thấy dừng dừng,
 Vừa sang bến giác, lại dừng bến mê.
 Hỏi tâm tư, có nặng nề,
 Ai đưa khách đến, khách về với ai?
 Rằng quên hay tỉnh trong say,
 Bể trần ai vẫn trần ai vô thường.
 Nhứt nguyên Tạo Hóa phó trương,
 Vô vi nhi trị Âm Dương điều hòa.

II. TIẾT THỨ HAI

VŨ TRỤ CON NGƯỜI

MỤC 1:
Vũ Trụ Trong Màn Đêm Giới Luận.

A. KINH VĂN

Vũ trụ đã trình bày tất cả những suy tư, những khoắc khoải của mọi cá thể triết gia, Tôn giáo, hoặc nhân sinh, mọi cố gắng để vệt màn đêm vũ trụ, mọi ước vọng để thỏa mãn câu hỏi về vũ trụ, đã xuất phát thành vạn câu thơ, bao ngàn pho sách.

Nhưng thực nghĩ lại có mấy ai đã gọi rằng hàm thức. Cái trước mắt của ta đây, cái trong vòng tay của ta đây, cái tiểu ngã nhỏ hẹp, cái thế giới tâm tình riêng tư của từng cá nhân, vẫn mờ mờ trong màn sương nhận định, hướng hồ là vũ trụ. Đó phải chăng càng vùng vẫy, con người suy luận càng bị ngập chìm trong đám sinh lầy vũ trụ.

Hãy nhìn xem sau một giấc ngủ dài, khách thương hồ chợt tỉnh giữa đại dương bao la, nhìn tứ hướng thử hỏi xem mình xuất phát do đâu? Rồi hằng vạn câu giải đoán, hằng ngàn lời minh xác cái bến tưởng tượng của cuộc khởi hành. Thực ra, người ta đã ngủ khi bước vào tàu buôn, người ta vẫn ngủ khi con tàu tách bến. Thế thì thử hỏi những lời hoạt họa mô tả cái bến khởi thủy, phải chăng đó là giấc mơ ảo tưởng!

Trời nước bao la, vũ trụ vô cùng. Điều quan

trọng duy nhứt cho những khách thương hồ, là phải chẳng chỉ cố gắng suy luận tìm tòi trong ký ức, để tìm những câu giải đáp cho lòng mình; mặc tình cho gió bão đại dương làm đắm chìm con tàu giữa dòng nước bạc. Vô ích! Những việc làm ấy chẳng đưa con người đi đến đâu! Điều đáng nhận định và cần yếu hiện thực, là lèo lái con tàu giữa vùng biển mịt mùng, là giữ mọi bình tĩnh, vượt mọi thử thách, để thực thi cái hiện hữu của mình trong hoàn cảnh.

Đây, nếu đặt tâm hồn vào chỗ khởi thủy, đặt tư tưởng vào lúc khởi hành, chẳng khác nào mô tả khu vườn ngự uyển xa xưa, trong khi đang đứng giữa vùng thị tứ. Rồi đây thiên hạ phải điên đảo lên, vì câu hỏi khởi nguyên. Nhìn nhận sự khởi nguyên có hay không, như thế này, hay như thế khác, sự thực vẫn là sự thực: Cái hiện hữu đã quăng con người ra giữa đại dương bao la của vũ trụ.

Mọi cố thể, mọi lưu thể, mọi biến thể đang diễn phô muôn trùng trước mắt. Nếu ta nhắm mắt lại, cố gắng tạo một câu giải đáp cho vũ trụ, để xác nhận đôi đũa thần có quyền pháp toàn năng, tạo bầu trời xanh, tạo nước bể mênh mông, non cao, rừng rậm đi chẳng nữa, nó vẫn là nó.

Tìm hiểu để mà tìm hiểu, nhận định để mà nhận định. Đọc qua một trang luật pháp là để ghi các giải đáp, nhưng đó không phải là phiên tòa xử án được. Công nhận hay không công nhận sự khởi nguyên của vũ trụ, nó chẳng ảnh hưởng gì đến con người đang sống trong khoảng thời gian qui định.

Dù cho dòng sông Cửu có phát nguyên tại Tây Tạng hay chốn hoang vu bí hiểm đâu chẳng nữa, hạt

phù sa ở miền Nam nước Việt này, nó chỉ vẫn là hạt phù sa màu mỡ cho cánh đồng nước Việt mà thôi. Đừng phí thời gian, đừng hao tâm huyết, như một hạt cát, mà lăn đi để đo dòng sa mạc.

Cầm một món đồ gốm trên tay, dù biết người tạo nên nó hay không, nếu biết càng tốt, dù không biết cũng chẳng hại chi. Điều đáng để con người sử dụng lưu ý, là phẩm chất món đồ gốm ấy có được bền hay chẳng, và sử dụng cách nào cho lâu hư và tiện lợi.

Thầy là các con! Các con là Thầy!

Đấng toàn năng toàn tri có đầy đủ quyền năng tạo nên Trời Đất, gây dựng loài người và hóa sanh muôn vật, đã ngự trị trong mảnh tâm điền của ta. Cho nên vấn đề tìm hiểu Đấng Sáng tạo hay minh giải Đấng Sáng tạo, chẳng quá ư là hạn hẹp và đại đột lắm sao? Vạn pháp tự tâm, trong mọi giả cảnh, mọi thức hình, đều tự hữu tâm suy.

Thượng Đế nhiệm màu, ẩn hiện trong bất cứ mọi vi thể, đại thể nào của vũ trụ. Đừng lo âu, đừng khắc khoải, đừng phí lắm thời gian, mà hãy sống và thực hành lẽ đạo cho hợp ý Trời, ấy là thuận lòng vạn thể.

Có con ốc, cái sên nào mà chỉ lo đi đo đoạn đường dài, hay chỉ biết xem coi chừng nào tận cùng con đường nó đang tiến. Bão bùng đại dương đang xảy ra trước mắt khách thương hồ, thử hỏi họ có đứng đó hỏi xem coi chừng nào đại dương này hết nước? Có ai lo mức hết nước đại dương, hoặc có ai lo đếm tận cùng hạt bụi.

Đời người ngắn ngủi, xét như thế để ta hiểu rằng: Đừng đem thước thợ mà đo lấy bầu trời, và cũng đừng đem đời người mà đo cùng vạn thể. Sự thực

trước mắt, hãy cố gắng thực thi nhiệm vụ, là hành tròn sứ mạng mà mình đã tự nhận trước khi.

Mỗi một hạt cát là một thế giới của vũ trụ sa mạc. Mỗi một con người là một thế giới của vũ trụ nhân sinh. Mỗi một chấm sáng của bầu trời là một thế giới của vũ trụ thiên không. Một nỗi buồn phảng phất của con người là một thế giới riêng tư của tình cảm. Một rung động suy tư cũng là một thế giới của thuần lý.

Nếu đứng trên phạm vi con người, thì Trời Đất là một vũ trụ bao la. Nhưng trên cương vị một hạt vi trần, thì con người quả là một vũ trụ vô lượng. Con người quả là một hạt cát trong bãi sa mạc hoang vu, nhưng là hạt cát biết suy nghĩ. Vũ trụ có hàng trăm nghìn thế giới, mỗi một thế giới có vô lượng thế giới tế vi hơn. Vũ trụ trùng trùng, đừng mong đạt lấy cái tận cùng của nó.

Hãy đứng trên mảnh đất hiện thực, đừng chìm đắm trong quá khứ hay trôi nổi vào tương lai mờ ảo. Quá khứ đều đã qua, vị lai đều chưa đến, tất cả đều không. Chính thế, vũ trụ suy luận nhận thức là một đại thể vô thủ vô chung.

Những vó câu qua cửa sổ nhíp nhàng, vết chân còn in rõ ràng trên mặt đất. Nhưng đó chỉ là những vó câu còn lưu lại, con tuấn mã đã qua rồi.

Trong bầu trời hư không, hàng vạn vì tinh tú, hàng ức thế giới đang biến dịch tử sinh. Vạn thể không thể tự sinh hay tự tồn được. Nhìn thế, ta nhận thấy rằng trong cái không đã có những cái có của nó.

Tuy nhiên hãy nhìn vào một cố thể: Một viên gạch, một thanh sắt có thực đó. Nhưng nếu đi sâu vào cơ cấu của nó, mọi cố thể cấu tạo do vi tử và năng

lượng trống rỗng, cách xa nhau, như các vì sao trong bầu trời. Vậy trong cái có, tự nó đã chứa cái không. Vũ trụ là kết hợp của những gì không có, có không, biến sanh, sanh biến theo thời gian vô thủ vô cùng.

Trong giấc ngủ say của khách trần, vũ trụ này trở thành số không tất cả, đều trở thành hư vô tất cả. Vậy thì sao lại bảo rằng có? Tuy nhiên nó vẫn có, dầu ta hủy diệt giác quan, khi vẫn còn tâm thức, vạn vật tự do, tâm thức dịch hành.

Để kết luận trong phạm vi mục này, đừng nhọc tìm khởi nguyên của vũ trụ, tất cả những giải đáp khởi nguyên đều ngập tràn trong ảo giác. Một sự thật hiển nhiên là vũ trụ bao la, bao trùm thế giới và thế giới. Một tiểu thể hay đại thể mang một vũ trụ, một thế giới hằng hữu, sự biến dịch, tự tồn tự sinh của mọi cá thể.

Ngoài ra vũ trụ còn lại mang một hình thức vô cùng vô tận: Thời gian và không gian vô lượng. Ta hãy đứng trên khung Trời hiện thực, để nhận định sự chi phối của vũ trụ với con người và để cùng hòa hợp với cái đại thể vũ trụ.

B. TRÙNG TỤNG

*Vũ trụ bao la cái sắc không,
Tạo nên vạn vật lẽ tương đồng,
Ba nghìn thế giới qui tam bửu,
Chín cõi Ta bà hiệp nhất tông.
Yếu lý Kiền Khôn cơ biến dịch,
Nhiệm mâu Tạo Hóa thể dung thông,
Kẽ Trời vạch Đất chỉ cho nhọc,*

Cái cái người người vốn ở trong.

BÀI

Trong Trời Đất cơ đọa có một,
Giữa Kiên Khôn trụ cốt không hai;
Hóa Công diệu hữu sắc bày,
Huyền huyền nhứt khí chuyển xoay vận hành.
Từ thảo mộc, phi cầm, tấu thú,
Từ sơn xuyên, phong vũ, hàn ôn;
Háo sinh đứ cả vô cùng,
Linh quang một khối, trần hồng hóa phân.
Quyền tối trọng nguyên nhân vạn vật,
Máy tối linh phẩm chất Thiên lương,
Bao la gấm vóc phi thường,
Ngũ hành phối hiệp, Âm Dương điều hòa.
Trời sanh ta, Trời ta đồng thể,
Bể khơi dòng, dòng bể luân lưu;
Đố ai rõ nẻo cuối, đầu,
Khứ lai vô tận, phát thân vô cùng.
Vừa góp mặt trong vòng trần cấu,
Đã đặt mình vào mẫu nhân sinh;
Gieo mầm chủng tử thâm tình,
Cùng trong qui ước là mình, là ta.
Nhịp bước chơn chan hòa viễn ảnh,
Vội tầm tay trước cảnh lung linh;
Huy hoàng sắc giới hữu tình,
Mơ màng thế lộ, gập ghình thiên luân.
Cửa lục thức, mở đường lục tặc,
Nẻo tam xoa, lân đất tam quan;
Chỗ nào về chốn Thiên đàng,

Chủ Nhân Ông có rõ ràng hay chẳng?
Ý thức ấy muôn vàn trù tượng,
Tâm thức là vô lượng biến thiên;
Hu hu, ào ào, huyền huyền,
Tử sinh kết cấu, nghiệp duyên tạo gây.
Hồi bác học đông tây thời đại,
Nào triết gia tứ hải ngũ châu;
Chưa thông khời điểm ban đầu?
Tâm Thiên quật Địa, cơ câu ích chi!
Nhìn cái lý vô vi nhi trị,
Ngoảnh lại đường vô thủ vô chung,
Dù cho cái thế anh hùng,
Cũng không thoát đặng cái vòng tử sinh.
Trong luật tắc, hữu tình hữu hoại,
Ngắm đường trần, vạn hải thiên sơn;
Nên nhìn vào chính bản thân,
Hàn ôn, biểu lý tạo nhân điều hòa.
Chỗ tương hiệp, Trời ta có một,
Lối giao thông, Tiên tục không hai;
Chơn như soi sáng thân này,
Đó là Đại Đạo trong ngoài trần gian.

MỤC 2:

Sự Chi Phối Của Vũ Trụ Vào Con Người.

A. KINH VĂN

Trong suốt đời người, không thể tách rời ngoài vũ trụ thực tại. Trời Đất Kiên Khôn bao trùm lấy con người, xoay chuyển trong thời gian, không gian hằng hữu. Con người nằm trong Pháp luân của vũ trụ,

đang quay cuồng trong cái hư vô của thiên nhai hải giác, mà không bao giờ chịu nghĩ đến.

Ở trong khung cảnh tự hữu quen thuộc, con người có khả năng đồng hóa và tự nhận bằng cách xem thường trong sự lãng quên. Song le, sự có mặt của vũ trụ, là sự có mặt vinh diệu của vũ trụ, mà ảnh hưởng tác thiết của con người hiện sinh vẫn có.

Mở rộng tư tưởng trong bầu trời giới luận, con người sẽ thấy một mạng lý buông rũ, co giãn, phóng lưu, từ một vật thể nhỏ nhoi nhút, cho đến cái đại vũ trụ hùng vĩ. Những mạng lý hữu vi, tự vô vi đang rung chuyển phát xuất, mà tiếp thu mọi hình thức hành động của con người trong vạn hữu. Những cảm giác riêng tư vẫn mang một công năng khả hữu, làm chuyển di mạng lý của vũ trụ thực tại.

Nói như thế, con người là một hạt tử, một vi trần trong đại thể vũ trụ, cũng như các cá thể hiện thực khác. Tất cả các cấu tử tạo lập không bao giờ tự đặt riêng, hay bao chiếm một giang sơn độc nhút. Các thể vạn hữu đều liên hệ trong một liên hệ từ lực, cũng như siêu vi lực công năng tác hiệp của thời khoa học này.

Giữa con người và con người, giữa con người và vũ trụ cũng thế. Đừng bảo vật ấy là chính nó. Tất cả đều không là chính nó.

Một câu hỏi nêu lên: *"Tác nhân nào mà lại chi phối vũ trụ vào con người?"*

- Sự trả lời khái lược ở bất cứ giai đoạn lý thuyết nào. Đó là sống.

Thật vậy, con người đang "sống" trong cái sống của vũ trụ. Tuy nhiên, sống ở đây được giới hạn trong

việc điều hòa liên hợp giữa vũ trụ và con người.

Sống trong bốn tiết mục này, đặt trên nền tảng của bầu trời giới luận: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý với lục thức. Vũ trụ đã in đậm màn ảnh của lục thức, từ khi con người đầy đủ tri giác. Với lục thức, con người chỉ hiểu ngoài vũ trụ, qua các hình ảnh phản chiếu của lục thức. Nào có ai tự nhận bằng Chân Như Lai hằng hữu.

Đứng trên căn bản vị thế, con người được nhận xét vũ trụ bằng chính cương vị này. Khi bước sang chương tiết nhân sinh và Đạo pháp, lúc đó đứng trên vị Đạo, con người sẽ có một quan niệm kỳ ảo, diệu hữu hơn nhiều.

Thân xác con người không thể tạo lập ngoài vũ trụ. Đất, nước, gió, lửa đã hình thành thân tứ đại, đặt tên con người trên sự qui ước với nhau để sống trong cái guồng máy vị sống của vũ trụ. Nó góp nhặt lại để tạo sự có mặt bằng tự cái nhận thức của nó trong giữa vạn hữu, cũng được lục thức phản chiếu sinh thực của chúng.

Mọi cái bất liên tục nằm trong cái liên tục. Vũ trụ đã ghép nó vào trong mạng nhện vô vi, con người là một điểm sinh động trên khung trời ấy.

Nhắc lại ở đây, vũ trụ không phải cấu tạo ở những cái rời rạc riêng tư, hay năng chiếm cố định, mà chính nó đã tự mặc khải cái trách nhiệm vạn hữu, duy trì sự tương hiệp, tương hòa của hằng vạn cá thể chứa đựng trong đó.

Con người đang sống với thể xác đang sống, nó chỉ gọi thực là sống khi chính cái tư duy với thức đang tư duy với thức về cái đang sống đó.

Bước sang phạm trù tâm linh, con người có được hay thực có được, là tâm linh chứng minh sự hiện hữu của con người. Thử hỏi, tâm linh có được tác hiệp, di động ngoài vũ trụ hay không? Thì ra, mọi cái có của chữ có tổng quát, đều phải đặt vào vòng khung của vũ trụ.

Tâm linh con người hằng chuyển như hằng vạn hạt nước trong đại dương. Tâm linh đã trưởng thành, qua bao kinh nghiệm sinh sống của nhân kiếp. Vũ trụ đã in sâu những làn sóng từ lực trong tâm linh, để tạo mãnh lực sinh tồn qua vạn cuộc thăng trầm của vạn hữu duyên nghiệp.

Nói chung ở đây, con người với thể xác và tâm linh toàn vẹn cấu kết, đều bị sự chi phối của vũ trụ. Những biến chuyển trong tâm linh con người, cũng như mọi sinh hoạt hành động của thể xác, đều làm di động đến vũ trụ.

Ngược lại đại thể vũ trụ vẫn thường xuyên huy tác trên mọi cá thể của con người. Đại thể vũ trụ luôn đi liền bên con người đang sinh trên hoàn cảnh của vũ trụ. Ảnh hưởng thường xuyên của sự chi phối này có một khả năng đồng hóa. Sau khi xuyên qua màng lưới duyên nghiệp của từng cá nhân. Cho nên, tổng quát của sự chi phối hằng sống vũ trụ vẫn giống nhau. Nhưng trên cá thể tư riêng, lại được màu sắc cá biệt, tùy theo bản thể con người đang soi sáng và động tác đến (xem thêm phần Chú nghĩa cuối sách).

Như đoạn trước đã nêu lên lý do của sự chi phối của vũ trụ trên con người vạn hữu, sau đây hãy xét qua vấn đề sự tác hiệp của vũ trụ trên con người cũng như vạn thể. Con người ở đây được xem không phải

là con người nghĩa hẹp của nó, mà đặt lấy cái tên để thay vì cho vạn thể hiện hữu trong vũ trụ giới thức. Sự tác hiệp phối động này được diễn phôi trên những hình thái nào, những luật tắc nào, trong cái tổng khai của sự sinh động của vũ trụ hiện thực.

Có thể xét đến những định luật mà vũ trụ chi phối chính nó. Sự chi phối tức là những đường lối chuyển lưu của vũ trụ, tất cả bao gồm mọi cấu tử đang có của nó. Bởi thế phải nhận định ở đây những câu nói và từng chữ xác định, hiểu để tránh sự lạc nghĩa.

Để tạo điều kiện nhận thức có thể nêu lên trong đoạn này, các qui tắc như: Luật vô hữu, luật tương hòa, tương hiệp, luật Âm Dương động tịnh và luật tiến hóa trong môi trường nhân quả.

Thứ nhứt: - Hãy nói qua về luật vô hữu của vũ trụ. Có mà không, không mà có, ấy là luật tắc vô hữu của vũ trụ. Đừng bảo rằng: "có", mà cũng đừng nói rằng "không". Có đó thực, nhưng cũng là không có thực đó, nhưng không kia mà lại rằng có đấy.

Vạn sự thể thế gian trong vũ trụ hiện thực phải đặt trong tình trạng tương đối hằng hữu, mới có thể giải thích được cái tác nhân của vũ trụ vào con người, tức là vào vô hữu của chính nó.

Vạn thể vũ trụ đã mang lấy bản tánh vô sinh bất diệt, mọi sự kiện xảy ra trong vũ trụ mặc nhiên đã vô thường bất đoạn. Chính nó, nhưng không phải là nó mang lại sự bất nhứt, nhưng nó vẫn là nó, sự kiện vạn hữu ấy đã bất di. Mọi sự thế gian trong vũ trụ, không đến mà đến, không đi mà đi, ấy là "vô lai bất khứ" vậy.

Với luật tắc vô hữu của vũ trụ đã giải thích mọi

sự ảo giác của lục thức, lục căn của con người và mọi sự sinh tồn của kiếp người, trong vũ trụ không cùng, vô thủy vô chung.

Thứ nhì: - Hãy nhìn lấy luật tương hòa tương hiệp của vũ trụ vạn hữu tương đối, vô sinh bất diệt. Tuy nhiên, như đã luận giải ở đoạn tác nhân chi phối, vạn thể vũ trụ tự nó liên hiệp trong vòm trời đại thể. Chính nhờ vậy mà guồng máy Pháp luân thường chuyển, làm sinh trường động hành, mọi cá thể nép mình trong vũ trụ.

Từ xã hội nhân sinh con người đến xã hội hành tinh, vân tú và vạn điều nghìn ngư, vẫn tự nó phối hợp để tiến hóa trong sự điều hòa của vũ trụ. Tương hợp không phải chỉ để tương hợp, mà giá trị thực hữu của luật tắc kế tiếp, là luật tắc Âm Dương động tịnh. Chính luật tắc này là điều kiện biến vạn sinh trường.

Thứ ba: - Luật tắc Âm Dương động tịnh chúng mình sự tác động đối nghịch để chuyển vận mọi sự tiến hóa được phát sinh từ sự mâu thuẫn tác hiệp. Sự mâu thuẫn ở đây phải nằm trong luật tắc tương hiệp tương hòa, bởi vì, nếu đi ngoài luật tắc ấy, vạn hữu đối nghịch sẽ khởi thủ cho sự tranh phân và tự diệt. Trái lại, nhờ nó mà vũ trụ mới sinh trường biến hóa, và xây cho cuộc thế diễn phô thanh sắc, qua màn ảnh lục thức của con người.

Màn đêm và ánh sáng không tiêu diệt nhau, mà chúng đã tạo lấy buổi bình minh, hay cảnh hoàng hôn huy hoàng rực rỡ, làm rung cảm bao kẻ ưu tư. Nhịp khúc ân tình có hay không, đều nằm trong luật tắc. Nhờ vậy con người hiệp thành xã hội, thiết lập thế giới nhân sinh, biết bao nhiêu những vụ chứng khác,

mà con người có thể nhận thức được.

Thứ tư: - Tuy nhiên nói đến sự tiến hóa, không phải con người chỉ cần đối nghịch với hai cá thể, là tự tạo lấy sự sinh biến. Điều quan trọng của khởi nguyên tiến hóa và kết quả của đoạn đường tác hiệp như thế nào, không thể không nói nêu ở đây luật tiến hóa trong môi trường nhân quả. Thật vậy, các tác nhân phối hợp chuyển biến tự hữu đã mang lấy bản chất hằng tạo trong đoạn đường quá khứ. Các nhân duyên quá khứ bao trùm lấy từng tác nhân một. Khi bước đến sự tương hiệp tịnh động để tiến hóa, các tác nhân vẫn chịu cái cá thể riêng tư trong suốt chu trình tiến triển hiện tại. Chính vì thế, ngoài những bản tính cá thể, sự hiện diện của cơ duyên ngoại lai trong vũ trụ bao bọc, vẫn tác động lên trên sự biến hóa.

Trong chu trình sinh diệt biến hóa của tam thế: Quá khứ, hiện tại, vị lai, cơ nguyên nhân quả luôn luôn đeo đuổi như hình với bóng. Tâm thể bản tính khách trần ô nhiễm người lữ khách vẫn mang theo những vốn sẵn, những hạt thóc giống đã gặt hái được trong mùa năm trước, để làm phương tiện cho đoạn đường còn lại, hoặc gây tạo mùa gặt hái năm sau.

Hãy sửa soạn cho vị lai ngay từ trong hiện tại. Mọi vị thế đều phục vụ cho vị thế. Khi sang tiết vị đạo thì giá trị suy luận về chuyển biến khác biệt. Tất cả tùy tâm căn tiến hóa.

Tóm lại, vũ trụ chi phối suốt đoạn đường con người hiện hữu. Thử hỏi vậy con người phải làm sao trong bầu vũ trụ hằng chuyển? Con người phải mặc khải công năng tác hiệp ra sao, để tạo điều kiện tiến hóa hằng hữu?

B. TRÙNG TỤNG**THI**

Ở trong chứa đựng máy hành tàng,
 Một cõi Thiên đàng, một thế gian;
 Vạn hữu hữu vô tình bất đoạn,
 Thiên không không sắc lý tương quan.
 Âm Dương động tác sanh sanh trường,
 Cơ ngẫu vận hành tạo tạo đoạn;
 Co duỗi màn trời, ai rõ biết?
 Để cùng vũ trụ định nhân gian.

BÀI

Nhơn gian định, trần hoàn ổn định,
 Vạn vật hòa, lý tính giao hòa;
 Bước vào cái vũ bao la,
 Trông về cuối tận, trụ là nơi đâu?
 Tay Tạo Hóa siêu màu huyền bí,
 Sắp cuộc đời vô tử vô chung,
 Sinh sinh, diệt diệt khôn cùng,
 Đổi thay tán tụ trong vòng tác nhân.
 Mượn chi đó, kết thân tứ đại?
 Đó là chi buộc mãi luân hồi?
 Ra vào cái ngõ tanh hôi,
 Đa mang quá khứ, sứt sùi vị lai.
 Đường tác hiệp không ngoài vũ trụ,
 Cuộc phối chi trong thú vạn năng;
 Phong lưu, co giãn vô ngần,
 Vó câu lữ khách phăng phăng chập chùng.

Hòa nhịp sống trong khung đại thể,
 Dụng công năng vi thể tiểu vi,
 Diễn phôi sắc thái tân kỳ,
 In vào lục thức, duy trì quả nhân.
 Tâm bản tịnh, khách trần ô nhiễm,
 Ý tương ưng, thấu liêm vận hành;
 Thất tình, ngoại cảnh sở sanh,
 Triền miên hiện biến sắc danh khôn lường.
 Tánh hải ấn đại dương phẳng lặng,
 Vọng thức gây vạn trạng gió đông,
 Hóa nên nghiệp hải trùng trùng,
 Không bờ, không bến, mộng lung mờ mờ.
 Sóng từ lục đẩy xô nhọn kiếp,
 Cuộc thăng trầm duyên nghiệp trần la,
 Một bầu chung tử hăng sa,
 Tiếp thu luân động, tương hòa tương sinh.
 Vọng thức đó vô minh buông rũ,
 Tâm linh là vũ trụ thiên không,
 Vào ra, chẳng nhiễm bụi hồng,
 Thân này vũ trụ hòa đồng khứ lai.

MỤC 3:**Dung Hòa Con Người
Giữa Thế Giới Vũ Trụ.****A. KINH VĂN**

Qua hai mục trên, trong tiết 2 của chương IV, Bản Tiết đã xét qua vai trò nhận thức của con người đối với vũ trụ và sự chi phối của vũ trụ trên con người hiện sinh. Sau đây là phần dung hòa con người

giữa thế giới vũ trụ.

Lẽ dĩ nhiên, phàm con người đang sống trên cái thế giới đang sống, đều nhận chân sự có mặt của mình giữa thời gian và không gian Trời Đất ấy. *"Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong"*, tư tưởng này không ngoài mục đích tương hiệp, tương hòa của bất cứ cá thể nào đối với ngoại cảnh. Thật vậy, không có sự hòa nhịp phối ngẫu giữa một cấu thể với nhau, sẽ không có sự sống. Chính vì thế mà vấn đề không thể không xét đến. Đó là dung hòa con người giữa thế giới vũ trụ.

Vấn đề đã được nêu lên cho con người hiện tại, tuy nhiên tác nhân hữu lý sâu xa nào đã đưa con người về câu hỏi tất yếu ấy?

Sự thực của giá trị nhận thức qua câu hỏi ấy như thế nào, trong phạm trù của giới thức?

Hỏi là một lẽ, mà phù đáp là một vấn đề khác.

Định hướng cứu cánh cho vấn đề, mà Bốn Tiết đã nêu lên đây là chi? Cứu cánh ấy sẽ tác động con người trên cương vị gì?

Ngoài ra lập trường minh định câu nói ấy ra sao, ngõ hầu nương vào đó, con người sẽ đạt đến cứu cánh đã vạch định.

Lần lược quán xét từng đoạn một: Tôn, Nhân, Dự (xem thêm phần Chú nghĩa ở cuối sách).

Điều quan trọng của vấn đề đã nêu, là dẫn giải nguyên lai và trình bày ý định.

- Vì sao lại đưa con người đến vấn đề đã nêu trên?

- Phải chăng con người đồng thể với vũ trụ?

- Khói sớm mây chiều, vân thượng yên hà rực rỡ.

- Khói mây có phải là nước hay không?

Khói mây là nước, nhưng không là nước. Không là nước nhưng lại chính là nước biến sinh.

Con người khi đặt quan niệm đi vào bản thể của vũ trụ, mọi pháp trần cũng đều giống như nhau. Những cực vi tử cũng là các đại thể, các tiểu linh quang biến sinh sinh biến. Thấy *"sinh"* là con người phải hiểu rằng sự kiện không tự nó hiện thành, mà do sự biến thể của những gì hiện hữu. Thấy *"diệt"* là đừng bảo rằng mất đi, mà chính đó là sự biến dạng sang hình thức khác. Nước sông, khói sóng, mây trời, tất cả đều là những chu trình tuần hoàn sinh biến.

Nhắc lại nơi đây, nếu đi sâu vào Pháp thân bản thể con người và vũ trụ, cũng như vạn hữu, đều không khác. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa con người và con người, giữa con người và vạn pháp là tự bởi cái sắc tướng giả tạm, che đậy bên ngoài đó mà thôi, tùy theo nghiệp chủng của tâm thức mà bày hiện ở hình dạng ngoại thể.

Chúng quả tối tri nếu đạt được, thì cái giá trị dị đồng của vạn hữu thực tại sẽ không còn, và nhờ thế những sự chấp ngã và vô ngã không tái lậu được.

Vậy thì con người đồng thể với vũ trụ, hay có thể bảo rằng: Vũ trụ trong con người, con người trong vũ trụ.

Ngoài ra, con người cũng đồng nhiệm vụ với vũ trụ. Sinh, trưởng, thâu, tàn, con người sinh ra, lớn lên, trả nợ vi nhân trong cuộc đời dâu bể.

Cái nhiệm vụ tự mang lấy, khi bước chân vào cõi đời, là một nhiệm vụ xây dựng cho điều kiện tiến hóa của vạn loại. Nếu có sự vô trách nhiệm của một cá thể

nào, đó là màn vô minh đã che lấp bản tâm linh của cá thể đó.

Con người bước chân vào vòm trời vũ trụ, lẽ dĩ nhiên, không thể bảo rằng con người đứng ngoài vòng vũ trụ, hay xem vũ trụ là một đối tượng khách quan, con người là tiểu vũ trụ của chính nó. Vũ trụ là một cực đại thể của chính đại vũ trụ. Cái tâm thức của con người là trung tâm lực của vũ trụ nhân thể, cái xác thân hằng động của con người là khung ảnh của vũ trụ nhân thể.

Cái nhiệm vụ đồng hành của con người và vũ trụ được thể hiện sự tiến hóa trong tương quan nhân quả sở định của vũ trụ đã nhờ vào con người mà hiển hiện. Mọi luật tắc của vũ trụ hằng chuyển luân trong con người hiện có. Từ vũ trụ con người cấu thể để hiện hữu và từ cái hiện hữu do lai vũ trụ con người tác động theo khung trời vũ trụ.

Con người mang lấy cái thể xác từ tam đại thể của vũ trụ hằng hữu: Hư không, tâm linh và vật chất phối hợp, nên con người tự hữu sở định. Cái nhiệm vụ không nói đến cũng mặc nhiên phải khoác lên con người này.

Sống không phải để mà sống. Sống đúng chính nghĩa thực của nó là thể hiện những cái vinh diệu của vũ trụ. Phải tác động như một nhân thể chịu sứ mạng từ vũ trụ cực đại để sống. Có như thế con người sẽ không bị màn vô minh, đưa đẩy vào đường sống tự kỷ, cá biệt, để rồi góp mặt cho trò đời biến đổi tang thương.

Sự cấu tạo đồng điệu của con người và vũ trụ, và nhiệm vụ con người đã ghép mình vào vũ trụ, đã

đồng nhịp sinh trưởng của đại thể bao la đó, chính vì thế, điều mà đặt trước mắt con người là phải làm sao dung hòa con người trong vũ trụ.

Có thể xem vũ trụ là một hiện tượng đối lập với con người hay không? Hoặc con người là nô lệ của vũ trụ, gói trọn vẹn thân tâm mình vào trong vòng chuyển luân của vũ trụ hay không? Phải làm sao đưa đến cái giá trị hành thức của điểm chính con người, hợp lý nhất trong xã hội vũ trụ.

Tất cả những điều này sẽ được lần lược qui định như sau:

Vấn đề dung hòa con người vào vũ trụ đã được nêu lên. Tuy nhiên, vấn đề này cần phải được xác định theo tiêu chuẩn nào và theo đường hướng nào, để tạo lấy căn bản cho hành thức nhân sinh.

Thứ nhất: - Dung hòa trong căn bản tri thức.

Hành giả tri hành hiệp nhất, biết trọn vẹn cái biết mới dám gọi rằng biết. Cái biết vô thường của thể nhân cũng mường tượng như sắc diện của buổi bình minh hay hoàng hôn diễn phô trong nhân thể.

Chính vì thế, vấn đề dung hòa trong nhận thức của con người đối với vũ trụ, là điều cần lưu ý hơn hết. Những nhận thức sai lầm thường đưa con người vào con đường nguy khốn diệt vong. Những tội lỗi chứa đựng ngay từ trong tư tưởng, chớ không phải là cái bản án của thể nhân.

Con người có xem vũ trụ là mình, mình là vũ trụ, mới tránh khỏi sự phiến não và đối gạt của ngoại thức. Đừng cho rằng con người ở ngoài vòng vũ trụ, hay chỉ có con người là điều đáng lưu tâm. Tuy nhiên, cũng đừng cho rằng con người phải là nô lệ của vũ

trụ, là phải xuôi tay, mặc cho sóng đời di động.

Những cực đoan của nhận thức mang màu sắc thiên lệch ấy thường đưa con người vào lối nghi ngờ và không thể nào sáng tỏ vấn đề. Con người mang lấy những khoanh tay bất mãn của màn lục đục, sẵn sàng nổi dậy trong lòng của con người, đi đôi với hành động của tâm thức chuyển biến và sau đó hành động tai hại sẽ phát sinh, khó mà ngăn giữ được.

Trên căn bản nhận thức của con người, quán tưởng rằng: Con người ở trong vũ trụ mà là ngoài vũ trụ, con người ở ngoài vũ trụ nhưng lại là trong vũ trụ. Con người và vũ trụ duy nhất, nhưng duy nhất ấy lại là lưỡng nguyên. Sự có mặt của con người và sự hằng tồn của vũ trụ đi đôi với nhau như sóng nước.

Thứ nhì: Dung hòa trên căn bản hành động.

Sau khi xác định chơn giá trị của nhận thức về vũ trụ, điều được nêu lên đây là dung hòa con người trên căn bản hành động.

Con người đã sống là có hành động. Cái trí muốn trong tò mò và hiếu kỳ của con người, thúc hối con người phải hành động để thỏa mãn sự đòi hỏi duy lý ấy. Vì thế, con người gói mình trong nhục thể lý trí, hằng lo khám phá con người và ngoại cảnh vũ trụ. Hằng nhận thức này gạt bỏ mọi vật thể và xem mọi vật thể đều là những đối tượng dị biệt, cần phải chinh phục. Suốt đời người, họ chỉ đeo đuổi theo cái bóng của vũ trụ để hằng mong chiếm đoạt lấy. Tuy nhiên, mọi giải quyết đều đem đến sự không giải quyết gì cả. Cái không chấp nhận đã đưa đến giải pháp vô nhận thức được.

Vì vậy, hành động con người không thể hướng

theo phương thế ấy được. Song con người trái lại, nếu chỉ biết tròn mình trong vỏ ốc của vũ trụ nhân thế, mặc kệ ngoại cảnh biến thiên, thì cũng là hạn hẹp lắm ru?

Đã đi vào đời là mang trách nhiệm tiến hóa định vị của nó. Thế mà con người đứng lặng yên một chỗ, té ra con người không làm tròn sứ mạng đã tự nhận hay sao?

Tóm lại, khám phá vũ trụ không phải là để khám phá vũ trụ. Trái lại tìm hiểu vũ trụ là để tìm hiểu con người trong sự tương hòa tương hiệp. Cái lối thoát khai mở cho những ai đắm chìm trong ảo tưởng ưu tư, là xem mình đi, để biết mình đi và nhận định quyền năng khởi thi, để khỏi phải nặng nề bó tay quán xét. Hơn nữa, dùng lý tính để cải tiến tri thức trong sự tiến hóa, nhưng không luôn luôn sẵn sàng chấp nhận sự dung hiệp giữa con người và vũ trụ.

Thứ ba: - Dung hòa trên căn bản tâm linh.

Nhiều người trông thấy cái bao la huyền nhiệm lại sợ hãi, khép mình trong lo âu. Nhiều Tôn giáo thấy sự thế, lại nung nóng sự khủng hoảng giữa niềm tin của con người. Những niềm tin nô lệ vẫn phục vụ cho nô lệ mà thôi. Những giáo dục nô lệ sẽ đưa con người vào xiềng xích của thức trần ô nhiễm.

Đối với một tác năng Đạo học, cái căn bản tâm linh đối với vũ trụ không thể như thế được. Tôn giáo không tạo điều kiện giải thoát con người ra khỏi khu rừng u minh phiền não. Sự thực không là cứu cánh của Tôn giáo. Mọi hình thức nào cũng đều là hình thức, nhưng Chơn lý đặt định không thay đổi. Vì vậy, với nhận thức tâm linh con người phải quan niệm thế

nào hợp thức, khi đối diện cùng vũ trụ huyền nhiệm này.

Trên căn bản tri thức của giới luận đã nói: Vũ trụ là mình, mình là vũ trụ, thì sự thực cái lo âu vợ vắn, chỉ là cái bóng không thực mà thôi. Nên xóa bỏ để tạo một phương vị định huệ giải thoát cho kiếp nhơn sanh. Hơn thế nữa, Thượng Đế ngự trong tâm lành của nhơn sanh. Cho nên con người không thể nào lại lo cho mình trước vũ trụ được. Phải chấp tay hướng mắt nhìn vào bản thể của con người, vạn thể tự tâm thể biến sanh, các điểm linh quang hằng định, vẫn có và hằng có.

Kìa nhìn xem cánh hạc vạch thẳng giữa bầu trời thanh thoát, cái hạc ấy có lo gì, có tưởng gì, có phiền não gì, vẫn ung dung tự tại trong định luật sinh tồn. Còn con người là một vật thể thượng đẳng, lẽ nào lại bị khép mình trong những tư tưởng mờ đục của chính mình.

Tóm lại, cái chinh phục chiến thắng vĩ đại nhất, là cái chinh phục chiến thắng bản thể của con người. Đừng ham hồ nhìn những gì to tát ngoài kia. Thực sự những cái ấy đều tự chứa trong con người, mà chính con người chẳng hay chẳng biết. Tự chủ được bản thể là tự chủ được thiên hạ. Chinh phục được con người hiện hữu là chinh phục được vũ trụ hằng tồn. Đừng lo cái không đáng lo, đừng nghĩ cái không đáng nghĩ. Hãy bước thẳng và lặng nhìn vào Thiên tâm bản thể!

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Nhơn gian mấy kẻ biết tu hành,
Tự thể dung hòa, lóng trước thanh;
Căn bản thiên lương, gìn chính chắn,
Ngọn ngành thánh thiện, giữ tinh anh.
Tâm linh bất động không mê muội,
Tánh hải huyền đồng đặc sở sanh;
Mộng huyền vô thường nào tí gợn,
Lòng tay nắm trọn: Sắc, thính danh.*

BÀI

*Sắc, thính danh, pháp, tài, vị, xúc,
Định viên thông hàng phục chư ma,
Khấp trong vũ trụ là nhà,
Tối lui xây dựng, vào ra tác thành.
Lý huyền nhiệm vô sinh bất diệt,
Cơ vận hành khúc chiết viên dung.
Nào ai đoàn chấp khuyết trung,
Đo lường yếu tho, thông cùng khứ lai.
Cấn môn xuất, nhi Đoài môn nhập,
Cuộc chu trình diễn khắp trần gian;
Lại qua một thử, một hàn,
Chuyển luân nhứt dạ, thâm tàng trường sinh.
Đấng Tạo Hóa hữu tình là thế,
Kiếp con người hồ dễ đản đo,
Sống cùng un đúc một lò,
Kim thân rày đã nên trò gì chẳng?
Trước đối cảnh, vạn năng sinh biến,
Giữa vòm trời ẩn hiện sắc không,
Nào ai là Chủ nhơn ông?
Xuất Huyền nhập Tấn, phải thông mới là.*

Vũ trụ ấy với ta vốn một,
 Một mà hai, không tột không cùng,
 Hái hồ xuôi ngược thú chung,
 Mảnh thân tứ đại vẫy vùng trần lao.
 Thể Âm Dương có là không đấy,
 Vô vạn thù tạm ấy rồi thay,
 Tương quan vạn tượng phô bày,
 Quay về bản thể, mới hay sự tình.
 Chơn tánh vốn Viên minh Diệu giác,
 Tâm linh này trực phát huyền đồng,
 Dù rằng vũ trụ mệnh mông,
 Gom về nội tĩnh, suốt thông mọi đường.
 Đem cái ta vào trường huấn luyện,
 Cho phàm thân hiện biến Kim thân;
 Mảnh gương lau sạch bụi trần,
 Soi vào nhìn rõ nguyên nhân cuối, đầu.

III. TIẾT THỨ BA

NHÂN SINH VÀ CON NGƯỜI

Vấn đề vũ trụ và con người đã được trình bày trong tiết trên, sau đây là vấn đề có liên quan mật thiết đối với cá thể con người là nhân sinh. Vũ trụ thực ra là tất cả bao quanh, dồn dập của thiên nhiên vào con người mang một tính cách bao quát và uy hùng hơn hết. Tuy nhiên, chính đối tượng nhân sinh mới thực là thể tài chính thực, mà con người hằng chung đụng, hằng ưu tư, hằng nghĩ ngợi, qua muôn nghìn xuôi ngược, ngược xuôi.

Hơn nữa, một chủ thuyết, dù có hùng hồn và rực rỡ cách mấy đi chăng nữa, mà không giải quyết được vấn đề nhân sinh trong nhân sinh, thì cũng chỉ rơi vào không tưởng, vào mơ hồ. Chính vì thế mà vấn đề nhân sinh và con người không thể không nêu lên nơi đây.

Phải chăng con người là một chiến sĩ giữa bãi sa trường? Dầu đứng trước nghịch cảnh hay ưu thế, người chiến sĩ đều quan trọng và cấp thiết không thể từ chối, đó là chiến đấu. Phải chăng cuộc đời là bến đỗ của khách thương hồ tạm dừng lại, để tung vào không gian khởi diễn? Phải chăng cuộc sống của con người trong xã hội nhân sinh là một canh bạc, càng đoạt lợi thu nhiều là chiến thắng!

Tất cả những câu hỏi trên đây, sẽ được lần lượt quán định, theo ba mục sau đây:

1. Nhân sinh trong màn đêm huệ thức.

2. Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu.
3. Hiệp hòa con người trong vũ trụ nhân sinh.

MỤC 1:

Nhân Sinh Trong Màn Đêm Huệ Thức.

A. KINH VĂN

Nói đến nhân sinh là nói đến một tập thể phức tạp, lồng trong đó nhiều cá thể dân tộc, quốc gia và chủng loại. Một phức tạp tràn đầy phức tạp, từ thực thể đến tinh thần, khó mà đồng nhất nhau được. Tuy nhiên, nhân sinh dù khác biệt, từ màu sắc hình tướng, đến tâm trí tri hành của chúng, nó vẫn mang lấy một cái đặc tính biệt thù của nhân sinh trong căn nguyên bản thể.

Cái giống nhau không thể tách rời được của tập thể nhân sinh, đó là con người phải nhìn nhận đối tượng này có một quả tim, có một linh hồn và một thể xác, thuộc hàng thượng đẳng chúng sinh. Con người phải nhìn nhận nhân sinh là chính mình, trong ý nghĩa đại thể và con người là nhân sinh cá biệt. Có như thế, sự quan sát đối tượng nhân sinh sẽ không đi đến chỗ sai lầm và chủ quan thiên lệch.

1.- Quán định nhân sinh trên cương vị không gian hiện hữu của chính nhân sinh.

Lấy thời gian hiện tại làm dấu mốc cho sự nhận thức, con người và đối diện con người thứ hai đã tự mang bao nhiêu điều khác biệt. Tất cả chúng sinh là những hạt nước được nhuộm màu. Nước vẫn là nước,

các chủng nghiệp truyền thừa đã hòa lẫn làm đục, nhưng muôn màu đều có ánh sáng.

Một con người và con người đã là thế. Hãy nhìn qua một dân tộc với dân tộc, quốc gia với quốc gia và chủng loại với chủng loại ra sao?

Từ cái hàng rào bản ngã của con người, đến cái hàng rào dân tộc, quốc gia và chủng loại, đã ngăn đường lấp lối, xẻ mún chia manh cái tập thể nhân sinh. Từ mảnh đất nhân sinh, dù đã nảy sanh biết bao nhiêu thảo mộc, cỏ lạ hoa thơm, biết bao nhiêu đưng lác năng sậy, đất bùn vẫn là đất bùn. Nhưng có ai lại phủ nhận rằng hoa sen có được không là từ chỗ đất bùn, hoa huệ có được không là từ cánh đồng khô.

Cái biến đổi đẹp xấu đến tự cá tính chuyên biệt cấu tạo lọc lừa mà thôi. Mảnh đất trần gian là thế, thì khu vườn nhân sinh nào có khác gì. Những khóm hoa sặc sỡ, những cây cỏ um tùm, tất cả cũng tự thể hiện sự có mặt của mình trong tự thể riêng tư.

Bản thể là một, mà hình tướng là hai. Dành riêng về tâm linh bản thể, con người sẽ nghĩ gì về vấn đề con người tri giác và thể xác sinh thực. Thử dừng chân lại nhìn những lượn sóng trôi nhanh, từng đợt sóng ào ạt, qua lại lại qua trước mắt con người. Nhìn những vết răn reo trên vẻ mặt, nét ưu tư còn đọng, còn ngập ngừng trong yên lặng, hoặc vội vã trong sự việc chẳng thung dung. Tất cả mọi sự riêng biệt, hòa lẫn thành một cái gì chung thể, đồng tương quan, đồng sinh hoạt, đồng tiến bước. Thế nên cái nghĩ suy hành động của con người có giá trị là được thực hiện giữa tập thể nhân sinh, các luồng sóng tự tưởng đang trộn hòa theo từng không gian, cũng như hàng vết

chân xóa nhòa lên nhau trong cuộc đời biến chuyển.

Đời là tranh đấu, cái ý nghĩa ấy khó được đứng vững đối với tập thể nhân sinh, càng ngày càng gần nhau hơn. Sự tranh đấu cao thượng, hùng vĩ nhất là tranh đấu với chính con người của mỗi cá nhân. Mọi chương ngại dầu to tác hay nhỏ bé, sẽ bị dẫm dưới bước chân vô ưu của người hành giả. Nhận định này sẽ đưa con người đến những quyết định nào?

Đời phải chăng là bến mộng của cõi vô thường. Con người thấp thoáng như những chiếc thuyền mơ trôi theo bào ảnh. Ôi! Nếu bảo rằng mơ, thì chi là thực? Nếu bảo rằng thực, thì cũng hỏi lại thế nào mới gọi rằng mơ? Đã bước vào đời, đã nhận lãnh vai tuồng quan trọng hay tầm thường, cái cần yếu là phải đóng cho trọn vẹn vai tuồng của kiếp nhân sinh trong hiện tại đã. Những sự việc lặng lẽ và tách rời, phải là điều sửa soạn cho việc hưng biện và sinh hoạt đồng hành. Nếu trái lại, những phương cách này sẽ không đưa con người hơn cái chỗ con người đã có. Những ngọn gió dù yên lặng, nhưng cái yên lặng để chờ đợi sự luân lưu, tạo mùa tiết, phong vân vũ lộ.

Mọi sinh hoạt đều đưa con người vào con đường tiến hóa, mới chính là sự việc phải nghĩ đến trên hết.

- Hạnh phúc có phải là cái yên vui riêng của bản thân con người?

- Đúng, trong câu nói hẹp hòi này sẽ đưa con người đến hố sâu tiêu diệt. Hạnh phúc vĩnh cửu là vô ưu, vô phiền não. Chính trong cái chỗ vô ưu, vô phiền não sẽ chứa đựng như một bầu trời bát ngát bao la. Những sự việc giả tạm, chỉ là lớp áo hạnh phúc, có chăng nữa cũng theo thời gian mà phai pha đi mất.

- Nhận định ấy sẽ đưa con người đến những giải quyết gì?

- Những tiếng nói khác biệt đã làm cho con người ngăn cách. Những giáo dục tín ngưỡng lại càng đẩy xa con người ra khỏi tập thể. Thực sự thì quan niệm tư tưởng và trí thức đã càng làm cho con người xa nhau hơn nữa. Muốn thực sự gần nhau, muốn thực sự hiểu nhau, con người lặng yên trong màn đêm huệ thức, sẽ thấy mọi niềm cảm xúc của chính mình, đem hòa lẫn tha nhân. Có như thế, tập thể nhân sinh này mới mong tồn sinh trong tiến hóa.

2.- Quán định nhân sinh trên cương vị thời gian luân chuyển.

Nhìn dòng nước chảy qua cầu ngày hôm nay, cùng những bào ảnh, cùng những mây trôi, cùng những cây cỏ ấy, nhưng đã khác hôm qua. Không có hai trận mưa giống nhau sau trước. Dòng đời trôi xuôi, con người cũng trôi theo ngày rộng năm dài.

Những giọt nước chảy sau đây dòng nước trước, tiến dần về đại dương. Cái thế hệ đi sau đã bắt buộc thế hệ đi qua không thể dừng chân lại được. Dây xích thời gian càng thêm một khoen, càng dài ra thêm nữa. Sự có mặt của kẻ đến sau, làm cho người đi trước phải bước lên. Xuân mãn đông tàn, hè qua thu lại, mầm non sắp nở, lá ngô đồng rơi rụng đầy sân. Cái khác biệt của khung cảnh nhân sinh và khung trời cây cỏ: Nhân sinh vẫn tiến hóa, cây cỏ vẫn nguyên hình.

Cái thế hệ hiện tại phải có bổn phận và trách nhiệm trên những đau khổ và hạnh phúc của thế hệ đi sau: Thế hệ đi sau mang lấy gông cùm hậu quả cho

thể hệ sắp tới. Những bước tiến hóa gắn liền với trách nhiệm mặc khải của con người, đối với không riêng con người hiện tại, mà phải là đến cả con người vị lai. Hãy bước đi trên những con đường bằng phẳng và vững chắc. Hãy nhận hưởng vào ánh sáng bình minh, để tránh cho xã hội hậu lai khỏi bị đi vào cảnh bình địa nổi ba đào, ban ngày mà u tối.

Nhân sinh, hai tiếng ấy mang nhiều màu sắc của không gian sinh động và thời gian chuyển luân. Ngoài ra, nhân sinh đã khoác lấy cho mình những chiếc áo tư tưởng huy hoàng, phản chiếu ánh sáng. Mọi tư tưởng đã định hướng trước tiên của nhân sinh, mà con người sẵn sàng chờ đợi lấy hậu quả. Cho nên cái tư tưởng đã nắm một vai trò chủ động lực trên mọi sinh hoạt của nhân sinh.

- Con người có quan niệm gì với tư tưởng?

- Tư tưởng sanh biến không ngừng, lưu chuyển trong màn đêm huệ thức. Con người tự lấy cây thước và cán cân. Để đếm bước vận hành, cùng đo đoạn đường thiên lý.

Những tư tưởng đang mang mặc ấy, đã biến hiện ra sao trong con người? Tư tưởng đã tái sinh gì trong con người đang sống và thế nào mới gọi thực là sống?

Tư tưởng nhân sinh đã định giá mọi sinh hoạt tinh thần của con người. Mọi sinh hoạt tinh thần ấy đã tạo con người trong cái hằng hữu của nó ra sao?

- Một điều cần qui định ở đây: Dù rằng cái tư tưởng hay chủ thuyết có vượt bậc thế nào chẳng nữa, thì thực sự tư tưởng ấy khó vượt ra ngoài không gian và thời gian. Chính vì thế mà con người phải ghi nhận sự tiến hóa và thoái hóa của tư tưởng. Theo thời đại

và kỷ nguyên, phải nhìn bầu trời hôm nay, mà đoán việc mưa gió bất thường sắp đến.

Nói đến nhân sinh, tất phải nêu lên vấn đề tình cảm và thể xác nói riêng, nhơn sanh nói chung. Các chi phối trùng hợp này đã và đang gây tạo ra sao? Có phải chẳng là điều chấp nhận trong hai cá thể. Để chôn vùi con người trong khung ảnh tư riêng, hay chỉ gói trọn trong gia đình, quốc gia, dân tộc.

Bước sang giai đoạn sống của thể xác con người. Lẽ tất nhiên, sinh hoạt thường nhật đã đưa con người đến sự việc ăn, mặc, ở. Những tác nhân này đã chi phối hầu hết đời sống con người. Cái ăn, mặc, ở đã chiếm một địa vị quan trọng trong tư tưởng tình cảm và sinh hoạt. Thế nên nhìn vào sự thật, dù rằng sự thật có là phạm phu hay tục tử. Nhờ có biết được cái phạm phu tục tử, con người mới bước lên thang tiến hóa của tâm linh siêu việt.

Nhân sinh trong màn đêm huệ thức, sẽ lần lượt nhận định và tạo điều kiện tiến hóa trên con đường vũ trụ và nhân sinh.

B. TRÙNG TỤNG

*Danh lợi bốn xu cõi hí trường,
Nguyên nhân há dễ mất Thiên lương,
Thánh phạm do bởi tâm sanh biến,
Siêu đọa vì chưng tính độ lường.
Nếu nghĩ trăm năm cơ hữu định,
Đành cam một kiếp lụy vô thường,
Đất lành gieo giống cây lành đỗ,
Cõi Việt trời Nam một mảnh vườn.*

BÀI

Vườn Tào Hóa nghìn dâu xanh biếc,
 Lò cừ nung mấy kiếp con tằm;
 Nợ trần nếu phải trăm năm,
 Đường tơ sao chẳng đoạn phăng một lần.
 Người vốn biết nguyên nhân Thượng giới,
 Tay thợ Trời gieo tới trần gian;
 Sum sê một cõi dinh hoàn,
 Luân lưu nhựa sống khắp trần núi sông.
 Đen, trắng, vàng cùng trong vũ trụ,
 Mặc uống ăn trong thú dưỡng sinh;
 Á, Âu, Phi, Úc, Mỹ, Anh,
 Một khuôn un đúc nên hình thể nhân.
 Từ tập thể nhân quần chủng loại,
 Đến quốc gia, xã hội bán khai,
 Linh quang bủa xuống trần này,
 Hậu Tiên, nhị khí dựng gầy tác sinh.
 Cuộc phù thế âu đành tạm bợ,
 Đường thiên luân sao ngõ tiền duyên;
 Thức trần lấp ngõ đặng Tiên,
 Vó câu lữ khách quanh triền Vu sơn.
 Bước hoạn lộ ngấp ngừng ngoảnh lại,
 Vàng kim ô gát mái hiên tây,
 Hỏi chi ở cõi trần này,
 Rằng vinh, rằng nhục, rằng cay, rằng nồng.
 Đã pha trộn muôn dòng màu sắc,
 Rẽ cuộc đời ngõ tắc đường quanh;
 Truyền thừa nghiệp chủng biến sanh,
 Sắc tài tửu khí vây quanh kiếp người.
 Mâm nhơn ngã nẩy chồi nhân quả,

Chồi quả nhân phong tỏa thiện căn;
 Nổi trôi hạt cát sông Hằng,
 Vạn sinh dồn dập dưới lằn sóng xao.
 Dem cái ngã buộc vào nhân thế,
 Tình thanh cao bóng dễ trầm luân;
 Cái quây búng tít không ngừng,
 Cuối đường hoạn lộ, khách dừng nơi đâu?
 Cõi Thiên không một bầu lồng lộng,
 Hạt vi trần gấm phồng ra chi;
 Thiên nhiên ảo diệu tân kỳ,
 Từ trong đại thể, tiểu vi hòa đồng.
 Trót đặt chơn trong vòng nhân kiếp,
 Kiếp con người là kiếp vạn sinh;
 Vạn sinh là máy tối linh,
 Thuận cơ biến hóa, an ninh thái hòa.

MỤC 2:

Tác Động Nhân Sinh Trên Con Người Hiện Hữu.

A. KINH VĂN

Con người không thể tách rời khỏi xã hội nhân sinh, xã hội nhân sinh đã dính liền với đời sống của từng cá nhân một. Đã tự nhận là một nhân thể trong cuộc đời, phải chấp nhận mọi sự chung đụng sinh tác, trong khối đại thể nhân sinh.

Hãy nhìn một dòng nước đang trôi chảy. Những hạt nước li ti hẳn phải kết hợp với nhau và liên tục. Một dòng nước sẽ thôi chảy khi những hạt nước này bị đứt rời và cách biệt nhau. Cuộc đời cũng thế, giòng

đời lơ lửng, nhân thế nổi trôi, bọt nước hiện biến ở đầu gành, con người sanh tử.

Tác động tất yếu của xã hội nhân sinh không thể không lấn ép con người cá thể từng địa vị một. Trái lại, con người phải góp từng bàn tay, từng nét bút, để xây dựng tòa lâu đài xã hội uy nghi, hay một bức tranh đời vân cầu. Những mái thuyền đời đang vẫy vùng trên sóng nước, dù muốn hay không, kẻ cầm lái cũng phải nương chiều thuận nước, tùy theo sóng gió bão bùng, mà đẩy mái chèo con.

Bước chân vào đời, dường như bị sắp khuôn trước. Khung cảnh đã có sắp đặt từ trước, mọi hình thức, hoạt động sinh sống đều do khuôn thước của những lớp người đi trước tạo ra.

Xã hội con người chứa đựng con người, trong ấy mang những đặc tính mà mỗi con người phải đồ nét lại, nếu muốn được là người bình thường, hợp với xã hội. Những thói quen, tập tính đều khoác lên mình con người một bộ áo, mà chính con người cũng không hiểu rằng mình được có hay là bị có. Tuy nhiên, những việc lập đi lập lại đã tạo cho con người một dễ dãi chấp nhận, như một sự thể tự nhiên cần có, chớ không còn cho là bắt buộc, đau buồn trong đời sống hiện tại.

Những hạt cát trên sa mạc vẫn có khuynh hướng tụ với nhau, thành cồn cát nhỏ to lớn bé. Cái vị trí tương hợp của chúng vẫn phải hợp mặt trên một cương vị với hình thái riêng biệt. Nhưng mọi hình thái riêng biệt vẫn góp chung một tính chất chung của sa mạc. Cái nóng bỏng, cái hoang vu, cái trập trùng hư ảo của nó đã bao trùm lấy chính nó.

Xã hội nhân sinh, tập thể sinh biến, những bất diệt này, vẫn hợp mặt đầy đủ những khía cạnh riêng tư, chung qui cũng tạo bộ mặt đặc thù của nó. Cái xã hội từng dân tộc đã mang nhiều tính chất xã hội, những mối nối liên hợp trong tập thể này, dưới những tác động hợp lý riêng của mỗi xã hội dân tộc.

Hãy xóa bỏ những dị biệt của từng xã hội con người, để nhận định chung một xã hội chủ thể duy nhất, đó là một xã hội nhân loại.

Nhân loại không riêng, mà xã hội phân biệt.

Tác động của nhân loại trên từng con người là: Tinh thần, vật chất. Giải quyết tác động chung của xã hội nhân sinh trên từng con người, không thể thiếu một trong hai khía cạnh ấy. Hai vấn đề nằm trong một chủ thể, hai vẫn là một. Tác động tinh thần, vật chất vẫn song đôi trên con đường đời thiên lý.

1.- Vấn đề tinh thần gồm có hai phân: Trí thức và tình cảm.

Các tổ chức văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học đã chi phối đời sống tinh thần con người rất nhiều. Con người luôn luôn quay cuồng trong cơn trốt gió của tư tưởng, của nhận thức con người vũ trụ và mọi sự thể của thế gian. Các danh từ và danh từ, các quan niệm và quan niệm, đều bôi xóa trên nét mặt từng con người. Cái tự thể tính của con người chìm đắm trong ánh sáng của tinh thần ý thức, của xã hội nhân sinh.

Các giới tự phê định đã sắp khuôn, mà con người chỉ cần ráp khuôn, xem thử có vừa vặn hơn kém thế nào, để phê phán và xác định. Cái giá tự phê

phán thông thường của con người bị đồng hóa với phê chuẩn từ xưa, hay sự đồng tình trên dư luận xã hội hiện tại.

Mọi ý thức con người thường tự nó do từ cái ý thức đã có. Ý thức nằm trong vô thức đã sẵn sàng phản ứng trên các sự kiện.

Màu sắc ý thức bị pha trộn trong mọi ánh sáng chân thực của từng vấn đề trong xã hội. Con người ý thức không còn là ý thức nữa mà chỉ có mang lấy bộ óc đã sẵn thuộc khuôn hình vẽ đo ráp đầy thôi.

Hơn nữa, những ý kiến phát biểu, con người hoàn toàn bị gói ghém trong tiếng nói của giai tầng xã hội dân tộc riêng tư. Các đường lối diễn đạt ý nghĩa, vẫn là cái gì mà con người đã được dạy dỗ, trong bốn bức tường xã hội con người qui định.

Tinh thần con người luôn luôn xáo trộn căng thẳng trong xã hội nhân sinh. Con người hầu như không còn tự chủ được tinh thần, thực sự là của mình hay ngoại cảnh. Những nỗi đau khổ, thác loạn, mặc nhiên xô đẩy con người xa khơi trên bể đời sóng gió. Tình cảm con người hoàn toàn phiếm định, những cái mộng lung, hư ảo đã đưa con người vào thức trần ô trược thế nhân, những cái sào nào tiêu hao đã khuấy tan bầu nhiệt huyết của linh tâm.

Các bối cảnh đã gây những sinh ly tử biệt, kiếp con người đang triu triu tâm tư, nước bốn bề vẫn ngập tràn, giọt mưa sầu vẫn trùng điệp, rơi rơi trên mảnh vườn nhân loại.

Cái dục vọng của tình cảm xưa đây, bởi nhân sinh đang ào ạt nhận chìm từng chiếc ghe thương hồ vào dòng nước bạc. Bên trong lãnh vực tình cảm là

tình yêu, cái sự thể thiên nhiên nhân loại đã kết hợp thành ý vị ngọt lịm, đắng cay và búa tràn khắp trong các nẻo đường trên thế giới. Trước vật thể Tạo Hóa, con người tự biến thành những bụi gai bén nhọn, mang những hoa tình sắc sỡ, phảng phất trước gió xuân. Những lữ khách ngập ngừng, chôn chân, trên đoạn đường đời xa thăm thẳm. Tri thức tình cảm con người, ngày lại ngày qua, bị nhồi nắn trong lò rèn của nhân loại. Tất cả những phủ phàng chông chất bên cuộn tơ đời, trói chân con người vào vòng thay đổi, đổi thay.

2. Bước sang khía cạnh vật chất.

Luận đến vật chất đã chi phối con người vào hai vấn đề kinh tế và xã hội, nghĩa là: ăn, mặc và sống, của con người trong kiếp sinh tồn hiện hữu.

Con người vấp chân và đứng dậy. Những cánh bèo trôi va vào bờ để xoáy tròn, lại trôi đi. Nhìn dòng đời hằng ngày hằng câu thúc với cặp mắt của kẻ bàng quang, dường như nó mãi lững lờ và trôi chảy. Nhưng thật sự là con người phải cuộn trôi theo. Lúc bấy giờ không còn hờ hững hững hờ nữa, những chen lấn đấu tranh của nhân sinh, tác động vào tình cảm con người trong xã hội.

Sự chi phối liên tục suốt một cuộc đời, sự ăn mặc và sống của nhân sinh, đã tự bó chặt con người vào vòng lẩn quẩn thường nhật. Kinh tế gia đình, kinh tế xã hội, quốc gia và nhân loại đã bắt buộc trong cán cân "cung cầu" lên xuống. Sự tranh đấu tương sát thông thường, phát sinh từ sự chi phối vật chất của nhân sinh vào trong con người. Những bất mãn phật lòng lần lần cũng đưa con người đến bãi chiến trường

dấn thân trong súng đạn, để gào thét, rên than giữa con người và con người.

Tác nhân sống đã vầy vò con người biết là bao nhiêu, có mấy ai thoát khỏi vòng trần lụy! Cái triền dốc danh, lợi, tình, tiền đang xô đẩy con tào nhân loại vào hang hầm vực sâu.

- Thế con người phải làm gì?

- Câu hỏi này bất cứ một nhân thế ý thức, có ý thức nào, cũng phải bắt buộc cố gắng giải đáp. Dù rằng sự giải đáp không biết sẽ đem đến một kết quả hy hữu nào đi chăng nữa, nhưng vẫn phải tự nhận lấy sự thế và trách nhiệm con người.

Nào! Hãy hòa hiệp trong đại thể nhân sinh để tiến hóa cho đến đích của sự tiến hóa, mà nhân loại đang mong muốn cho được một ánh sáng chân lý tròn vẹn nhất.

B. TRÙNG TỤNG

THI

Vườn xum Tào Hóa đã gieo trồng,
 Vạn sắc phô bày đẹp núi sông;
 Một gốc chia ra nhiều địa giới,
 Muôn dòng tóm lại chủ thiên không.
 Nắng mưa nhật úa màu hoa cỏ,
 Sương tuyết từng quen sắc bá tông;
 Năm mối tương quan trong vũ trụ,
 Mối hay Tào Hóa vốn tình không.

BÀI

Không trần thế sao ra nhân thế,
 Có thể nhân mới để Thế tôn;
 Nhân sinh chính thị quốc hồn,
 Quốc hồn tinh túy bảo tồn quốc phong.
 Lập xã hội đại đồng chủ thể,
 Sắp con người bốn bể năm châu;
 Quát bao trong lý nhiệm màu,
 Phải đâu Tào Hóa cơ cầu mà nên.
 Dem tứ đại xây nên bảy thước,
 Từ nhứt nguyên thẳng bước tam nguyên;
 Nhẹ mang một túi Khôn Kiền,
 Báu trời tam ngũ, xuống miền trần gian.
 Gươm thần huệ dọc ngang cõi tục,
 Ánh Nhiên Đăng vệt ngút sương mù;
 Tác nhân đã lắm công phu,
 Giang sơn tô điểm, vạn thù định phân.
 Do một gốc chí nhân, chí nghĩa,
 Trở muôn cảnh tế thế an bang,
 Cổ nonh tánh đức bủa tràn,
 Tam nguyên chuyển hóa, đạo vàng hoát khai.
 Cờ thạch thất còn say bạn lữ,
 Búa tiêu phu xem thử đã mòn;
 Hồng trần chút nợ còn con,
 Nguyên nhân sao để tám sơn phai màu.
 Đường duyên nghiệp thúc câu khách tục,
 Nợ áo cơm trói buộc nhân quần;
 Có thân đành phải vì thân,
 Nặng mang thế xác, tinh thần kém suy.
 Miếng chung đỉnh, có chi phải luận,
 Áng phù vân, khéo nhuộm muôn màu;
 Cho người lỡ giục vó câu,

Trăm năm chưa khỏi nhịp cầu tử sanh.
 Thuyền lữ khách bấp bênh bể hoạn,
 Tiếng thu phân văng vẳng rừng thiên;
 Sóng trần vô mạn nghiêng nghiêng,
 Bờ mê bến giác, con thuyền ngược xuôi.
 Mồi vật chất thả trôi mặt nước,
 Bóng kinh ngư vũng vượt trên khơi,
 Trí nhân há dễ lụy đời,
 Dây oan chỉ để buộc người phạm nhân.
 Một khối óc riêng phần Tạo Hóa,
 Mấy giang sơn chung cả vạn loài;
 Phong quang tuyết nguyệt riêng ai,
 Nữ đem thế sự đọa đầy mảnh thân;
 Thân dù lấm bụi trần dễ rửa,
 Lòng nhiễm trần khó chữa ai ơi!
 Gieo nhân vào chốn vườn đời,
 Chủ Nhân Ông phải chăm coi cho thường.
 Đời là một học đường tiến hóa,
 Người vào đời chọn ngã chính trung.
 Muốn nên cái thế anh hùng,
 Tuốt gươm thân huệ, chớ dung nội loạn;
 Tín nghĩa trước vẹn toàn hoài bão,
 Bá đạo dùng vương đạo trị xong.
 Muốn cho thế giới đại đồng,
 Lòng Trời ấy thực là lòng chúng sanh.

MỤC 3:

Hiệp Hòa Con Người Trong Thế Giới Nhân Sinh

A. KINH VĂN

Hỡi con người trong thế giới nhân loại! Chính con người đã đang đưa con người vào vòng đau khổ của tinh thần nô lệ và thể chất tương diệt, tương tàn. Chính con người đang dần thân vào hố thẳm của tang thương. Những con người cũng tự vấn mang lấy mọi quyền năng, quay lưng lại tìm hướng đi vào đường cứu rỗi.

Hồi trống Lôi âm giục thúc, hòa lẫn tiếng Bạch ngọc chung kêu, gọi nhân sanh lắng chìm trong hừng hà ánh sáng của dự vọng và vô số tiếng động sấm sét của bản năng. Xâu chuỗi đời lần qua từng hạt, nhân loại đi về đâu, khi mọi hạt chuỗi nhân loại vẫn đua nhau xuôi dòng thị dục, hay thuận chiều giông bão của thế tình.

Nào những ai nêu câu hỏi để vạch lối thực hành? Hừng vạn toa tàu sẽ lạc bước phương nào, nếu không đầu xe dẫn lối. Thuyền không lái, ngựa không cương, thử hỏi vậy chớ khách thương hồ và người phiêu bạt sẽ phó thác tánh mạng mình vào đâu?

Hãy tạo căn bản cho nhân bản. Hãy đặt nhân bản vào thế giới nhân sinh. Hãy tìm tạo những giọt cam lồ giữa bầu trời nắng hạn, cây cỏ sẽ trước sau nảy tược đâm chồi.

Hãy gieo hạt mầm nhỏ bé tâm thường theo thời gian, để tạo một khu vườn ưu đãi. Dù thiên hạ có biết đến hay không, khu vườn đầy hoa lợi kia cũng khởi sự từ hạt mầm nhỏ bé.

Kẻ thức giả thấy biết mà không hành động, giá trị tri thời đạt lý ấy theo thời gian sẽ cuộn về bể cả, số không vẫn hoàn là số không và con người ấy cũng ò ạt theo dòng nước lũ đổ vào sông rộng hồ sâu.

Biết mà không làm, biết mà không gởi gắm đường hướng biết ấy vào những người đi trước hay rằng là đi sau, chẳng hóa ra là thẹn lấm hay sao! Ngọn đuốc dầu sáng tỏ hay lu mờ, giữa đêm trường lạnh lẽo, cần phải thắp lên. Con người nói riêng, xã hội nhân sinh nói chung, đang cần liều thuốc an thần để trị lần các chứng nan y. Anh bình minh chưa tỏ rạng, hãy đốt lửa lên dọn đường cho bóng kim ô ngự trị, đốt lửa lên để chờ đợi sẵn sàng.

Tình thương trên hết, cùng một ý nghĩa với Tứ Vô lượng tâm: Từ, bi, hỷ, xả. Tình thương sẽ cứu chuộc mọi nguồn tội lỗi, sẽ là liều thuốc thần đơn trị lành mọi bệnh tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần, tục lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến hóa. Ngôi vị chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương.

Một tình thương cao thượng thiêng liêng sẽ giải quyết được vạn sự kiện của nhân sinh. Dòng nước bản thể luân lưu, trong các hình tướng biến hiện, sẵn có đủ vô lượng tánh để soi rọi Chân như của vạn thể chúng sanh.

Vậy điều quan trọng hơn hết là tiên liệu vấn đề, ngõ hầu tạo ánh sáng huy hoàng, tạo con đường bằng phẳng nhân thế cho hiện sinh và bao ngày sắp tới. Hiệp hòa cá nhân và tập thể, hiệp hòa con người và thế giới nhân sinh, là điều kiện tất yếu để kiến tạo một xã hội an bình, một môi trường tiến bộ trong ánh sáng vinh diệu, chan hòa của chân lý chí thiện, hoàn mỹ.

Vấn đề hiệp hòa phải quan niệm trên căn bản

nào, để đưa đến phương pháp thực hành hợp lý, đạt đến kết quả mong muốn. Có một quan niệm qui chính, có một nhận định tận thức, lúc bấy giờ đường lối hoạt động sẽ vẽ ra, không mang màu sắc chấp nê và vương vào một khía cạnh tư niệm mơ hồ nao cả.

1.- Quan niệm trên tiêu chuẩn hiệp hòa con người trong vũ trụ nhân sinh.

Một khu vườn xinh xắn là một tập hợp bao cá thể, từ những viên sỏi nhỏ bé, đến làn nước xanh mờ, len lỏi dưới hàng hoa sắc sỡ, dưới cụm tùng bá uy nghi. Cái hiệp không tranh ấy, tạo một khung cảnh phối hợp từ màu sắc đến hương vị, cả một ý tưởng thanh thoát của con người chiêm ngưỡng. Hình thể, vật thể, ngắn dài, tròn vuông, mọi sự vật mang hình thái riêng biệt, phơi mình dưới ánh sáng thiên nhiên, nhờ vậy mà trắng đen, đen trắng tương hiệp cùng nhau.

Việc mà con người lưu tâm là sắp xếp cho nó một vị trí cương lãnh hợp lý, trong phương vị động tác chung của tập thể. Tiếng trầm bổng, tiếng thanh trong, tiếng đục, vẫn điều hòa vào nhau dưới tay điều khiển tế vị của nhạc trưởng. Nhạc âm không chống chỏi nhau, mà trái lại nương tựa nhau, trông nhờ nâng đỡ nhau, khiến cho tâm hồn con người vẫn quyến luyến nhau không rời được.

Hiệp mà không hòa thì chẳng hóa ra là không hiệp. Hiệp lại với nhau trong bầu trời hòa ái, mới đưa đến kết quả mong muốn. Hiệp và hòa là hình với bóng. Hiệp là ngôi nhà, hòa là nền móng. Ngôi nhà đại đồng có đứng vững hay không, là phải đủ hai

điều kiện tác động đó.

Hiệp hòa thực sự phải nằm trong căn nhà của tình thương. Trái lại, hòa hiệp chỉ đưa đến giai đoạn giả dối mà thôi, nếu đi ngược lại vấn đề tiên quyết. Nhìn cầu vồng chói lọi giữa bầu trời u ám, màu sắc hòa nhau không lẫn át. Hiệp nhau mà không rời rạc, nhờ thế trở nên chói lọi huy hoàng, hơn màu sắc nào cả.

Hiệp hòa là bài thơ tuyệt tác. Những thanh âm bình trác diu nhau trầm bổng, những vần vận nối kết câu hàng, nêu lên tâm hồn và ý tưởng. Khúc thi ca hiệp hòa thực hữu phải phát sinh từ mảnh tâm điền của tình thương, khu vườn hiệp hòa vạn sắc hoa có được rực rỡ phơi màu hay không, là từ khu đất tình thương. Những cây ương, những hạt mầm hiệp hòa sẽ khô héo, vì đã rời bỏ khoảnh ruộng khu vườn nhân nghĩa.

Hiệp hòa sẽ đưa con người đến mức tột đỉnh của hồng trần nhân loại; giác hóa sẽ mang kẻ hành giả tới chỗ thượng thừa của Đạo học huyền vi. Sau khi đã nhận thức phần nào hai chữ hiệp hòa trên căn bản tri thức, Bốn Tiết cùng chư đạo hữu xét đến những phương vị, những nguyên tắc và phương cách hành động. Đã xây dựng một quan niệm và thiết tha trọn lòng với ý tưởng ấy, thì việc thực hiện chỉ là thời gian, sớm muộn gì cũng thành công trong quyết định.

Cũng nêu lên ở đây: Hiệp hòa không là buông thả con người mình vào đám đông để mặc cho sóng đời trôi dạt. Hiệp hòa không phải chỉ một điều tiêu cực, là theo thiên hạ và chạy đua cùng thiên hạ. Hiệp hòa cùng tha nhân, mà không thực thi lấy cái mục

đích đã định, thì sự hiệp hòa ấy chẳng đúng với chính danh của nó. Hiệp hòa là phương tiện hữu hiệu, đối với tất cả cá nhân muốn đi đến một xã hội an bình, một thế giới tiến hóa trong tương ái, tương thân.

Người thức giả đầu bước chân trên cương vị nào, cũng đều không quên mục đích cao thượng là đem mọi ước vọng và phương pháp, tập trung vào việc thực hành cứu cánh ấy. Bởi thế cho nên, thương thật thương kẻ tha nhân, hiệp hòa thật hiệp hòa kẻ tha nhân, để hướng dẫn tha nhân vào đường thánh thiện, một xã hội tốt đẹp ở tương lai, có được hay không, đều do nơi hiện tại gây dựng.

a) Vấn đề thực hành thứ nhất được nêu lên là hiệp hòa, để giải quyết cái màn đêm u tối của tinh thần nhân loại.

Đừng phê phán tha nhân, hãy thương yêu tha nhân và dìu dẫn để đồng tiến cùng thiên hạ. Tinh thần nhân loại đã rối cuồng, đã quá ư là sóng gió, vì lòng đạo mà đừng để nó phải nạn thất nút vò tơ, hay ba đào bình địa thêm hơn nữa. Đừng bảo rằng tại sao thiên hạ phải làm như thế này, mà không làm như thế khác. Đừng bảo rằng tại sao thiên hạ cứ cưỡng lại ý thánh của mình. Hãy xét lại tự nơi lòng mình coi có thương thật thương thiên hạ hay chưa, nếu chưa thì hãy cố gắng thực hiện đi.

Thiên hạ muôn đời vẫn ôm lấy cái ám ảnh tự thị quá ư là to tát. Chính cái tự thị cá nhân đó nó đã giúp ích khá nhiều. Nhưng thông thường hễ nước dâng đê vỡ, vẫn trôi mang theo bao nhiêu là hậu quả đau thương. Thiên hạ vẫn muốn nói đến mình, vẽ hình mình lên nền giấy trắng, nhìn mình là con người của

thiên hạ. Muốn hưởng đạo tha nhân, thì hãy thương tha nhân như thương lấy chính bản thân mình.

Hãy thiết tha với niềm tin cao cả của ta. Hãy tuyệt đối gắn bó cùng tư tưởng chân lý của ta, thì thiên hạ sẽ theo niềm tin và tư tưởng ấy. Hãy thắng ta, hãy dạy ta cái mà ta muốn dạy tha nhân. Dạy mà thiên hạ không tưởng rằng được dạy, đi theo bước chân hàng thức giả, mà vẫn vui lòng sung sướng trong niềm tin tự chủ, giác ngộ của họ.

Những bối rối, do dự cá nhân, làm ngăn đường tập thể hướng đi vào mục đích. Một tinh thần dũng mãnh tiến trong thân thể uy nghiêm, hòa ái là điều kiện cần thiết cho việc hiệp hòa cùng tha nhân. Hãy thể hiện tình thương và giữ vững lập trường căn bản trong sự hiệp hòa, chắc chắn rằng không bị lôi cuốn theo mưa tuôn của tuyết sương và nắng lửa.

Một lời khuyên cho những ai muốn thực thi phương pháp hiệp hòa, để mau bước chân về mục đích, là hãy tự vấn xem coi có được vững lòng lái chèo, cứng cương con chiến mã chưa? Nếu chưa, hãy đừng đại dốt mà lao con thuyền theo đoàn tàu ra khơi, hay phi con chiến mã vào đoàn kỵ binh cảm tử. Nếu vội hàm hồ, chỉ là đem nhận chìm con thuyền giữa dòng khơi, hay sồn da ngựa bọc tấm thân ba thước.

Một lần nữa, đã nhắc lại ở đây là tình thương tuyệt đối, là nền tảng tiên quyết, cũng là một cán cân để biết được mức độ hiệp hòa của nhân sinh trên môi trường tiến hóa. Hãy cho cái mà tha nhân muốn được nhận, hãy hiến dâng món quà thương yêu để tạo bước song hành trên quãng đường thiên lý.

Có tình thương chân thật, như ngọn gió mùa thu

giữa khung cảnh hữu tình nhân thế. Nào hãy buồn cái thiên hạ buồn, vui cái thiên hạ vui. Để mong lèo lái chiếc thuyền buồn vui ấy về nơi vĩnh sinh trường định. Tình thương, một liều thuốc cam lồ, giải tỏa nỗi tủi hờn đau khổ của con người, một giọt nước siêu được thần y.

2.- Vấn đề thứ hai là hiệp hòa để giải quyết vấn đề vật chất của nhân loại.

Có thực mới vực được đạo. Cái bao da không làm nên rượu, nhưng nhờ nó mà rượu ngon được bảo tồn và ngon thêm nữa. Con tuấn mã không là khách chinh nhân, nhưng gió bụi dặm trường xông pha trông nhờ nó không phải là ít. Con đò đưa khách qua dòng sông rộng, hãy mượn lấy nó đừng chấp nê, mà trễ giờ mất dịp. Qua sông bỏ đò là điều cần thiết, để nhặt bước trường chinh.

Nói đến vật chất, kẻ Đạo học thường cho rằng xa lạ, nếu chẳng bảo là điều không đáng nói. Song le, giáo thuyết hay tin điều là cứu rồi chúng sanh, là đạt lấy công cuộc giải cứu toàn nhân loại. Mục đích cứu cánh duy nhất ấy chẳng khác chi ngày thần y mong chữa lành con bệnh. Hãy chần mịch đi để hiểu (cái) sự thực ham muốn, cái thực sự của đối nhân, mà mong chữa lành hay sửa trị.

Thầy thuốc chỉ là người chữa bệnh của con người với bệnh của con người. Hơn một thầy thuốc chữa bệnh, bậc hành giả Đạo học mang cao vọng to tát là cứu độ toàn nhân loại, thì sứ mạng ấy quan yếu hơn biết là bao nhiêu! Chính vì thế, vấn đề giải quyết toàn vẹn xã hội nhân loại không thể thiếu sót một thực thể,

không thể nhắm mắt đứng nhìn thấy được.

Nói thẳng vấn đề, hãy đại đồng kinh tế xã hội của nhân sinh. Thương nhau chia bảy bát ba, hãy công bình trên sự hòa ái, thụ hưởng giả tạm trong cõi đời tương đối vô thường. Có thương yêu thời sự tiến bộ, vui lòng hiệp nhứt, là thấy bạn của con người đồng tiến bộ vui tươi.

Đừng khác thiên hạ trên hình thể giả tạm. Muôn sự vô thường mà sinh tác hằng thường, vĩnh định của Đạo pháp vô hạn vô biên.

Cứu cánh là một điều, phương tiện là một điều khác. Giải thoát trong cứu rỗi của ánh sáng huy hoàng Đạo pháp, ấy là mục tiêu hằng mơ của con người giác ngộ. Tuy nhiên, không thể bỏ ly kia mà mong hớp bằng đôi tay cho đầy tràn lượng nước. Xã hội đã có, đang có và vẫn có, người thức giả nhận định không mơ màng hư ảo, tận thức nội tâm, giác ngộ thiên hạ. Thiên hạ nhỏ hẹp hay rộng rãi, tùy theo sứ mạng của mình mà thực hiện. Gió lên gió lên, cánh buồm ra khơi, con thuyền cứu rỗi hãy thẳng cánh cứu nhân thế đem vào trong bến giác.

Đạo pháp! Đạo pháp sẽ đi về đâu, trong hải giác thiên nhai trường vĩnh?

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Tình thương chứa đựng cả muôn loài,
Trường dưỡng bảo tồn vốn một tay,
Võ lộ chan hòa con thế biến,*

*Hồng ân rưới nhuận lúc đời thay,
Cạn dòng bởi nước xa nguyên thủy,
Thấp ngọn vì nhà thiếu đất đai,
Biết đạo, biết người, tua biết phận,
Thái hòa muôn vật có đâu sai.*

BÀI

*Đâu sai biệt với tình Tào Hóa,
Cũng không ngoài Đạo cả vi nhân;
Trí tri, cách vật bản thân,
Tu tề rồi mới cầm cân trị bình.
Hòa nền tảng bảo sinh nhân nghĩa,
Hiệp mở đường chủ thể đại đồng,
Thiên hòa, địa lợi song song,
Nhơn hòa, vạn vật vô cùng thấm tươi.
Vườn Tào Hóa thợ Trời sắp đặt,
Vạn linh đồng vạn sắc diễn phô;
Trí nhân góp sức điểm tô,
Tài nhân xây dựng cơ đồ vạn bang.
Non dù cao, mây càng cao mịt,
Mây đã cao, vàng nguyệt cao hơn;
Thấp cao trong một cõi trần,
Quả nhân, nhân quả, mỗi phần tinh vi.
Đất dù rộng, khó bì lòng rộng,
Lòng rộng nhiều, mạch sống luân lưu,
Nhân sinh cá thể hào cừu,
Chuyển xây quyền pháp trong bầu thiên nhiên.
Đạo Trung nhứt, người yên vật thanh,
Hiệp cơ Trời, tạo cảnh lập đời;
Lập đời thánh đức yên vui,*

Nhà không đóng cửa, cửa rơi mặc tình.
 Sống cái sống tại mình mình đức,
 Vui cùng vui tâm thức Chánh Trung,
 Non sông trời gót thư hùng,
 Một đời nhân thế, muôn chung hải hồ.
 Dụng vật chất thế đồ luyện chí,
 Dem tinh thần đại lý siêu nhiên;
 Chữ rằng mộc bốn thủy nguyên,
 Hòa đồng vạn thế, hiệp huyền chân cơ.
 Vạn vật thầy nương nhờ thời tiết,
 Thời tiết hòa, hàn nhiệt giao thông,
 Cỏ cây sắc thắm hương nồng,
 Người vui tương hiệp, vật đồng tương sanh.
 Từ cá thể lập thành xã hội,
 Xã hội thành các khối liên bang;
 Chung tay xây đắp giang san,
 Cái vui thiên hạ, mình an phận mình.
 Dem vũ trụ làm tình mặc khải,
 Láy non sông làm đại gia đình;
 Ngũ hồ, tứ hải đệ huynh,
 Kho Trời vô tận, chính mình Phật Tiên.

IV. TIẾT THỨ TƯ

ĐẠO PHÁP VÀ CON NGƯỜI

MỤC 1:

Đạo Pháp Trong Màn Đêm Tâm Thức.

A. KINH VĂN

Đạo là những gì mờ lung, huyền nhiệm. Pháp là hiện thực hóa của Đạo. Pháp là thể, Đạo là hồn. Cái Đạo vi diệu, tế ẩn, được huy hoàng minh thực, bởi pháp. Pháp là diễn đạt bằng lời văn, bằng tác động. Đạo là tư tưởng, là tâm ý. Đạo thấy được do Pháp. Pháp ẩn chứng siêu việt, linh hoạt được là do Đạo. Viết đến hai chữ Đạo Pháp, người ta không khỏi liên tưởng đến hai chữ Quyền pháp.

Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng, Pháp là thể hiện trước thân. Quyền pháp tương đồng, tác động con người và vạn vật, tha nhân và bản ngã. Có Quyền không Pháp không đưa con người đi về đâu; trái lại, sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lăm và u tối. Có Pháp ắt sẽ có Quyền. Quyền Pháp là khả năng giác hóa.

Thử phóng một cái nhìn bao quát. Đạo là khả năng tâm linh "thiên phú" cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân, mà con người ấy phô diễn tổ chức và phơi bày, trước ánh sáng, một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh.

Nói đến Đạo pháp là phải nghĩ ngay đến một vũ

trụ bao quát thuần biệt. Tuy nhiên, phần đông cá nhân chỉ nhìn khía cạnh Đạo pháp qua hình thức Tôn giáo hay Hội giáo, có tánh cách tâm linh hay đạo đức. Đạo pháp phải là một cái gì thực lớn rộng, bao trùm từ cái đại thể của vũ trụ, cho đến cái tiểu thể của hạt vi trần. Đạo là hư không, Pháp là bản thể.

Nhìn vào hình thức, như thờ cúng, lễ bái, hay giáo thuyết, giáo điều của một Tôn giáo, là phải hiểu rằng: Đó là pháp của Đạo. Đạo chỉ duy nhất và hằng hữu. Đạo không hai, nhưng cũng không một. Đạo là khởi điểm, cũng là tận cùng. Trái lại, Pháp là cái gì hữu hạn và giới định.

Đạo vô cùng, Pháp hữu hạn. Đạo là một đại dương của hằng trăm nghìn đại dương. Pháp là phương cụ đo đạt bề rộng và bề sâu của đại dương bao quát. Con thuyền mỏng manh của vạn pháp, đang thăm dò từng phần trên mặt của đại dương Đạo mầu.

Này con chim Hồng nhạn xinh xắn đang vượn cánh giữa trời cao, hai cánh chim bằng đang lộng gió. Dù gió có tung mây, dù cánh đại bàng có triển dực đi chẳng nữa, thì khung trời kia cũng vẫn còn quá ư là to tát. Cái chấm linh động của cánh Hồng nhạn, hay điểm quay cuồng của chiếc đại bàng, cũng vẫn chỉ là những điểm, những chấm trang sức cho đám mây trôi, cho không gian thêm dịu mát.

Ôi! Ly nước chỉ đựng bấy nhiêu thôi hay sao? Đầy ly nước tràn, trôi nhanh và thấm vào lòng đất lạnh. Bụi tay uống nước, những giọt nước mát len nhẹ theo kẽ tay và đi về cho lòng lạnh. Chỉ bấy nhiêu thôi sao, bàn tay con người chỉ bấy nhiêu thôi hay

sao? Ào ạt gió sóng của vực đưa vào bờ. Lãng bạc trùng dương khơi động, mù mịt sóng nước lên xuống triều dâng. Hãy ngồi lại mà đếm cho xong hàng bọt nước. Hãy cúi xuống mà nhặt cho đủ vạn hạt hoàng sa!

Hãy chèo thuyền ra khơi. Hãy tung mình vào không gian. Con người nhìn vào bản thể và đối diện với không gian. Đạo là gì? Pháp là chi? Trong suy tư tự vấn!

Đạo hư không, Pháp hữu thể. Trong vạn hữu cụ thể đã tự chứa đựng cái hư không. Hư không bao trùm cả vũ trụ. Vạn thể sinh trưởng trong khung trời hư không. Cái hư không mà hiện hữu, cái hư không mà vĩnh viễn sinh tồn. Cái hư không đó, chính là Đạo.

Có mặt đặt tên. Tên ấy có phải là vật hiện hữu hay không? Chắc hẳn là không, bởi vì con người vẫn có quyền gán cho nó một danh từ khả dĩ nào đó. Cái thói quen và tập quán, nhắc lại ở đây, đã cố định hóa mọi thực tại, mọi hình thức, cũng như mọi sự kiện hiện hữu. Cái thói quen và tập quán ấy, đã là những dây xích trói buộc con người vào bánh xe luân hồi xây chuyển, những nô lệ hằng tự con người cầm lấy và đặt vào mình, những cái ách, cái gông con người thường tự tròng vào thân xác, trong một thời gian qui định của luật sinh động, trường tàn. Vậy thì những danh từ ấy không đủ quyền lực để khẳng định cái hiện hữu, cũng như giá trị chân thực của đối tượng.

Những cái mượn đặt qui ước cùng nhau trong đời sống bình thường, vẫn chỉ là những qui ước đồng nhận mà thôi. Tuy nhiên, phải chứng nhận cái sự thực của đối tượng hằng hữu, dù rằng nằm dưới một danh

từ cá biệt nào đó. Đạo cũng vậy, Đạo không là gì cả, mà cũng là tất cả.

Chiếc bánh nướng ngon ngọt, có phải tự xuất phát từ đồng bột trong trắng kia không? Dù hàng vạn chiếc bánh với trăm ngàn màu sắc, hay hương vị đổi thay, thì giá trị cố định không thể phủ nhận đó là bột. Đồng bột đạo màu đã được thể hiện, dưới mọi hình thức của những chiếc bánh vạn pháp. Con người thường cảm xúc trước những chiếc bánh, mà vẫn đứng dưng trước khối bột nguyên thủy.

Tất cả những gì hình dung được, mà nhận thức được, đều là pháp. Vạn pháp là màn ảnh của cuốn phim Đạo màu. Con người thường tấm tắc, rung động trước màn ảnh sinh hoạt cuống cuồng, hơn là nhìn với cặp mắt hững hờ giữa cuốn phim nguyên vẹn.

Đạo là màu xanh nguyên thủy của bầu trời trong muôn thuở.

Pháp là những đám mây ẩn hiện nổi trôi. Thỉnh thoảng, màu xanh nguyên vẹn vẫn tìm lấy một chỗ trống, để soi rọi vào con người đang suy nghĩ. Mặc dầu vậy, những vằn mây u ám vẫn sẵn sàng che khuất màu xanh bất diệt kia đi. Tuy nhiên, màu thiên thanh vẫn là màu thiên thanh. Những làn mây u buồn kia cũng vẫn chỉ là tạm thời, là giai đoạn. Sau chúng nó da trời kia vẫn màu xanh hằng hữu. Những bão bùng của vạn pháp thường tác động con người trong giai đoạn.

Pháp khả danh, Đạo bất định. Đạo là Đạo, một lần nữa nhắc lại ở đây: Đạo là Đạo.

Nếu nói được Đạo, là con người đã bước sang vai

trò của pháp, là đã pha lẫn chủ quan thiên ngã của cá nhân, đang định danh chữ Đạo. Vậy Đạo vượt hẳn con người của con người tự thể, giữa xã hội nhân sinh.

Pháp lại dính liền với con người, với hoàn cảnh xã hội. Pháp là con thuyền, là hàng vạn con thuyền nhỏ to lớn bé, đưa con người qua bến giác. Nhưng bốn mục cũng nhắc trước ở đây, những hữu hình vẫn phục vụ cho hữu hình, những giả cảnh chỉ khởi đầu và kết thúc trong giả cảnh. Chính vì thế, con thuyền pháp cũng chỉ đưa hành giả đến bến Đạo cụ thể, chớ không đủ điều kiện đưa hành giả đến bến Đạo giải thoát. Cái bến Đạo giải thoát, vẫn là cái bến Đạo đi sau bến Đạo cụ thể, mà con người không thể dùng con thuyền pháp hiện thực. Chính thực phải dùng con đồ pháp vô vi.

Hãy tập bay đi, con chim sẻ bé bỏng kia, trước khi tung trời xẻ gió, lướt dặm băng ngàn vui thú.

Những hành tinh của thái dương hệ vẫn quay chung quanh mặt trời. Vạn pháp vẫn quay quanh điểm Đạo. Vạn pháp muôn trùng, giáo lý chỉ một.

Trăm ngàn người đi về đất Thánh, trăm ngàn chiếc áo khoác trên con người đang đi và ước vọng. Cái ước vọng nào cũng to tát, cái bước đi nào cũng hùng dũng. Nhưng đến sớm hay đến muộn, đi đúng đường hay lạc nẻo, lại là một vấn đề quan trọng khác xa.

Nhắc lại thêm một lần nữa ở đây. Pháp không chỉ là những hình thức của Tôn giáo, hay cách thức tu hành và tín ngưỡng. Chữ pháp ở đây ngầm chứa tất cả những cái gì dưới danh từ vạn hữu, hay vạn thể,

hay thực tại, hay thực thể. Nói như thế để lãnh hội rằng Đạo không là cái gì của bốn bức tường uy nghiêm, chùa đình, Thánh Thất hay Giáo đường nào đó. Đạo là hư không của vạn thể. Đạo là mảnh đất tình cảm trầm lặng bất động, đối với vạn pháp của thất tình: Hỷ, nộ, vui, buồn, ẩn hiện lung lay trong tông bá, cỏ hoa, giữa làn gió ngoại cảnh bất hiện. Đạo là nước biển bất biến, chứa đựng vạn trùng ba, thiên xích lãng, xô đẩy xô trong thời gian và không gian ngắn ngủi. Cái hình thức diễn đạt thực thể của Đạo có thể hình dung, nếu nhận định được phải đóng khung trong một thời gian vi tế, một phần triệu của một sao thời gian và nhỏ hơn nữa.

Tóm lại, ở đây ba vấn đề cần ghi nhận, trước khi bước sang mục luân động của Đạo pháp giữa con người và hiện hữu là: Đạo vô cùng, Pháp hữu hạn. Đạo hư không, Pháp thực thể. Đạo bất định, Pháp khả danh.

B. TRÙNG TỤNG

*Đâu sai lý Đạo ở trong đời,
Đời có muôn loài, có đất trời;
Đất trời chở che tình Tạo Hóa,
Hóa công un đúc nghĩa ta người.
Người ta, Trời Đất, sinh là Đạo,
Đạo pháp huyền công đạt ấy ngôi,
Ngôi vị nhứt nguyên, người sẵn có,
Có trong cái đó, chẳng thay đời.*

BÀI

*Khêu đuốc tuệ soi miền pháp giới,
Lặng lòng tràn vào cõi hư vô;
Để xem nhứt bốn vạn thù,
Tác nhân đã lắm công phu tài thành.
Từ cái Một mà sanh sanh hóa,
Trong ba ngôi ngã ngã huyền đồng,
Nhìn vào cảnh sắc mênh mông,
Hãy xem cái Một lồng trong vạn loài.
Nghìn sông lạch nước ngoài bể cả,
Mấy núi non do đá chất chồng,
Cũng là nước ở muôn dòng,
Cũng là khối đá dị đồng tánh danh.
Kìa cây cỏ xanh xanh nẩy tược,
Nọ lá cành mướt mướt khoe khoang,
Quả hoa kết giống đơm hàng,
Nhân vào trái ấy, vẹn toàn dưỡng nuôi.
Loài thủy tộc đớp mồi giỡn bóng,
Giống phi cầm bay bổng ngàn mây,
Tẩu thú máy cựa bò bay,
Cũng xương, cũng thịt, tạo gầy uống ă.
Hàng thượng đẳng là hàng nhân thế,
Đủ uy quyền không chế vạn loài,
Tóc da, ngôn ngữ biệt sai,
Tâm linh với mảnh hình hài như nhau.
Pháp huyền nhiệm phát thân luân động,
Đạo vô vi nhứt thống vô cùng,
Kiên Khôn thế giới mông lung,
Chơn cơ nhứt quán, chường trung thủ thành.*

MỤC 2:

Luân Động Đạo Pháp Trên Con Người Thực

Hữu.

THI

*Cỏ cây, súc vật đến con người,
Đã trải qua bao triệu kiếp rồi,
Tạm mượn pháp thân qua bốn giác,
May ra thoát khỏi kiếp luân hồi.*

Mục 1, Bốn Tiết đã trình bày qua về quan niệm tâm thức của hai chữ Đạo Pháp trước khi bước sang Mục 2, để tìm hiểu những tác sinh tịnh động, trong diễn biến của Đạo Pháp trên con người. Thiết tưởng cũng cần phải có một vài nhận định tiên khởi, để tạo một dòng suy tư liên tục.

Đạo Pháp, hai chữ này đã trình bày khá cặn kẽ ở mục trên. Đạo duy nhứt biến hiện trong vạn thể, Pháp vạn thù tác sinh trên từng đối tượng chúng sanh. Nói như thế để bực hành giả lãnh hội tận thức rằng: Không phải Đạo Pháp chỉ quẩn quanh trong vai tuồng của Đạo học hay Tâm linh.

Trái lại, Đạo Pháp vẫn hằng hữu trên mọi khía cạnh tổ hợp của từng xã hội một. Từ hạ đẳng chúng sanh cho đến thượng đẳng chúng sanh, con người Đạo Pháp luôn luôn vẫn có và tồn tại. Tuy nhiên hình thức Đạo Pháp thay đổi tùy theo tâm thức của chúng sanh. Riêng về thực thể, Đạo vì huyền nhiệm nên sự biến đổi không có, duy chỉ mờ nhạt lấp che, hay huy hoàng minh triết. Ngoài ra, vạn pháp chính thực đại diện sinh động cho dòng Đạo luân lưu vậy.

Trong mục này hãy quán định lẽ Đạo hằng hữu

tác động vạn thể được hiển hiện trong vạn pháp biệt thù. Đứng trên miếng đất tự nhiên để ngắm dòng sông Đạo Pháp, dòng nước Đạo vẫn âm thầm lặng lẽ chuyển luân trong giữa lòng đất, sóng gió ghe thuyền xuôi ngược, ngược xuôi.

Chấp nhận sự tiến hóa của vạn thể trong vũ trụ, đành rằng trong sự tiến hóa có nhiều lúc ngưng trệ, hay thoái hóa, nhưng mọi cấu thể trong vũ trụ đều tuân tự tiến hóa trên đoạn đường sinh biến. Động năng cấu tạo cho sự tiến hóa đó là Đạo. Động năng hằng hữu vẫn luân động trên mọi cấu thể, để tạo điều kiện đi lên trên cấp thang tiến bước của từng cá thể một.

Con người giới hạn ở đây chỉ đặt tiêu chuẩn trên một nhân thể, mở rộng nhận định ra trên phạm trù hoạt động của vũ trụ. Phải nhận thức con người là một cấu thể, cũng như hàng vạn cấu thể khác, trong bầu trời vũ trụ.

Điểm đạo hằng sáng chứa đựng trong vạn thể ấy, luôn luôn tác động để tiêu trưởng, theo thời gian của sinh kiếp. Công cuộc biến hóa ấy sẽ biến dạng, hay hoàn toàn đứng lặng, để đắm chìm vào vô minh thoái diệt, khi điểm đạo ấy bị mất đi, vì một lý do này hay lý do khác. Điểm đạo hằng chế ngự trong mọi cấu thể của vũ trụ.

Từ những hình dạng của đất cát, đến cỏ cây, cầm thú và con người, chúng sanh đang đi và tiến bước. Hằng vạn khách hành hương đang nhặt chân về đất Thánh, sóng chân này nối liền sóng chân khác, đua nhau đổ xô về biển cả. Hoàng hôn chìm lặng lẽ, những cánh buồm trôi nổi đang nối nhau lướt về bến

cũ.

Sự tiến hóa âm thầm ẩn dạng, nhưng vẫn hùng vĩ, uy nghi, vận chuyển trên mọi hoàn cảnh của từng thế giới qui ước Một. Nhìn dòng thời gian lý Đạo thường chuyển, ánh sáng nhiệm màu đã có tự lúc sơ khai của vũ trụ.

Từ thuở mà vũ trụ bao la, u huyền này, bao trùm lấy hằng hà sa số thế giới, say đắm trong giấc ngủ dài, thì Đạo đã vẫn có. Sự tạo lập thế gian đã có, nên muôn sắc khởi nguyên từ điểm Đạo tự thuở của nó.

Thời gian đánh dấu những bước tiến dài của sự sanh trưởng uy hùng của Đạo. Những thay đổi giai đoạn, trong liên tục vạn thể, ghi nhận nên thời gian đang trôi chảy. Vòng tay của thiên hạ ôm trọn lấy vũ trụ hư vô. Sanh kiếp của chúng sinh chỉ gói trọn trong thời gian bất tận.

Đạo vẫn hằng hữu qua bao năm dài, bao nguyên kỷ. Lớp sóng đời người đã tan biến bao lần trên bãi cát. Cảnh tang thương biến đổi ấy, tự chứng kiến cho khung cảnh trường dạ vi hành của nhân loại.

Công nhận một trường biến hóa của chúng sanh, lúc bấy giờ xã hội vạn thể chỉ là những hình bóng tạm thời trong muôn một. Những hình bóng giai đoạn ấy hiện hữu trong huy động nào đó, để mang lấy một bốn phận và trách vụ, ngõ hầu hoàn thành một giai đoạn tiến hóa của chính từng cá nhân vạn thể.

Đèn Đạo soi sáng cho bước tiến từng cấu thể của khu vườn vũ trụ. Ngọn đèn Đạo của từng cấu thể ấy xán lạn, lằng lằng hay lắc lư mờ ảo, tùy theo trình độ nhân duyên và sự trau luyện của từng thế hệ một. Những ánh sáng tinh thức giữa sự ám áp ấy, sẽ là

những tác nhân đưa đẩy cá thể có chùng ấy, bước dài trên đường tiến hóa. Trái lại, những mờ nhạt, u buồn chỉ đưa đẩy cá thể đến những bước chân ngõ ngàng và khó tránh những trở ngại đương ngăn đường lấp lối. Lúc bấy giờ thì Đạo là động năng, Pháp là phương tiện.

Đường dài vạn lý, khách chinh nhân phải nương theo vó chân con tuần mã. Những bậc anh hùng, hay nhu nhược, cũng được thể hiện phần nào trên con tuần mã của họ. Thiên lý thần mã chỉ khuất phục dưới tay của kẻ cái thể anh hùng. Những làn sóng lặn tận nơi ao hồ sông rạch, làm sao sánh cùng với lãng bạc trùng dương. Ngọn đèn dầu hiu hắt giữa gió lạnh sương khuya, nào dám so cùng ánh nguyệt đang bao la soi rọi.

Vạn pháp thích ứng cùng điểm Đạo. Cái phát huy của khối sáng vi diệu, vẫn song hành trong vạn hữu đồng tiến. Những chiếc thuyền con bé bỏng lướt trên sóng nhỏ, thì đâu vượt nổi ngoài mặt bể trùng khơi.

Tâm linh vi diệu, vạn hữu và hình tướng thể hiện linh hoạt của chúng, đều đi đôi trên trường đồ vận chuyển. Những cố gắng của vạn pháp cùng khối Đạo màu vi là những cố gắng hành động trong tiến hóa.

Con người và con người luân chuyển trong pháp luân nhân quả. Đường tiến hóa đặt trước mặt mọi cấu thể vũ trụ, trong đó có cả con người nhân thể. Con người mặc khải lấy một trách nhiệm tiến hóa sau cùng, trong đoạn đường chúng sinh hạ thế. Bước sang trên đường dài thượng thiên tiến hóa, con người đành chấp nhận một tác động gay go thử thách. Có vượt

được mọi thử thách của từng giai đoạn tiến hóa, con người và vạn hữu mới bước lên đài vinh quang thiên quốc. Đoàn lữ hành đang chinh phục trở ngại, đang chiến thắng bản thân, để mong về gần với mảnh đất cố đô vĩnh viễn. Những sự kiên gan bền chí là những ánh sáng huy hoàng đang chờ đợi kết quả từng cá nhân. Yên tiệc bàn đào đang khai mở, nhưng vẫn đợi chờ những kẻ muôn màng trong cát bụi phong ba. Hồng trần huấn luyện, Thượng Đế ban công. Tất cả đều đặt trong tay của người hành giả. Chim bay về tổ, ánh chiều tà trôi dần vào người đang nung lòng giữa sứ mạng, sao còn lặng lẽ chờ ai?

Sau khi chấp nhận có một đường tiến hóa bao trùm con người và vạn hữu, một câu hỏi lại đi về trong màn đêm tâm thức. Tại sao lại có đường tiến hóa vận chuyển trong vũ trụ bao la? Cơ nguyên nào, hiện hữu cứu cánh ấy ra sao?

Bóng đêm hư vô bao trùm lấy số kiếp nhân sinh. Con người và con người đang lặn mò trong hư vô, trong tâm tưởng, trong cái không thực hữu. Ánh sáng hư vô làm lay động tâm linh trí não của con người. Hư vô là những gì mà nhìn lại con người ngỡ ngàng trong vô minh và ngó về phía trước, phải hải hùng ngơ ngác? Tuy nhiên, hãy bình tĩnh, hư vô không là hư vô ấy, trong cái sắc tướng đồ sộ, nhưng vẫn hằng hữu cái có huy hoàng. Mặc đại dương trùng điệp phong ba, nhưng vẫn chứa đựng bao sinh thể vẫy vùng trong sóng nước.

Đừng chôn mình trong đa nghi ảo giác, đừng hư vô hóa tất cả mọi hiện tượng, mọi hình thức của thế gian trong vũ trụ. Hãy chấp nhận lấy một niềm tin

tuyệt đối. Lửa là phương pháp nấu chín thức ăn dưới hình thức nhiệt lượng. Nếu con người không tin, không công nhận, thì con người không thể ứng dụng, cũng như đời sống cải tiến thường nhật được.

Nếu không là quá đáng, muôn việc xảy ra đều do cái ước định của từng nhân thể. Dù rằng nhiều vấn đề có thể cho là ngoài ước định của nhân sinh, nhưng chính thực đó chỉ là ước định mà con người không hay rằng ước định đầy thôi. Niềm tin sẽ cấu tạo tuyệt đích giá trị thường trong vũ trụ.

Chính vì vậy, mà khối Đạo uy hùng đã có, hiện có và vẫn có. Khối Đạo to tát ấy vẫn tăng trưởng theo thời gian vô tận. Sự tăng trưởng là một tác năng duy nhất gây dựng trường tiến hóa tịnh động chuyển luân trong vạn thể vũ trụ. Một túi thóc giống không thể nào tự nó lại sinh ra một thúng thóc giống, một thúng thóc giống không thể nào tự nó lại sinh ra một bao thóc giống, một bao thóc giống không thể nào tự nó lại sinh sôi nảy nở ra trăm nghìn bao thóc giống khác được.

Trái lại, những hạt thóc giống này phải được đem gieo vào mảnh đất phì nhiêu màu mỡ. Mùa gặt hái sẽ về liền sau mùa cấy mạ, và những hạt thóc giống đã biến sanh ra hàng vạn hạt thóc giống khác, số thóc giống này lại trưởng thành tăng tiến để trở sinh tô điểm cho mùa gặt năm sau. Tuy nhiên, không phải tất cả thóc giống đều được ưu đãi đồng đều như thế, lẽ tất yếu nhân duyên có một hạt thóc nào bị rơi nằm trên đá sỏi, hoặc bị rơi vào mảnh đất khô cằn, cố nhiên hạt thóc này phải chịu muôn vàn khó khăn trong khi sinh biến, rốt cuộc rồi cũng phải chịu rũ tàn

trong thối hóa.

Đạo cũng thế, khối Đạo vi diệu luôn luôn mang lấy một trách nhiệm tiến hóa. Mảnh đất thích ứng để gieo mầm Đạo là thế gian, trong vũ trụ mảnh đất vạn năng này đủ điều kiện tiến hóa, biến sanh hùng liệt nhất trong các tiểu linh quang, trong khối Đạo màu, được gieo tĩa vào khu vườn thế hạ.

Sự tiến hóa vẫn bị chi phối trong nhân duyên để tiến bước đi về kết quả. Những hạt thóc sau mùa gặt chỉ chờ đợi để thanh lọc và biến đổi thành khối bột tinh vi trong trắng.

Những hạt thóc khởi xuất từ kho thóc được gieo trồng trong mảnh ruộng và lại được đưa về kho thóc. Song những hạt thóc ấy không phải trở về với chính nó, mà bắt buộc song hành với trăm ngàn hạt thóc khác để điểm tô trong mùa màng gặt hái.

Các điểm linh quang trong vũ trụ tự nhận mang lấy một sứ mạng của đại chủ tế linh quang là tiến hóa, là cải thiện, là hoàn hảo hóa trong tự bản thể, cũng như đồng hành sanh hóa với các tiểu thể linh quang. Mọi tiểu linh quang là những vi thể đã phân cắt, núp bóng trong vạn pháp hình thể để rèn luyện và tiến hóa.

Con người là những hành nhân, lẽ tất nhiên mang một chủ thể tác động và nhiều hình thức phương tiện đổi thay, tùy giai đoạn và hoàn cảnh trong cuộc hành trình. Đạo là chủ thể tác động, pháp là phương tiện sinh động vậy.

Tóm lại, ở đây con người trong vạn pháp vũ trụ mặc nhiên chấp nhận một guồng máy tiến hóa xoay chuyển. Trách nhiệm bao quanh bốn phận qui định

ấy đè nặng tâm trí con người trong nhân kiếp. Nắng lửa, mưa dầu, sương sa, tuyết bủa đua nhau hành hạ con người đang tiến bước. Trở ngại phải san bằng, lẽ tất nhiên con người phải có một tâm linh tuyệt đích, một phương tiện hoàn hảo, để củng cố bản thân và đối phó hoàn cảnh. Chính là điều mà Bốn Tiết sẽ nói đến Mục 3 (Minh triết con người trong vũ pháp Đạo học).

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Dời non lấp bể khó chi đâu!
Sáu nẻo, bày đường, gắng tóm râu;
Nhứt khí Hư vô bày vạn pháp,
Tam tâm ly tướng hiệp cơ màu.
Rừng thiên lặng gió, muôn sao sáng,
Bể Thánh im hơi bóng nguyệt lâu;
Tiến hóa là đường chung vạn thể,
Thay phàm đổi Thánh có bao lâu.*

BÀI

*Đường Thiên quốc không sanh, không diệt,
Nẻo luân hồi càng biết, càng kinh;
Lại qua sáu lớp vô minh,
Hữu hình hữu hoại, diễn trình thiên luân.
Thân người vốn là thân tứ đại,
Hợp thì thành, tan lại có chi?
Càng un đúc, càng bù chì,*

Càng cao nắm mộ xanh rì cỏ khô.
 Sống cõi tạm cũng âu là sống,
 Sống trong nguồn sinh động pháp luân;
 Chuyển xoay bộ tiểu tuần hườn,
 Mộ triều, nhứt dạ, không ngừng máy linh.
 Ngày hoạt động, bảo sinh nhân kiếp,
 Đêm lặng trầm, giấc điệp thiên nhiên,
 Có chi trong đó chủ quyền,
 Mà cơ động tịnh triền miên lưu hành.
 Đạo học tìm mối manh sẵn đó,
 Pháp môn còn làm ngõ ra vào;
 Dạy từ thấp đến nơi cao,
 Ngôi Trung là chỗ luyện trau căn lành.
 Khí hư vô hồn sanh nhứt Lý,
 Lý vận hành cơ chỉ vạn loài;
 Gồm trong chữ Đạo không hai,
 Hữu tức vô hữu, nhiệm thay cơ huyền!
 Thân đã có, thân liền với Đạo,
 Đạo không lìa, mới bảo được thân;
 Chủ nhân là chính nguyên Thần,
 Nguyên thân do khí luyện dân hóa nên.
 Có khí ở, Thân bên thân vững,
 Thân vững vàng, tu chứng mới mong.
 Pháp luân thường chuyển giao thông,
 Sẽ tường Đạo thể viên dung chu toàn.
 Trong thế pháp, mở đàng Chánh pháp
 Xa cái tâm, pháp vật đều không,
 Đại Đạo, bất nhị pháp môn,
 Là nơi Cực Lạc Thế Tôn trị vì.

MỤC 3:

Minh Triết Con Người Trong Vũ Pháp Đạo Học.

A. KINH VĂN

Vào một sớm hay chiều, vào một ngày trời hay đêm tối, con người chập chững bước chân vào đời, khoác bức màn ngăn cách, con người nhập cuộc giữa vòng nhân thế, xuyên sơn chận lối, mưa gió ngăn đường, con người vẫn lần lượt bước đi, lặng lẽ với khả năng và bản tính.

Dù thế nào đi chăng nữa, mang một sứ mạng nhân thế, con thuyền của con người phải tách bến ra khơi. Biển trần rộng mênh mông, mây trôi sóng lướt, con thuyền nhân thế chơi vơi và trầm trầm bản tính gấn bó của con người sẵn sàng bùng dậy, để thúc phát bức xạ tâm linh và thể chất, để tiến bước không ngừng. Ý chí nằm trong suy tư, gói ghém trong một vóc dáng, con người hăng hái tiến hành những việc, mà nó có ngờ hay không ngờ đang đến.

Trên cấp thang tiến hóa, con người trong sinh kiếp, cũng chỉ là một giai đoạn trong rất nhiều giai đoạn của con đường tiến hóa. Cái giá trị của sự tiến hóa có hay không, là khi được chứng nhận ở mọi điều khó khăn trở ngại hàng theo đuổi vầy vò con người. Đó là những việc, những khuôn đúc trui rèn cho con người càng ngày càng thêm trọn vẹn. Cái lò rèn nào cũng đều giống nhau trên căn bản nguyên lý của chúng.

Sự trui rèn chỉ có thể thực hiện trong hoàn cảnh và phương tiện của lò đúc mà thôi. Những điều kiện

đặc biệt này bày ra, không phải để đe dọa con người và các sự kiện đã được đưa đẩy vào đây, nhân duyên đưa đối tượng con người vào trong một bối cảnh đặc biệt.

Hình ảnh tha nhân, ngoại cảnh và tác động nội tâm chi phối con người, trong suốt con đường tiến hóa. Sức mạnh ý chí và trí năng luôn luôn thúc đẩy con người đó lên trên sự hiểu biết. Các sự kiện, mọi hình bóng xảy ra trong thời gian và chỗ đứng, đều gọi cho tâm hồn con người hiểu tri ước vọng thỏa mãn.

Việc gì đã xảy ra và hoàn thành trong hiện tại đều mang tính cách lôi cuốn con người vào nhân duyên và hậu quả của nó. Tất cả những tác động, dù lớn hay nhỏ, vẫn mang lấy đặc thù riêng tư và nhờ đó gây dựng từng khía cạnh lịch sử, trôi xuôi trong quá khứ của tâm thức.

Dục vọng, tình cảm cũng đòi hỏi những thỏa mãn riêng tư. Con người vẫn bình bồng trên dòng sông tình cảm thông thường. Con người vẫn để luồng sóng tình cảm âm thầm lôi kéo, đẩy xô trên vạn nẻo nhân diện cuộc đời. Cái tình cảm dục vọng đã khởi dậy từ màn đêm tâm thức, nó lặng chìm trong đáy sâu của tiềm thức, và đột khởi những ảo ảnh ước vọng.

Ngoài ra, hoàn cảnh ngoại lai cũng là những vạn lý trường thành, ngăn cản trên con đường tiến hóa, chướng ngại trên đường đời của vạn hữu và nhân sinh, bao bọc lấy con người mãi mãi. Những từ điện tư tưởng, những khía cạnh sinh hoạt, hiệp cũng vô số tác năng của xã hội và vũ trụ, tạo lấy con người biết

bao nhiêu là thử thách.

Cái thử thách này vẫn theo đuổi, đè nặng tâm linh, cũng như thể chất con người. Cái thử thách gay go ấy hằng tạo cho con người những cảnh ngộ ngộ ngang, bối rối, mà chính thực là tại con người chưa nhận chân được sự hiện hữu do lai và dĩ nhiên trên mọi trường hợp, bao nhiêu phương tiện đã có.

Bao nhiêu đây là mượn lấy trên mặt đất xã hội và mảnh đất giải quyết tâm linh, đã quay cuồng con người vào giữa và bắt buộc phải định đoạt để tiến hành. Các sinh hoạt nhân sinh, các sinh hoạt Tôn giáo mang hình trạng muôn vẻ nghìn vờ, ảo loạn giữa bầu trời hiếu sinh.

Dù nhìn nhận cái sự thật ấy có hay không có, con người vẫn phải chấp nhận một cứu cánh là tiến hóa tới mục đích cao thượng, tiến hóa đến sự giải thoát con người, trong Cực lạc hằng thường và vĩnh viễn. Biết chắc rằng: Những cái gì gặp gỡ trong hiện tại đều có lúc giã từ. Nhưng cái giá trị của sự gặp gỡ ấy, có tan biến vào hư không, hay trái lại, đều mang nặng những sinh hoạt hằng biến của cuộc gặp gỡ trong giai đoạn này.

Mục đích của kiếp hiện tại là gây dựng hạnh phúc chân thật cho đời người ngày nay. Mục đích đối với quá khứ là giải quyết, thanh toán vay mượn, nợ nần còn lưu dấu. Mục đích nhằm hướng về tương lai là đặt thành một nền tảng giải thoát cho con người, tạo lập một nấc thang tiến hóa sau kiếp nhân sinh hiện tại.

Với mục đích cứu cánh sau cùng này là như thế, và mục đích gần nhất là hạnh phúc cho chính mình

và cho xã hội. Lẽ dĩ nhiên, trên mọi phương tiện và đường lối đào luyện, cũng cần phải đặt thành vấn đề một cách chân chính hơn bao giờ hết. Đường lối dẫn dắt con người đi đến điểm nhắm cao quý ấy, cần phải được vạch sẵn trong quan niệm và phô diễn trong thực hành. Có như thế, con người mới có hy vọng và không than rằng: Uổng một kiếp con người trong vạn thế.

Việc đáng để cho con người ghi nhận và thực thi trước tiên là công cuộc minh triết con người trong vũ pháp Đạo học. Minh triết có hoàn hảo, mới mong đạt đến ngôi vị tối thượng hạnh phúc, cho hiện sinh và giải thoát trong hậu kiếp.

Con người từ chỗ không đến chỗ có, và từ chỗ có lại tìm về chỗ không. Không đây không phải là thực không, mà có, cái có đó chẳng hằng tồn. Minh triết lại đến với con người trong bốn lai diện mục. Con người tìm về cửa Không, về đền Thánh tác năng hiện hữu đã cứu cánh thực trạng của con người. Nhưng điều kiện trước tiên là con người có quyết tâm hay chưa, với phương cách nào và phải làm gì, khi đến cửa Không và đền Thánh.

Có suy luận chân chính, để tự nhận mình là kẻ đồng hành cùng đoàn lũ hành đi về đất Thánh, để có đủ ý chí trọn thành, bước vào sứ mạng tiến hóa của bầu trời thượng thiên.

Muốn có được ý chí sắt đá và cao thượng này, tốt hơn hết là hãy quan sát hiện tại, để không bằng lòng những hiện hữu giả tạm, để ước vọng thay đổi và để ước vọng tiến bộ hơn lên.

Quan sát và suy tư phải song đôi nhau trên vạn

nẻo đường nhân thế. Có như vậy mới nắm được những lợi ích thực tiễn cho đời người. Quan sát ở đây phải trọn vẹn mọi khía cạnh, ngõ hầu đi đến một quyết định chắc chắn và chân thật nhất. Quan sát phải đi từ quan sát bản thân cho đến tha nhân và hoàn cảnh.

Phải thoát khỏi những quan niệm tầm thường cố định trong bản ngã của con người. Phải thoát khỏi những gông cùm nô lệ của cuộc đời và nhận thức xưa. Nhờ vậy, con người mới có hy vọng là đi đến một quyết định thuần lý và khách quan, hợp với đạo học chân chính.

Lúc bấy giờ, đứng trên cương vị của đạo học hoàn toàn, con người chan hòa chơi vui trong ánh sáng huyền ảo của chân lý tuyệt đích. Nhìn nhận cái giả tạm của bất cứ cái gì hiện hữu, trước mặt và sau lưng con người đang đứng. Cái bao vây trùng điệp, cái lâng lâng lén lén trong tâm tư. Cái rung cảm nhẹ nhàng của tim óc, mọi thứ ấy chỉ thoáng qua theo thời gian trôi chảy, chúng sẵn sàng tan biến và nhường lại cho hư không, chúng luôn luôn chực chờ để lui về trong quá khứ.

Con người và vạn hữu chỉ là những cá thể rỗng tuếch và bé bỏng. Nó tựa những bọt bể đầu gành, những cánh bèo trên sông rộng. Những hùng hồn uy lực cũng chỉ là những bóng mờ, trên sa mạc hoang vu của cuộc đời nhân loại. Nhìn nhận một sự thực tế như vậy, không phải để bi quan chán nản, để buông lung cuộc đời mình theo sóng gió vô thường, và mặc kệ cho đời xây chuyển con người.

Thực sự hai chữ con người phải có một nhận định

chân thật như vậy, để tìm hiểu cái đích cao thượng. Hiểu không phải để từ bỏ cái hiện thực trước mắt, trái lại phải dùng lấy nó, để làm những đoạn đường dẫn dắt lên cấp thang tiến hóa.

Có một nhận định rõ ràng như thế, con người mới mong đi đến kết luận, là phải lên đường đi về cửa Không đền Thánh, là phải cất bước vào vòng đời tiến hóa. Đã quyết tâm như vậy, con người bước sang giai đoạn thứ nhì, là tìm một phương tiện cứu cánh hợp với duyên phận và cái tánh quen thuộc của mình, để cố gắng bước lên dặm đường trường lập thân hành đạo. Hai chữ này đã nói lên phần nào cái giá trị trên đường mạnh tiến của khách hành giả rồi vậy.

Tại sao con người phải lựa chọn một phương tiện để tu tiến và hành đạo? Nói đến chữ lựa chọn, lẽ tất nhiên ngầm ý là có nhiều phương tiện. Thật vậy, đạo lý pháp môn có vô lượng. Đề cập đến Phật pháp, mà sơ lược người ta nhận thấy rất nhiều pháp môn rồi, nhiều đến nỗi không thể nào đếm cho xiết, nhiều đến nỗi làm cho con người ngỡ ngàng, do dự không biết phải xử trí làm sao, trước bao nhiêu là đối tượng pháp môn.

Song le, đừng ngại ngần do dự, thời cơ không đợi chờ con người, hãy chọn lấy mà thực hành đi. Phương cách vẫn là phương cách, chỉ có con người mới quyết định cái số phận thực hữu của con người mà thôi (xem Chú nghĩa ở phần cuối sách).

Sơn xuyên điền hải, thổ võ biên cương, vạn sắc điểm tô trên bầu trời bao la bát ngát. Từ một đến vô số vạn vật sinh động, màu sắc xã hội quốc gia, các giống cây thế giới mọc trên mảnh vườn thiên nhiên

Tạo Hóa. Sinh trưởng thu tàn, cơ biến dịch vô vi luân động, từ đại thể cho đến vi tế hữu vi.

Nhìn nhận trước định lệ của vạn vật như vậy, con người mới thấy rõ tất cả những gì hữu hình trong cuộc đời, đều luân chuyển vô thường. Chính cái xác thân này cũng phải đổi thay, thay đổi. Tuy nhiên, chỗ chứa đựng chủng tử của các pháp tịnh nhiễm sinh biến sẽ cấu tạo các điều kiện bất diệt trường tồn.

"*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức*"? Con điều giấy không bay bổng lên cao, là vì không có luồng gió thổi qua. Nếu có luồng gió tốt, nó nhẹ nhàng luân chuyển, con điều giấy sẽ được dịp bay vút giữa không gian. Trái lại, gặp cơn giông gió phủ phàng, sẽ làm cánh điều giấy kia hư hoại, đáng tiếc. Nếu con điều giấy này tự mọc đôi cánh huyền nhiệm, tất sẽ tung bay lên tận khung trời cao đẹp, thì có cần chi đến luồng gió bé bỏng và sợi dây con đang ràng buộc.

Người học Đạo cũng thế, giai đoạn đầu tiên, hãy hằng ngày nhắc nhở với thân tâm, hãy quan sát để nhận định cuộc tồn vong, đắc thất của đối tượng vạn hữu. Hãy tỉnh sát cái quả hiện tại, để biết được cái nhân quá khứ. Hãy tỉnh sát cái nhân hiện tại để e dè cái quả vị lai. Có như thế, mới chọn một phương tiện quyết định cho cuộc đời mình, khi đặt chân về cửa Không đền Thánh.

Con người là một sứ mạng rộng lớn to tát, tánh linh cao hơn mọi giai tầng sinh vật, ngược mắt nhìn về dãy Trường sơn cao chát ngất, nhìn dòng nước mát dịu luân lưu, gót chơn sứ mạng đặt trên mảnh đất thiên nhiên vũ trụ.

Con người và con người, xã hội và xã hội, tất cả đều hưởng thụ sự ban phát hằng hữu của Thượng Đế giáng trung, từ cá thể cho đến tập thể, xã hội được trường dưỡng hóa sinh trong vòng huyền nhiệm Đạo pháp.

Đạo pháp vi diệu đã cứu cánh (cứu vớt) con người thoát khỏi những ràng buộc trí não tâm linh, các vọng chấp ngoại cảnh lại dẫn dắt xô đẩy con người vào phạm vi chật hẹp. Lý thuyết chủ trương tổ chức, đã đóng khung con người trên các hình ảnh giả tạm, muôn mặt chấp tướng, thiên ngã phát hiện sau bức màn vô minh, để con người lần bước vào cảnh giới vô thường luân chuyển.

Nhìn nhận một sự thật, các nền triết học, các chốn văn minh, đây là những phân bón vào các cội cây dân tộc, để trở hoa thơm quả ngọt, đua cùng tạo vật thiên nhiên. Các phân bón sẽ được lưu dụng từng dân tộc, lãnh thổ không chia cách đó đây.

Trở lại dân tộc Việt Nam, dân tộc này đã được cái hoàn hảo ưu thế của các nền triết học văn minh qui tụ. Những phân bón này để cho giống cây được rườm rà sinh nở, không vì lý do nào tính chất của phân mà lại cây trở hoa này khác hoa nọ, lá này khác lá kia, cành trên khác cành dưới.

Nào ai tha thiết để vun vén cội cây dân tộc uy nghi, cho được tiện dụng những quả tươi hoa đẹp, hồng thắm muôn cành, tô phấn rắc hương cho vườn cây trên khắp cùng thế giới. Dòng sông Cửu long cuộn cuộn chảy, nước này có phải là nước của bốn bề năm châu, có phải nước của Ni Liên Thiên đã từng gội rửa trần cấu cho Kim thân. Nhìn những hạt cát

trôi nổi ở bãi bể Thái Bình Dương, có phải là những hạt cát của sông Hằng đang trôi nổi?

Con đò cuối cùng đưa khách trần giác ngộ, sang sông để đến bến Long Hoa, trông về cuộc Tam ngươn chuyển thế. Hỡi lữ khách! Đến bến phải rời thuyền, đừng bận bịu vuốt ve con tuấn mã. Kìa cửa Không đền Thánh đã ngân vang một âm thanh, giục giả khách lữ hành lên đường Chánh đấng Chánh giác. Tóm lại, ở đây minh triết con người trong vũ pháp Đạo học có ba điều:

1. Tri giác mọi giả cảnh hữu hình hữu hoại, để nhận chân một thực thể trường tồn, hầu bước vào ngưỡng cửa Đạo học, để chọn một phương tiện duy nhất, quyết tâm đi về.

2. Tri giác Chơn Lý Đạo học, để nhìn nhận huyền nhiệm ban phát đồng đẳng vạn hữu vô tư, để vun quén giống cây lành đơm hoa kết quả, tận hưởng màu mỡ thiên nhiên.

3. Tri giác pháp môn vô lượng, hãy hướng tâm vào nơi Tối thượng đỉnh. Qua sông phải nhờ đò, đến bến phải rời đò. Tất cả không còn một bóng mờ nào in trong tâm linh con người giác ngộ.

Lành thay Đạo pháp cứu cánh vạn linh!

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Bao lâu mới đến cõi Thiên đàng,
Tách bến khi Trời lộ ánh quang,
Buồm Cấn trở lèo, nương gió Tốn,*

Chèo Khôn mạnh mái, tựa hơi Càn.
 Trập trùng mặt nước kinh đưa sóng,
 Vòi vọi lưng mây, nhận kết hàng,
 Miếng bánh Côn Lôn còn sẵn đó,
 Vững thân lướt dặm chớ sang ngang.

BÀI

Hãy minh triết huyền vi Đạo học,
 Hầu nắm phăng nguồn gốc con người;
 Rừng thiên, bể Thánh rộng khơi,
 Đò Tiên, bến tục, chơi vơi khách trần.
 Nương chiếc bách sang lân bờ giác,
 Cây trùng dương lãng bạc ruồi dung,
 Bể đời muôn một vẫy vùng,
 Cánh buồm xuôi ngược trên dòng hữu vi.
 Đường phục mạng, có chi trở ngại,
 Lối qui căn, nào phải khó khăn;
 Người người đều có bản năng
 Bản năng tiến hóa, trí năng vận hành.
 Cơ động tịnh biến sanh, sanh biến,
 Luật tuần hườn luân chuyển, chuyển luân;
 Đọa siêu hai nẻo xa gần,
 Chẳng qua không với sắc trần mà thôi.
 Tịnh nhơn dục, lẽ trời sáng tỏ,
 Tâm trống không, hiện rõ cơ mâu;
 Đường về Đạo pháp cao sâu,
 Hư linh bất muội mới hầu quán thông.
 Đạo huyền nhiệm thể không đo đạt,
 Lý vô vi khai quát thình thình;
 Buông ra Tạo Hóa chi tình,

Một bầu khí thể động sinh lưu hành.
 Hãy tìm hiểu sở sanh, sở trụ,
 Hãy rõ thông Thiên phú, Thiên tâm;
 Trước sau, sau trước chớ lằm,
 Cái thời khóa biểu trăm năm mới là.
 Có chơn Ngã, tìm ra giả Ngã,
 Dụng pháp trần, luyện hóa Pháp thân;
 Có Trời, mới có thể nhân,
 Thế nhân là Phật, là Thần, Thánh, Tiên.

Để gọi là tạm đóng khung chương "Dụng hòa nhứt lý", sau khi đã lần lượt xét qua từng tiết. Ở đây, Bổn Tiết xin đi vào phần kết luận.

Vấn đề đặc nhứt là một vấn đề, mà mọi người muốn đi về chân lý, không thể không nghĩ qua. Từ xưa tới nay, biết bao khía cạnh con người khởi xướng và quanh co trong vấn đề đặc nhứt. Ai cũng hiểu rằng: Đạt đến Một, là con người đã đạt được tất cả; hiểu đến Một, là đã hiểu được hoàn toàn. Ai cũng đều biết như thế, nhưng hỏi thử có mấy người đã đi đến tận cùng và kết quả?

Những công việc tuyệt đối để lại chính là điều khó khăn bậc nhứt. Những bước chân chật hẹp và ngắn ngủi cũng đâu phải dễ. Đối với trường trường ngàn dặm, đi đến tuyệt đích, đi đến vô giới hạn, là con người đạt đến thuần nhứt giống nhau, khó phân và khó qui định.

Trên cương lĩnh của Đạo học, nếu rút về với cái vỏ ốc riêng rẽ của Đạo học, thì cũng vẫn những chấp ngã, mà từ trước đến giờ con người còn mang nặng. Thực sự cái giá trị của hai chữ Đạo học phải thoát ra

khỏi mọi sự ngăn cách của không gian và thời gian. Đạo học bao trùm tất cả mọi phân cách học thức.

Học thức muốn được toàn vẹn phải đặt trên nền tảng Đạo học. Đạo học vẫn là nền tảng vững chãi và hợp lý nhất, để bảo vệ cố định của sự học thức, khỏi đi vào đổ vỡ và tàn hại. Con người chẳng khác cánh chim trời tung mình vào giữa không gian bao quát, thỉnh thoảng mơ màng rằng mình đã vượt qua khỏi bầu trời. Nhưng sự thực, hẳn là con người ai cũng hiểu, những cánh chim ấy vẫn phải đắm chìm trong khoảng trời xanh.

Con người hằng ước mong vượt ra khỏi những tác động siêu nhiên của Đạo học, nhưng mới vừa nhón gót, con người vẫn phải đặt bàn chân trên mặt đất, dù thế nào đi chăng nữa, giá trị Đạo học vẫn là một giá trị bất biến, mà bất cứ ai và bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải hướng đến, con người hãy lấy đó làm phương hướng thật đúng cho bước tiến và hành động, các sự kiện đi ngoài các qui định đó, sẽ đưa con người vào đường vô minh và tàn hại, khốc liệt.

Phải, thực vậy, hãy ý thức đi ngay từ bây giờ, mọi ngành, mọi phương pháp đều phải luôn luôn nhìn về ngọn đèn của Đạo học, qui tắc hành động, phương pháp tổ chức, không thể thực hiện trong bóng tối của vọng thức lý trí được.

Tuy thế, những việc gì mà còn có thể nói đến, còn có thể diễn tả đến, đều không tránh khỏi một thiên chấp, dù là một thiên chấp nhỏ nhất nào đi chăng nữa! Những thiên chấp vẫn mang một cái bóng, che đậy mọi chân lý tuyệt đối. Cho nên khi nói đến danh từ Đạo học, tức thị là mang vấn đề chân lý

ra mà trình bày trước ánh sáng suy luận, là con người đã đặt một thử thách rất lớn lao rồi đó. Đạo học, rồi đây nó cũng sẽ là Đạo học. Cái giá trị có hay không, là do sự thực hành trong thực tế.

Đành rằng mọi sự thể đều chỉ phục vụ và sáng tạo sự thể mà thôi, nhưng chân lý hay không chân lý, đều do ở sự thể phô diễn. Đối với nhân sinh cũng thế, mọi lý tưởng trong tâm thức con người, cũng là mọi lý tưởng trong tâm hồn, đều giống nhau. Giá trị hay không giá trị, là áp dụng cái lý tưởng ấy vào đường lối, vào nhân sinh, vào xã hội.

Con người mang hoài bão đi cho tận bậc thang tiến hóa, hãy cố gắng thực thi những lý thuyết, những giáo điều, những pháp chánh vào thực tế. Đừng chìm đắm trong mơ mộng, trong tưởng tượng ảo huyền. Thực sự con người, ai cấm đi tìm cái toàn vẹn, mặc dù sự toàn vẹn ấy chỉ là trong tâm tưởng. Con người có cần đến cho một kiếp làm người, là hãy cố gắng tạo lấy trụ tướng của tác động, đừng đi ngoài mục đích cao quý đã vạch sẵn.

Con người nếu dùng giác quan và nhận thức thông thường để đánh giá nhân sinh ắt khó tránh khỏi sự sai lầm. Chẳng hạn một vấn đề nho nhỏ, mà con người thường vẫn lầm lạc, đó là việc nhận định kiếp nhân sinh như hoa trôi, như mây nổi, như khói sớm mây chiều, như hạt sương rơi lạc lóng, hay chiếc lá rụng cành cây.

Ngoài ra nỗi niềm đau khổ, những cái chẳng miên viễn, những sự đổi thay, những vầy vò con người trong ngắn hạn, đối diện trước những cảnh thăm thẳm vô cùng của vũ trụ. Trình bày như vậy,

nói ra như thế với tinh thần Đạo học chân chính, chớ không là để cho con người than thở, thở than, hay để cho con người nhăn mày chán nản, thánh thót châu rơi. Hoặc để cho con người bó gối thở dài, ngâm câu vui ít buồn nhiều nước sông bọt bèo.

Chủ đích của Đạo học, qua một khía cạnh nhỏ ở trên, là ước mong con người nhìn nhận được một sự thật, một sự thật hiển nhiên mà không thể chối bỏ. Dù có chối bỏ, sự thật vẫn còn đó. Hiểu biết một sự thật là tránh cho con người những lạc lầm trong lối vô tri bất giác. Hiểu biết một sự thật là giúp cho con người thăng tiến trên những bước đường chân chính và hoàn mỹ.

Hơn nữa, hiểu biết một sự thật như thế không phải để bi quan chán chường, mà chính sự thực con người phải cố tâm thế nào tạo một hướng sống, định một bước đi cho khỏi uổng một đời người trong nhân kiếp. Hiểu như thế con người luôn luôn tâm niệm với lòng mình là hướng thượng làm đầu, lo lắng những cái gì vĩnh cửu, hơn là phí uổng tâm lực một đời, để tô bồi những cái gì giả tạm không cùng.

1. Trên đối tượng vũ trụ.

Con người nhìn nhận cảnh bao quát hùng vĩ của Trời Đất, có nhìn cái to rộng uy nguy của vũ trụ, con người mới cảm thấy mình nhỏ nhoi và quá ư hẹp hòi. Có nhìn thấy sự mông lung đại thể ấy, con người mới mong ước hòa đồng tiểu ngã của mình với Đại Ngã của Kiền Khôn. Có như thế, mục đích của Đạo học mới mong thành tựu được. Những gì còn chấp nê trong hẹp hòi, phải nhường lại cho đại độ, phóng

khoảng của vũ trụ. Con người với ước vọng sẽ tăng tiến, vượt hẳn lên cao để mong tìm hiểu vũ trụ.

Tuy nhiên, không vì tìm hiểu vũ trụ hay quan niệm vũ trụ của từng cá nhân, mà tạo những tranh chấp chia phân. Thực sự, nếu có tranh chấp trên quan niệm nào chẳng nữa, thì vũ trụ vẫn là vũ trụ, con người cũng chỉ là một điểm li ti, ẩn hiện sớm chiều trong chốc lát. Có cái gì người tâm nguyện mà không được, chính đó là những tâm nguyện không tâm nguyện. Đừng e ngại, đừng do dự, hãy hiến dâng lòng mình cho Thượng Đế Chí Tôn, rồi tâm linh của con người sẽ tuần hành diễn tiến bước sau.

Đạo học không kéo con người nô lệ vào vũ trụ, hay chối bỏ sự hiện hữu của vũ trụ, hoặc bảo con người hãy cố tâm chiếm đoạt cho tận cùng vũ trụ. Có những ý thức rõ rệt về vũ trụ như vậy, con người mới đủ can đảm tiến bước vững vàng trên đường đi về cùng Thượng Đế Chí Tôn. Muốn đồng hóa cùng Thượng Đế, con người hãy đồng hóa cùng vũ trụ.

Vũ trụ là lớp áo điểm tô cho Thánh thể của Chí Tôn. Vũ trụ là ngôi nhà cao rộng trang hoàng cho Thánh thể của Ngài. Con người muốn đạt đến mục đích cao thượng, ắt hẳn phải đi ngang qua ngưỡng cửa, hoặc mân mê tà áo vũ trụ vậy.

2. Trên đối tượng nhân sinh.

Đạo học không dạy con người giải thoát ra khỏi nhân sinh. Đạo học chỉ giải thoát con người ra khỏi con người nhỏ hẹp của nó. Nhân sinh là một trường để cải thiện con người, khi đối diện cùng Đạo học.

Tất cả mọi sự hoạt động đều có tính cách liên hợp

và kế cận với nhau. Sự liên kết không hề đứt rời được, kết tạo thành một chuỗi nối liền con người này với con người khác. Dù bao giờ mang ý nghĩ, khi bước vào Đạo học, là con người đã tránh xa nhân sinh và xã hội. Sự tránh xa nhân sinh và xã hội chỉ có tính cách tạm thời và giai đoạn. Tránh xa tha nhân không phải để tách rời tha nhân, mà là để sửa soạn nhập cuộc với tha nhân.

Đôi tân lang và tân giai nhân cách mặt, là để sửa soạn cho cuộc giao bôi tác hợp. Đạo học chính là những gì dạy con người cải thiện và hoàn thiện đời sống con người trong muôn một. Đạo học không phải dùng để phá vỡ những gì còn nguyên vẹn.

Những tín ngưỡng của Tôn giáo còn những hình thức, là tạo lấy phương tiện để hướng thiện nhân sinh. Cái quan trọng không phải gom góp trong bao nhiêu đó. Đạo học là giải quyết mọi sự việc của con người đã sống, đang sống và sẽ sống, Đạo học không phải chỉ dùng để tạo đời sống tâm linh của con người, tâm linh của con người không thể dùng lại khi thân bị chôn vùi hay trôi dạt theo thời gian. Giá trị đời trong tâm linh và giá trị đời trong nhân sinh phải luôn luôn đi đôi với nhau. Nếu tách rời những khía cạnh, ấy là đã phá vỡ sự tiến bộ và giáo hóa cho con người.

Đạo học được hoàn toàn ý nghĩa hay không là phải giải quyết cả hai vấn đề trong một chủ thể. Đạo học nhân sinh luôn luôn hằng ngày chi phối bởi tinh thần và xã hội, một hướng về vũ trụ thượng thiên, một hướng về vũ trụ xã hội nhân quần.

Còn một sự đau khổ, dù trong khía cạnh nào đi nữa, Đạo học đã không làm tròn sứ mạng của nó.

Trách nhiệm và sứ mạng thừa sai của Đạo học đã đặt nặng trên Đạo học, và con người đang hiến dâng đời mình cho Đạo học, hãy làm sáng tỏ vai trò thật sự của Đạo học, đừng để giá trị này phải thiên lệch trong một danh từ hay tác động riêng biệt nào đó.

Nhân sinh không phải chỉ là những khối óc của tâm thức, mà nhân sinh còn là một con người muốn sống. Chính vì thế, Đạo học có hợp với nhân sinh hay không, chỉ cần xem nó có đi sâu vào con người hay không? Những kết quả đạt được trong sự cứu rỗi không phải chỉ ở tương lai hay hậu kiếp, mà kỳ thực tự cứu rỗi và phổ tế phải được hiện ngay trong hiện tại.

Đạo học có bốn phạm hướng đạo đời sống con người, cải tạo đời sống nhân sinh và hoàn mỹ mọi hoạt động của đời sống xã hội. Chính vì thế, Đạo học khỏi bị rơi vào giả tưởng, rơi vào hư không, hoặc quần quanh trong bốn bức tường của Tôn giáo, hay tín ngưỡng từ xưa cho đến ngay nay.

Đạo học không phải là cái gì hạn hẹp, ép khuôn trong vai trò ước định. Chân lý Đạo học phải bao quát, phải đem đến với con người cần suy nghĩ, cần hành động và thỏa ứng trong bất cứ hoàn cảnh và giai đoạn nào.

Nói như vậy, để những ai đang khoắc trên mình manh áo Đạo học, phải cần nhớ đến sự cứu rỗi trọn vẹn đời mình và tha nhân, trong mọi lãnh vực, mọi vai tuồng hiện hữu.

3. Trên đối tượng Đạo pháp.

Đây là một phương định quân bình và hoàn

thiện cả hai đối tượng ở trên. Nhờ nó mà con người mới bước vào sự cao quý và tiến hóa trong kiếp nhân sinh.

Đạo pháp vẫn chịu một vai trò tối thượng việc hướng dẫn con người, sử dụng đời sống cho hợp lý và càng ngày càng tăng tiến hơn. Đạo pháp là nguyên nhân để đặt nhịp cầu cho xã hội. Đạo pháp không thể thiếu giữa đời sống con người và vũ trụ.

Tuy nhiên, vì cái giá trị Đạo pháp bất biến ấy, mà con người đã gán lấy biết bao nhiêu hình thức, biết bao nhiêu danh từ và bọc lên nó những bộ mặt riêng tư. Nhìn nhận cái giá trị tối thượng của Đạo pháp, con người không thể không nghĩ đến giải thoát ra khỏi cái tiểu ngã cố chấp của con người. Đó là điều trước tiên để bước vào giai đoạn giải thoát tha nhân và con người trong nhân kiếp.

Con người luôn luôn phải đặt mình vào ánh sáng Đạo pháp, để hành động cho nhân sanh và xã hội. Một Đạo pháp chân chính sẽ là một động cơ cải tạo từng lớp xã hội. Ngược lại, nếu một Đạo pháp tà vạy, sự tác hại của nó cũng to tát không kém. Nỗi lo sợ to tát nhất của Quý vương, vẫn chế định một cách thức riêng của nó và vẫn ẩn núp dưới danh từ Đạo pháp.

Chính vì thế, những con người tâm can còn kém cõi hay sa ngã vào cái huyền ảo tăm tối, mịt mờ của chế pháp bá nạp ấy. Nói lên như vậy là để đánh thức thêm một trách nhiệm của những kẻ đã ngộ được Đạo pháp chân chính. Ngoài ra, việc tạo lấy cho bản thân một bước tiến, bực hành giả cần phải hằng lo tưởng đến con người, hằng mở rộng lòng mà lo độ rỗi tha nhân. Bỏ lỡ một ngày, bỏ lỡ một cơ hội là con người

đã làm ngơ cho chế pháp bàn môn tàn hại sinh linh rồi đó. Tội lỗi ấy dẫu che đậy hay núp dưới những lý luận biện hộ vững chắc thế nào, cũng không qui trách nhiệm cho một cái gì, phi trừ không là con người giác ngộ.

Sự thực hiển nhiên không gặt hái khi lúa chín, để giông bão làm tả tơi ruộng lúa trách nhiệm ấy người làm ruộng phải gánh lấy, khu vườn bị điêu tàn hoang vắng đều là trách nhiệm của những kẻ làm vườn, không thể nào trách cứ bởi một lý do nào khác.

Cũng nhắc lại ở đây, con người khi mang những trường hợp bất đắc dĩ, lại thường bảo là thiên cơ chỉ định con người quên rằng sự chứa đựng che chở vạn vật thanh cao quý giá, ô trược hư hèn, đều chung trong bầu trời lồng lộng. Nhưng nhìn vào vật nào loại nào, cũng đều phân biệt được tất cả. Như thế, con người có thể đổ những lỗi lầm của con người vào cho nguyên nhân Trời Đất ư! Mọi sự đều do nguyên nhân hiệp nhứt tác động, đừng qui một lỗi gì vào cho một người cả. Tất cả con người trong xã hội đều mang một tội lỗi, bất cứ từ đâu đưa đến.

Nam mô:

Nhứt nguyện đại Đạo hoàng khai

Nhì nguyện phổ độ chúng sanh

Tam nguyện xá tội đệ tử

Tứ nguyện thiên hạ thái bình

Ngũ nguyện Thánh Thất an ninh.

4. Ba vấn đề vũ trụ, nhân sinh và Đạo pháp trên con người.

Ba vấn đề di chung một chủ thể, thể chân vật này

sẽ đổ vỡ đi nếu thiếu một trong ba đối tượng kể trên. Đứng giữa cái thế tam tài của Càn Khôn, con người để chân trên thế đỉnh tam sơn của ba đối tượng: Vũ trụ, Nhân sinh và Đạo pháp. Nếu con người không biết dung hòa hợp nhất ba tiêu chuẩn ấy, một cách hợp lý và chân thành, thì xã hội sẽ mất thăng bằng, nhân loại sẽ chình nghiêng.

Đối với phần thực tế cá nhân cũng thế, ba vai trò tâm linh, lý trí và thể dụng nếu không đồng điệu, hòa tác trên mọi phương diện sinh hoạt, thì con người không thể tránh khỏi một sự mất quân bình và lệch lạc hẳn đi cuộc sống. Con người sẽ đi đến một sự chú trọng độc nhất nào đó và để quên đi các vấn đề khác.

Chính vì thế, dù là đối với phạm vi xã hội cá nhân, hay dầu là đối với phạm vi xã hội nhân sinh, ba đối tượng: Vũ trụ, Nhân sinh và Đạo pháp phải được dung hòa một cách duy nhất. Có như thế, sự tiến hóa của xã hội mới mong toàn vẹn, sự tăng trưởng về tâm linh cũng như thể chất, mới mong đi đến tuyệt đích an bình, hòa lạc đó.

Tất cả những lý thuyết đều là lý thuyết, tất cả mọi lý tưởng cũng đều là lý tưởng. Giá trị của nó chỉ thực sự gọi rằng có, là khi con người đã tạo lấy được một kết quả thực sự cho đời sống nhân sinh. Nói như vậy, có nghĩa là: Dù bất cứ trên phương pháp, hay kế hoạch nào, chúng nó sẽ trở thành hư vô hay không tưởng, nếu con người không bắt tay vào việc cấu thành và tác hiệp. Họa đồ kiến trúc, với sự kiến trúc và ngôi nhà xây dựng vẫn là khác nhau, tuy rằng nằm trong một nỗi dài sự kiện.

Đạo pháp là căn bản cho sinh hoạt mọi hình thức.

Vũ trụ nhận thức sẽ là khoa học trong nhơn quần. Khoa học mà đi ngoài Đạo pháp chỉ đưa đến một tàn hại to tát cho tâm linh và đời sống nhân sinh.

Cái mục đích trả lời cho sự kiện, tìm hiểu vạn vật sở quan, tạo lấy những phát minh sáng tạo, nếu không tựa vào định luật sinh tồn của dòng nước Đạo pháp, thì con người sẽ bị sa vào lỗi lầm hiểu tri và thỏa mãn của bản năng mà thôi. Vì vậy mà khoa học là thuyề, Đạo pháp là lái.

Nhân sinh nhận thức sẽ là chánh trị trong nhân quần, chánh trị mà đi ngược lại Đạo pháp thì sẽ đưa đến sự bảo thủ ích kỷ và phân tranh. Tất cả mọi mưu lược, mọi sáng kiến phải nhằm trong mục đích ổn định nhân sinh xã hội, phải dung hòa các giai tầng quốc gia và dân tộc.

Đạo pháp chọn chánh là phương thuốc thần để đào tạo bồi bổ năng lực cho chánh trị nhân sinh. Khi đã hiểu vai trò tối trọng của Đạo pháp, tác động trên mọi sinh hoạt khoa học và chánh trị, một kết luận đã được đưa ra.

Song le, nói như thế, không có nghĩa là con người có quyền phế khoa học và chánh trị, để chỉ lo thuần túy Đạo pháp với danh từ hẹp nghĩa. Vì nếu như vậy, thì xã hội này không thể tiến bộ và cải thiện đời sống nhân sinh.

Một thực sự, nếu đứng trên đại nghĩa của danh từ, Đạo pháp là khoa học và chánh trị tuyệt đối. Đạo pháp nói rộng nghĩa nơi đây hãy tạm mượn lấy danh từ Đạo học. Đạo học bao trùm trọn vẹn cả ba lãnh vực: Đạo pháp, khoa học và chánh trị. Vì chính thế, mới mong gọi rằng Đạo học là nguồn cứu cánh nhân

loại.

Nhờ khoa học, con người tạo lấy sự tiến bộ và trường dưỡng tri thức. Nhờ chính trị con người tạo được sự bảo dưỡng nhân sinh trong hòa lạc. Ngoài ra Đạo học còn là nguồn phát triển tâm linh vi diệu trên mọi hướng.

Vậy, với những ai đang bước đi trên danh từ Đạo học, hỏi những ai gọi rằng bậc hành giả hiển thân tất cả, hãy tâm niệm đầy đủ như thế, thì cứu cánh của Đạo học mới mong đạt đến, mục đích cao thượng của Đạo học mới mong xán lạn.

Những sự kiện đó có được hay không, là do những bàn tay xây đắp của mọi người, dám hy sinh và dám hiến mình cho Đạo học.

Này nhân sinh, này nhân loại, sự cứu rỗi đã gần kề, kỳ phán xét tận cùng đã sắp đến. Hãy sửa soạn sẵn sàng, hãy gột rửa sạch sẽ, để chờ đợi Thánh tâm Thánh kinh (xem Chú nghĩa ở phần cuối sách).

B. TRÙNG TỤNG

THI

*Ngang dọc trần gian một vóc hình,
Ẩn tàng người cõi chốn hư linh;
Cương nhu sẵn có cơ vi diệu,
Động tĩnh dành riêng lẽ tác sinh.
Một khí tiên thiên bền Cốc vũ,
Ba dòng thế giới tựa Trung Huỳnh;
Phật Tiên Thánh Đạo do nơi đó,
Nhứt lý dung hòa vạn sự sinh.*

BÀI

*Từ Thượng cổ gieo truyền Đại Đạo,
Đến hạ nguồn vạn giáo đồng qui,
Long Hoa Đại Hội Tam Kỳ,
Chí Tôn hạ chỉ trị vì Tam người.
Cơ phục thi tuần hườn đã định,
Mối tương quan chân chính sơn hà,
Khắp cùng lãnh thổ quốc gia,
Đồng qui Chánh Đạo an hòa vạn dân.
Xưa ai đắc Kim thân Phật thể,
Nay vẫn còn vạn thế Thế Tôn;
Sống trong bất diệt trường tồn,
Phải chăng cùng một linh hồn thượng thiên.
Mây Tào Hóa không riêng Trời Đất,
Cuộc vận hành khắp vật khắp non,
Con người hiểu được lý chơn,
Là người biết lẽ tuần hườn vẫn xây.
Chơn tâm ấy sánh tày vũ trụ,
Chơn tâm này hoàn vũ chí tâm;
Vi non trọng trách gieo trồng,
Khu vườn thế hạ gieo mầm thiện căn.
Bản tánh giả thiên tăng chi thất,
Nguyên nhân hồ vạn vật chi linh;
Cùng trong cái Đạo vô hình.
Tam tài định vị phân minh tỏ tường.
Biết sống lý chơn thường vạn hữu,
Giữa cuộc đời vô thủ vô chung,
Vẫn hằng an lạc tâm trung,
Bất ly giá cả, viên dung hòa đồng.
Câu: "duy Ngã độc tôn" là thế,*

Nhận định rành bản thể chân như;
Bồ đề giác ngộ thiên thư,
Pháp thân chân lý huệ từ là đây.
Muốn hiểu rõ Như Lai bốn tạng,
Muốn tìm ra ngõ Tổng Trì môn;
Tam tông tứ tướng không còn,
Mở huyền quang khiếu Thiên môn bước vào.
Đạo pháp hiểm thâm đâu cho có,
Thế gian này mở ngõ Phật Tiên;
Lìa thế gian tạo nhân duyên,
Như tìm sừng thỏ ảo huyền đặng đâu!
Đạo học quá rộng sâu bao quát,
Hồi hiền nhân quảng bát trí tri,
Nội tâm thấu triệt huyền vi,
Đó là thế giới tân kỳ Thượng thiên.

CHƯƠNG V LINH TINH

TIẾT THỨ NHỨT ĐỒ THƠ TRUNG NHỨT

THI

*Âm Dương điền đảo khổ cho đời,
Tai họa muôn trùng bủa khắp nơi,
Sấm chớp mây giông trời đất tối,
Mờ mang cuộc sống đợi con người.*

Người là một hiện thân của lẽ sống, Âm Dương chung đúc mà thành hình, trong lưỡng giang trời đất, dương lấy sứ mạng **tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi**, hầu cùng Tạo Hóa hiệp một thành công, đưa bước quần sanh đến nơi thánh thiện.

Đổi trị hay loạn, Đạo thịnh hay suy, cốt ở lòng người biết theo lẽ phải, hay chìm đắm vào đường tà. Nếu gốc không vun đắp thì cành lá sớm muộn phải điêu tàn.

Người là một trong ba tài, đội trời đạp đất, kết hợp một khí Thái hòa, há không phải quan trọng lắm ư? Xem kim nghiệm cổ, hai đời Đế ba đời Vương, an dân mở nước, làm thầy thiên hạ, làm chúa muôn dân, đều lấy Đạo làm gốc.

Gốc Đạo tại tâm, tâm thuật của các bậc Thánh quân, các hiền nhân quân tử, trên chịu mạng Trời, dưới cần mẫn việc nước, việc dân, dụng lễ nhạc, tu đức độ, lập chính thể hưng đạo đức, giáo hóa chính đốn Nhơn luân, diu dắt thiên hạ trở về cội phúc

nguồn lành, sống tự do trong lẽ thật.

Đạo ấy, tâm ấy, không phải chỉ ở thời xưa, hay trong các bậc Thánh quân hiền triết mà bây giờ Đạo ấy không hiện, tâm ấy không còn. Cảnh thế đảo điên, lòng người đen tối, cuộc đời rối loạn, họa tiêu diệt phơi bày, Đạo ấy không hiện, vì tâm ấy chìm đắm trong vật dục mà phải mê mờ. Thời xưa, lòng người còn thiện, nên mới có sự tương quan với Đạo, thân cận cùng Trời, song cũng có kẻ bỏ mất lương tâm, chạy theo cuồng vọng, như Kiệt Trụ bạo tàn.

Hướng chi Nhơn loại thời nay đánh lạc tâm hồn, đắm mê vật chất, mà tách biệt cùng Đạo, mà đoạn mối tương hệ cùng Trời, nên lâm vào tình trạng khốn cùng ngang trái. Song cũng có những người biết thức tỉnh, quay lại đường lành, nghe theo tiếng gọi nơi thân tâm, phăng lần về cội cả để thực hiện con người, hoàn tất sứ mạng của nó.

Ta thử xét lại Hiến chương, đồ biểu nơi Hồng phạm Cửu trù, quyền pháp đã đặt nơi đâu, sứ mạng được phó vào đâu. Kẻ cầm cân nảy mực làm qui phạm cho đời, ngồi một chỗ mà bốn biển được thanh bình, giữ ngôi Trung mà đức khắp muôn dân, thiên hạ qui gồm một mối.

Hồng phạm Cửu trù là một Hiến chương tu thân xử thế gồm 9 loại, một qui luật trị nước an dân cao cả dựa theo Lạc thư mà chia thành 3 ngươn 9 số.

Thượng ngươn là phần Trời, gồm 3 số: 1, 4, 7.

Trung ngươn về ba thân của Hoàng Cực, cũng 3 số: 2, 5, 8.

Hạ ngươn là phần vạn dân Nhơn loại, có những số: 3, 6, 9.

Số của Trời: $1+4+7 = 12$, tự thân người: $2+5+8 = 15$, quần dân bá tánh gồm những số: $3+6+9 = 18$. Số Trời thì đơn giản, dân chúng thì phiền đa, chỉ có người (Hoàng Cực) được quân bình, nên quyền pháp ấy, sứ mạng ấy, được thay Trời, thay dân mà tế thế an bang.

ĐẠO HỌC CHỈ NAM mục đích hướng dẫn nhơn sanh tìm lại cội rễ của chính mình. Cội rễ ấy đã mất đi, thì bản thân con người đành luân lưu trong biển khổ. Thế giới và nhơn loại cũng vì lãng quên cái căn bản duy nhất đó, mà hóa ra cuộc sống điên đảo, xã hội quốc gia trở thành máu xương chiến địa.

Trời đất vạn vật sở dĩ có ra, phải bắt đầu ở một nguyên nhân ấy là Đạo. Đạo là căn bản của vũ trụ vạn vật. Vật nào cũng do đấy mà xuất sanh, bởi đấy mà tồn tại, có đấy nên sự điều lý được trật tự phân minh. Lý ấy màu nhiệm hoàn toàn, trí khôn và tai mắt của loài người không đủ hình dung nhận xét được, nên các bậc thượng Thánh, đại Hiền miễn cưỡng đặt cho nó cái tên. Danh từ để gọi không biết bao nhiêu thứ, ai nấy cũng lãnh hội được. Đó là Chủ tế Tạo Hóa bản căn của vũ trụ vạn vật, là Thượng Đế, là Trời, là Đạo v.v...

Đạo ấy, Lý ấy bao trùm và tiềm ẩn trong mỗi vật mỗi loài. Vạn vật, vật nào cũng có cái Lý của nó. Tổng thể của Lý là Thái cực hàm Âm Dương như thể lưỡng diện của Lý này ở nơi mọi người, ai cũng đều chứa đựng cái căn nguyên lưỡng nhưt đó, sinh động vô cùng.

Người thuận theo cái Lý đó, cầm giữ cái Thể đó, khuôn theo bản tánh mà vượt lên khỏi thời gian

không gian, siêu hóa thần hình, làm Thánh làm Vương, thay quyền Tạo Hóa, an bài dưới thế cho nhơn loại sống trong tình bao la, hưởng trọn tự do thanh bình, không tách rời ngoài căn bản, xa bản tánh, nên muôn thuở vĩnh lạc vô ưu.

Gốc không vững, cành lá đâu được tươi xanh, hầu đủ sức đơm bông trở trái. Nguồn bị lấp, sông ngòi, lòng rạch khô khan, mong gì sự trôi chảy được thông lưu, men ra biển cả. Nên cuộc sống của loài người hiện tại quá bấp bênh khổ sở. Sức tự hữu không còn nhờ vả cầu may, nhưng ai cũng như ai, chỉ lợi dụng mưu cầu chẳng thấy may, mà hoàn toàn đầy rủi ro thất bại.

Gốc bỏ đi mà cầu lấy ngọn, biết có thân mà chẳng biết có tâm, thì cuộc sống chẳng thấy ánh sáng mặt trời nơi Chơn tâm, mà gắng gượng đốt rọi bằng đôi cọng que nhấp nhem lơ mờ của tai mắt, đâu đủ đưa bước nhơn sanh tìm đến điểm đích Thần Tiên, là nơi cuối cùng của bước hành trình, ngày hoàn công nhơn loại!

Đây cũng tạm trưng một vài chứng cứ, mà ngàn xưa các bậc đại Thánh lưu lại, ngàn đời ai cũng lấy đó làm tiêu chuẩn cho cuộc sống còn, trong đạo làm người chung đụng lẫn nhau, trong việc thay Trời giữ nước yên dân, mở mang bờ cõi và tâm trí nhơn dân. Kẻ sĩ người hiền khuôn theo quyền pháp ấy, mà men đến đích cùng tốt của con người, chứng Phật vị, đắc Kim Tiên, làm Tổ làm Sư, khai triển quần tâm, dẫn bước văn minh, dựng đời Thánh đức.

Đồ biểu tượng trưng một nền Đạo học Đông phương từ xưa. Các hiền triết Thánh quân đặt chế độ,

chỉnh thân tâm, để phụng Thiên sự dân, không ngoài hai đồ bản Lạc thư, Hà đồ, xuất thế nhập thế, đạt kỷ đạt nhơn, hay lập kỷ lập nhơn, thành cho chính mình, mà thành cho nhơn quần xã hội. Hà đồ hay Lạc thư là căn bản tinh yếu làm mực thước cho kẻ cầm quyền, cầm pháp trị nước, trị đạo, hướng dẫn đồng loại khuôn theo qui luật, mà Trời Đất đã mặc khải trong các số điểm ở nơi hai đồ biểu này. Người có bốn phận thay quyền Tạo Hóa, điều hòa hai thế Âm Dương, phối đồng cùng Trời Đất, làm cho việc nào, loài nào cũng đắc kỳ sở của nó.

Hà đồ tương truyền do Thánh Phục Hy được con ngựa rồng ở sông Mạnh Hà, trên lưng có chở một bức đồ gồm 55 số. Số ấy chia làm 5 chùm. Phía dưới, phía trên, bên tả, bên hữu và trung ương, gồm có 25 số cơ, có 30 số ngẫu. Dưới phương bắc: 1+6; phương nam: 2+7; bên đông: 3+8; bên tây: 4+9; trung ương: 5+10.

(Xin xem thêm Hình 4 ở cuối trang sách).

Lấy đồ hình tròn này để xác định một vũ trụ quan lãnh mạng, một nhân sanh quan toàn hảo. Thế dụng viên thông, Thiên nhơn phối nhứt, đời đạo tương dung, tuy có mấy con số le the, rời rạc, nhưng ẩn dấu rất nhiều thần cơ diệu pháp. Lẽ sanh thành biến hóa của Trời Đất, sự bài định mọi sự mọi vật, nguồn suối Tạo Hóa, thung dung trôi chảy không ngừng, phân nhánh tách dòng, kết quả cũng đổ về biển lớn. Cuộc tuần hườn phản phục, lẽ biến hóa Âm Dương, cơ động tịnh Đất Trời, cuộc sanh thành có đi có lại, để chúng ta ai nấy cũng nhận thấy căn bản của tự thân, mà ăn ở sống còn, phải luôn luôn điều hợp với Trời Đất, nhịp tấu theo trật tự bốn mùa, năm

vũng chơn tâm đồng thể đạo, thì tự thân cũng được hoàn bị, như một vũ trụ bao la rút gọn ở con người. Thật là vinh hạnh.

Bản đồ xưa nay có nhiều bậc đại Thánh, đại Hiền đem ra bàn giải, mỗi người mỗi cách, tùy hoàn cảnh địa vị mà áp dụng, nhưng chủ đích cũng qui về một điểm Chơn tâm, một ngôi Tạo Hóa, mà Trời người lấy đó làm căn bản chống vững Trời Đất, tự lập muôn thuở vững bền. Số cơ số ngẫu là tượng hình Âm Dương. Ngôi Trung tượng hình Thái cực. Bốn hướng là tứ tượng: Thái Dương, Thiếu Âm, Thiếu Dương, Thái Âm. Năm ngôi kết hợp trong ấy là năm hành. Sự hóa hóa sanh sanh lẽ tiến lùi, phản phục thần diệu không lường, vậy ta nên biết Hà đồ là một khẩu quyết gồm đủ ý nghĩa không sót một tí nào, dầu mảy bụi ngọn lông cũng hàm trong đó.

Hôm nay đem ra để cho mọi người chúng ta tìm lại cái căn bản sở dĩ được làm người, vì sao có người vinh sang thành quả, còn người sao tiện nhục bại vong, kẻ được nhơn nhĩ an vui, người lại khốn cùng vất vả. Cái nguyên do không phải tại Trời Đất, Quy Thần hay tại chế độ hoàn cảnh gây nên, mà tại do người thiếu giác ngộ, đi ngược với Đạo, bỏ gốc nên thân phận phải lung lay, tự mình đưa mình làm nô lệ cho cái giả tâm, khí chủ động, lý bị tách rời.

Ôi! Hồn phách phân ly, Âm Dương trái đạo, đồ mượn số để biểu tượng một sự huyền bí không thể nói được, vì Đạo quá trừu tượng, vô ảnh vô hình, bất tiếng bất hơi, làm sao trưng bày cho được, nên mượn số nói lên những sự thần diệu, những cơ động tịnh sanh thành.

Đã hiểu Đạo là không số, không tượng, không vị, không chất, không số mà số, không tượng mà tượng, không vị mà vị, không chất mà chất. Số, tượng, vị, chất bởi không mà hiện có, do có mà có cái vũ trụ này, nhưng sự tiến, sự lui tất thủy hườn qui về nguyên bản Thiên chơn.

Những số 1 3 5 7 9 phân ra là số: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa Thổ, biến ra là Tượng: Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung, liệt là Vị: Xanh, đỏ, trắng, đen, vàng, tán ra là Chất. Số, tượng, vị, chất ta sẽ lần lượt mở những gút mà thảng vào Trung cung Hoàng Cực, để cùng gốc ngọn liên nhau, biến sông làm một.

1 với 6 ở phương Bắc; 2 với 7 ở phương Nam; 3 với 8 ở phương Đông; 4 với 9 ở phương Tây; 5 với 10 ở Trung ương.

Bắc là Thủy, Nam là Hỏa, Đông Mộc, Tây Kim, Trung Thổ.

1+6 là Thái Âm; 2+7 là Thái Dương; 3+8 là Thiếu Dương; 4+9 là Thiếu Âm.

Mỗi một cung theo ngũ hành Âm Dương, cung nào cũng có số lẻ và số chẵn, hoặc trong Dương có Âm, hoặc trong Âm có Dương, Âm Dương của Hà đồ tương quan phối ngẫu, hỗ trợ lẫn nhau. Một Tạo Hóa tương sanh, một chiều thuận tiến, mọi người mọi vật phải trải qua một cuộc hành hình để kinh nghiệm rèn luyện tự thân, bớt chỗ dư, bồi chỗ thiếu, quân bình cho được tâm thức. Cuộc sống chung lộn giữa mọi loài, thành sự tương quan, dầu thể xác dầu tinh thần, tuy trong Dương có Âm, trong Âm có Dương mà sở chủ ở nơi bản căn là Dương cương trung chính.

Như Trời thì có ngũ Nguyên, Nguyên động mà

sinh ngũ Đức. Mỗi Nguyên mỗi sở chủ ở mỗi vị, song đều có liên hệ mật thiết nhau. Nguyên thần là Bính hỏa, Nguyên khí là Mậu thổ, Nguyên tinh là Nhâm thủy, Nguyên tánh là Giáp mộc, Nguyên tình là Canh kim. Đó là Dương, Dương thì số lẻ. Hễ có Nguyên thì có Đức: Nguyên thần là Lễ, Nguyên khí là Tín, Nguyên Tinh là Trí, Nguyên tánh là Nhân, Nguyên tình là Nghĩa.

Con người nhờ có ngũ Nguyên mà tạo nên cho mình một căn bản, thay quyền Trời Đất, giữ địa vị con người, điều hòa hai lẽ Âm Dương, phát triển ngũ Nguyên, tâm thể trong người mà hiện ra ngũ Đức, để phô bày cái tinh ba trong sáng của mình làm cho Trời Đất mới mẻ, xã hội an lành, loài người kết chặt tình thương lẽ sống giữa nhau, vạn vật cũng chung trong nền trật tự.

Nhưng ngũ Nguyên, ngũ Đức bất ngoại cái Chơn tâm Thái cực, là bản căn tối diệu ở ngôi Trung. Đó là chúng tử là nguyên nhân, là nguồn đầu, là Một trong tất cả, tất cả bởi Một mà ra. Nên 15 là số của tổng số trong đồ, số sinh thành, biến hóa, hồn nhứt vi trung. Đó là Thượng Đế ngự tại Trung cung của vũ trụ, trọng tâm của loài người.

Song Bính liên với Đinh, Mậu liên với Kỷ, Nhâm có Quý, Giáp có Ất, Canh có Tân. Âm có Dương như hồn có xác, xác phải nương hồn, hồn phải nương xác mà tồn tại lẫn nhau. Nếu một khi bị chống đối, bị tách rời, hay chủ khách không phân minh, dưới trên không hợp lẽ, thì vũ trụ sẽ đảo lộn, loạn cuồng. Nếu là người thì người gian ngoa, táo bạo, nên ở Lạc thơ đồ vương chia làm 9 ngôi Âm Dương lìa cách nhau,

đối lập nhau, chống trái nhau, lấn quyền cướp vị, bỏ gốc theo ngọn, hướng ngoại, đấm đuối theo đường danh lợi vật chất, phù phiếm, vì chủ động là Âm.

Âm đã thắng Dương thì lẽ tự nhiên bị đảo ngược, hậu thiên đương vị chủ quyền. Nhận kỹ ở Lạc thơ Âm Dương thố loạn thì vạn sự vạn vật mất thăng bằng. Đồ biểu Lạc thơ cho ta thấy Kim, Hỏa đối ngôi, mười điểm ở trung cung là Kỳ Thổ lưu phóng ra ngoài, khắc phạt lẫn nhau, Âm chế Dương:

Kỳ Thổ khắc Nhâm Thủy, Ngươn tinh hóa làm trực tinh.

Quý Thủy khắc Bính Hỏa, Ngươn thần hóa làm thức thần.

Đinh Hỏa chế Canh Kim, Ngươn tinh hóa làm quý phách.

Tân Kim khắc Giáp Mộc, Ngươn tánh hóa làm du hồn.

Ất Mộc khắc Mò Thổ, Ngươn khí hóa làm vọng ý.

Vọng ý rất vọng động tập niệm móng khởi không ngừng, có tánh loạn, xúc động thì dục mông lung phóng tán ra ngoài, khiến cho tai mắt tay chơn làm nhiều điều để thỏa thích nhu cầu dục vọng.

Trực tinh rất dâm dục có tánh si, xúc động thì buồn gây nên đa sầu đa cảm. Ngươn tinh mỗi lúc mỗi khô kiệt, thì trí tuệ hôn mờ, lậu tiết hư hao, thì sống không bảo đảm, bịnh tật liên sanh.

Quý Thủy khắc Bính Hỏa, mà thức thần mới hiện ra làm chủ, cây lý trí dụng giả tâm, tuy rất thiêng liêng, nhưng có tánh tham, xúc cảm liên vui, đưa bước trụ lạc con người chạy theo giả đời ảo ảnh.

Đinh Hỏa khắc Canh Kim, quý phách lộng hành, chủ sự chết, có tánh dữ, xúc động thì giận, gây thù kết oán, nóng nảy hung hăng.

Tân Kim khắc Giáp Mộc mà du hồn xuất hiện, chủ sự sống, có tánh lành, xúc động đến là mừng.

Ngũ vật thay cho ngũ Ngươn: Nhơn, Nghĩa, Lễ, Trí bốn mối bị chôn vùi, mà mừng, giận, buồn, vui quanh quẩn chen nhau rước lấy ưu bi khổ não. Nói đến con người, hay rộng ra quốc gia xã hội, cho chí vũ trụ đất trời, cũng không ngoài đồ biểu Âm Dương, thua được. Bĩ, Thái xoay tròn, một thắng một lùi. Sự Bĩ Thái của hai đồ, người có trí nên gẫm suy, một thuận một nghịch, biết chế hóa, biết điều hòa, thì sẽ đạt cơ Tạo Hóa.

Biểu Hà đồ Âm Dương hỗn hợp, như tâm đạo tâm là một, theo chiều tương sanh, liên hệ mật thiết với nhau, nên cuộc vận hóa của Âm Dương phân bổ năm hành theo trật tự thời gian không gian, kết nên một trường sở linh hoạt vô cùng. Dầu cuộc diễn tiến bao la, nhưng chung qui cũng về nơi Trung cung theo chiều đóng mở.

Trái lại, Lạc thơ Âm Dương chia cách, đời đạo trái nhau, nên đồ biểu tại Trung cung thấy có số 5, mà không có số 10. Số 10 ở trung đồ đã phóng ngoại, thố loạn khắp bốn phương tám hướng. Các số chẵn chia ra ở mỗi góc, bố chính theo bàn: Hai (2) ở Tây Nam làm Đinh Hỏa, bốn (4) ở Đông Nam làm Tân Kim, sáu (6) ở Tây Bắc làm Quý Thủy, tám (8) ở Đông Bắc làm Ất Mộc. Thế là tâm trung phóng ngoại, chìm trong ảo cảnh, muôn thuở rồi bỏ cội nguồn.

Người giác tỉnh mau mau tìm lại nguồn đầu, tin

tưởng chơn tâm chủ tế trong người bị che khuất, bị chôn vùi, phải chấn khởi nó lên, hồi sinh cái bản thể nhiệm mầu, thân phục cái phóng tâm hườn trở lại ngôi xưa, để số 15 ở trung điểm, nghĩa là lấy số lẻ khắc số chẵn, dĩ Dương khắc Âm, Âm hườn qui nhứt bản. Mậu Thổ khắc Quý Thủy, Nhâm Thủy khắc Đinh Hỏa, Bính Hỏa khắc Tân Kim, Canh Kim khắc Ất Mộc, Giáp Mộc khắc Kỷ Thổ. Hỷ, nộ, ai, lạc, dục trở hườn lại nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Ngũ vật trở thành ngũ ngươn: Số hườn vô số, tượng hườn vô tượng. Đó là ngũ khí triều ngươn, tam gia tương kiến.

Mượn hai đồ biểu để cho chúng ta ý thức lại chính mình. Mình vì bỏ gốc theo ngọn, lấy giả làm chơn, tự tách rời nguồn sống bao la phóng mình trong dòng đời ảo mộng. Hầu hết nhơn loại chưa mấy ai ý thức được mình. Con người sống như bộ máy, bị ngoại vật thúc đẩy mãi mãi cứ quay cuồng, không một ai biết điều khiển hay làm chủ được mình, mà con người luôn luôn tự cho mình có ý thức, mà sự thật chẳng ý thức chút nào.

Cái máy chuyển động luôn ngày. Chuyển động đó, bởi hoàn cảnh chung quanh, hay bởi tập quán nhiều ngày nhiều kiếp mà nên. Nó lăn, nó chạy do sức mạnh của người, rồi ồ ạt để vui hỷ hả, để buồn tẻ, không biết vì sao có những nông nổi mà mấy ai được biết? Ai biết được chính mình con tim mầu nhiệm ở đâu? Hay gọi dục vọng tham cầu của ý sống bên ngoài qua những ngưỡng cửa mắt, tai, mũi, lưỡi, cho đó là mình. Mà thật con người có khôn ngoan, nhiều ý chí sáng tạo được những cái máy tinh xảo, điều khiển được nó, mà không điều khiển được mình.

Mình là máy để sản xuất cho hoàn cảnh những nhu cầu. Thế mà mình đâu ngờ chính mình là nô lệ, cũng vì vọng tâm phóng ngoại, cũng vì rượt theo danh lợi giả trò, cũng tự khoe khoang học rộng hiểu nhiều. Mà sự thật khôn khéo chẳng qua góp nhặt ở kinh nghiệm bề ngoài, đâu phải con tim mầu nhiệm. Con tim ấy chủ tế điều hòa thống nhiếp cả trái, mặt, quân bình lẽ chống đối của Âm Dương.

Người là một địa vị quan yếu vô cùng, giữa lưỡng gian. Người là chủ sự quân bình, lợi dụng được thiên thời địa lợi, làm cho vũ trụ vạn vật hanh thái, an lạc, mỹ miều. Đây cũng nên nhắc lại quyền tối thượng. Trời Đất đặt vào con người một địa vị thiêng liêng. Nếu nhơn bản biết vun trồng, nguồn sống của người biết khai thông, biết phát triển thì người giàu, mạnh, sáng sủa, khác chi Trời Đất, mặt nhật mặt nguyệt. Ai không được chở được che, được sáng soi, sưởi ấm?

Nghiêu Thuấn cũng người, Phật Tiên cũng người, thì Ta há không làm được như những bậc đó sao? Sở dĩ các đấng kia muôn thuở được danh truyền, tuổi tên chói lợi, làm thầy thiên hạ, làm chủ quốc dân, là vì đấng ấy biết giữ còn cái Chơn tâm, biết vun bồi cội căn đạo hạnh. Tâm ấy có riêng chi ai, dầu bậc hiền giả hay ngu giả cũng thế thôi. Ta với người không khác. Khác chẳng là giữ còn cái tâm Đạo, hay buông xuôi theo thế lợi, nghiêng ngã đường tà. Nếu tự tỉnh mà quay lại chính mình, đem cái tâm phóng ngoại trở về, giữ cái gốc thiên phú nguyên đầu, thì có thể làm Thầy, làm chủ thiên hạ khó chi?

Xưa các bậc đại hiền ý thức được chính mình, giữ

còn tâm ấy, luôn luôn sống kề với Đạo, gần sát cùng Trời, hòa mình trong thiên hạ, chủ được tình thức, trị được vọng tâm, nên mắt tai của các Ngài không bị một chướng ngại ngăn che, tâm tư rỗng trống bao hàm vũ trụ Càn Khôn. Một động một tịnh của lẽ Trời đều hiển hiện ở nhịp tim, hơi thở đâu để lọt qua vì lòng dạ các bậc đại hiền thanh tịnh rỗng không, mà lẽ báo ứng cơ vi làm sao che được?

Đây cũng nên nhắc lại con người hoàn thiện, con người đạt được nhân bản của mình, con người giữ đúng ngôi vị thiêng liêng, mà Trời phó nhiệm để chăm sóc đoàn người chưa tự chủ, mà thiên hạ cũng ủy thác quyền hành cho bậc chí nhơn đó quân bình hướng đạo toàn dân. Người đó chính là người thấy được nhiệm vụ thiêng liêng của mình đặt trong Tam Cực.

Trời Đất sanh hóa, tạo thành vũ trụ muôn loài, lò Tạo đúc xong giao lại cho người chỉ sửa trau cho khéo léo, đặt để đâu đó đúng chỗ, nghĩa là đem thiên hạ để ứng hiệp với lòng người. Lẽ đương nhiên ở tự nhiên mà ra, đẽo gỗ để làm cây, chèo ván đóng thuyền, sử dụng vào tiện lợi cho nhơn dân, lấy chỗ dư bồi chỗ thiếu.

TIẾT THỨ HAI HỒNG PHẠM CỬU TRÙ

Theo đồ biểu Lạc thư, không biết bao nhiêu việc cần cho nhơn sự, cho thế đồ. Nhưng rút một phần, mà các đại hiền lấy 9 số trong bản đồ vạch thành Cửu trù, để nói lên quyền sống của con người, địa vị tối tôn, là người và Trời rất tương quan mật thiết.

9 trù ở Chương Hồng phạm (trong Kinh Thư) cho ta thấy một triết lý nhơn sanh bao trùm thực tại và siêu nhiên, mà phương đồ chia 9 ô ngang dọc dưới trên, đứng đâu cũng thấy con số 15. Con số ấy là Trung cung của Hà đồ, số vạn thù qui nhất, nội ngoại bất phân. Số ấy cốt để quân bình: Quân bình cho xã hội chung đụng lẫn nhau, quân bình cho thiên mạng nhơn tâm tương quan đồng nhất, quân bình chính giữa con người tinh thần thể xác được hỗ tương điều hợp, quân bình sao cho việc Người việc Trời, thiên vận nhơn sự tương thông. Số 15 quan hệ biết bao!

Số 1, 4, 7 là số của Trời. Trời thì đơn giản, dễ hiểu, dễ theo. Số 3, 6, 9 là số của thiên hạ quần dân. Số 18 phức tạp đa đoan, thế sự nhơn tâm chia ly bất nhất. Số 2, 5, 8 là số của kẻ đạt nhơn chí đức, thay Trời giữ được yên dân. Số ấy là Hoàng cực Chí Tôn, làm mẫu mực nắm giữ thăng bằng, đúng số 15, nên trong bốn mặt, tám phương, đều một cách một kiểu như nhau, không hề chênh lệch ngã nghiêng, không để quyền lợi làm mờ nghĩa vụ, đời sống áp đảo tâm linh, kẻ dưới thiệt thua, người trên lấn át.

Còn một cách là nội giới ngoại giới phải được tương hệ, cách trị dân phải làm sao cho dân no ấm, dân mạnh khỏe, dân khôn ngoan: Kẻ thay Trời phải hành sự như Trời, lấy đức hóa nhân, lấy vô vi mà hành Chánh Đạo.

Trù thứ nhất là Ngũ hành	5
Trù thứ nhì là Ngũ sự	5
Trù thứ ba Bát chánh	8
Trù thứ tư là Ngũ kỹ	5
Trù thứ năm là Hoàng cực	5
Trù thứ sáu là Tam đức	3
Trù thứ bảy là Kê nghi	7
Trù thứ tám là Thứ trung	6
Trù thứ chín là Ngũ phúc, Lục cực	11
Tổng cộng	55

Ngũ hành về ngoại giới thuộc thiên nhiên. Mỗi hành có một địa vị đặc biệt là hành thổ trong năm hành nhuần thấm.

Hồng phạm Cửu trù rút một phần trong đồ Lạc thơ để áp dụng vào việc xử thế làm người. 9 trù theo hình ma phương (carré magique) mặt nào trông vào cũng thấy số 15. Số 15 là trung tâm điểm ở Hà đồ. Số ấy làm nòng cốt cho tất cả nội giới tâm linh và ngoại giới thiên nhiên của tạo vật, quân bình cho tất cả những hiện tượng của không gian, thời gian, đem lại hòa khí cho muôn thuở sống còn để vạn vật theo chiều hướng động tịnh biến hóa của Âm Dương ngũ hành, mà vượt đến cõi huyền nhiệm siêu nhiên.

Hồng phạm Cửu trù là một tổ chức quốc gia,

trong đó gồm ba phần: Phần thiên nhiên, phần nhơn sự đặt giữa hai phần này là phần con người mực thước để tượng trưng quyền pháp, thay Trời hướng dẫn quần dân. Người ấy theo Cửu trù là một vị Chí Tôn, làm chủ, làm thầy trong một nước, hay một tổ chức gồm có nhiều thành phần. Người được tiêu biểu mọi mặt của con người chơn, thiện, mỹ. Người đã đạt được nhơn bản, đã đồng thể cùng Trời Đất, làm mẫu mực, đứng ra hành quyền xử vị, đem lại công bình hạnh phúc cho nhơn sanh.

Trù thứ I: NGŨ HÀNH

Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ là năm yếu tố căn bản sanh thành vũ trụ vạn vật. Trời Đất lấy đó làm căn bản cho sự điều lý quân phân, mỗi hành có một tác dụng lớn lao quan trọng, chiếm một địa vị thiết yếu ở không gian và thời gian, mọi sự mọi vật, dầu lớn dầu nhỏ, cả sơn hà đại địa không sao thiếu được mà thành tựu, mà tiến bộ, sáng tạo, tùy theo mỗi đức tính của mỗi hành mà hiện, mà ẩn, tương phối, tương ly. Nước thấm xuống, lửa bốc lên, cây có cong có thẳng, kim loại co giãn đổi thay tùy cần dùng theo thợ, đất trồng gieo gặt hái. Nước thấm xuống sanh mùi mặn, lửa bốc lên sanh mùi đắng, cây cong ngay sanh mùi chua, kim đổi dạng sanh mùi cay, đất gieo gặt sanh mùi ngọt. Mặn, đắng, chua, cay, ngọt là chất của năm hành.

(Xin xem thêm Hình 5 ở cuối trang sách).

Người đạt nhơn chứng Đạo thấu biết được đức tính của lẽ sinh khắc, biến hóa, mà tùy thuận theo tự nhiên, áp dụng ngoại giới vật lý mà chế tạo những cơ

cấu cần thiết, mở mang cuộc sống thịnh vượng cho xã hội ngày một thắng lợi tự cường, áp dụng vào thân tâm để tu chỉnh mọi cơ cấu trong ngoài, hầu tiến lên làm bậc đại nhơn, phụ tá Đất Trời, hướng dẫn quần sanh trở lại cội nguồn tự do hạnh phúc.

Trù thứ 2: NGŨ SỰ

- a. Dung mạo
- b. Nói năng
- c. Trông nhìn
- d. Nghe ngóng
- e. Suy tư

Ngũ sự thuộc về nội giới tâm thân, thể theo năm hành mà mô tả con người, gồm những yếu tính cần thiết, hầu xứng đáng tư cách của một nhơn phẩm, một địa vị trong Tam tài.

Dung mạo phải đoan trang kính cẩn, oai nghi hạnh đức, cho ra người đứng đắn.

Nói năng phải hợp lý hợp tình.

Trông nhìn thông suốt.

Nghe ngóng tinh tế rõ ràng.

Nghĩ suy phải thấu triệt.

Con người quan hệ ở chỗ nét na hạnh chỉ, cốt được đàng hoàng. Ngôn ngữ là sự phát biểu tâm tư phải chơn chất đúng đắn, lẽ chơn gượng được, lẽ miệng khó gượng, cẩn thận không nên nói thô nói đùa. Trông nhìn phải cho sáng suốt thì mọi việc không lầm. Nghe ngóng cho tinh thông để thấu biết dư luận, hầu kịp thời bổ cứu. Suy nghĩ cho chu đáo, lòng vô tư không xen tạp tà niệm, thì thấu tận chỗ chơn trí tuệ giác.

Trù thứ 3: BÁT CHÁNH

Ăn, mặc, tiền của, thờ tự, đất vườn, nhà ruộng, dạy dỗ, hình luật, tân khách, binh lương.

Tám phần này là tổ chức một quốc gia, xây dựng một xã hội cho nhơn dân, đủ bảo đảm một đời sống quân bình tương đối. Guồng máy chánh trị phải lo cung ứng những nhu cầu cần thiết cho người dân, về vật chất cũng như tinh thần, phải làm cho ai nấy cũng có cơm ăn áo mặc, no thân ấm cất, hầu làm tròn cái bổn phận của người dân, ai cũng sống đủ tiện nghi, có của cải để dành dụm khi tai biến thành linh, hoặc phụng dưỡng ông cha, trông nuôi con cái.

Thi hành nghĩa vụ làm người phải có chỗ để thờ tự Tổ tiên, giao nối giữa kẻ khuất người còn trong vòng huyết thống. Đặt quan Tư không lo đường kinh tế cho dân, trông nom hướng dẫn mỗi người trồng trọt, khai khẩn mở mang, dạy dân có quan Tư đồ khai tâm mở trí bổn phận làm người sống giữa nhau biết trọn đạo, có quan Tư khấu lo hình luật bảo đảm quyền lợi mạng sống của con người. Về tân khách ngoại giao, thông hiến mở mang chiêm nghiệm, gây tình thân hữu giữa nhau, cùng tổ chức quân đội chống xâm lăng giữ gìn bờ cõi.

Trù thứ 4: NGŨ KỶ

Một năm, hai tháng, ba ngày, bốn tinh thần, năm lịch số. Đây là một trừ không kém quan trọng của người nuôi dân giữ nước, nhứt là sự sinh hoạt của dân, đời sống con người phải thỏa mãn. Nên kẻ có trách nhiệm là cha mẹ dân, luôn luôn nghĩ đến vấn đề thiên văn lịch số, đo độ thời tiết, sự luân chuyển trong

một năm có bốn mùa theo sáu khí vận hóa, biết những tháng dư tháng thiếu, tháng nhuận, ngày nào dài, đêm nào ngắn, định giờ giấc cho dân làm lung kíp thời vụ, đúng mùa màng. Cũng cần biết phép tượng để quan sát thiên văn tinh tú, vận hành nhị thập bát tú và ngũ hành tinh giao độ như thế nào, mà gió to mưa lớn, nắng gắt lạnh nhiều...

Cũng xét năm tháng ngày giờ tinh tú chuyển vận mà chế tạo công nọ việc kia, lập thành âm dương lịch cho dân coi đó để làm lung sanh sống và sự đo lường nhưt thống, sự ăn ở điều độ, sự bịnh tật thuốc men, khuôn theo thiên nhiên mà áp dụng về tu thân xử thế, mọi việc ở đời.

Trù thứ 5: HOÀNG CỤC

Trù này quan trọng hơn cả. Đây là cửa thu phát mệnh lệnh, thông công giữa Trời và người, giữa ngoại giới và nội tâm. Hoàng Cự là trung tâm quyền pháp của một nước hay của thiên hạ. Kẻ ở địa vị này phải đủ tài đức, xứng đáng nổi bật giữa loài người, làm mực thước cho muôn dân, quần chúng bốn phương trông vào đấy mà ăn ở đúng Đạo làm người. Mọi người noi mực thước của bậc nhơn quân đại đức mà tu sửa, nhơn cách đối xử đúng đắn, hết bốn phạm trong phạm vi tự hữu của mình. Người giữ ngôi Hoàng Cự là người tiêu biểu mực thước làm đầu muôn dân, đại diện cho Trời tại thế, nên có thể nói là bậc hoàn toàn coi dân như con đẻ, chăm nom gầy dựng lo dạy dân, lo nuôi dân no ấm, khác nào cha mẹ đem cả tình thương san sẻ, tạo lập sự nghiệp tương lai cho nó. Không phải vì ngại vàng ngò trên hung lụa,

hút máu đồng loại nhơn dân, mà vì dân vì nước, vì sự nghiệp lâu dài, quên thân gánh vác khó khăn cho muôn họ.

Hoàng Cự có nghĩa là tổng thể duy nhưt uy quyền mệnh lệnh. Hoàng Cự là người đã triển phát nhơn bản đến cực độ. Con người ấy là đồng với Trời trong Tam tài. Nhơn bản đã thực hiện đến một địa vị hoàn toàn chơn, thiện, mỹ, phối đồng cùng Trời Đất, coi vũ trụ vạn vật một thể, đức ấy trùm cả mười phương, như mưa xuân phay pháy, gió xuân dịu dàng, tình xuân lai láng, trí cực kỳ minh, nhơn cực kỳ hậu, nội thánh ngoại vương, tâm thuật đủ cảm hóa muôn loài, có trí cách vật, có nhơn chủ vật, có lượng dung vật, có tài tạo vật. Nhơn trí tài lượng như thế, nhưng cũng phải nhờ kẻ hiền nhơn quân tử cộng tác, mới gánh nổi sự nghiệp lớn lao, mới xong sứ mạng.

Trù thứ 6: TAM ĐỨC

1: Chính trực; 2: Cương khắc; 3: Nhu khắc.

Trù này để biết lẽ tương chế tương hòa, biến thông cho guồng máy được linh động nhẹ nhàng, thấy được ý Trời lòng người một phương trình sáng chế, một lối ứng dụng trong việc xử sự, cốt là quân bình mọi mâu thuẫn ngang trái giữa loài người, biết lấy nhu chế cương, biết dùng cương để kích động các tâm hồn nhu nhược, điều hòa trong xã hội nhờ có nhu và cương, dùng cương nhu khắc chế lẫn nhau để phát sanh khí cơ lợi tiện. Chính trực là chủ của cương nhu, mà cũng nhờ cương nhu để giữ còn chính trực. Trù 6 này chẳng những áp dụng vào chính trị, mà về giáo dục khoa học, nó là môn lợi khí vô cùng.

Trù thứ 7: KÊ NGHI

Trù này kẻ làm cha mẹ dân không phải cậy có tài có đức, giàu khôn ngoan, nhiều sáng suốt đủ sức mạnh, lăm tay chơn, mà đủ để yên dân trị nước. Việc người thì phức tạp, lòng người thì bất thường. Lẽ Trời mâu nhiệm, cuộc xoay vần biến hóa, thời tiết không thường, chung quanh có những sự mắt người không thấy được, tai người không nghe được.

Khi trong nước có việc xảy ra đáng ngờ, người có trách nhiệm phải ưu tư dọn mình mà thỉnh ý Thiêng Liêng, thông công cùng Trời Đất để thi hành không trái nghịch với thiên cơ. Việc người, việc Trời luôn luôn phải rập khuôn như bóng với hình, như một bộ máy phải tương quan. Vì vậy mà phần Kê nghi để dò hỏi ý Trời, biết được việc mình làm có tương phối huyền đồng hay gián cách. Điều này có nhiều lối thông công hoặc vào mật thất lư bông để tham thiên định lự mà cầu Thiên khải, hoặc dùng cơ thần bút pháp, nhờ sự dạy truyền, hoặc bói toán thành cỏ thi mai rùa, Trời ứng vào quái hào cho biết...

Trù thứ 8: THỨ TRUNG

Vũ, dương, ốc, hàn, phong, thời, nghĩa là mưa, nắng, nóng, rét, gió và mùa, cũng một trừ quan hệ không kém trừ Kê nghi. Người trị dân giữ nước đã đem thân che chở cho thiên hạ, gánh lấy mọi khó nhọc khổ đau cho mọi người. Mỗi khi một việc nào trong nước xảy ra, như tai trời ách nước làm cho dân không yên ổn, là người có trách nhiệm ăn không ngon, ngủ không yên, nhứt là điềm Trời xảy đến, nắng, mưa, nóng, rét bất thường, phong ba bão tố,

mùa tiết trái thời, mọi việc gây nên trở ngại cho con dân trong nước.

Sinh hoạt khó khăn trưng triệu bất thường, mưa nhiều nắng ít, hoặc nắng có mưa không, gió mùa chẳng thuận thời khí không đều, tất cả mất quân bình, sai tiết độ, là do ở lòng người khởi niệm bất chánh. Việc làm bất chánh, ăn ở bất điều, những tư tưởng, những hành động của một nước một nhà trái với thiên tâm đạo nghĩa, thì điềm dữ xảy ra, độ khí của năm hành trái nghịch, đều do tấm lòng đi ngược với công lệ Đạo Trời.

Sở dĩ người dân khởi tâm bất chánh, khởi sự vô lương, là do kẻ cầm quyền thiếu đạo đức, không quán xuyên được dân. Dân bất phục, mệnh lệnh không linh, thì trách nhiệm người trên gánh cả. Nên kẻ làm đầu trong nước, làm chúa muôn dân phải được quen mình vì thiên hạ như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, vua coi dân như thân thể, dân coi vua như tim gan. Dân đói, dân rét, dân tật bệnh không nghĩ đó là việc của dân, mà nghĩ như vua Thang tại mình làm cho nó đau, nó đói rét. Ấy mới phải đạo mẹ cha.

Trù thứ 9: NGŨ PHÚC - LỤC CỤC

Ngũ phúc có 5 điều thường: Sống lâu, giàu có, mạnh khỏe, bình yên, ham đức tốt, suốt đời không rủi ro, tai nạn, tật nguyên, tù vạ. Nếu kẻ trị dân mà hay, mà giỏi hiệp lòng Trời, thuận ý người, thì người dân được 5 điều lành. Bằng trái lại, chính trị hư nát, kẻ cầm quyền đen tối lợi dụng, thì dân chịu 6 điều họa: Chết yếu, lo buồn, tật bệnh, nghèo khổ, gặp nhiều ác nghiệt oan trái và con người nhu nhược đê hèn.

Phúc họa tuy không phải kẻ cầm quyền gieo rắc cho dân, mà bởi người có trách nhiệm bảo dân giữ nước phải sáng suốt thấy được ý dân, biết được tình dân, lấy đức hóa dân, lấy lượng chở dân làm cho dân mến, dân tin, dân thấy được kẻ trên vì mình, thì chính mình dân cũng vì kẻ trên mà giữ tròn hạnh phúc để cùng chung hưởng.

Tóm lại, như Cửu trù nói đến trách nhiệm kẻ cầm đầu một nước hoặc rộng ra, cả thế giới hay hẹp lại ở gia đình, cái bổn phận phải làm sao được đẹp lòng Trời, được vừa ý dân, mà tâm mình luôn luôn nhàn tịnh, sáng suốt để đủ sức tạo lập sự nghiệp cho nước, cho dân. Đức rộng tài cao phải đủ mới hóa được dân, mới canh tân được xã hội.

Nhờ tài đức và tâm tư sáng suốt, mà phỏng thiên nhiên áp dụng vào đương nhiên, thể lòng Trời mà làm cho lòng người được tươi đẹp, ham điều lành, ưa tạo phước, khiến được dân, dân nghe, dân phục, dân theo.

Chưa phải đó là đủ, mà còn phải làm sao cho dân được sáng tâm, khỏe xác khuôn trong Đạo pháp. Phải xây dựng cho dân một sự nghiệp đủ tiện nghi theo 9 trù đã vạch, nhứt là kẻ có quyền luôn luôn quân bình cho được bốn phương tám hướng, đâu đó cũng ngang bằng như số 15, không bè đảng, không riêng tư, không vì dân mà quên Trời, không vì Trời mà chẳng lo khai hóa cho dân.

Thế Cửu trù Hoàng Cực là cơ bản, là con người mực thước, làm mô phạm cho dân. Người được như Hoàng Cực là người đã xứng con người. Con người mà thế giới thường nói như bản, mà bản con người

là tâm. Tâm con người hoàn thiện là cùng Trời một Đạo.

Ôi! Nhưn bản vĩ đại thay! Con người biết lo cho người từ việc ăn, ở, làm lụng, của cải, tín ngưỡng, học vấn v.v...

KẾT LUẬN

A. KINH VĂN

ĐẠO HỌC CHỈ NAM do Trần Hưng Đạo và Vạn Hạnh Thiền Sư vâng lệnh Cửu Tiêu Tam Giáo tả các chương về yếu lý Đạo pháp, để khuyến tỉnh người đời, tiếp độ nguyên căn qui hồi cựu vị, đã được Chí Tôn y chuẩn. ĐẠO HỌC CHỈ NAM là một bửu kinh nhận thấy những lời diễn tả đúng với đường hướng đạo pháp, có thể lấy đó làm mực thước trên đường công phu tu học hành đạo, đúng với tinh thần của bốn chữ ĐẠO HỌC CHỈ NAM. Chư Thiên ân quyền pháp noi đây mà lập giáo, hướng dẫn môn sanh; chư đạo tâm theo đây mà học tập tu trì, thật xứng đáng là bửu kinh để cho đời làm phương châm tu thân xử thế!

THI

*TỔNG hợp dung hòa mới cộng thông,
KẾT liên Âu Á một tâm đồng,
ĐẠO là nguyên lý sinh Trời Đất,
HỌC để nên người với núi sông.
CHỈ phúc minh tâm trung vạn pháp,
NAM châm kiến tánh hiệp Tam tông,
BỬU kinh nhứt quyển tâm vi chủ,
KINH vĩ hoàng qui nhứt Chủ ông.*

ĐẠO HỌC CHỈ NAM gọn trong 4 chữ, mà gồm đủ yếu chỉ kinh luận quyền pháp, việc Trời việc

người, kẻ xuất thế người tại gia đủ làm mực thước. Toàn bộ có 4 chương luận giải việc xưa việc nay, bày tỏ cái hơn cái kém, không biết bao đề mục, mặc dầu bao hàm kim cổ đông tây, nhưng rút lại chỉ còn chữ NHỨT.

VŨ TRỤ minh mông bát ngát, thiên sai vạn biệt, phiến toái vô cùng, nhưng đầu phức tạp đa đoan, cũng không ngoài NHỨT NGUYỄN chi yếu. Lại bày tỏ rõ ràng nhưn loại chủng biệt, việc thế lòng người rối rắm gay go, việc tiến việc lui, được thua còn mất, thiên hình vạn trạng, mỗi mỗi không đồng, thế mà qui kết cũng gặp nhau gọn trong 4 chữ NHÂN SINH NHỨT QUAN.

Phần ĐẠO PHÁP có muôn vạn pháp môn vô học vi học, đốn tiệm khác nhau, nhưng cũng tồn hồ vi NHỨT ĐƠN là chính yếu. Cổ kim thay đổi, Âu Á khác nhau học thuyết tôn giáo trăm đường xu hướng, nhiều nẻo khác nhau, nhưng cội gốc không ngoài NHỨT LÝ. Thật là cổ kim hy hữu, *đồng qui nhi thù đồ*, đầu Thánh ngàn năm về trước hay ngàn năm về sau, cũng không dạy chi hơn là đem chữ NHỨT để truyền trao cho thiên hạ.

Thiên hạ đạt được chữ nhứt ở ĐẠO HỌC CHỈ NAM, thì đứng ở địa vị nào, làm những phận sự nào, cũng thung dung thanh thoát. Đắc được chữ NHỨT thì nhập Thánh siêu phàm. Đem chữ NHỨT mà thi hành thì gia tề nước trị, thiên hạ thái bình. Ai ai cũng hiểu được như nhau thì vũ trụ bốn mùa hanh thuận, vạn vật tự do vui sướng, chẳng còn loại nào tàn hại lẫn nhau.

Nếu thiên hạ giữ một chữ NHỨT trong quyển

bửu kinh này, cũng đủ bảo đảm trên công phu tu thân xử thế, hà tất phải cần đến thiên kinh vạn điển mà làm gì. Tóm lại, các Thánh sư, các Vương mạng thành tựu cho dân cho nước, cho thiên hạ cho mình, chỉ lấy Đạo làm gốc. Gốc của Đạo là Tâm. Tâm ở Trời Đất thiên hạ vạn sinh cũng là một Tâm một Đạo.

Về đoạn một phần Đạo tổng kết, 4 chữ ĐẠO HỌC CHỈ NAM trong ấy có nhiều ý nghĩa sâu xa, mà tập bửu kinh này lấy đó làm đề mục. Trong Trời Đất, khắp thiên hạ cả mười phương thế giới, đều ở Đông hay Tây, từ xưa cho chí nay, đều con người khôn lanh hơn vạn vật, có trí mưu xuất quỷ nhập Thần, cũng không một ai đáng gọi là hoàn toàn trọn vẹn.

Con người đã là bất toàn, nên luôn luôn con người đòi hỏi khát khao mơ ước, kỳ đạt cho được cái toàn hảo, thì lòng mới yên vui. Dầu được vinh quang quyền tước cũng chưa thấy thỏa mãn, bước lên công hầu vương bá, đầy đủ hơn, đời sống không thấy thiếu những thứ gì, muốn chi được nấy, nhưng lòng cũng vẫn thấy nghèo nàn thua thiếu, khó mà thỏa mãn cái bất toàn.

Cái gì dưới thế này được toàn vẹn, vĩnh cửu mãi đâu? Dầu hôm nay phải thì ngày mai trái, cái mình cho đẹp mà người khác cho xấu, đàng này đúng chỗ nọ sai. Mọi việc dưới Trời là tương đối. Đã tương đối nên con người mới ước mơ thêm muốn cái tuyệt đối chí thiện toàn hảo mãi mãi của mình. Nhưng nỗi mơ, những điều ước là trong mình đã sẵn hột giống trường cửu bất biến, nhưng chưa có cơ hội cho nó nức lên. Thế là cái xu hướng con người nói chung, đều Đông hay Tây, Tôn giáo, học thuyết, cũng nhắm một

hướng đi, tìm đạt cái hoàn toàn.

Hoàn toàn đó chỉ có Đạo mà thôi. Đạo là tuyệt đối hoàn toàn, không gì có thể so sánh được.

Cái hoàn toàn của Đạo, đứng về phương diện nào cũng tốt lành, tốt đẹp, tốt quang minh chánh đại, công bằng sinh hóa ra muôn loài, đều nhỏ như con kiến, vi trùng, cũng không thiếu một cơ cấu bản năng của nó; hay lớn như vũ trụ, bộ máy chuyển lưu vận hóa bốn mùa, hàn nhiệt vãng lai, mặt trời mặt trăng cứ luân phiên đi lại, phân ngày đêm, giữ tiết độ khi giao khi cách ở các ngôi tinh tú. Cái hoàn toàn đều cho một cây sậy, một đóa hoa, sự cấu tạo, sự điều hành, sự ban phát hay sự thu hồi, thật là hoàn toàn tuyệt hảo!

Con người muốn đạt đến quả hoàn toàn là phải học, học cái hoàn toàn để trở thành như ĐẠO. Tập cái thân, tu cái hạnh luyện cái chí, chủ cái tâm, để hầu thắng được vọng ý ngoại trần, mà tiến lên nấc thang tu học đó, mà đạt cái hoàn toàn. Học phải tập, học không tập cũng như biết không làm. Thánh Nho có câu: "*Học nhi thời tập chi*". Học để tập, tập mãi cũng quen, cũng giống. Bữa nay bước đến một bước, bữa mai bước thêm một bước, bước mãi cũng gần. Việc làm có tập có quen, có đi có đến, có học mới biết cái phương thức để làm.

Học là bắt chước những gì mà người đời tôn quý ước ao, mơ tưởng sao chính mình cũng như cái hoàn toàn. Cái hoàn toàn là mục thước cho muôn thuở chẳng những con người phải noi theo mà tất cả chúng sanh ở cõi sắc giới này. Dầu các bậc Đại la Thiên giới cũng không sao quên lãng một giây phút, mà luôn

luôn phải sống bên NÓ, khuôn mình vào đó để bảo đảm tính mạng và địa vị của từng phần. Cái hoàn toàn tuyệt đối của Đạo hay Đấng Thượng Đế không còn một tí gì sai thất, nên công việc sanh thành tạo dựng của Ngài từ vô tận đến vô cùng, chẳng có một hào ly hư trái, mà luôn luôn trải bao thời gian, được hoàn hảo tốt đẹp, chất phác không pha trộn. Khi chưa chứng được, ngày chưa thành được ĐẠO, thì dầu cho những bậc Thánh Hiền cũng khó bảo đảm sự hành vi mực thước mãi còn trọn vẹn. Phương chi người còn sống trong vòng tình thức, dầu là hiền nhân quân tử, lời nói việc làm có hay có đẹp đến đâu, cũng một thời lạc hậu hoặc tác dụng trong một hoàn cảnh, trong một giai đoạn rồi cũng lỗi thời, hoặc nửa hôm nay là hay là phải, mà ngày mai là dở, là trái. Nó tốt đẹp thiệt nhưng trong chứa đầy hư ngụy. Trong cái lợi có cái hại, nên chỗ đây mà hỏng chỗ kia, là vì con tâm còn trộn lẫn đủ cái hủ lậu phạm phu, nên chưa đủ mực thước cho muôn đời.

Muốn lợi người lợi vật, phải học phải tập, phải tu sửa cho tâm đức hoàn toàn. Khi ấy dầu nói dầu làm, cũng được trọn nên cho thiên hạ. Vậy ai muốn thi hành cái đường lối cứu đời, không theo phương pháp chỉ nam, tưởng không có cách nào đạt đến chữ NHỨT, chữ TRUNG, chữ ĐẠO.

B. TRÙNG TỤNG

BÀI

Bửu kinh "Đạo Học Chỉ Nam",

*Mục tiêu nhập Thánh siêu phàm quy Trung.
Khuyên ai nấy Trung dung nhận kỹ,
Xét tinh tường yếu lý từng chương,
Xưa nay Đạo pháp một đường,
Người chưa thông thấu Chơn Thường mà thôi
Cũng nhờ NÓ yên ngôi Trời Đất,
Nhờ NÓ mà vạn vật sanh sôi,
NÓ đem nguyên tánh phục hồi,
NÓ hay uyển chuyển tài bồi mở mang.
Nước giữ vững huy hoàng thịnh trị,
Người giữ còn địa vị tôn vinh;
Thánh hơn là NÓ điển hình,
Làm nên thước mực quên mình vì dân.
ĐẠO trọn vẹn cân phân hoàn hảo,
Người để lòng hoài bão học tu;
Thời thường ôn dưỡng công phu,
Phá mê khử ám, vết mù cho Tâm.
TÂM là ĐẠO thâm thâm diệu pháp,
ĐẠO là TÂM qui nạp xuất sanh;
Nên hư được mất do mình,
Biết tu thì cũng trở thành như nhau.
Người học đạo trước sau duy nhất,
Để trở thành thước mực hoàn toàn;
Chỉ Nam phương pháp rõ ràng,
Vào sâu tâm địa, niết bàn thấy ngay.
CHƯƠNG VŨ TRỤ trình bày NGUYỄN NHỨT
Được nói lên quyền lực ngôi TRUNG;
Phát ra vô tận vô cùng,
Thâu về nắm gọn trong lòng Thái Hư.
Động mà thấy Như Như bất động,
Tĩnh mà dường kiêm thống Kiền Khôn;*

Phật gia gọi tổng trì môn,
 Ngồi cao Vô Cực Chí Tôn tuyệt thân.
 Có thể nói nguyên nhân trước nhất,
 Chuyển thân thành lưỡng cực Âm Dương,
 Cơ-vi biến hóa khôn lường,
 Thiên hình vạn trạng, dương dương đầy đầy.
 Hiện diện khắp đó đây vũ trụ,
 NGÀI phân thân thành đủ muôn loài;
 Đây Trời rờ rờ ân oai,
 Muôn vàn khác lạ, cũng NGÀI hiện thân.
 Không thể biết nguyên nhân cao cả,
 Quá sức người khó tả cho thông,
 Ước khi Ta được huyền đồng,
 Họ chẳng chùng ầy mới mong thỏa tình.
 NGÀI cũng vừa Thần linh thể chất,
 NGÀI cũng vừa Nhơn, Vật, Phật, Tiên;
 NGÀI là kẻ sống hiện tiền,
 Là người thoát xác, quy thiên cõi ngoài.
 Cũng đương đứng trông coi hoàn vũ,
 Cũng đương lo bảo phụ con tim;
 Cũng thân động, thực, phi, tiềm,
 Cũng ngôi Chúa tể, đương kim Đất Trời.
 NGÀI tỏ rõ trong người hơn cả,
 NGƯỜI tối linh sắp đã thành công;
 Người cùng Trời Đất tham thông,
 Thiên đường tại thế, đại đồng nơi tâm.
 CHƯỜNG NHƠN SANH này mầm NHỨT QUÁN,
 Nhứt chính nền nhân bản của ta;
 Khởi ngòi mạch sống trông ra,
 Cây người tươi tốt, hương hoa đủ mùi.
 Sung mãn tâm nguồn vui thanh thú,

Bảo đảm thân có Chủ nơi lòng;
 Tự do ngày tháng thông dong,
 Góc lành vững chắc, ai hòng đảo khuynh.
 Chưa ý thức được mình mới khổ,
 Tự dối mình hư đồ còn chi?
 Con người có đủ quyền uy,
 LƯƠNG NĂNG là Thánh, LƯƠNG TRI là Thần.
 Hột giống tốt trong thân là ĐẠO,
 Vốn đủ đây toàn hảo chí chơn;
 Tưởng rằng quyền pháp nào hơn,
 Trên Trời dưới Đất, chắc ơn chi bằng.
 Càng chán khởi tiềm năng càng lạ,
 Càng triển khai, thánh hóa vô song;
 Gẫm coi kim, cổ, tây, đông,
 Con người cũng một Hóa Công thứ nhì.
 Trời sáng tạo, Người thì sáng hóa,
 Dem khả năng khám phá cơ Trời,
 Tuy người chẳng bấy nhiêu hơi,
 Mà tâm trí lại tuyệt vời khôn ngoan.
 Người ra công mở mang bờ cõi,
 Dùng LƯƠNG TRI soi rọi vào đời;
 Văn minh dẫn bước người đời,
 Kinh luân sắp đặt tùy thời biến thông.
 Người sẵn đủ huyền công tâm thuật,
 Khi mà người đắc NHỨT đạt thân;
 Chứng ngôi Tiên Phật Thánh Thần,
 Hồn nhiên tự tại canh tân âm êm.
 Ấy là người biết đem Tâm lại,
 Tâm không còn vọng ngoại buông lung,
 Tự thân điều dụng vô cùng,
 Quý thân khó biết hành tung của người.

Người siêu vượt trần đời ảo hóa,
 Mà lâu thông tất cả vật tình,
 Trong ngoài động tịnh lặng minh,
 Tâm cơ vạn loại tác sinh đều tường.
 Sao để thấy Âm Dương nắm được,
 Lẽ tường quan xuôi ngược đã rành;
 Đối giao, dịch hóa biến sanh,
 Dinh hư, tiêu trường, vòng quanh lạ gì.
 Trong tương đối mấy khi yên ổn,
 Ảo thuật hay tráo trộn kỳ tài,
 Làm cho lòa mắt điếc tai,
 Không sao phân biệt đó ai hay mình.
 Tâm phóng ra bày tình tám thức,
 Duyên đối nhau, hậm hực chống kình;
 Thỏa thế, yêu ghét, bất bình,
 Trớ trêu mâu thuẫn, vô minh rõ ràng.
 Biến dạng đủ muôn ngàn sắc thái,
 Thức và không tứ đại giả hình;
 Trải qua bao cuộc tiền trình,
 Đối thay lăm lúc, chính mình nào hay.
 Không một tí mây may nhận được,
 Bọt sóng đều do nước mà ra;
 Biển, hồ, sông, rạch, mưa sa,
 Máu, hơi, tiểu, đãi, trong ta một nguồn.
 Rong rêu, cá tôm muôn vạn thứ,
 Uống ăn dùng, hỏi thử là chi?
 Thép, gang đồng, sắt, than, chì,
 Vàng đồ vàng mạ, vàng y cũng vàng.
 Thổ sanh kim, kim hoàn về thổ,
 Quanh một vòng, gặp chỗ nguyên sơ,
 Bản lai như tờ như mờ,

Hốt nhiên chợt tỉnh giấc mơ đêm dài.
 Dầu cho cảnh thiên sai vạn biệt,
 Phải nhận rằng nhứt thiết do tâm;
 Muốn cho ý thức không lâm,
 DUNG HÒA NHỨT QUÁN, tâm tâm đại đồng.
 NHỨT QUÁN suốt ngoài trong động tịnh,
 NHỨT QUÁN xuyên chúng tính vạn thù;
 Đông, tây, kim, cổ, tương phù,
 Đi đi, lại lại, thiên cù thành thang.
 CHƯỜNG ĐẠO PHÁP NHỨT ĐAN yếu chỉ,
 Tối diệu thừa Bất nhị pháp môn;
 Dặng tâm muôn kiếp trường tồn,
 Thất cơ vĩnh đọa linh hồn trầm luân.
 Tìm cho thấy Chủ nhân đâu đã,
 Thấy được rồi mau hạ thủ ngay,
 Giữ còn, buông mất liền tay,
 Nên hư trong chốc, mây may cần phòng.
 Trước sửa mình tu công lập hạnh,
 Phải đoan thân, tâm chánh, ý thành;
 Coi thường ân, ái, lợi, danh,
 Đoạn duyên, giận, sự, thời hành công phu.
 Làm như đại, như mù, như điếc,
 Tuồng giả vờ, không biết, không hay;
 Sự đời tạm gát ngoài tai,
 Không còn khoe giỏi, chưng tài, kiêu căng.
 Mặc như thế lặng xăng hay dở,
 Lo tu hành tháo gỡ nghiệp trần;
 Hoạn đồ tranh cạnh đừng chân,
 Khi thành Chánh quả, đem thân cứu đời.
 Duy NHỨT đức lòng Trời cảm động,
 Chớ dối mình vương mộng Nam khai;

Phải là như thiết, như tha,
 Như mèo rình chuột, như gà ấp say.
 Hiểu được vậy xuống tay không khó,
 Lập địa rồi sáng tỏ như gương,
 Luyện cho kỳ được Thuần Dương,
 Quân Âm tận thối phương cường biết bao.
 Cõi Tiên Thánh ra vào thông thả,
 Chốn phàm trần giáo hóa tới lui,
 Ta, người, Trời, Đất đều vui,
 Còn gì chướng ngại, ngược xuôi buộc ràng.
 Lòng từ mẫu thénh thang rộng lớn,
 Chỉ vì đời không gợn lợi danh;
 Bốn phương nhuận tánh ơn lành,
 Làm cho ai cũng đạt thành sở do.
 Nhưng phải giữa quanh co lẩn nẻo,
 Có dễ gì cậy khéo ý khôn;
 Đường về vô lượng pháp môn,
 Vào sâu ra rộng, chỉ tồn NHỨT TÂM
 Tâm như khí đâu nằm yên chỗ,
 Tâm vốn không, diệu ngộ mà thôi;
 Ở ăn đi đứng nằm ngồi,
 Chớ buông tâm tánh, nổi trôi ngoài trần.
 Thân, tâm, ý, tinh thần bất động,
 Tất thầy đều kiêm thống vào trong,
 Bấy giờ vạn sự giai không,
 Sinh cơ phục phát, Chủ ông thấy rồi.
 Thấy rồi phải vun bồi tịnh dưỡng,
 Duy nhứt thành tiệt trường Chơn Tâm;
 Tiến Dương quét sạch quần Âm,
 Bồ đề Bát nhã được cầm vào tay.
 Song còn phải ngày ngày kiểm điểm,

Lo phòng nguy lự hiểm tiểu tâm;
 E còn tiềm thức ngấm ngấm,
 Có cơ tái phát chổi mầm vươn lên.
 Bước sơ cơ móng nền vững chắc,
 Đoạn trần căn, đóng chắc cửa ngoài;
 Đánh tan niệm lự đông dài,
 Điều thân vận khí, liên đài thung dung.
 Chỉ có NHỨT và TRUNG tóm đủ,
 Chỉ có ĐỒN gom tụ được THẦN;
 Không thân, thân ngoại hữu thân,
 Chí linh, chí thiện, chí thân, chí thành.
 TRUNG là quả vô sanh vắng lặng,
 NHỨT là ngôi thù thắng viên minh;
 ĐỒN KHUÊ tam ngũ kết tinh,
 Lục thông tứ trí tụ hình bửu châu.
 DUNG HÒA được đời đâu còn khổ,
 Đâu làm than, máu đổ, xương phơi,
 Nói chủ khói lửa đây Trời,
 Loài người luống chịu toi bồi tang thương.
 Còn đâu bãi chiến trường khốc liệt,
 Còn đâu nơi chém giết đạn bom;
 Cảnh đời bước đến hoàng hôn,
 Đua nhau giành phải tranh khôn về mình.
 Không còn nghĩ đến tình đồng loại,
 Không kiên dè, bại hoại đến nơi,
 Tiếng oan thê thảm thấu Trời,
 Gia vong, quốc biến, ai người gây ra?
 Cảnh ly tán, con cha, chồng vợ,
 Nỗi sống còn buồn sợ tử than;
 Phế nhơn tàn tật đây đàng,
 Vườn không nhà trống, đồng hoang cuống cuồng.

Dẫn chi mãi những tuồng bi đát,
 Hay chi trò đối gạt lợi danh;
 Cũng Ta quyền thế tranh giành,
 Muôn ngàn xu hướng, vây quanh xẻo người.
 Học thuyết có, vì đời mà có,
 Ngặt mỗi người, mỗi ngõ, mỗi phương,
 Khốn thay tín ngưỡng đôi đường,
 Làm cho sụp đổ tình thương bất ngờ.
 Trước ngõ ba, ngẩn ngơ, lúng túng,
 Nhận lối nào là đúng là sai?
 Hỏi mình còn biết hỏi ai?
 Tránh đâu khỏi dẫm thi hài đầu lâu (sợ người)?
 Giữa thời đại năm châu gặp gỡ,
 Trăm hoa đều đua nở khắp nơi,
 Mưu toan ai kẻ thúc thời,
 Chiết trung đem lại thành thời đại đồng.
 DUNG HOA được, tình lòng nức nở,
 Dung hòa rồi, chung chợ đổi trao;
 Những gì mình thiếu khát khao,
 Mình dư chia sót cho nhau đủ dùng.
 HÒA vạn loại mà TRUNG vạn pháp,
 Phụng thiên thời đều hạp nhơn tâm;
 Trái nhau nông nổi hiểu lầm,
 Đố nhơn, thắng kỹ là mầm chiến tranh.
 Năm màu: Đỏ, vàng, xanh, đen, trắng,
 Năm vị: Cay, ngọt, mặn, đắng, chua;
 Cổ kim Âu Á bốn mùa,
 Trông ra khác biệt, mà vừa giúp nhau.
 Người giác ngộ trùm bao cõi mở,
 Kẻ DUNG HÒA muôn thuở đệ huynh,
 Lòng không có chấp bất bình,

Muối phương chung một khối tình bao la.
 Kìa rức rỡ lọ hoa đủ sắc,
 Khúc du dương muôn mặt (điệu) cung đàn;
 Yếu đau cây có thuốc thang,
 Đời không bệnh tật, thầy lang giải nghề.
 Sum họp nhau để huề biết mấy,
 Cởi mở lòng rộng thấy xa nghe,
 Ai còn thành kiến phái phe,
 Tự vui chơn lý, tự che tình thân.
 Người còn tình tương thân, tương ái,
 Người dám nhìn mình trái, mình sai;
 ĐẠO có một, LÝ không hai,
 Việc người cũng có bàn tay của Trời.
 Trời không tiếng, không hơi, không thấy,
 Thường âm thầm thúc đẩy muốn loài;
 Khi người tính quấy làm sai,
 Lương tâm cắn rứt u hoài không yên.
 LÃO vô vi, tự nhiên, Phục phát,
 PHẬT niết bàn, giải thoát, từ bi;
 KHỔNG nhơn, trung thứ, mạng thì,
 Ứng cơ lập pháp, có gì trái nhau.

oOo

Kiến chứng lập phương có lạ gì,
 Bệnh lành nhờ gặp được Thân y;
 Đời nay hầu hết tâm thân bệnh,
 Đắc NHỨT Thần đơn hết cấp kỳ.

PHỤ LỤC PHẦN CHÚ NGHĨA

CHƯƠNG I

Trang 30:

Châu Dịch, Chương V, Tiết 4

"Hiển chư nhân, tàng chư dụng, cô vạn vật, nhi bất dĩ Thánh nhân đồng ưu, thanh đức đại nghiệp, chí hỉ tai".

Trên ấy đã nói Đạo, bây giờ lại lấy Thánh nhân với Thiên Địa so đo nhau, xem ở nơi sanh dục những phần đức phát hiện ra, là gọi bằng nhân mà ai cũng thấy được. Đó là *"hiển chi nhân"*.

Dò không được cơ biến hóa, lường không được ý màu nhiệm, muốn suy nghĩ những sự nghiệp ấy, mà không biết tìm vào đâu. Thế là *"tàng chư dụng"*.

"Nhân" là đức ở trong mà phát hiện ra ngoài nên gọi bằng *"hiển"*.

"Dụng" là nghiệp ở ngoài, mà thu liễm vào trong nên gọi bằng *"tàng"*. Hai câu ấy là Thiên Địa, Thánh nhân in nhau.

Duy Thiên Địa thì tự nhiên vô tâm, mà cố động được vạn vật; Thánh nhân thì cốt vô vi mà thôi, nhưng phải có lòng ưu thời mẫn thế, không thể vô tâm như Thiên Địa, chỉ chốn ấy là Thiên Địa có khác với Thánh nhân, nên nói rằng: *"cố thiên đại nhi bất dĩ Thánh nhân đồng ưu"*. Chữ ưu đây có nghĩa như **đại bi** của nhà Phật. Thiên Địa cố vạn vật là xuất ư vô Tâm, nên không đồng ưu với Thánh nhân.

Tuy nhiên, một phía vô tâm mà thánh hóa, một phía thì vô vi mà thành công. Tông chi, đức thanh nghiệp lớn, đều đạt được cực điểm, nên lại hợp tán rằng: *"thanh đức đại nghiệp chí hỉ tai"* (Châu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, quyển 2, trang 1157).

Trang 44:

Khoa học cũng công nhận thuyết Ngũ hành như ở phương Đông. Trong không khí có: Dưỡng khí, thán khí, thủy khí, đạm khí, khinh khí, hỏa khí. Dưỡng khí, thán khí hợp lại thành thán toan phong mộc; thủy khí là hàn thủy, đạm khí là thấp thổ, khinh khí là táo kim, hỏa khí là nhiệt hỏa.

CHƯƠNG II

Trang 52:

1. Mặt trăng từ mồng 1 đến rằm: tròn đầy, viên hoạt.

2. Hóa là sanh ra, dục là nuôi dưỡng.

3. Ba vua chết được về ở trên Trời - Kinh Thi.

4. Xin đừng lộn chữ Brahma không dấu mũ, với chữ Brahmâ có dấu mũ. Chữ Brahma là Trời vô thể, còn Brahmâ là Trời hữu thể, có hình tướng.

5. Bản thể là Đạo hay là Vô cực.

CHƯƠNG III

Trang: 147

Chú ý: ĐẠO HỌC CHỈ NAM không có cái phần Minh Thiện phối đồng Thiên Nhơn, cũng khó tránh phần trở ngại. Mong sao sự cố gắng đặt nặng về phần tiếp kinh cho trọn. Nếu sự hiểu của đạo tâm chưa thấu suốt, khó tiếp chỗ yếu lý phân quyền. Nên đàn tới mời Minh Thiện ngồi sát bàn cơ, để dạy phần "Hoàng Cực Đại Trung" mà nếu trở ngại, thì phải có người như Huệ Lương mới tạm được. Ngoài ra đạo

hữu không ai đủ thần mà nhận lấy bí cơ.

1. Nghĩa là: Có sinh mà chẳng sinh, có hóa mà chẳng hóa. Cái chẳng sinh đó mà hay sinh sinh, cái chẳng hóa đó mà hay hóa hóa. Cái sinh kia không thể chẳng sinh, cái hóa kia không thể chẳng hóa, cho nên thường sinh thường hóa. Cái thường sinh thường hóa đó, chẳng thời nào mà không sanh, chẳng thời nào mà không hóa.

Cái sanh kia là Âm Dương, cái hóa kia là tứ thời (bốn mùa).

Cái chẳng sinh đó là "nghỉ độc" (phi nhứt phi đa), cái chẳng hóa đó lại "vãng phục" (qua qua lại lại). Vãng phục cái thời kỳ đó không biết lúc cùng, nghỉ độc cái đạo này chẳng có thể dứt (vãng phục như tuần hườn, nên không có chung thủy, lại nghỉ độc là phi nhứt phi đa, làm sao mà nghiên cứu rõ được?)

Đức Thánh Trần nói: "Vây nên giải rộng một tí, nghĩa là Đấng Thượng Đế không do ai sinh, mà Ngài sinh ra vạn vật, không do ai hóa ra, mà Ngài hóa muôn sự".

Chỗ này như trái tai nhiều người, phải không Minh Thiện?

- Minh Thiện bạch: Ý muốn nói Thiên là luật thống ngự cả vạn vật. Mạng là Thượng Đế độ dẫn chúng sanh. Mà Thiên và Mạng, tuy có hai danh từ kêu gọi khác nhau, nhưng cũng là một thể, không phải hai ngôi riêng biệt.

- Phải chăng là nhứt vật lưỡng diện?

- Minh Thiện bạch: Phải chăng trước có Âm Dương, rồi sau mới có thiên địa là hình tướng?

- Âm Dương là một động cơ Tạo Hóa, mà còn

thiên địa là hình thể của Tạo Hóa, có Âm Dương rồi mới có trời đất, song trời đất cũng là Âm Dương.

- Minh Thiện bạch: Còn Thượng Đế là Thái cực, nên Dịch nói: Thái cực sanh lưỡng nghi.

- Phải Thái cực.

- Minh Thiện bạch: Thượng Đế là nội tại hay là ngoại tại?

- Thượng Đế gồm hai phần nội tại và ngoại tại. Đã nói thiên luật tắc, mạng tự do, thể nội tại là tánh, ngoại tại là không, thời biến hóa. Theo hiền hữu nghĩ sao?

- Minh Thiện bạch: Nếu Thượng Đế chỉ là nội tại, mà không có ngoại tại, còn thiếu ngoại tại, thì chưa phải là Thượng Đế, vì Thượng Đế có đủ vô lượng tánh công đức.

- Đúng vậy! À Minh Thiện hiền hữu! Bản Thánh muốn nói lược chương trình mục này, ở ĐẠO HỌC CHỈ NAM, bàn đến phần tổng hợp của vũ trụ. Phần này khó nghe, mà cũng khó nói, chia làm ba thời.

Thời thứ nhất tạo thiên lập địa, do nguyên trung bản thể xuất hiện gọi là định đề.

Kế đó thời kỳ thiên, tiếp đó thời kỳ địa là khoa học văn minh cơ khí xuất sanh, các trào lưu học thuyết nổi lên định nghĩa (phản đề);

Đến thời thứ ba này là nhơn, là con người xuất hiện, con người hoàn thành công cuộc Tạo Hóa, con người đem lại thanh bình đồng nhứt gọi là tổng hợp đề.

Thời thứ nhất là thời ma linh thần thoại. Thời thứ nhì là cơ xảo văn minh, nghĩa là Chúa Cha ngôi Một, Chúa con bên hữu, Chúa Thánh Thần bên tả, nghĩa là:

Thời nhơn hòa xuất hiện Hoàng Cực siêu linh.

Ý hiền nên đưa ra hay chờ sự biến chuyển của thời gian, đến tập Chơn truyền sẽ nói?

- Hiền Huệ Lương nghĩ sao?

- Huệ Lương bạch...

- Ý hiền Minh Thiện nghĩ sao?

- Minh Thiện Bạch: Phải! Thời kỳ này là thời kỳ Hoàng Cực hay là Chúa Thánh Thần (Saint Esprit hay là Esprit Saint). Esprit Saint là Chúa giáng trong tâm người, nên tâm người mới đặng sáng suốt, mới chứng quả cao siêu, ngang hàng cùng Trời Đất.

2. Cho nên Đại Đạo (lớn, Trời lớn, Đất lớn, vương (vua) cũng lớn, trong mỗi vùng có bốn đại, mà vua là một trong đó vậy).

3. Coi tánh Lý, khoản trình tường, cuốn 5, trương 32b.

4. Câu này có nghĩa là: Cốc Thần chẳng chết, đó gọi là Huyền Tấn. Cửa Huyền Tấn là căn bản của Trời Đất.

- Sao gọi là Cốc Thần?

- Hang động trong núi gọi là Cốc, ý nói tâm trống không. Biến hóa vô cùng gọi là Thần, đây chỉ khiêu Linh minh. Chẳng chết là luôn luôn tỉnh táo, chẳng chút mê muội.

Người xưa nói: "Muốn đặng Cốc Thần thường chẳng chết, phải dùng Huyền tấn lập căn cơ".

- Sao gọi là Huyền?

- Huyền tức là Trời (Dương).

- Sao gọi là Tấn?

- Tấn tức là Đất (Âm).

Trời Đất hiệp thì thành Huyền Tấn rồi thì hai bên đóng mở, thành một khoảng giữa (Âm Dương hiệp nút, giữa có Chơn ý), khi lên xuống, lúc lại qua, quay quần trong chỗ trống không. Đó là cửa Huyền Tấn.

- Đức Khổng Tử nói: "*Kiên Khôn là cái cửa của biến dịch*", phải là đúng lắm chăng?

Cái cửa này là đường Âm Dương qua lại, chỗ Trời Đất Tạo Hóa, nơi phát sanh con người vật. Đặng nó là sống, mất nó là chết. Người muốn luyện Kim đan để đặng trường sanh, mà bỏ ra ngoài cái cửa Huyền Tấn, thì không ngộ nào tấc hơn nữa. Thế thì nó chẳng phải "*căn bốn của Trời Đất*" là gì? (coi cuốn Đạo Đức Kinh của Huỳnh Ngươn Kiệt, chương 6 "*Thành tượng*").

5. Lưỡng bát chi huyền, nghĩa là: Hai thứ huyền của mặt trăng (quartier de la lune), một bên tám lượng, một bên nửa cân (cũng là tám lượng), nên gọi lưỡng bát, nghĩa là hai cái tám lượng.

CHƯƠNG IV

Trang: 226

1. Sở dĩ viết chương IV này, là dụng ý muốn tạo một khuôn vi chân chính, để người tu hành khỏi phải thắc mắc, lầm đường lạc ngõ trong cửa Đạo pháp.

Giữa thời tao loạn này, tất cả người tu hành đều

có một bốn phận là cứu thế. Cứu thế đây không phải cầu đến pháp lực siêu màu, hô phong hoán vũ, cũng không cầu đến sự sai thần khiến quỷ, hay khí cụ tối tân.

Cứu thế đây chỉ có một sự duy nhất, là thực hành Chánh Đạo. Trong bất cứ Tôn giáo nào, người tu cũng phải thực hành Chánh Đạo, gạt bỏ ngay những sự mê tín dị đoan, dứt hết lòng háo kỳ cao vọng. Đây là được một phần chơn chính trong việc cứu thế.

2. Theo lập thuyết sách Nhân minh luận của nhà Phật (theo thể gian thì gọi là Luận lý - Logique), có ba phần.

a. Tôn là vấn đề nêu ra.

b. Nhân là nguyên nhân hay lý do.

c. Dụ là tỷ dụ, mượn vật để thấy, để biết, làm tỷ dụ, để làm bằng chứng cho nhân. Như nói: Tôi muốn ăn cơm (tôn), vì tôi đói bụng (nhân), cũng như mọi người, hễ đói bụng thì muốn ăn (dụ).

3. Bàn tăng lưu ý chư hiền hữu, về các chương trước. Đức Thánh Trần đã đến giải giáo lý của các nền Tôn giáo, đã đi vào từng khía cạnh từng lãnh vực của Đạo học. Tất cả những điều ấy cốt yếu là mở đường nhận thức cho người tầm đạo.

Tuy nhiên, không phải bác lăm mọi vấn đề như vậy để mang lấy một số kiến thức mà trang sức cho cá nhân. Thật ra Bàn Tăng nhận lấy nhiệm vụ là làm thế nào để sáng tỏ cái vốn kiến thức dày đặc ấy và định hướng thực dụng thế nào lợi ích cho xã hội nhân sinh, cùng đạt đến mục đích tối cao của Đạo học.

Nhìn nhận đất nước Việt Nam đã hấp thụ nhiều nền văn hóa triết học, thụ hưởng vô số ánh sáng vi diệu của từng tính chất. Dân tộc này hãnh diện với cái ưu thế to tát, một ưu thế đặc biệt sẵn dành cho nó.

Sự tiếp xúc sâu xa của từng nền văn minh từ đông sang tây, đã cấu tạo cho dân tộc Việt Nam một kho tàng tư tưởng để xây dựng tòa lâu đài đặc biệt, để hợp với mọi cá tính của nhân loại. Thật vậy, nếu ý thức dân tộc khai triển to rộng thêm một chút, thì với cái may mắn hi hữu góp nhặt quá đầy đủ các vốn liếng văn minh đầy đó, để tạo điều kiện hoàn thành một giá trị cao cả, không những chỉ riêng cho cá nhân dân tộc, mà hy vọng còn là một cứu cánh cho sự tồn vong của xã hội thế giới nữa.

Chính vì thế mà đặt thành vấn đề ở đây, là đòi hỏi đến sự sáng suốt, để sử dụng mọi nền văn minh triết học đông tây nam bắc. Chính nền triết học, mà các chương khác đã vạch trần và lần lượt khai thác.

4. Chư thiên mạng, chư hiền hữu đạo tràng, Chương IV "*Dung hòa Nhứt lý*" của quyển ĐẠO HỌC CHỈ NAM, phần chánh văn đến đây là hết. Chỉ còn phần trùng tụng theo lối thơ văn bài. Bàn Tăng xin hẹn ngày tái ngộ, vào tháng sau. Khi nào được lệnh, Bàn Tăng sẽ đến cùng chư hiền hữu.

Trải qua mấy tháng, sự cực nhọc với lòng ưu tư, chí thành chí kính, của chư hiền hữu và Bàn Tăng, gẫm lại ai chẳng hơn ai. Nhưng về mặt tình cảm giữa Bàn Tăng và chư hiền hữu đã móc nối được những đậm đà sâu sắc, đã gặp nhau trong tinh thần phục vụ cho Đạo pháp và nhân sinh. Bàn Tăng lấy làm mừng

cho căn duyên đạo hạnh của chư hiền hữu được kiên trì và tiến hóa đến ngàn ấy.

MỤC LỤC

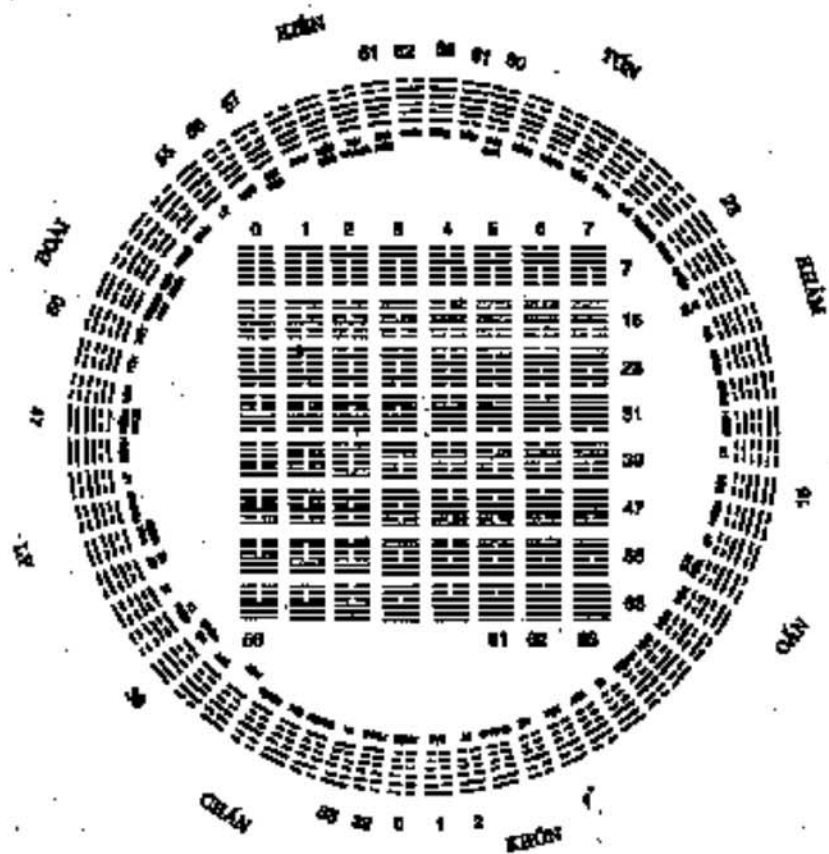
Lời khuyên khi đọc Đạo Học Chỉ Nam	004
Thánh tựa.....	005
CHƯƠNG I: VŨ TRỤ NHỨT NGUYÊN	009
TIẾT 1: Bản nguyên sơ thủy hay là nguyên lý vũ trụ.....	010
Mục 1: Nghĩa chữ Đạo Học Chỉ Nam	010
Mục 2: Minh Lý là công cụ để hiệp Trời Người.....	012
Mục 3: Đạo vô hình, nên phải có tượng trung để giải thích	013
TIẾT 2: Tự do con người đối với dịch hóa, trời hữu thể và vô thể.....	016
Mục 1: Con người có dạng tự do không?	016
Mục 2: Tại sao mất tự do? Vô minh?.....	017
Mục 3: Ở trong thời gian không gian, phải chịu phần dịch hóa, tức là luân hồi sanh tử	020
Mục 4: Trời vô thể và hữu thể.....	022
TIẾT 3: Sự sanh hóa của Trời Đất là một cuộc tuần hoàn to tác, đầy cả sự rắc rối, bí mật.....	026
Mục 1: Có động tức có phản.....	026
Mục 2: Muôn hình ngàn trạng cũng gốc ở Âm Dương.....	028
Mục 3: Nếu nghiên cứu ở ngọn thì thấy có hai, có nhiều	029
Mục 4: Thánh nhân dụng cả hai bên -	

"hiển chư nhân, tàng chư dụng"	030
Mục 5: Khác với thường nhơn, Thánh nhơn thấy được cái Một hồn nhứt	031
TIẾT 4: Biết luật sanh hóa mới có thể tiến hóa và đồng nhứt cùng Trời là đặng giải thoát.....	037
Mục 1: Thái Cực	037
Mục 2: Âm Dương, vũ trụ thời gian và không gian.....	037
Mục 3: Tứ tượng.....	039
Mục 4: Tứ tượng hiệp với Thổ ở Trung ương là "Ngũ Hành"	042
Mục 5: Bát Quái.....	044
Mục 6: Tự do giải thoát là Trung Đạo ở trong cuộc biến hóa	046
 CHƯƠNG II: NHƠN SANH NHỨT QUÁN	052
TIẾT 1: Vì sao cuốn Đạo Học Chỉ Nam ra đời?	053
Mục 1: Cảnh nguy vong của nhơn loại hiện thời.....	054
Mục 2: Làm sao để giải thoát cho con người	056
Mục 3: Các Thánh nhơn đã tìm nhiều phương xây dựng cho loài người	057
TIẾT 2: Giá trị con người.....	061
Mục 1: Nghĩa con người theo sách Lễ Ký, Đại Học.....	061
Mục 2: Nghĩa con người theo thuyết Vương Dương Minh, Tuân Tử	064

Mục 3: Nghĩa con người theo giáo lý Lão Tử, Thích Ca.....	066
Mục 4: Giá trị con người là do con người tự tạo	068
TIẾT 3: Tánh là nhơn bản	070
Mục 1: Nghĩa chữ Tánh, tuyệt đối và tương đối	070
Mục 2: Sanh và tâm Hậu thiên (Đời).....	072
Mục 3: Biến dịch sanh tử.....	077
Mục 4: Sanh và tâm Tiên thiên (Đạo).....	082
TIẾT 4: Ý hướng của các Tôn giáo và học thuyết về nhơn sanh.....	091
Mục 1: Tổng luận.....	091
Mục 2: Giản lược về giáo lý của các Tôn giáo và học thuyết	097
Mục 3: Các Tôn giáo mới xuất hiện tại nước Việt Nam.....	107
Mục 4: Giản lược các học thuyết Tây Âu	115
Mục 5: Lý trí học thuyết ngày nay kết quả như thế nào?	137
 CHƯƠNG III: ĐẠO PHÁP NHỨT ĐƠN	147
TIẾT 1: Thiên mạng	148
Mục 1: Công dụng của Đạo pháp chỉ là Nhứt đơn	148
Mục 2: Đơn chẳng riêng người thiên mạng, là lý tuyệt đối của vũ trụ	149
Mục 3: Thiên mạng trong người là Bác Nhã.....	154

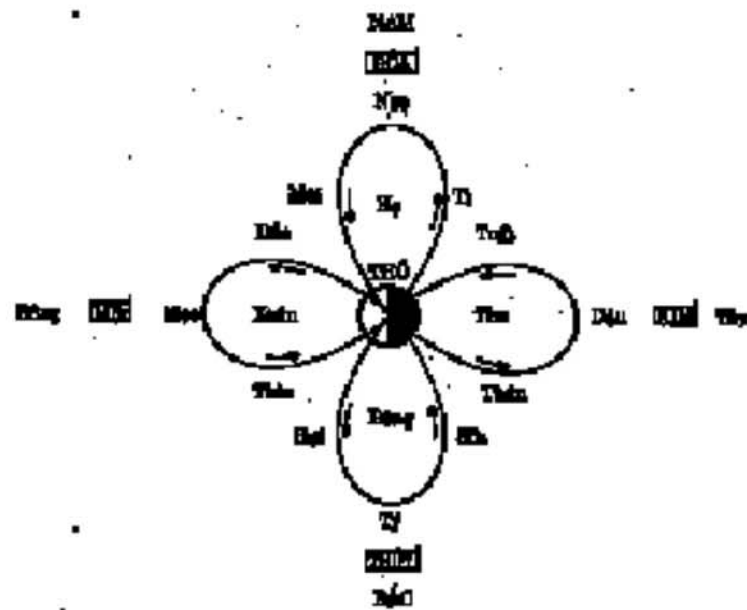
TIẾT 2: Đạo tâm	168
Mục 1: Đạo tâm hướng ngoại, mát tánh hồn nhiên.....	168
Mục 2: Giữ tâm động và bất động, là hoảng hốt yếu minh.....	173
Mục 3: Ngược dòng cơ vi, là phương tu nhập Thánh	180
TIẾT 3: Thượng Đế hữu vô.....	185
Mục 1: Thượng Đế hữu thể.....	185
Mục 2: Thượng Đế vô thể.....	189
Mục 3: Hoàng Cực đại trung.....	199
TIẾT 4: Phương môn tu luyện.....	209
Mục 1: Tu kim đơn là hiệp Thần Khí, Nhật Nguyệt	209
Mục 2: Tam ngũ hiệp nhứt	212
Mục 3: Nghĩa kim đơn theo các quẻ Châu dịch	219
CHƯƠNG IV: DUNG HÒA NHỨT LÝ.....	227
TIẾT 1: Khái quát.....	228
TIẾT 2: Vũ trụ con người	235
Mục 1: Vũ trụ trong màn đêm giới luận.....	235
Mục 2: Sự chi phối của vũ trụ vào con người	241
Mục 3: Dung hòa con người giữa thế giới vũ trụ.....	249
TIẾT 3: Nhân sinh và con người	259
Mục 1: Nhân sinh trong màn đêm huệ thức	260

Mục 2: Tác động nhân sinh trên con người hiện hữu	267
Mục 3: Hiệp hòa con người trong thế giới nhân sinh	274
TIẾT 4: Đạo pháp và con người	285
Mục 1: Đạo pháp trong màn đêm tâm thức	285
Mục 2: Luân động Đạo pháp trên con người thực hữu	291
Mục 3: Minh triết con người trong vũ pháp Đạo học	300
CHƯƠNG V: LINH TINH.....	325
TIẾT 1: Đồ thơ trung nhứt	326
TIẾT 2: Hồng phạm Cửu trù	339
Kết luận.....	350
Phụ Lục: Phần Chú nghĩa.....	364
Mục lục	375

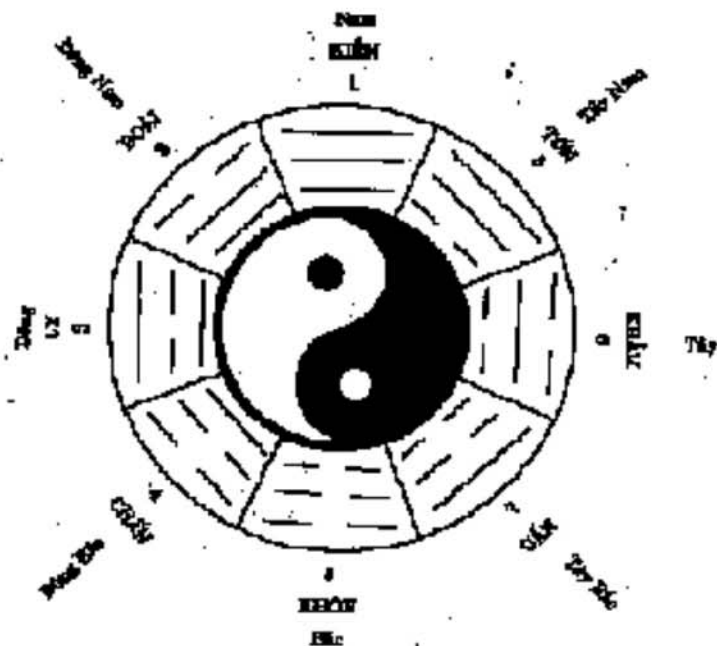


Bố trí (vòng đỏ)
 Bố trí (vòng đen)

Hình 1

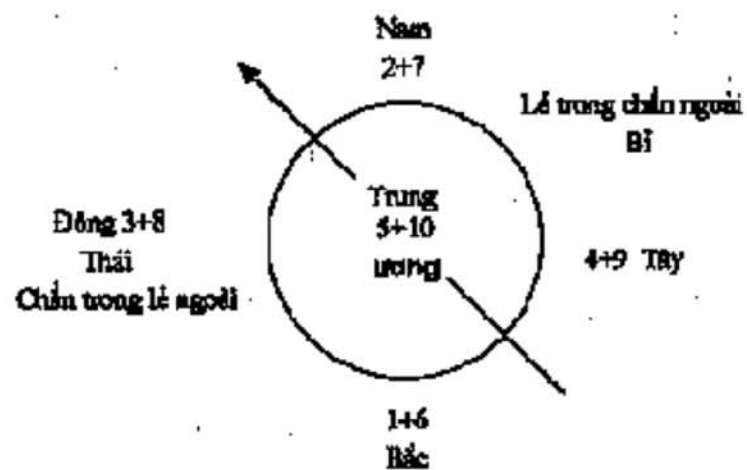


Hình 2

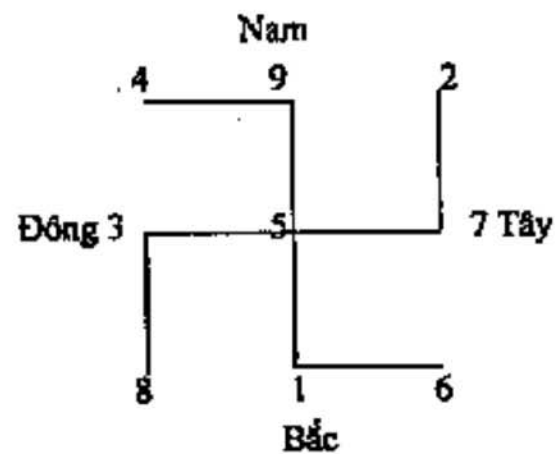


Trình bày theo hướng của PHỤC HI
(Trình bày theo hướng của PHỤC HI)

Hình 3



Hình 4



Hình 5